



NHIỀU TÁC GIẢ

# Sài gòn mê



**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Sài Gòn  
*Mê*

**BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN  
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP. HCM**

Sài Gòn mê / Nhiều tác giả. - T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P.  
Hồ Chí Minh, 2015.

tr. ; 21 cm

ISBN 978-604-58-3857-0

1. Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam) -- Lịch sử. 2. Thành phố Hồ  
Chí Minh (Việt Nam) -- Văn minh.

1. Hochiminh city (Vietnam) -- History. 2. Hochiminh city (Vietnam) --  
Civilization.

**959.779 -- đdc 23**

**S132**

NHIỀU TÁC GIẢ

# Sài Gòn *Mê*



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH





## Lời Người Đọc Trước

**L**ịch sử hiện lên trong các công trình nghiên cứu, khảo cứu, luận văn khoa học hay sách thông sử, địa chí, sử ký chắc chắn phải là chính thống và chính xác, đọc sử như thế phải có thời gian, thậm chí phải công phu nghiền ngẫm chứ chẳng dễ. Vậy nên vẫn thấy cần có dòng tản văn để lịch sử cùng với văn học, rộng hơn là văn hóa được thung thăng đến với mọi người không kén chọn thời gian và góc đứng.

Tản mạn văn chương hay tản mạn lịch sử thì cũng vậy thôi, đều là tản mạn mà vẫn cùng về một miền nhớ - ký ức - thương yêu... Chẳng hạn như **"Sài Gòn mê"** có tới hàng chục nơi tản mạn văn tự về Sài Gòn, có đi "Từ những chặng đường lịch sử..." và "... đến những mảnh ghép văn hóa", "Và khúc tâm tình của người phố thị", thì vẫn cùng ngả kênh giữa một Sài Gòn xưa và nay. Thế mới biết lịch sử và văn hóa tuy hai mà một, tuy một mà hai,

quyện vào nhau để diễn tả đầy hơn, đủ hơn, thật hơn những gì muốn nhớ.

Đọc *"Tản mạn về địa danh ở Sài Gòn"* lại nhớ *"Tản mạn Tết Sài Gòn"*; giật mình với *"Luật sư Sài Gòn trước năm 1975"* lại ngỡ ngàng với *"Người Quảng ở Sài Gòn"*; ai cũng có lần tìm *"Hẻm Sài Gòn"* nhưng không phải ai cũng biết *"Sài Gòn bệt"*; chắc rất lạ với *"Người viết thư thuê cuối cùng"*, nhưng không khó hiểu *"Nhà vương - Tín ngưỡng dân gian ở đô thị Sài Gòn"*... Sống với Sài Gòn mới thấy *"Sài Gòn đất lành"*; ở lâu mới biết *"Chợ quê Hoàng Hoa Thám"*; buồn mới cảm nhận được *"Sài Gòn mùa mưa kéo dài"*; vui mới nhận thấy *"Dấu ấn từ những công trình"*; lang thang mới đến *"Những chiều sách Sài Gòn"* và mới hay *"Sài Sào có... phố Kumon"*; hay đọc thì phát hiện *"Thành phố Hồ Chí Minh và những mùa hoa xuân"* và hay ăn sẽ nhận ra *"Thức ăn Việt Nam - nét đặc trưng tạo nên bản sắc"*... Thật muôn hình vạn kiểu của *"Sài Gòn"*, bất cứ người đã sống ở Sài Gòn lâu hay mau đều *"mê"*, đều có thể muốn *"Lang thang quán cóc Sài Gòn"*; những ai đến tuổi nghiêm túc và cẩn trọng cũng thích xem *"Sài Gòn - những thước phim quay chậm"* và chiêm nghiệm về *"Lịch sử thành lập và phát triển Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh"*.

**Sài Gòn mê** lấy tên một tản văn, nhưng hàng chục tản văn khác cũng chung đường link đến lòng người đã từng, hoặc đang sống ở Thành phố lớn

phương Nam của Tổ quốc. Đúng là “mỗi người mỗi vẻ” nhưng không phải để “muời phân vẹn muời”; nhà khoa học hay nhà văn, nữ sĩ hay ký giả, anh thanh niên hay ông cụ... mỗi tác giả góp một tản mạn để chung vui, viết ngắn mà ý dài, lời nhẹ nhàng mà thấm thiết. Cứ hình dung bên vĩa hè sớm mai, ngồi một mình cũng tốt, với bạn càng hay, nhâm nhi ly cà phê cóc, cầm cuốn sách mong mỏng - trang chữ to to để đọc như **Sài Gòn mẹ** này, nhìn phố đông người qua... mới thấy cuộc sống thanh bình đáng yêu thế.

Và không quên cảm ơn Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã xuất bản cuốn sách này, như chăm lo chút thư giãn thật thư thái cho mọi người vậy.

**PGS. TS. HÀ MINH HỒNG**  
**Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử**  
**Thành phố Hồ Chí Minh**







# Từ những dấu xưa . .



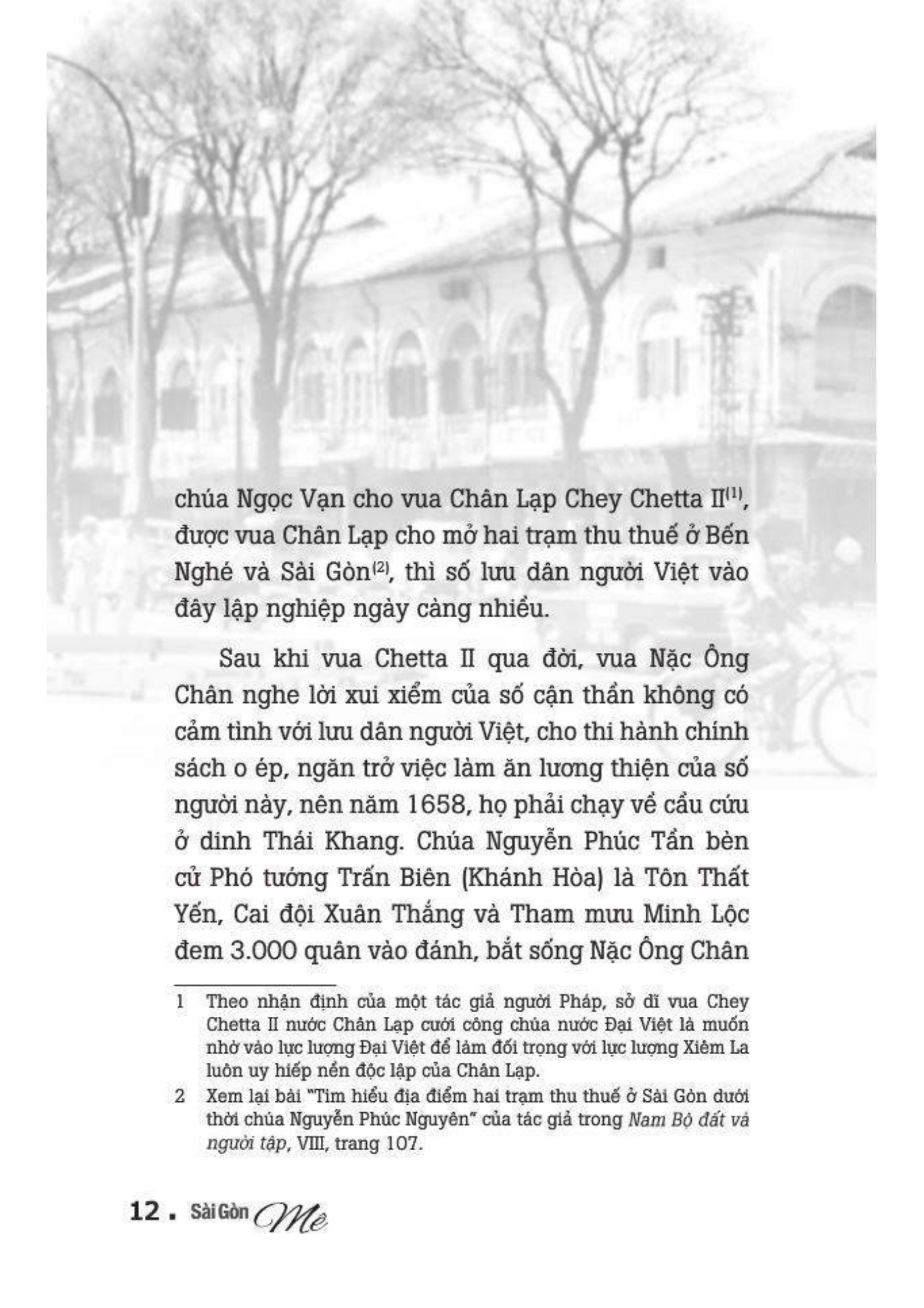


# Lịch sử thành lập và phát triển Gia Định – Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Đình Tư

Vùng đất Thành phố Hồ Chí Minh xưa kia thuộc đất Thủy Chân Lạp, nhưng lúc bấy giờ còn là vùng hoang hóa, dân cư thưa thớt, nên từ thế kỷ XV đã có người Việt ở vùng Tân Bình – Thuận Hóa chống quân Minh bị thất bại bỏ chạy vào đây lập nghiệp<sup>(1)</sup>. Tiếp theo các thế kỷ sau, nhất là từ thế kỷ XVII, chúa Nguyễn Phúc Nguyên gả Công

1 Chúng tôi cho rằng lớp người Việt đầu tiên chạy vào Mô Xoài đông đảo nhất là nhóm tàn quân nhà Hậu Trần chống quân Minh thất bại tại Thuận Hóa, không đại gì đầu hàng quân Minh, vì đầu hàng sẽ chết do chính sách tàn bạo của chúng. Sẵn có thuyền bè, lương thực, khi giới, nhân mùa gió Đông bắc, bèn giương buồm chạy vào vùng Mô Xoài đã biết là vùng hoang địa, có thể lập nghiệp sinh sống được.

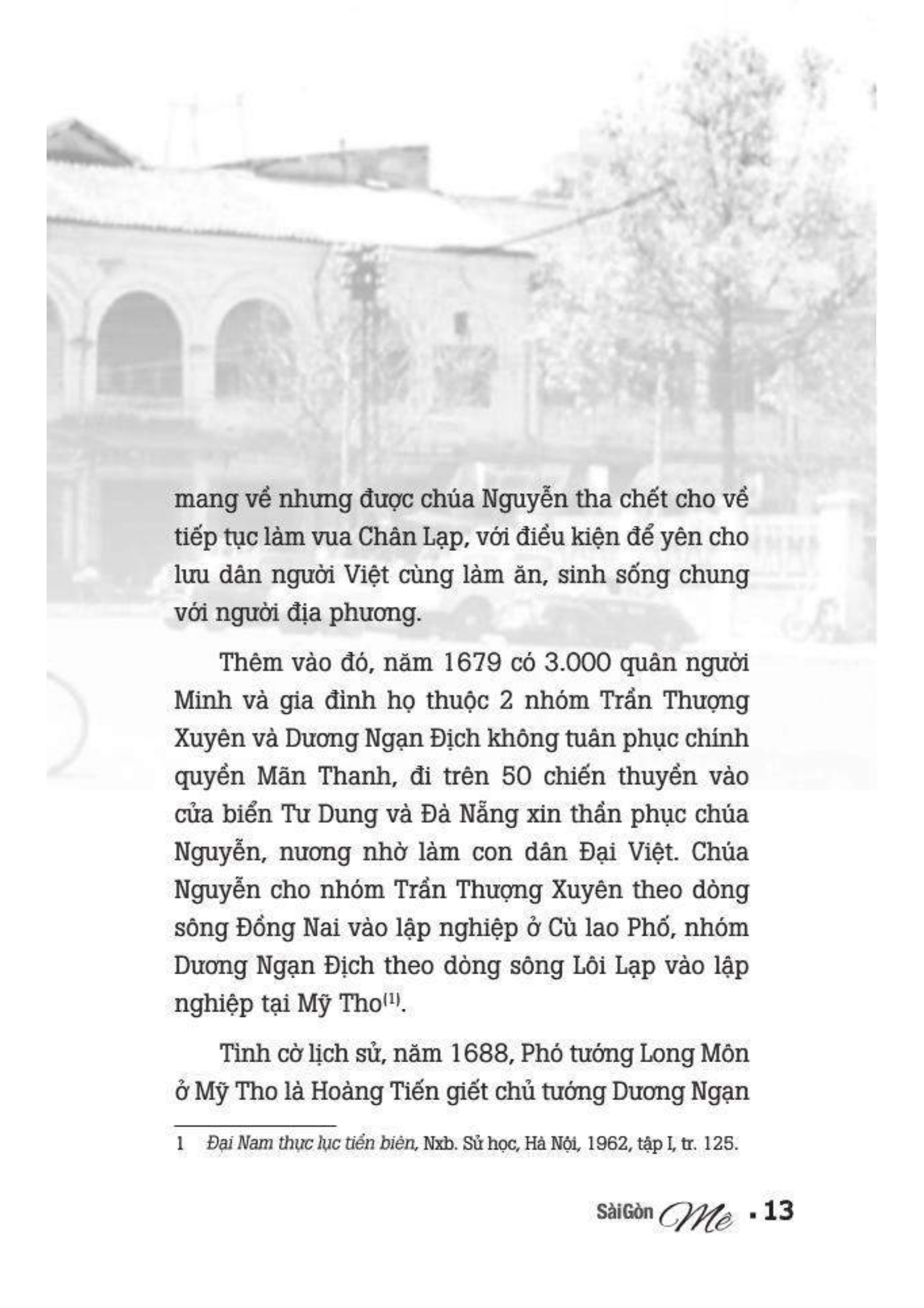


chúa Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp Chey Chetta II<sup>(1)</sup>, được vua Chân Lạp cho mở hai trạm thu thuế ở Bến Nghé và Sài Gòn<sup>(2)</sup>, thì số lưu dân người Việt vào đây lập nghiệp ngày càng nhiều.

Sau khi vua Chetta II qua đời, vua Nặc Ông Chân nghe lời xui xiểm của số cận thần không có cảm tình với lưu dân người Việt, cho thi hành chính sách o ép, ngăn trở việc làm ăn lương thiện của số người này, nên năm 1658, họ phải chạy về cầu cứu ở dinh Thái Khang. Chúa Nguyễn Phúc Tần bèn cử Phó tướng Trấn Biên (Khánh Hòa) là Tôn Thất Yển, Cai đội Xuân Thắng và Tham mưu Minh Lộc đem 3.000 quân vào đánh, bắt sống Nặc Ông Chân

- 1 Theo nhận định của một tác giả người Pháp, sở dĩ vua Chey Chetta II nước Chân Lạp cưới công chúa nước Đại Việt là muốn nhờ vào lực lượng Đại Việt để làm đối trọng với lực lượng Xiêm La luôn uy hiếp nền độc lập của Chân Lạp.
- 2 Xem lại bài "Tìm hiểu địa điểm hai trạm thu thuế ở Sài Gòn dưới thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên" của tác giả trong *Nam Bộ đất và người tập*, VIII, trang 107.





mang về nhưng được chúa Nguyễn tha chết cho về tiếp tục làm vua Chân Lạp, với điều kiện để yên cho lưu dân người Việt cùng làm ăn, sinh sống chung với người địa phương.

Thêm vào đó, năm 1679 có 3.000 quân người Minh và gia đình họ thuộc 2 nhóm Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch không tuân phục chính quyền Mãn Thanh, đi trên 50 chiến thuyền vào cửa biển Tư Dung và Đà Nẵng xin thần phục chúa Nguyễn, nương nhờ làm con dân Đại Việt. Chúa Nguyễn cho nhóm Trần Thượng Xuyên theo dòng sông Đồng Nai vào lập nghiệp ở Cù lao Phố, nhóm Dương Ngạn Địch theo dòng sông Lôi Lạp vào lập nghiệp tại Mỹ Tho<sup>(1)</sup>.

Tình cờ lịch sử, năm 1688, Phó tướng Long Môn ở Mỹ Tho là Hoàng Tiến giết chủ tướng Dương Ngạn

---

1 *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, tập I, tr. 125.

Địch, tự xưng là Phấn dũng Hồ oai Tướng quân, thống lĩnh dư chúng, dời đồn sang Rạch Than, thủ hiểm đắp lũy, đúc đại bác, đóng chiến thuyền, thả quân đi cướp bóc. Chúa Nguyễn bèn cử tướng Mai Vạn Long đem quân vào đánh, tiêu diệt được Hoàng Tiến, rồi giao cho Trần Thượng Xuyên quản lãnh luôn số quân Long Môn, rút về đóng tại Sài Gòn (Chợ Lớn), gây dựng phố xá, buôn bán làm ăn.

Sau khi nối liền giang sơn một dải, năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu cử Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý vùng đất miền Nam, phân chia địa giới, đặt địa danh thôn ấp, tổng xã, lập ra phủ Gia Định, bao gồm huyện Phước Long (nay là tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương và một phần Thành phố Hồ Chí Minh) dựng dinh Trấn Biên và huyện Tân Bình (nay là Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Long An), dựng dinh Phiên Trấn. Đặt các chức Giám quân, Cai bộ, Ký lục đứng đầu mỗi dinh để coi việc cai trị. Phủ lý Gia Định đóng tại Bến Nghé. Bến Nghé nay là Sài Gòn trở thành thủ phủ miền Nam từ đó. Đối với hai nhóm người Minh Hương, quy tụ lại thành hai xã riêng, nhóm ở Cù lao Phố gọi là xã Thanh Hà, nhóm ở Sài Gòn (Chợ Lớn) gọi là xã Minh Hương. Về sau, trong cuộc chiến tranh giữa chúa Nguyễn Ánh và quân Tây Sơn, Cù lao Phố bị tàn phá, số người



Minh Hương ở đây bỏ chạy tị nạn vào nhập chung với số người Minh Hương ở Sài Gòn. Xã Thanh Hà mặc nhiên giải thể<sup>(1)</sup>.

Năm 1787, Nguyễn Ánh cùng đoàn tùy tùng ở Xiêm về chiếm lại Gia Định, củng cố lực lượng để chuẩn bị ra đánh quân Tây Sơn bên kia ranh giới Bình Thuận. Năm 1790, Nguyễn Ánh cho xây thành Bát Quái còn gọi là thành Quy ở gò Tân Khai làm trung tâm hành chính. Trong thành xây cung điện, kho tàng, trại quân, nhà thái miếu như một kinh đô thứ hai, nên gọi là Gia Định kinh.

Năm 1802, sau khi lấy lại được Phú Xuân, Nguyễn Ánh bèn đổi phủ Gia Định thành trấn Gia Định, bỏ danh xưng Gia Định kinh. Trấn thần Gia Định có nhiệm vụ điều hành công việc các dinh trấn miền Nam, có khi kiêm luôn dinh Bình Khang và dinh Bình Thuận. Quyền hạn rất lớn mà nhiệm vụ cũng khá nặng nề.

Tháng Giêng năm Mậu Thìn (1808) Gia Long thứ 7, nhà vua cho thực hiện một cuộc cải cách

---

1 Xã Minh Hương ở Sài Gòn về sau không thấy sử sách nhắc tới. Trong danh sách xã thôn do Trịnh Hoài Đức lập năm 1818 cũng không thấy ghi. Ở khu vực đình Minh Hương Gia Thạnh thuộc tổng Tân Phong, mà các xã, thôn thì đều mang tên khác, không có tên xã Minh Hương. Có thể vì xã Minh Hương được thành lập nhằm về tinh thần hơn là thực tế, không có địa bàn như các xã thôn khác, nên về sau người Việt đến sinh sống xen lẫn với người Minh Hương, khi chia lại ranh giới xã thôn triều Gia Long, người Minh Hương ở địa bàn xã thôn nào thì nhập tịch vào xã thôn đó, không còn tách thành xã riêng nữa.

hành chính và sắp xếp lại các đơn vị trực thuộc trên toàn địa bàn Gia Định. Theo đó nhà vua cho đổi trấn Gia Định làm Gia Định thành, dinh Phiên Trấn làm trấn Phiên An, dinh Trấn Biên thành trấn Biên Hòa. Đứng đầu Gia Định thành có chức Tổng trấn, có Phó Tổng trấn và Hiệp Tổng trấn phụ tá, thống lãnh cả 5 trấn Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Thanh và Hà Tiên.

Gia Long ở ngôi được 18 năm thì qua đời. Minh Mạng lên nối ngôi, tiếp tục có những cải cách về hành chính. Tháng 3 năm Tân Tỵ (1821) Minh Mạng thứ 2, đúc ấn quan phòng bằng đồng phát cho ty Thương thuyền, ty Tào chánh, tào Hộ, tào Binh, tào Hình, tào Công ở thành Gia Định. Lại đúc ấn đồng phát cho các dinh, trấn, đạo, phủ, huyện<sup>(1)</sup>.

Sau khi Lê Văn Duyệt, vị Tổng trấn Gia Định thành cuối cùng mất, tháng 7 năm Nhâm Thìn Minh Mạng thứ 13 (1832), nhà vua cho giải thể Gia Định thành, bỏ chức Tổng trấn. Từ đó các trấn ở miền Nam trực thuộc Trung ương, tiến hành một cuộc cải cách hành chính trên toàn quốc, đổi trấn gọi là tỉnh, đặt ra chức Tổng đốc, Tuần phủ để thay thế cho chức Trấn thủ, chức Bố chánh sứ thay cho chức Hiệp trấn, chức Án sát sứ thay cho chức Tham hiệp, tức là ba chức quan đầu tỉnh về bên văn, và

1 Quốc triều chánh biên toát yếu, Nhóm nghiên cứu Sử Địa Việt Nam xuất bản, Sài Gòn, 1972, tr. 114.



chức lãnh binh hay để đốc về bên võ. Tỉnh lớn hoặc kiêm hai tỉnh sát nhau đặt chức Tổng đốc. Tỉnh nhỏ thì đặt chức Tuần phủ. Do đó hai tỉnh Biên Hòa và Phiên An đặt chung một Tổng đốc gọi là An Biên Tổng đốc. Lý sở của quan Tổng đốc đặt tại Phiên An. Phụ tá quan Tổng đốc có quan Bố chánh sứ, quan Án sát sứ và quan lãnh binh. Tại Biên Hòa đặt quan Tuần phủ kiêm luôn Bố chánh sứ, một quan Án sát sứ và một quan Lãnh binh, một quan Đốc học. Về địa giới thì tách hai huyện Phước Lộc và Thuận An khỏi phủ Tân Bình, thành lập phủ Tân An.

Năm Minh Mạng thứ 15 (1834), trong lúc triều đình đang phải tập trung đối phó với các cuộc nổi dậy của dân chúng khắp nơi, nhất là trong Nam, quân triều đình chưa lấy lại được thành Phiên An do loạn quân Lê Văn Khôi chiếm giữ, việc quân thì cấp bách, tình hình diễn biến từng giờ. Nếu tất cả đều tập trung về Thuận Hóa giải quyết thì không xuể, không kịp thời, nên nhà vua đã cho quy tập các tỉnh ở miền Bắc, từ Ninh Bình trở ra gọi chung là Bắc Kỳ. Các tỉnh ở giữa từ Thanh Hóa vào đến Bình Thuận gọi là Trung Kỳ. Sáu tỉnh ở miền Nam gọi là Nam Kỳ. Từ đó danh xưng “Nam Kỳ lục tỉnh” xuất hiện. Khi có việc cần thì nhà vua cử quan Khâm sai đại thần đến trực tiếp giải quyết.

Sau khi chiếm lại thành Phiên An, tức thành Bát Quái hay thành Quy, vua Minh Mạng ra lệnh



triệt phá, để xây thành mới, nằm về góc Đông Bắc thành cũ, trên địa bàn thôn Nghĩa Hòa. Chu vi thành 429 trượng, so với chu vi thành Quy là 794 trượng, thành mới nhỏ hơn 365 trượng, cao 10 thước 3 tấc, hào rộng 11 trượng 4 thước, sâu 7 thước, mở 4 cửa Tiền, Hậu, Tả, Hữu. Thành xây theo kiểu Vaban của Pháp, bằng loại đá ong lấy từ Biên Hòa, gọi là thành Phụng. Tỉnh Phiên An được đổi là tỉnh Gia Định. Do đó thành Phụng cũng gọi là thành Gia Định. Chức quan An Biên Tổng đốc đổi thành Định Biên Tổng đốc.

Năm Minh Mạng thứ 17 (1836), nhà vua cử phái đoàn do Trương Đăng Quế làm Trưởng đoàn vào Nam Kỳ tiến hành công tác đo đạc ruộng đất, phân định ranh giới hành chính, lập địa bộ cho các xã thôn. Để phù hợp với khả năng điều hành của cán bộ cấp tổng, đơn vị tổng được chia lại tương đối hẹp hơn, với một số xã, thôn ít hơn so với dưới triều Gia Long. Cụ thể tại tỉnh Gia Định phủ Tân Bình, tại huyện Bình Dương, tổng Bình Trị cũ chia làm 3 tổng mới với số xã, thôn trực thuộc như sau: Tổng Bình Trị Thượng có 1 xã, 23 thôn, 2 ấp, 1 phường; tổng Bình Trị Hạ có 4 xã, 22 thôn; tổng Bình Trị Trung có 20 thôn, 1 phường. Tổng Dương Hòa cũ chia làm 3 tổng mới với các đơn vị trực thuộc như sau: Tổng Dương Hòa Thượng có 20 thôn; tổng Dương Hòa Hạ có 8 thôn; tổng Dương Hòa Trung có 1 xã, 20 thôn.

Hệ thống tổ chức trên tồn tại đến ngày quân Pháp đánh chiếm và theo Hòa ước Nhâm Tuất ngày 5/6/1862, triều đình Huế nhượng 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ là Biên Hòa, Gia Định và Định Tường cho thực dân Pháp.

Để phục vụ cho sự cai trị của mình, thực dân Pháp tiến hành tổ chức lại các đơn vị hành chính. Lúc đầu người Pháp chia địa bàn tỉnh Biên Hòa cũ thành 5 hạt Thanh tra (Inspections) là Bà Rịa, Long Thành (sau giải thể, nhập phần lớn địa bàn vào hạt Biên Hòa, phần nhỏ vào hạt Gia Định), Biên Hòa, Bình An (sau đổi tên là Thủ Dầu Một), Ngã An (sau đổi tên là Thủ Đức rồi giải thể nhập địa bàn vào hạt Gia Định), trong số đó hạt Thanh tra Thủ Đức và một phần hạt Thanh tra Long Thành nay thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; chia tỉnh Gia Định cũ thành 6 hạt Thanh tra là Sài Gòn (sau đổi là Bình Hòa rồi Gia Định), Chợ Lớn, Phước Lộc (sau đổi là Cần Giuộc rồi giải thể nhập địa bàn vào hạt Chợ Lớn), Tây Ninh, Tân An, Tân Hòa (sau đổi là Gò Công) và hai thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn, trong đó các hạt Thanh tra Gia Định, Chợ Lớn, Phước Lộc và hai thành phố nay thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ ngày 5/1/1876, Thống đốc Nam Kỳ ban hành Nghị định đổi các hạt Thanh tra thành các Tiểu khu (Arrondissement) hay còn gọi là hạt Tham biện, dân chúng quen gọi Tòa bố. Đứng đầu mỗi



Tiểu khu là một viên Tham biện (Administrateur). Các xã, thôn cũ đều gọi thống nhất là làng (Villages).

Ngày 13/12/1880 trích một số làng của hạt Tham biện Bình Hòa (Gia Định) và hạt Tham biện Chợ Lớn bao quanh thành phố Sài Gòn để lập hạt Tham biện thứ 20, chia làm 2 tổng, lấy đường Chiến Lược (Nguyễn Thị Minh Khai) làm ranh giới. Tổng phía Bắc gọi là Bình Chánh Thượng, Tổng phía Nam gọi là Dương Minh. Ngày 12/1/1888 giải thể hạt 20, nhập một số làng vào thành phố Sài Gòn, các làng còn lại của tổng Bình Chánh Thượng vào hạt Tham biện Gia Định, của tổng Dương Minh vào hạt Tham biện Chợ Lớn.

Ngày 24/12/1899, Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định đổi các hạt Tham biện thành tỉnh (Province), có hiệu lực kể từ ngày 1/1/1900. Đứng đầu tỉnh là viên Tham biện Chủ tỉnh (Administrateur Chef de Province). Từ đó địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nằm trọn trong tỉnh Gia Định, một phần tỉnh Chợ Lớn và trọn 2 thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn.

Ngày 11/6/1861, Đô đốc Charner ban hành Quyết định thành lập và ấn định ranh giới thành phố Sài Gòn, bao gồm một số xã thôn của huyện Bình Dương và huyện Tân Long, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định cũ, và giao cho kỹ sư Coffyn vẽ bản đồ chính trang thành phố cho 500.000 dân. Nhưng đề án này không thực hiện được, vì khu vực ấn



định quá lớn, khả năng ngân sách không cho phép. Ngày 6/12/1865, Soái phủ Sài Gòn cho tách hai khu vực Bến Nghé và Sài Gòn (Chợ Lớn) thành hai thành phố riêng rẽ, ngăn cách bởi một số thôn bung ruộng như các thôn Phú Thạnh, Thái Bình, Tân Hòa, Phước Hưng, Nhơn Giang, Tân Kiểng, An Bình, An Đông, Hòa Bình...

Ngày 15/3/1871, điều chỉnh ranh giới thành phố về phía Nam tới rạch Tàu Hủ, để chợ Cầu Ông Lãnh, lò heo, một phần làng Tân Hòa lọt vào nội vi thành phố, vì lâu nay khu vực này không chịu sự kiểm soát của cơ quan Cảnh sát, mà dân chúng châu Á ở đây cần phải được kiểm soát đặc biệt. Quyết định ngày 6/6/1871 ấn định ranh giới phía Tây thành phố Sài Gòn đến đường Mac Mahon nối dài tới chỗ giáp đường số 27 đến rạch Thị Nghè. Ngày 23/2/1872 lại điều chỉnh mở rộng ranh giới thành phố về phía Nam gồm các làng bên kia rạch Tàu Hủ.

Ngày 12/11/1894, nhập vào địa bàn thành phố các làng Hòa Mỹ, Phú Hòa, Nam Chơn, Tân Định và các tờ bản đồ số 1, 2, 3, 4, một phần tờ 5 của làng Xuân Hòa, tổng Bình Chánh Thượng, hạt Gia Định. Đến ngày 15/2/1895 nhập phần còn lại của làng Xuân Hòa vào làng Hòa Hưng.

Nghị định ngày 15/3/1895 của Toàn quyền nhập một dải đất của làng Khánh Hội và làng Tam Hội nằm dọc bờ sông Sài Gòn vào thành phố Sài Gòn.

Ngày 21/3/1904 sáp nhập 2 làng Tân Hòa và Phú Thạnh vào 2 thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn, trừ một phần làng Phú Thạnh phía Tây Bắc đường Polygone nhập vào làng Hòa Hưng của tỉnh Gia Định. Ranh giới mới phân chia 2 thành phố là đường từ kinh Tàu Hủ đến đường Stratégique, cắt đôi làng Tân Hòa, rồi đi tiếp đến khu mộ gia đình Tổng đốc Phương trong làng Phú Thạnh. Ranh, tỉnh Gia Định cũng bởi từ đường Polygone.

Ngày 21/8/1907, Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định sáp nhập một phần làng Khánh Hội và một phần làng Chánh Hưng, cả hai làng đều thuộc tổng Dương Minh, tỉnh Chợ Lớn. Ranh giới giữa thành phố Sài Gòn và tỉnh Chợ Lớn được ấn định lại như sau: rạch Tàu Hủ, rạch Ông Lớn đến chỗ cắt với rạch Ông Đội từ đó và rạch Bến Dơi đến sông Sài Gòn.

Tới đây ranh giới của thành phố Sài Gòn đã định hình xong. Các đường phố cũng được lần lượt xây dựng theo trình tự mở rộng thành phố. Giai đoạn đầu các đường theo bản đồ Coffyn còn đánh số, chỉ mới có tên một số đường ở khu vực xung quanh Soái phủ Sài Gòn, chợ cũ Bến Thành, chợ Đũi và khu vực Khánh Hội thuộc cảng Sài Gòn.

Ngày 1/2/1865, Thống soái Nam Kỳ ban hành Nghị định đầu tiên đặt tên đường trong thành phố Sài Gòn. Sau đó, tùy theo tiến độ xây dựng đường sá trong thành phố mà ban hành tiếp những nghị



định khác đặt tên đường. Vào khoảng thời điểm năm 1930, hầu hết các đường phố và bến sông trong thành phố Sài Gòn đều đã có tên.

Đến năm 1877, Tổng thống Pháp ban hành Sắc lệnh ngày 8/1/1877 chính thức thành lập Thành phố Sài Gòn (Municipalité de Saigon), xếp vào thành phố loại I (Municipalité de première classe). Đứng đầu Thành phố là viên Đốc lý (Maire), có 2 viên Phó Đốc lý làm phụ tá. Bên cạnh có Hội đồng thành phố (Conseil municipal) làm tư vấn, gồm có hội viên người Pháp và hội viên người Việt, do phổ thông bầu lên.

Ngày 20/10/1879, Thống đốc Nam Kỳ ban hành Nghị định chính thức thành lập thành phố Chợ Lớn (Municipalité de Cholon) xếp vào thành phố loại II, tách khỏi sự kiêm lý của viên Tham biện hạt Chợ Lớn. Để phân biệt thành phố loại II, việc thành lập thành phố Chợ Lớn theo Nghị định của Thống đốc Nam Kỳ, không như thành phố loại I Sài Gòn theo Sắc lệnh của Tổng thống Pháp. Đứng đầu thành phố Chợ Lớn cũng là viên Đốc lý, có 3 viên Phó đốc lý phụ tá gồm một người Pháp, một người Việt và một người Hoa. Có một Hội đồng thành phố (Coseil municipal) do phổ thông bầu làm tư vấn.

Mong muốn của Chaner từ đầu Pháp thuộc là muốn xây dựng một thành phố Sài Gòn bao trùm cả khu Bến Nghé và khu Chợ Lớn nay đã thành



sự thực. Trên thực tế hai thành phố đã giáp ranh nhau, nên ngày 27/4/1931 Tổng thống Pháp ban hành Sắc lệnh sáp nhập hai thành phố thành một đơn vị hành chính duy nhất gọi là Khu Sài Gòn - Chợ Lớn, đứng đầu là một viên Tham biện Khu trưởng (Administrateur Chef de la Région) kiêm luôn nhiệm vụ Đốc lý Sài Gòn, có một Phó Khu trưởng phụ trách khu vực Chợ Lớn, với một Hội đồng Khu làm tư vấn. Tuy gọi là hợp nhất nhưng việc tổ chức quản trị của mỗi thành phố vẫn tồn tại một thời gian dài, chỉ giảm bớt những quyền hạn và nhiệm vụ chính tập trung vào tay Khu trưởng.

Nghị định ngày 31/8/1933 của Toàn quyền Đông Dương chia địa bàn Khu Sài Gòn - Chợ Lớn làm 5 quận. Đứng đầu mỗi quận là viên Quận trưởng Cảnh sát coi về an ninh, còn về hành chính dân chúng vẫn trực tiếp Khu trưởng thông qua các viên Hộ trưởng và viên Đốc lý. Nghị định ngày 22/9/1941 của Toàn quyền lại chia địa bàn thành 6 quận Cảnh sát, khu vực Sài Gòn có Quận 1, Quận 2, Quận 3, Quận 6, khu vực Chợ Lớn có Quận 4, Quận 5.

Sắc lệnh ngày 19/12/1941 của Tổng thống Pháp bãi bỏ chức Đốc lý của hai khu vực Sài Gòn và Chợ Lớn, tập trung mọi quyền hành vào Khu trưởng. Từ đó ranh giới hai thành phố không còn nữa.

Ngày 11/5/1944, Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định thành lập tỉnh Tân Bình bằng cách

trích một số làng của tỉnh Gia Định, chia làm 3 khu vực, mỗi khu vực có một số làng. Đó là khu vực Gia Định, khu vực Thủ Thiêm, khu vực Nhà Bè. Tỉnh lỵ đóng tại ngã tư Phú Nhuận. Tỉnh Tân Bình tồn tại đến ngày 22/10/1956 thì giải thể.

Ngày 9/3/1945, Nhật làm đảo chính, lật đổ chế độ thực dân Pháp, nhưng vẫn duy trì hệ thống tổ chức và bộ máy cai trị cũ, chỉ thay chức Thống đốc Nam Kỳ, chức Khu trưởng Sài Gòn - Chợ Lớn bằng các sĩ quan cấp cao của Nhật, chức Tỉnh trưởng các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn bằng các chức Đốc phủ sứ người Việt.

Ngày 19/8/1945, Cách mạng tháng Tám bùng nổ tại Hà Nội, đến ngày 24/8/1945, chính quyền Sài Gòn và hai tỉnh Gia Định và Chợ Lớn về tay nhân dân. Nhưng chỉ được mấy ngày, quân Pháp núp sau lưng quân Anh - Ấn trở lại chiếm Sài Gòn và các tỉnh. Chính quyền cách mạng chưa có thì giờ sắp xếp nền hành chính đã phải lao vào cuộc kháng chiến trường kỳ. Để tiện cho việc chỉ huy kháng chiến, chính quyền cách mạng sáp nhập tỉnh Bà Rịa và tỉnh Chợ Lớn dưới quyền một ban chỉ huy gọi là tỉnh Bà Chợ, và tỉnh Gia Định với tỉnh Tây Ninh gọi là tỉnh Gia Định Ninh. Sự sáp nhập này đến Hiệp định Genève 1954 thì chấm dứt.

Về phía quân đội Pháp, chủ trương "đánh nhanh thắng nhanh" để sớm lập lại nền đô hộ của chúng bị thất bại, chúng bèn dùng chính sách "lấy người Việt đánh người Việt", lấy chiến tranh nuôi



chiến tranh, bằng cách lập ra các chính phủ bù nhìn để hòng lừa bịp dân chúng vùng tạm chiếm. Các chính phủ bù nhìn này vẫn tôn trọng hệ thống tổ chức các đơn vị hành chính có trước năm 1945, chỉ đưa ra một vài thay đổi nhỏ như đổi Khu Sài Gòn - Chợ Lớn thành thủ đô của Chính phủ Quốc gia và gọi là Đô thành Sài Gòn, đứng đầu là viên Đô trưởng. Về tổ chức quản lý thì đổi gọi Chủ tỉnh là Tỉnh trưởng, xứ Nam Kỳ gọi là Nam Việt, chức Thống đốc thì gọi là Thủ hiến, ban Hội tế các làng thay bằng Hội đồng Hương chính.

Thời gian này chỉ kéo dài 9 năm, đến khi quân Pháp thua trận ở Điện Biên Phủ và trên các mặt trận khắp toàn quốc, phải ký Hiệp định Genève, chấm dứt chiến tranh. Nhưng để trốn trách nhiệm thi hành hiệp định, quân Pháp ký hiệp ước với Chính phủ Ngô Đình Diệm và rút khỏi miền Nam. Nằm trọn quyền trong tay, chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện một cuộc cải cách hành chính khắp miền Nam bằng Dụ số 57 và Sắc lệnh ngày 22/10/1956, theo đó, giải thể tỉnh Chợ Lớn, nhập phần lớn địa bàn vào tỉnh Tân An thành tỉnh Long An, một phần cải thành quận Bình Chánh thuộc tỉnh Gia Định.

Ngày 27/3/1959, chính quyền Ngô Đình Diệm chia địa bàn Đô thành Sài Gòn làm 8 quận hành chánh, gọi tên theo số từ 1 đến 8. Khu vực Sài Gòn có 4 quận (1, 2, 3, 4), khu vực Chợ Lớn có 4



quận (5, 6, 7, 8). Ngày 10/10/1962 tách tổng Long Vinh Hạ khỏi quận Dĩ An nhập trở lại quận Thủ Đức. Ngày 15/10/1963 chia quận Củ Chi thành 2 quận: Củ Chi gồm có 4 xã Tân An Hội, Phước Hiệp, Thái Mỹ, Trung Lập của tổng Long Tuy Hạ và 2 xã Phước Vĩnh Ninh, Tân Phú Trung của tổng Long Tuy Thượng thuộc tỉnh Hậu Nghĩa mới lập, và quận Phú Hòa với 8 xã An Nhơn Tây, Bình Mỹ, Nhuận Đức, Phú Hòa Đông, Phú Mỹ Hưng, Tân Hòa, Tân Thạnh Đông, Trung An thuộc tỉnh Bình Dương. Ngày 17/1/1967 nhập phần đất làng An Khánh, quận Thủ Đức vào địa bàn Đô thành và cải thành Quận 9. Ngày 1/7/1969 tách một phần Quận 3 và một phần Quận 5 thành lập Quận 10, và tách một phần Quận 6 thành lập Quận 11.

Về quản lý hành chánh thì chức Thủ hiến Nam Việt đổi thành Đại biểu chính phủ tại Nam phần, đứng đầu Đô thành vẫn là chức Đô trưởng, đứng đầu tỉnh vẫn là chức Tỉnh trưởng, đứng đầu quận vẫn là chức Quận trưởng, đứng đầu tổng là chức Cai tổng, Ban Điều hành xã thì dưới đệ nhất Cộng hòa gọi là Ban Đại diện xã, dưới đệ nhị Cộng hòa gọi là Ủy ban hành chánh xã.

Chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng ngày 30/4/1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất. Ngày 10/5/1975, Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy Sài Gòn - Gia Định quyết

định nhập địa bàn Đô thành Sài Gòn với tỉnh Gia Định, quận Củ Chi của tỉnh Hậu Nghĩa và quận Phú Hòa của tỉnh Bình Dương thành một đơn vị hành chính là thành phố Sài Gòn – Gia Định. Các quận ở nội thành vẫn gọi là quận, chia làm nhiều phường, gọi tên theo số từ 1 trở đi, các quận ngoại thành gọi là huyện, gồm có nhiều xã, bỏ cấp tổng, giải thể huyện Phú Hòa nhập vào huyện Củ Chi, giải thể các Quận 2 nhập vào Quận 1, Quận 7 nhập vào Quận 8, giải thể Quận 9 trả phần đất về huyện Thủ Đức, lập thêm quận Tân Bình, quận Bình Thạnh, quận Phú Nhuận, quận Gò Vấp, cộng là 12 quận và 5 huyện. Ngày 2/7/1976, Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất đổi tên thành phố Sài Gòn – Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18/9/1976 lập huyện Côn Sơn trên đảo Côn Sơn thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 15/1/1977 đổi thuộc tỉnh Hậu Giang. Ngày 3/3/1977 thành lập thị trấn Hóc Môn. Ngày 13/4/1977 lập hai xã mới Lê Minh Xuân và Phạm Văn Hai thuộc huyện Bình Chánh. Ngày 29/12/1978 chuyển huyện Duyên Hải từ tỉnh Đồng Nai nhập vào Thành phố Hồ Chí Minh.

Tóm lại, từ ngày gia nhập vào lãnh thổ Đại Việt và được tổ chức thành các cấp hành chính đến nay, vùng đất Gia Định, Sài Gòn, Thành phố Hồ

Chí Minh đã trải qua hơn 300 năm, bao lần thay đổi địa giới và địa danh, đã định hình thành một thành phố vào hàng lớn nhất cả nước, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và giao lưu quốc tế ở phía Nam Tổ quốc Việt Nam, với diện tích là 2.098,7 km<sup>2</sup>, dân số 6.347.000 người<sup>(1)</sup>, địa bàn được chia làm 19 quận và 5 huyện, với 58 xã, 254 phường, 5 thị trấn.

---

1 Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2007.



# Tản mạn về địa danh ở Sài Gòn

Lê Trung Hoa

1. Tùy theo quan điểm về khái niệm địa danh của các nhà địa danh học trên thế giới mà có cách tính tổng số địa danh ở mỗi tỉnh, thành hay cả nước khác nhau.

Theo các nhà địa danh Liên Xô trước đây, tên những công trình xây dựng thiên về không gian ba chiều (dài, rộng, cao) như tên nhà máy, đình, chùa, nhà thờ,... không phải là địa danh; còn tên các công trình xây dựng thiên về không gian hai chiều (dài, rộng) như tên cầu, đường, sân vận động, công viên, chợ, trạm xe buýt,... là địa danh. Vì vậy, thủ đô Moskva chỉ có 4.700 địa danh (*Toponimija Moskvy* (Địa danh Moskva) của G.L.Smolisnaja và M.V.Gorbanevskij - 1982).

Còn các nhà địa danh học Anh cho rằng tên nhà thờ cũng là địa danh. Vì thế, cuốn *Dictionary British Place-names* (Oxford, 2003) của A.D. Mills gồm 17.000 địa danh, trong đó có độ 30 tên nhà thờ. Đây là số địa danh (trong đó có tên nhà thờ) tiêu biểu, chứ chưa phải tất cả.

Đối với Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh, nếu thu thập đầy đủ (cả tên các địa danh hành

chính cũ, tên các đường phố cũ, hẻm (như hẻm Chuồng Bò, Quận 10), tên các ấp, tổ dân phố,...) thì số lượng có thể trên 20.000 đơn vị. Còn nếu không kể các loại vừa nêu, số lượng sẽ trên 6.000 trong đó số tên kênh rạch tương đối đầy đủ là 2.245 đơn vị và tên đường phố độ 2.000 đơn vị.

**2.** Trong hơn 6.000 địa danh vừa nêu, thành tố đứng trước có 260 địa danh mang từ Bà. Một số thành tố mang từ Bà chỉ người phụ nữ đã lớn tuổi, như *Bà Điểm, Bà Chiêu,...*; một số là biến âm của Bàu, như *Bà Hói, Bà Môn,...* (âm gốc Bàu Hói, Bàu Môn,...); một số là biến âm của Bờ, như *Bà Băng, Bà Đập, Bà Ngựa* (âm gốc là *Bờ Băng, Bờ Đập, Bờ Ngựa,...*).

Còn thành tố Ông ở trước xuất hiện trong 220 địa danh. Một số yếu tố Ông chỉ người đàn ông lớn tuổi hoặc đáng kính, như cầu *Ông Lãnh* (Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng: 1798 – 1866), khu *Ông Tạ* (Trần Văn Bử: 1918 – 1983, danh hiệu Tạ Thủ),...



Một số là biến âm của Ong, như rạch *Ông Lớn*, cầu *Ông Lớn*, rạch *Ông Bé*,...

**3.** Sài Gòn là vùng sông nước nên có rất nhiều địa danh mang các từ chỉ sông nước. Ngoài các từ chỉ các dòng chảy phổ thông như sông, suối, kinh, muông, ngòi còn các từ *rạch* (Ong Lớn - sông nhỏ), *rông* (Rông Gòn - Hóc Môn - đường khuyết sâu, có nước đọng), *tắt/tắc* (Tắc Rối - dòng nước chảy tắt qua khu sinh sống của những người trung gian bán tôm cá), *xép* (cù lao Xép - dòng nước nhỏ - Cần Giờ), *xẻo* (rạch Xẻo - Củ Chi - dòng nước nhỏ), *ngon* (rạch Ngon Chùa - Bình Chánh), *ụ* (bến Ụ Ghe - Quận 8 - Dòng nước đậu ghe để sửa). Địa hình chỉ sông nước thì có *vàm* (vàm Ông Chi, Củ Chi - ngã ba sông rạch), *bung* (Bung Sáu Xã - Quận 2, 9 - vùng nước rộng lớn), *bùng binh* (rạch Bùng Binh - Quận 3 - nơi phình rộng, ghe thuyền có thể trở đầu)...

**4.** Sài Gòn cũng như Nam Bộ thuộc vùng nhiệt đới nên mưa nhiều, kênh rạch chẳng chịt nên tên cầu cũng nhiều. Có 136 địa danh mang từ Cầu ở trước. Một số thành tố sau là từ Ông (như phường *Cầu Ông Lãnh*, chợ *Cầu Ông Thìn*,...), Bà (như rạch *Cầu Bà Nga*, rạch *Cầu Bà Cả*,...), hoặc công trình xây dựng (như rạch *Cầu Chùa*, phường *Cầu Kho*, rạch *Cầu Nhà Việc*...), hoặc từ chỉ màu sắc (như rạch *Cầu Đen*, vùng *Cầu Trắng*,...), hoặc tên cây cỏ (như rạch *Cầu Tràm*, rạch *Cầu Sơn*,...),



hoặc tên cầm thú (như rạch *Cầu Sấu*, rạch *Cầu Khỏi* (Khỉ))...

Hai từ cổ cùng chỉ dòng chảy là *Cái* và *Hóc*. Số địa danh mang từ *Cái* ở trước là 21 đơn vị. *Hóc* ở trước xuất hiện trong 12 địa danh. Yếu tố đứng sau thường là tên cây: *Cái Đước*, *Hóc Môn*, *Hóc Sấn*,... hoặc tên cầm thú: *Hóc Hươu*, *Hóc Mối*,... Một số thành tố mang từ *Cái* bị biến âm thành *Cả*: *Cả Cấm* (rạch cấm đi qua vì cá sấu), *Cả Tắc* (rạch để đi tắt),...

**5.** Yếu tố đứng sau gồm nhiều loại đối tượng. Một số là *tên cây*. Những tên cây phổ biến trong: *Bàu Dừa*, *Gò Xoài*, *Giồng Đẽ*,... Một số cây là đặc sản của Nam Bộ: *Giồng Trôm* (Cần Giò), *Cây Cấm* (rạch, Quận 1 - lá cây có bụi trắng như cám heo), *Cây Bướm* (rạch, Nhà Bè), *Cây Cui* (tắt, Cần Giò), *Cây Sộp* (ấp, Củ Chi), *Cây Gấm* (rạch Hóc Môn), *Cây Lon* (chợ, Quận 9), *Cây Nhum* (rạch, Củ Chi), *Cây Tri* (rạch, Bình Chánh), *Cây Trường* (ngã ba, Gò Vấp), *Cây Ủ* (bến sông, Củ Chi), *Thai Thai* (rạch, Củ Chi), *Thiêng Liêng* (rạch, Cần Giò), *Củ Chi* (huyện - cây mã tiền),... Một số có nguồn gốc Khmer: *Bến Lức* (sông, Rôluk), *Rạch Chiếc* (cầu, Cèk), *Gò Vấp* (quận, Kompáp).

**6.** Một số là *tên cầm thú*. Những con thú vốn là gia súc, như *Chuồng Bò* (chợ, Quận 10), *Trâu* (rông, Củ Chi), *Chuồng Chó* (ngã năm, Gò Vấp - vốn là trường quân khuyến từ thời Pháp thuộc đến ngày

30/4/1975). Một số vốn là tên những con vật sinh sống từ thuở hoang sơ: *Sấu* (rạch, Cần Giò), *Trăn* (rạch, Cần Giò), *Hố Bò* (kinh, Củ Chi - bò rừng), *Voi* (rạch, Bình Thạnh), *Chó Tru* (ngã ba, Cần Giò - chó sói), *Bà Nai* (ấp, Hóc Môn), *Hóc Hươu* (rạch, Bình Chánh),... Tên các loại cá là đặc sản khá phong phú: *Cá Bông* (doi đất, Cần Giò), *Cá Lăng* (vùng đất, Củ Chi), *Cá Heo* (rạch, Cần Giò), *Cá Tra* (rạch, Nhà Bè), *Cá Nháp* (sông, Cần Giò), *Cá Nóc* (rạch, Nhà Bè), *Cá Vồ* (rạch, Cần Giò), *Cá Úc* (rạch, Nhà Bè), *Cá Súc* (rạch, Cần Giò), ...

**7.** Địa danh được xem là những tấm bia lịch sử bằng ngôn ngữ. Trong địa danh chứa nhiều từ cổ: rạch *Bến Bối* (Bình Thạnh - bối là "từ chỉ kẻ ăn trộm trên sông"), rạch *Ngã Bát*, *Ngã Cay* (Cần Giò - rạch bên phải, bên trái), *Trảng Lắm* (Củ Chi - lắm là "bùn" - chân lắm, tay bùn), chợ *Đũi* (Quận 3 - đũi là "thứ hàng dệt bằng tơ gốc, mặt hàng thô"),...Địa danh cũng chứa đựng nhiều từ lịch sử: thành *Bát Quái* (Quận 1 - thành có tám cạnh như hình bát quái), đường *Lũy Bán Bích*, khu *Mả Ngụy* hay *mả Biển Tru* (Quận 3 - mả của 1.831 người tử tù vì theo Lê Văn Khôi nổi loạn), cầu *Trùm Bích* (Quận 12), *Trường Thi* (Quận 1), kinh *Nhiều Lộc* (ông nhiều học tên Lộc). Còn từ địa phương thì xuất hiện nhiều trong tên cây, tên cầm thú, tên các địa hình...



8. Hiện tượng *tĩnh lược* cũng khá đậm nét trong địa danh Việt Nam. Tĩnh lược là giảm bớt một số tiếng trong các từ ngữ nhiều tiếng. Rất nhiều thí dụ trong tiếng Việt: nắm tai mèo → nắm mèo, bánh vú bò ("thứ bánh đổ vào chén giống cái vú con bò") → bánh bò. Địa danh cũng thế: cầu *Kiệu* được Trương Vĩnh Ký ghi cầu *Xóm Kiệu*. Chúng tôi cũng đã nêu ý kiến: *Bến Dục* vốn là tĩnh lược của *bến Bà Dục* vì tại đây có *xóm Bà Dục* và được nhà nghiên cứu Bùi Đức Tịnh tán đồng.

9. *Kiêng húy* là một phong tục khá phổ biến dưới các triều đại quân chủ. Trong tác phẩm của mình, Ngô Đức Thọ cho biết trong tiếng Việt trước đây có 531 chữ kiêng húy. Đó là tên các vua chúa hoặc hoàng thân quốc thích, tên các thánh thần, tên các bậc trưởng thượng,... Để khỏi phạm húy, người xưa có mấy cách xử lý tên húy như sau:

*Nói chệch đi, bằng cách giữ âm đầu và thanh:* Chu (chúa Nguyễn Phúc Chu) thành *châu* (ấp Châu Thới, Bình Chánh); *Cảnh* (Trần Cảnh, hoàng tử Cảnh, Nguyễn Hữu Cảnh) thành *kiếng* (xã Phước Kiếng, Nhà Bè); *tông* (Miên Tông, vua Thiệu Trị) thành *tôn* (đường Lê Thánh Tôn, Tôn Đản); *thị* (Nguyễn Phúc Thị, Hồng Nhậm - vua Tự Đức) thành *thời, nhiệm* (đường Ngô Thời Nhiệm). Kiểu này phổ biến nhất.

*Thay thế bằng từ đồng nghĩa:* Hoa (quý phi Hồ Thị Hoa - mẹ vua Thiệu Trị); Cầu Hoa (Bình Thạnh,



gắn vườn hoa của Tả quân Lê Văn Duyệt) thành cầu *Bông*.

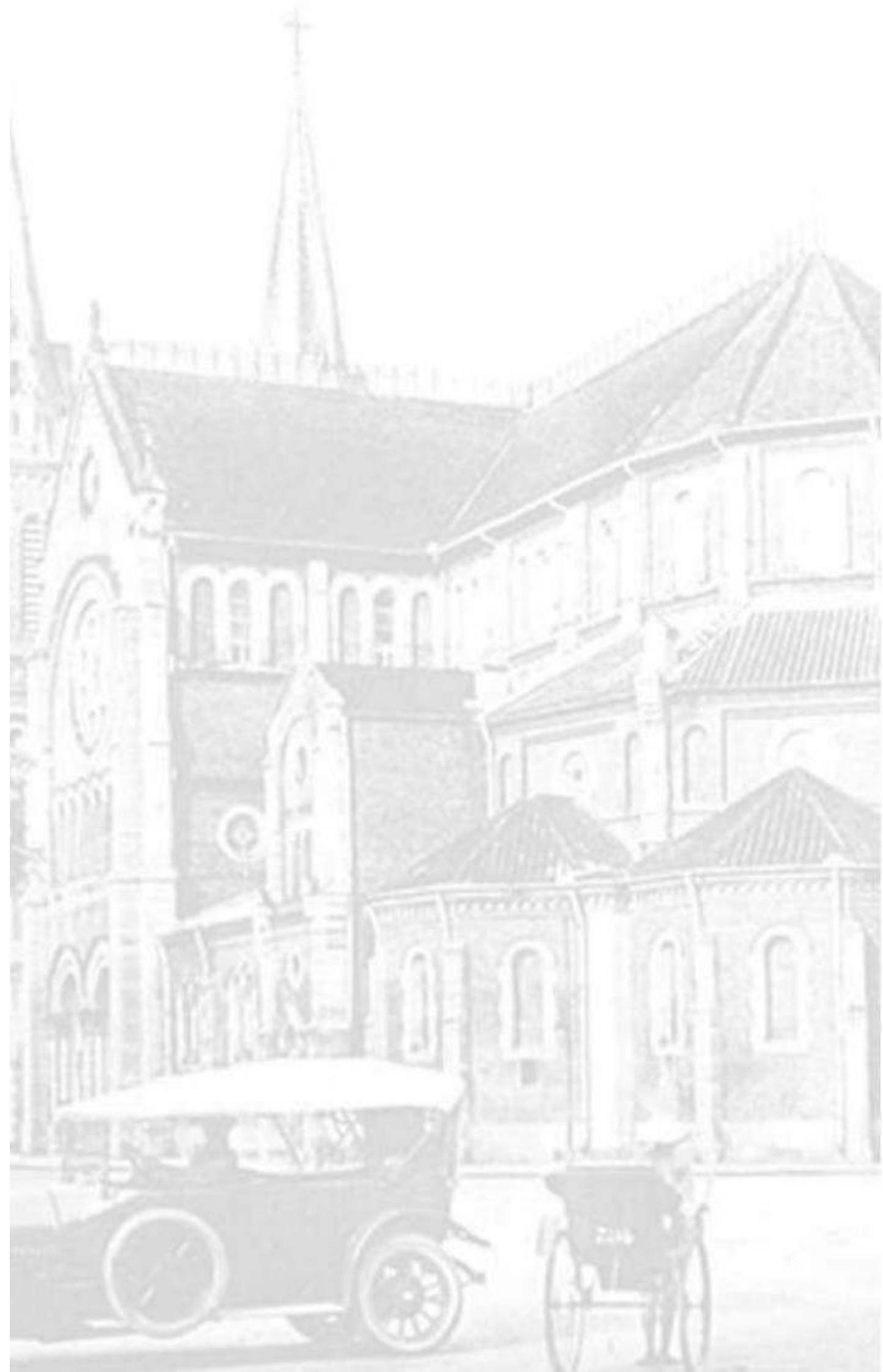
Lệ kiêng húy xuất hiện từ đời Tống (960 - 1279) ở Trung Quốc. Còn ở Việt Nam, tục lệ này xuất hiện từ đời Trần (1225 - 1400). Sau Cách mạng tháng Tám, tục lệ kiêng húy bị bãi bỏ ở các vùng kháng chiến và ở miền Bắc sau năm 1955. Còn ở miền Nam vẫn tiếp tục duy trì. Hơn nữa, tục này đã xâm nhập vào tiếng nói hằng ngày của mọi người nên một cách vô tình, chúng ta gián tiếp “bảo vệ” nó.

**10.** So với Bắc Bộ và Trung Bộ, Nam Bộ nói chung và Sài Gòn nói riêng là vùng đất mới. Yếu tố Hán Việt *Tân* (nghĩa là “mới”) đứng trước địa danh ở Nam Bộ và Sài Gòn nhiều hơn hẳn. Theo số liệu thống kê của chúng tôi, *Tân* trong địa danh ở Nam Bộ có tổng cộng 546 (xếp vị trí số 1, trong đó Sài Gòn có 255 đơn vị), còn cả Bắc Bộ và Trung Bộ chỉ có 270 địa danh, đứng thứ 29. Xin nêu thí dụ ở Sài Gòn có các địa danh: *Tân Bình, Tân Phú, Tân Định,...*

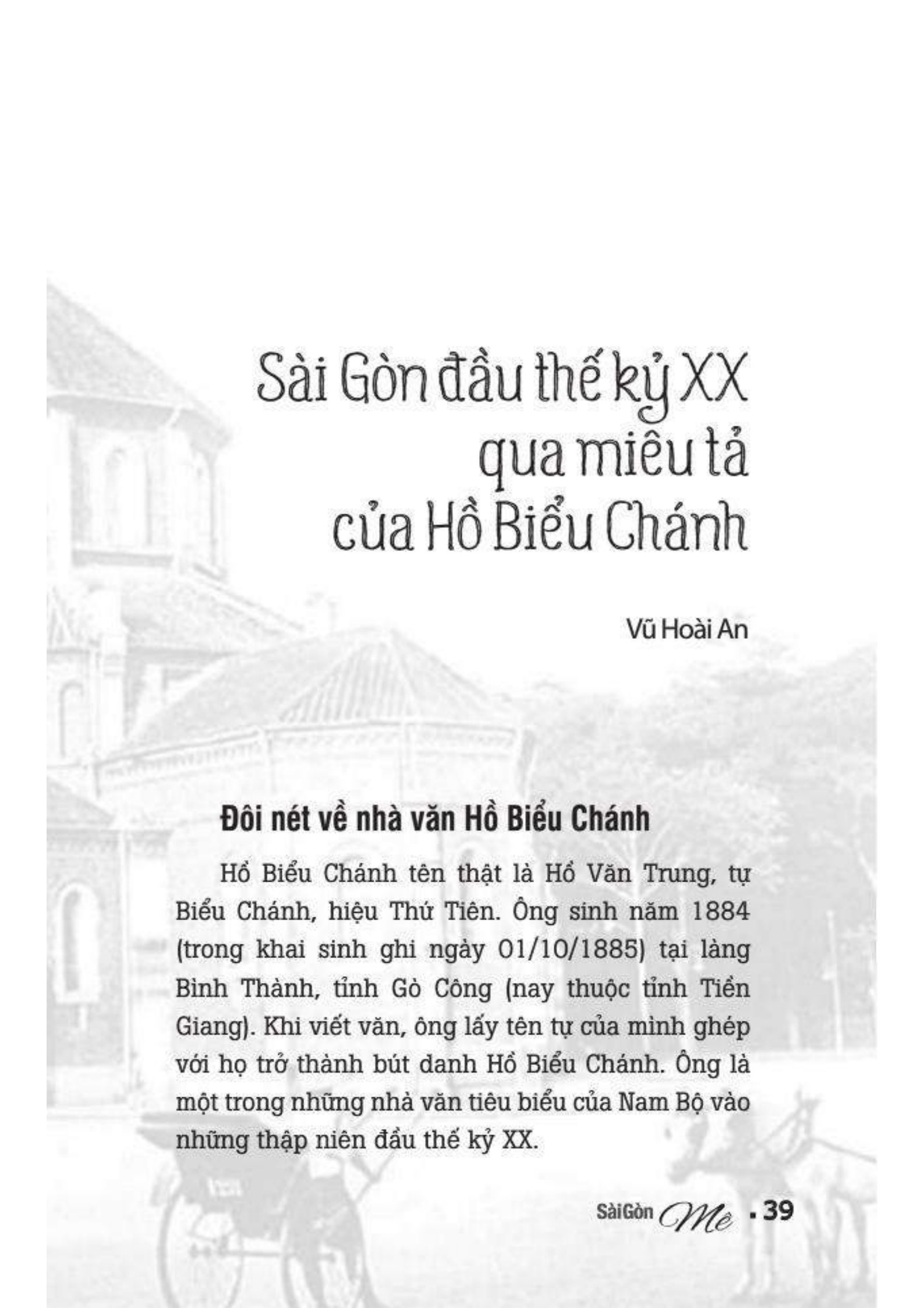
**11.** Vết tích Sài Gòn vốn là vùng quê, sống bằng các nghề nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp là chủ yếu, được thể hiện trong 28 địa danh mang từ Vườn: *Vườn Bầu, Vườn Bông, Vườn Cau, Vườn Chanh, Vườn Chuối, Vườn Dừa, Vườn Điều, Vườn Lài, Vườn Mít, Vườn Ngâu, Vườn Nhãn, Vườn Thom, Vườn Trầu, Vườn Xoài,...* 50 địa danh mang từ Lò

ở trước: Lò Bột, Lò Bún, Lò Chén, Lò Da, Lò Đúc, Lò Đường, Lò Gạch, Lò Gang, Lò Gốm, Lò Heo, Lò Lu,... và 54 địa danh mang từ Xóm: Xóm Bột, Xóm Bung, Xóm Cải, Xóm Chiếu, Xóm Chùa, Xóm Cối, Xóm Củi, Xóm Dầu, Xóm Đình, Xóm Lụa, Xóm Mới, Xóm Quán, Xóm Than, Xóm Thuốc, Xóm Trại, Xóm Trĩ, Xóm Ve Chai,...

**12.** Về ngữ âm, tiếng Sài Gòn nói riêng và tiếng Nam Bộ nói chung mang một số nhược điểm: lẫn lộn một số phụ âm đầu nên một số địa danh cũng ảnh hưởng, bị sai lạc về chính tả, như trong ngã tư *Hàng Xanh* (cây sanh), khu *Cây Đa Xà* (Da Sà), *Giồng Ao* (Vồng Ao),... Một số địa danh bị sai lạc về vần: *Cát Lái* (Các Lái), *Gò Vấp* (Gò Vấp - cây vấp là loại cây lớn và thân rắn chắc nên người Pháp dịch là *bois de fer*, ở đường Trương Định vẫn còn cây này), rạch *Chung* (Chun), *Dân Xây* (Giảng Xay), *Lào Táo* (Làu Táu), *Thiền Liễn* (Thiêng Liêng),... Sai lạc về thanh: *Kênh Tẻ* (Tễ), rạch *Xẻo Đon* (xẻo, Củ Chi). Sai lạc cả thanh và vần: khu *Mã Lạn* (Mã Loạn), sông *Hào Võ* (Hàu Võ)...







# Sài Gòn đầu thế kỷ XX qua miêu tả của Hồ Biểu Chánh

Vũ Hoài An

## **Đôi nét về nhà văn Hồ Biểu Chánh**

Hồ Biểu Chánh tên thật là Hồ Văn Trung, tự Biểu Chánh, hiệu Thử Tiên. Ông sinh năm 1884 (trong khai sinh ghi ngày 01/10/1885) tại làng Bình Thành, tỉnh Gò Công (nay thuộc tỉnh Tiền Giang). Khi viết văn, ông lấy tên tự của mình ghép với họ trở thành bút danh Hồ Biểu Chánh. Ông là một trong những nhà văn tiêu biểu của Nam Bộ vào những thập niên đầu thế kỷ XX.

Hồ Biểu Chánh là con nhà nghèo, sống ở nông thôn. Ông được gia đình cho học chữ Nho, sau đó học chữ Quốc ngữ rồi vào học trung học ở Mỹ Tho và Sài Gòn. Năm 1905, đậu Thành chung, ông thi vào ngạch ký lục của Soái phủ Nam Kỳ; làm ký lục, thông ngôn và thăng dần đến Đốc phủ sứ (1936), từng giữ chức chủ quận (quận trưởng) ở nhiều nơi. Tháng 8/1941, ông về hưu và được Pháp mời làm cố vấn với danh hiệu Nghị viên Hội đồng Liên bang Đông Dương và Phó Đốc lý thành phố Sài Gòn, đồng thời làm giám đốc những tờ báo tuyên truyền cho chủ nghĩa Pháp - Việt. Năm 1946, sau khi tái chiếm Nam Bộ, thực dân Pháp lập "Nam Kỳ Quốc" và ông được mời làm cố vấn cho chính phủ Nguyễn Văn Thinh. Nhưng chỉ được mấy tháng, khi chính phủ Nguyễn Văn Thinh sụp đổ, ông lui về quê ở ẩn và giành trọn những năm tháng còn lại cho sự nghiệp văn chương. Do đó, ông đã có cái nhìn về đời sống, xã hội và thân phận của người dân từ vùng nông thôn đến thành thị vào những năm đầu thế kỷ XX - đó là giai đoạn diễn ra những thay đổi xã hội do cuộc giao thời giữa cái "cũ" và cái "mới" và ông đã phản ánh phần nào trong các tác phẩm của mình.

Với sở trường về viết văn xuôi tự sự, lối hành văn mộc mạc, cách miêu tả giản dị nhưng vô cùng sinh động ông đã khắc họa chân dung các nhân vật đậm chất Nam Bộ. Ông đã có những đóng góp



to lớn vào sự hình thành thể loại tiểu thuyết trên chặng đường phôi thai, một số tác phẩm của ông đã được biên kịch và dựng thành phim như: *Con nhà nghèo, Nợ đời, Chúa Tàu Kim Quy...* Ngày 4/9/1958, ông qua đời tại Phú Nhuận, Gia Định, thọ 74 tuổi. Ông đã để lại cho đời hơn 100 tác phẩm văn học gồm: 64 tiểu thuyết, 12 tập truyện ngắn và truyện kể, 12 tác phẩm hài kịch và ca kịch, 5 tập thơ và truyện thơ, 8 tập ký, 28 tập khảo cứu phê bình. Ngoài ra, còn có các bài diễn thuyết và 2 truyện dịch văn học cổ điển Trung Quốc và Pháp. Hiện nay, mộ phần của ông được an táng ở quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi ông mất đi, nhà thơ Đông Hồ có câu đối điếu ông, ghép tên các tiểu thuyết của ông lại với nhau:

“Cay đắng mùi đời, Con nhà nghèo, Con nhà giàu, tiểu thuyết viết sáu mươi ba thiên, Vì nghĩa vì tình, Ngọn cỏ gió đùa, Tỉnh mộng, mấy ai làm được?

Cang thường nặng gánh, con khóc thầm, con cười gượng, thanh can trái bảy mươi bốn tuổi, Thiệt giả giả thiệt, Vườn văn xưa ghé mắt, Đoạn tình còn Ở theo thời”.

## **Sài Gòn đầu thế kỷ XX qua miêu tả của Hồ Biểu Chánh**

Trong các tiểu thuyết của mình, nhà văn Hồ Biểu Chánh thường lấy bối cảnh ở miền quê lục



tỉnh Nam Kỳ, số phận của người nông dân, tá điền và những khó khăn trong đời sống của họ để làm nhân vật chính cho những tác phẩm của mình, nhưng nhiều nhất vẫn là không gian, cuộc sống diễn ra hằng ngày ở Sài Gòn, vốn được xem là Hòn ngọc Viễn Đông, là bao lon của Thái Bình Dương thời bấy giờ. Ngay trong các câu chuyện của ông xảy ra ở lục tỉnh, nhưng chúng ta vẫn thấy các nhân vật đó đều có dịp lên Sài Gòn để buôn bán, làm ăn, đi thăm người quen, đi học hay vui chơi, giải trí...

Đọc các tác phẩm của ông như *Vi nghĩa vì tình*, *Bỏ vợ*, *Lời thề trước miếu*, *Lạc đường*, *Ở theo thời*,... Chúng ta dường như vẫn cảm nhận được rằng, cho dù Sài Gòn ngày nay đã trải qua hàng thập niên đổi thay, với biết bao biến thiên và thăng trầm của lịch sử, nhưng vẫn còn giữ được những dáng dấp rất riêng, rất đặc trưng của vùng đất phương Nam.

Buổi sáng ở Sài Gòn đầu thế kỷ XX được ông miêu tả khá bình dị, với những con đường vắng, đầm đầy sương mai, cảnh vật im lìm: "Gần hết nửa canh năm, hướng đông sao mai đã ló mọc. Bầu trời rực sáng, nên chỗ đen đen, chỗ đỏ đỏ; mặt cỏ gọi sương nên khoảnh ướt ướt, khoảnh khô khô. Có một người đàn ông, tuổi trên bốn mươi, ở phía dưới trường đua ngựa cũ Sài Gòn, theo đường quán hạt lằm lúi đi riết lên xóm Chí Hòa, hai tay có ôm một đứa con nít chừng năm, sáu tuổi. Máy nhà ở dọc

theo hai bên lộ còn ngủ, nên cảnh vật im lìm, duy có một cỗ xe bò chở rau, cải, khoai, đậu ở trên miệt Bà Queo thùng thảng đi xuống, cặp bò na nản, lỏng đèn leo heo, bánh xe kêu lét két."<sup>(1)</sup>

Còn buổi chiều thì người qua lại dập dìu, dân cư đông đúc: "Ngài đứng coi chơi một hồi rồi lên xe kéo bảo xa phu chạy lên Chí Hòa. Trời đã chạng vạng. Đường lên Chí Hòa thiên hạ qua lại dập dìu, xe hơi, xe thổ mộ chạy liên tiếp, tiếng kèn với tiếng chuông nghe không dứt.

Quan Phủ Bình thấy cảnh cũ đường xưa thì ngài bồi hồi trong lòng. Cách hai mươi mấy năm trước, mỗi buổi chiều ngài đều đi qua quảng đường nầy, tuy hồi đó thiên hạ qua lại ít hơn, nhà cửa hai bên đường thưa thớt hơn song mùi danh lợi chất chứa đầy lòng, tranh tương lai chón chỏ trước mắt. Bây giờ ngài trở lại đường nầy, tuy dân cư đông đảo hơn, nhà cửa tốt đẹp hơn, song thấy cảnh ấy lòng lại lạnh tanh, trí lại chán ngán."<sup>(2)</sup>

Và Sài Gòn với nhiều tụ điểm vui chơi giải trí. Trước tiên là một phiên hội chợ đêm: "Cuộc chợ đêm Sài Gòn đã mở cửa bữa trước rồi, mà tối bữa sau mới 7 giờ, mấy nẻo đường vòng theo chợ, thiên hạ nuòm nuộc, kẻ ngồi xe, người thả bộ, đổ vô mấy cửa, riu riu như bị gió đùa, cuốn cuộn như dòng nước chảy.

1 Hồ Biểu Chánh, *Vì nghĩa vì tình*, Cần Long, 1929.

2 Hồ Biểu Chánh, *Bỏ vợ*, Vinh Hội, 1938.



Tại cái cửa lớn, người ta tụ lại chạt nút, trai chải đầu láng nhuốc, gái thoa môi đỏ lòm, già ngâm thuốc điều phì phà, khói bay tung bùng, mẹ dắt bầy con, đứa chạy trước nghênh ngang, đứa theo sau núc ních, kêu nhau inh ỏi. Tốp chen lấn mua giấy, tốp ùn ùn vô cửa, người mặc y phục đàng hoàng chung lộn với kẻ bình dân lao động không ái ngại chi hết, mà coi ra thì trên gương mặt mỗi người đều có vẻ hân hoan hơn hớn, vì ai cũng biết chắc trong giây phút nữa đây sẽ được xem xét thấy nhiều cuộc vui để thỏa chí háo kỳ, hoặc để tạm quên các sự khổ cực của loài người trên trần thế.

Ở trong chợ đèn điện đốt sáng trung, lại thêm máy nói cất giọng ồ ồ rao hàng om sòm, làm cho thiên hạ càng rộn rục chen nhau mà vô riết, dường như sợ vô trễ một chút rồi giảm bớt sự vui nhiều lắm vậy.<sup>(1)</sup>

Sau đó chúng ta lại đến sân vận động xem đánh quần vợt và bóng đá: "Qua tuần sau người ta tổ chức hai cuộc thể thao rất to tát, để tranh giải thưởng. Có giấy lớp dán cùng vách, lớp rải cùng đường, lại nhiều tờ nhật báo cũng cố động trót bốn năm bữa, mà nói rằng chiều thứ bảy có một cuộc đánh tennis, rồi chiều chúa nhật lại có một cuộc đá banh tròn, trong hai cuộc đều tuyển chiến

---

1 Hồ Biểu Chánh, *Từ hôn*, Vĩnh Hội, 1937.



tướng đại tài ở Nam Kỳ để tranh đấu với chiến tướng Cao Mang.

Thầy Phát rủ thầy Kỳ mua vé vô coi luôn hai bữa, coi đánh tennis mỗi người mất một đồng, còn coi đá banh mỗi người mất hết năm cắc. Tuy đánh tennis thâu tiền vô cửa mắc, mà thiên hạ cũng đi coi đầy sân, tiếc vì hai người đấu với nhau mới có hai sét, mỗi người ăn một sét, rồi một người chịu thua, thành ra không có tranh kịch liệt, nên không thú vị. Còn bữa đá banh thì thiên hạ lớp ngồi lớp đứng giàn nào cũng đầy nhóc. Chiến tướng ráp đá, ban đầu hai bên hăng hái, nhưng mà cách chơi còn hòa nhã. Cách mười phút đồng hồ, chiến tướng Nam Vang ăn được một bàn. Chiến tướng Nam Kỳ quyết gỡ, nên nỗ lực công kích dữ dội. Bên Nam Vang ráng thủ thắng, thành ra xung đột. Chiến tướng trong sân thì nóng nảy, công chúng trên giàn thì lại đốc sức la lối om sòm. Chiến tướng đá banh mà coi thể không cần trái banh nữa người nầy lừa đá ống quyển người kia, người kia kiếm thể đá trong ngực người nọ. Vì sức lực yếu, lại luyện tập ít, nên đá mới nửa cuộc rồi bên nào cũng hết, người thì đưa chon đá gió, kẻ thì không chịu theo banh, làm cho khán giả la rùm, biểu trả tiền lại.<sup>(1)</sup>

Rồi vào trường đua ngựa: Khi ra gần tới trường đua thì gặp xe hơi, xe ngựa, xe máy chạt đường,

---

1 Hồ Biểu Chánh, *Ở theo thời*, Sài Gòn, 1935.

rồi tới cửa thì thấy thiên hạ chen nhau mua giấy mà vô nuôm rượ. Trong số người đi coi đây, phần đông là An-nam, chẳng những là đông bên hạng 0đ,25 đứng ngoài trời mà thôi, mà bên hạng 1đ,10 ngồi trên khán đài An-nam cũng đông thập phần, lại đòn bà số gần phân nửa. Khi mới vô, thấy Phát tướng thiên hạ vì muốn coi ngựa chạy đua nên chịu tốn tiền đến coi chơi cũng như coi hát, hay là coi đá banh. Té ra ngồi một lát, thấy dòm coi thiên hạ bàn bàn luận luận, đi coi ngựa, hỏi tên nài, rồi chen nhau mua giấy, kể con ngựa số 1 năm mười đồng, người cá con ngựa số khác năm ba chục, có người lại dám cá tới năm ba trăm, đòn bà cũng mua giấy cá bạc chục như đòn ông, người cá về nhất, người cá về nhì, về ba, kể khen ngựa hồng hôm dượt chạy hay, kể chê ngựa đậm bị chở nặng. Chừng ngựa về tới mức, người trúng thì vỗ tay nháy nhót, chạy đi lãnh tiền, còn kẻ thua thì mặt mày buồn hiu, lấy chương trình ra ngồi tính coi độ kế phải đánh con nào mà gỡ".<sup>(1)</sup>.

Các hoạt động văn hóa văn nghệ cũng khá rình rang, riêng các vở diễn cải lương thì được cho công diễn ở vị trí khá quan trọng là nhà Hát Tây (nay là nhà hát Thành phố): "Ăn cơm rồi hai người dắt nhau đi. Tuy đã nhứt định đi coi Vườn thú rồi về, xong xuống tới đó coi cùng vườn rồi, Ba Sang theo nài-nỉ hoài, ông Cử phải đi luôn ra đường Catinat

1 Hồ Biểu Chánh, *Ở theo thời*, Sài Gòn, 1935.



(nay là đường Đồng Khởi - TG). Đến trước rạp hát Tây thấy có một cái băng trống hai người mới ngồi lại mà nghỉ chơn. Lối 2 giờ rưỡi chiều, lại nhằm mùa mưa, nên mặt trời ui-ui, khí trời mát-mẻ. Hai người ngồi coi đoàn xe hơi qua lại, cái thì chở khách mặt-máy hớn-hở, cái thì chở khách bộ-tịch buồn hiu, nghe bọn kéo xe luận-đàm, đùa thì có tiền no đủ, nói nói cười cười, đùa thì kiếm chưa đủ tiền xe nên than phiền số-phận.

Cách một lát có một đứa nhỏ ở phía dưới mé sông đi lên, tay lắc chuông kêu leng-keng, vai vác một tấm bảng đỏ lói, đi tới cái băng chỗ ông Cử và Ba Sang ngồi, đứa nhỏ ấy dựng tấm bản một bên, rồi ngồi gần Ba Sang mà nghỉ chơn. Ba Sang không biết chữ, không hiểu tờ giấy đỏ dán trên tấm bảng ấy nói chuyện gì, nên vỗ vai thằng nhỏ mà hỏi: "Em rao bán giống gì vậy em?". Thằng nhỏ cười đáp: "Trời ơi, anh nầy quê quá, bảng rao hát cải lương chớ bán giống gì". "Anh không thấy hình đó sao? Hình đó là hình cô đào nhứt trong gánh, tối nay thủ vai Bàng Quí-Phi cụp lăm."

Ba Sang với lấy tấm bảng, cầm coi cái hình, khen cô đào xinh-đẹp, rồi kêu ông Cử mượn đọc, coi những hàng chữ in ở trên cái hình đó nói giống gì vậy. Ông Cử không nỡ tiếc công lại cũng muốn biết cái bảng rao hát tuồng gì, nên ông liền cầm tấm bảng mà đọc như vậy.



“Hát tại nhà hát thành-phố Saigon/ Tối chúa-  
nhật 16 Aout 19.../ Ban hát cải-lương Sắc-Thịnh đi  
Lục tỉnh mới về/ Sẽ diễn tuồng “Xử tội Bàng Quí-  
Phi”/ Cô Sáu Hảo thủ vai Bàng Quí-Phi xuất-sắc/  
Hay lắm! Hay lắm!”<sup>(1)</sup>

“Hai thấy dắt nhau xuống rạp hát Thanh Bạch,  
thấy ngoài cửa dán giấy đề “Hát hay lắm” chữ lớn  
đại, nghe trong rạp kèn trống vang vầy. Thấy Ký  
mua hai cái giấy hạng nhứt rồi dắt nhau vô cửa.  
Bầu gánh cổ động thì khoe hát hay lắm, mà kếp  
hát ra sân khấu thì hát không ra tiếng. Hai thấy  
ngồi coi tới chín giờ rưỡi, không thấy lớp nào hay,  
nên thối chí rủ nhau ra về.”<sup>(2)</sup>

Vốn là chốn phồn hoa đô thị, bên cạnh một Sài  
Gòn năng động làm ăn, còn có một Sài Gòn sắc sảo  
đèn màu với những lối ăn chơi xa xỉ đủ điều: “Cách  
vài ngày sau hai anh em dắt nhau vô một nhà hàng  
bán rượu mà coi ‘An-nam nhẩy đầm’. Thấy giáo  
Phát thấy con trai con gái đeo nhau mà nhẩy trước  
mặt công chúng thì trái với con mắt quê mùa của  
thầy quá, nên hối thầy Ký uống rượu riết cho hết  
mà ra.”<sup>(3)</sup>

Hay: “Xe chạy chậm chậm, thầy Phát ngó vô  
mấy quán nem, thì quán nào khách khứa cũng

1 Hổ Biểu Chánh, *Ông Cử*, Sài Gòn, 1935.

2 Hổ Biểu Chánh, *Ở theo thời*, Sài Gòn, 1935.

3 Hổ Biểu Chánh, *Ở theo thời*, Sài Gòn, 1935.

đông nức song khách từ dục mà ngồi, mà bàn nào cũng có đòn bả và cũng cười giỡn om sòm. Thấy Tài biểu sắp phơ ghé xe ngay cái quán lớn hơn hết, rồi dắt vợ và em lại ngồi một cái bàn để ngoài sân, kêu bồi đem nem ăn. Cái bàn ngang phía bên kia thì có ba người ngồi; một người trạc chừng hai mươi bốn, hai lăm tuổi, mặt dôi phấn trắng nõn, đầu xức dầu rồi chải tóc láng lẩy, mình mặc bộ đồ ga-bạc-đin xám, chon mang một đôi giày nửa trắng, nửa vàng. Người trai ấy ngồi giữa, hai bên có hai cô cặp kè. Một cô mặc áo quần toàn màu đỏ, một cô mặc áo quần toàn màu xanh, áo thì vắn chừng hai tay và tròn có giún tai bèo, cô nào cũng dôi phấn mặt trắng toát, má ửng hồng, môi đỏ lòm, mày nhỏ rúc.

Thấy Phát tuy ngồi ăn nem, mà mắt liếc qua cái bàn đó, thì thấy hai cô giỡn hót với cậu, nói nói, cười cười, rồi lại ôm mặt mà hun, không kể ai hết. Ăn uống rồi cậu móc bóp ra trả tiền, hai tay cặp hai cô, vác mặt hân hoan bước lên xe mà đi.”<sup>(1)</sup>

Sài-gòn quả là chốn phồn hoa đô hội, người dân nơi đây được hưởng thụ những vinh hoa, nhưng cũng còn quá nhiều cảnh đời cơ cực, sống trong những xóm lao động nghèo hèn: “Trời chạng-vạng tối. Dây nhà lá ở dài theo bờ kinh Dérivation, là cái kinh đào từ Lăng-Tô vô Rạch-Cát để chở lúa

1 Hồ Biểu Chánh, *Ở theo thời*, Sài Gòn, 1935.



gạo trong các nhà máy Chợ-lớn đem ra thương-khẩu Sài-gòn, lần lần lu lờ, làm cho phai bớt cái vẻ nghèo hèn thấp thỏi được chút ít. Tuy vậy mà đám con nít chạy chơi ngoài lộ, đứa quần áo lang-thang, đứa mặt mày dơ-dáy; những người đờn-bà ngồi ngoài cửa hừng mát, hoặc đút com cho con ăn, phần nhiều hình vóc ốm-o, tóc tai xụ-xọp; những đờn-ông làm ở các sở, mãn giờ đi về dập-dề, người nào cũng da nám tay chai; quang cảnh ấy, cũng đủ chứng cho cái xóm nầy là xóm bình dân lao động<sup>(1)</sup>.

Và những thân phận nghèo khổ đó đã bất chấp tất cả để được ăn và uống: “Thấy Ký ăn hủ tiếu, thấy vớt thịt với hủ tiếu ăn hết, chỉ còn một mớ giá với nước rồi xô cái tô qua một bên mà uống cà phê. Cái tô hủ tiếu vừa mới trịch qua, thì có một người trai và một đứa nhỏ đứng hòm hỏì nào gần đó không biết, áp lại giành bung cái tô. Người trai giành được bèn kê cái tô vô miệng mà húp nước hủ tiếu rồn rột, rồi lại lấy đũa và mớ giá mà nuốt nữa. Đứa nhỏ giành không lại, thì đứng ngó lườm lườm, coi bộ tức giận lắm. Thấy Phát thấy vậy mới móc túi lấy một đồng xu mà cho thằng nhỏ. Thằng nhỏ chưa kịp tạ ơn, bỗng thấy cái bàn gần đó có người đứng dậy đi, mà bỏ ly cà phê còn dư bọt, nó chụp lấy đồng xu rồi với bung ly cà phê dư mà uống ọt ọt.

1 Hồ Biểu Chánh, *Lạc đường*, Vinh Hội, 1937.

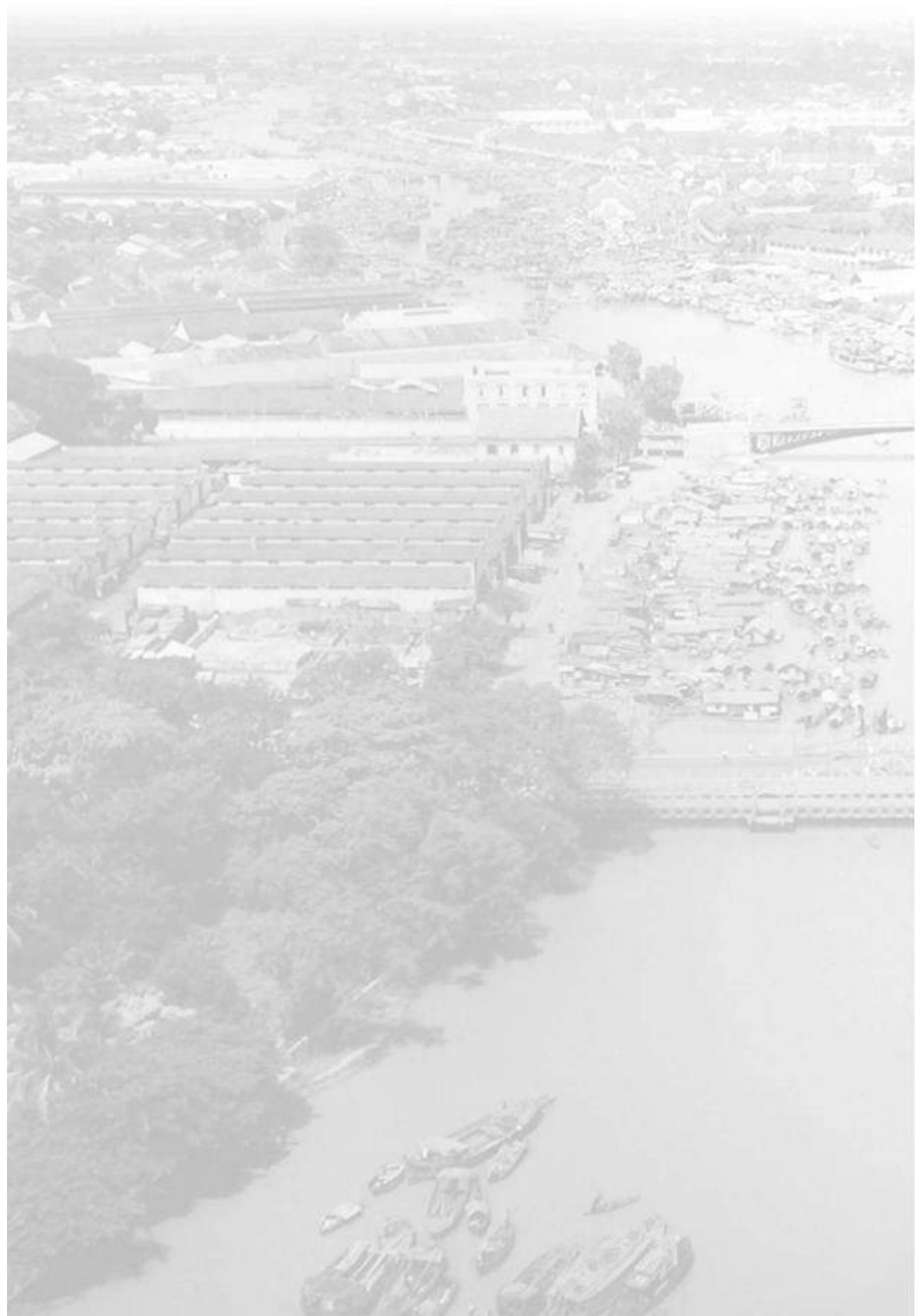


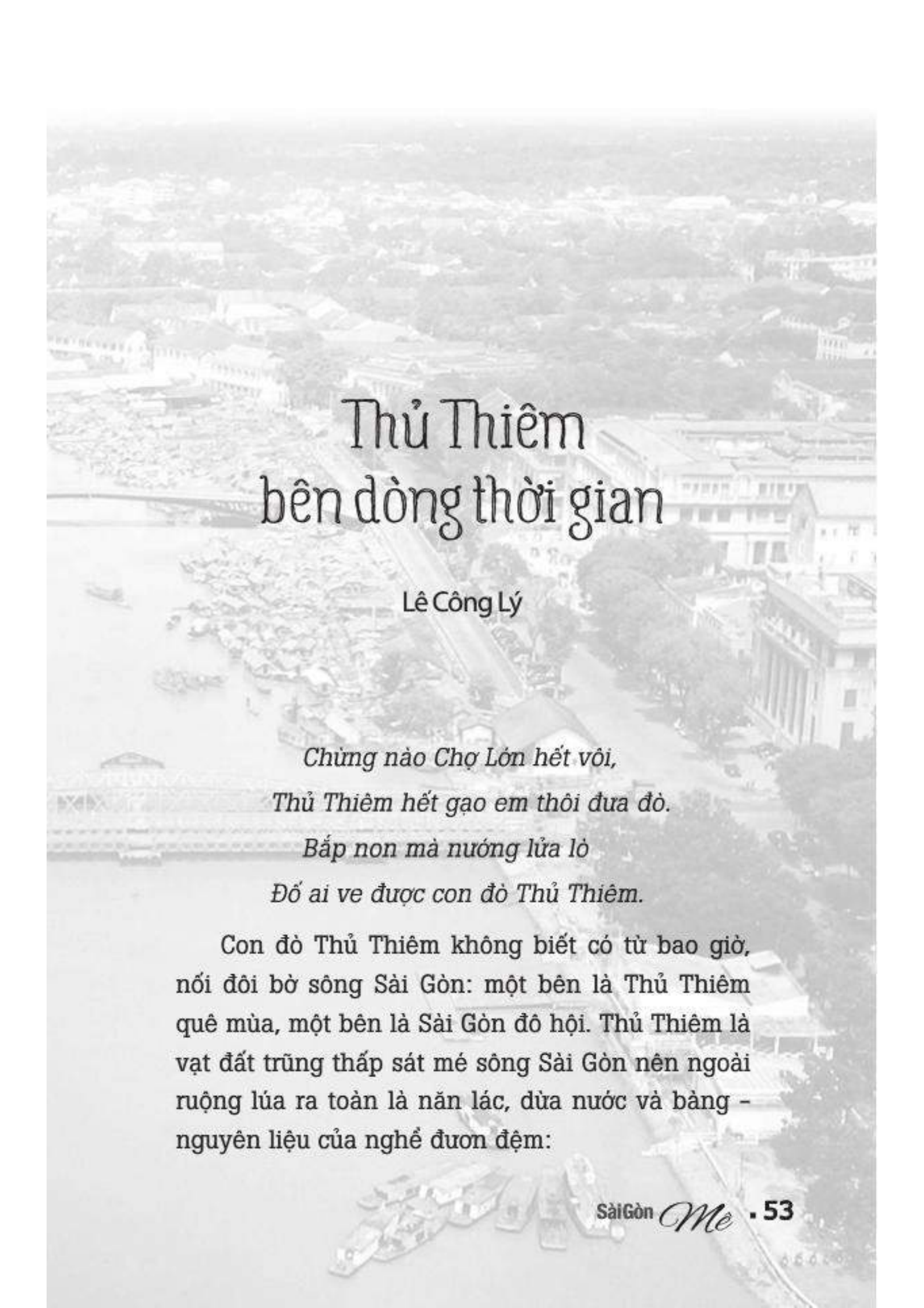
Thấy băng qua mé nhà chợ, thấy gặp một tốp con nít đứa quần áo lang thang, đứa ở trần trụi, mỗi đứa có một cái thúng, thấy ai mua đồ thì chạy theo xin đội giùm về nhà. Lại cũng có nhiều con nít khác nữa, đứa ôm nhứt trình, đứa ôm sách, đón mời khách mua giùm. Con nít đến tuổi nầy thì phải ở tại nhà trường, vì cái nghèo mà phải chịu cực khổ từ lúc thơ ngây, ăn không no, ngủ không khỏe, đau không ai săn sóc, làm không ai dạy khôn, rõ ràng sanh làm người ta chẳng phải là hạnh phúc, rõ ràng chốn dương trần chẳng phải là nơi khoái lạc<sup>(1)</sup>.

Qua những trang viết của Hồ Biểu Chánh, phần nào đã cho ta hình dung được những sinh hoạt cũng như đời sống xã hội của người dân Sài Gòn hơn 70 năm về trước.

---

1 Hồ Biểu Chánh, *Ở theo thời*, Sài Gòn, 1935.





# Thủ Thiêm bên dòng thời gian

Lê Công Lý

*Chừng nào Chợ Lớn hết vôi,  
Thủ Thiêm hết gạo em thôi đưa dò.  
Bắp non mà nướng lửa lò  
Đố ai ve được con dò Thủ Thiêm.*

Con dò Thủ Thiêm không biết có từ bao giờ, nổi đôi bờ sông Sài Gòn: một bên là Thủ Thiêm quê mùa, một bên là Sài Gòn đô hội. Thủ Thiêm là vạt đất trũng thấp sát mé sông Sài Gòn nên ngoài ruộng lúa ra toàn là năn lác, dừa nước và bèo - nguyên liệu của nghề đươn đơm:



*Ngó lên trên chợ Thủ Thiêm,  
Thấy em đươn đệm giắt ghim trên đầu.*

Cô gái Thủ Thiêm quê mùa nhưng sao mà có duyên lạ. Chiếc ghim dùng để đươn đệm giắt trên đầu như một thứ trâm cài tóc quý phái, nó sắc nhọn, thanh mảnh, khế lắc lư theo từng động tác của đôi tay và từng hơi thở của cô nàng.

Còn cô gái đưa đồ chắc là trẻ lắm và rất mực dịu hiền nên mới có sức hấp dẫn mê ly như bắp non vừa nướng lửa lò thơm lừng, quyến rũ. Chắc cô đã từng là người trong cuộc hay chứng nhân cho biết bao mối tình giữa đôi bờ sông:

*Ngày đi non nước hẹn hò,  
Ngày về vắng dạng con đò Thủ Thiêm.*

Hai cô gái đó đã làm nên diện mạo Thủ Thiêm chất phác, quê mùa thật đáng yêu.

Nhưng Thủ Thiêm cũng có xóm Tàu Ô (Ghe đen) mà đêm đêm chỉ nghe tiếng thoi, trẻ con cũng phải nín khóc. Đó là nơi cư trú của nhóm người Hoa vốn chuyên nghề cướp biển, sơn ghe màu đen, sau thần phục chúa Nguyễn hình thành xóm Tàu Ô được gọi là *Tuấn hải đô dinh*, nghĩa là doanh trại của đội tuần tra bờ biển, đặt dưới quyền chỉ huy của một viên tướng Hoa kiều.

Sau khi Pháp chiếm Sài Gòn, tàu chiến của Pháp thường trực neo đậu tại bến Thủ Thiêm nên cũng gọi là xóm Thủy Trại hay xóm Thủy.

Thủ Thiêm nằm sát nách đầu não Sài Gòn và sát bờ sông Sài Gòn nên giữ vị thế cực kỳ quan trọng. Bởi vậy mà chúa Nguyễn cho đặt tại đây trạm kiểm soát đường sông gọi là “thủ”, vừa có chức năng thu thuế, vừa giữ an ninh đường sông. Cách bến Thủ Thiêm khoảng 500 m về phía Nam, sát bờ Đông sông Sài Gòn còn có đồn Cá Trê (Giác ngư) án ngữ đối diện với đồn Rạch Bàng (Thảo câu) ở bờ Tây sông Sài Gòn (nay ở chỗ cầu Tân Thuận) để làm thế ỷ dốc (nuông tựa nhau), phòng ngừa quân giặc tấn công từ biển vào.

Do nằm đối diện với thành Sài Gòn nên trong suốt hơn 300 năm, Thủ Thiêm đã chứng kiến biết bao cuộc bể dâu: bao trận nội chiến thư hùng giữa chúa Nguyễn Ánh và nhà Tây Sơn, đến Lê Văn Khôi nổi loạn, vua Minh Mạng ra lệnh phá thành Bát Quái (thành Quy), xây lại thành Phụng, rồi đến thực dân Pháp xâm lược. Chính Thủ Thiêm đã biết bao lần phải chứng kiến cảnh thành Sài Gòn bị phong tỏa, cưỡng hiếp rồi san bằng thành bình địa: “*Bến Nghé của tiền tan bọt nước*”...

Cũng do nằm ở cửa ngõ đường sông của thủ phủ Sài Gòn nên Thủ Thiêm sớm trở thành nơi dừng chân của dân tứ xứ. Chính vì vậy mà Thủ Thiêm tuy nhỏ nhưng tập trung rất nhiều cơ sở thờ tự như: đình, chùa, miếu, đền, từ, thánh thất... Trong đó có đền Cô Bơ và *Đảng Giang linh từ* do đồng bào miền Bắc di cư vào lập nên. Đặc biệt,



miếu ông Địa chính là dấu tích của đời sống nông nghiệp ở Thủ Thiêm trước đây.

Suốt mấy trăm năm qua, mặc cho thành phố Sài Gòn phát triển không ngừng, bao nhiêu công trình đường sá, cầu cống, bến cảng, cao ốc mọc lên, Thủ Thiêm vẫn giữ vẻ trầm mặc như một chứng nhân ngoài cuộc.

Dẫu cho con đò Thủ Thiêm nhỏ nhắn đã được thay bằng phà lớn có máy móc hiện đại nhưng Thủ Thiêm và Sài Gòn vẫn như hai thế giới khác biệt, khiến du khách từ Sài Gòn qua Thủ Thiêm như trở về với lịch sử mấy trăm năm về trước của cái thuở dòng người Nam tiến còn đùm đay nhau nơi xứ lạ quê người.

Vậy mà, đến những năm gần đây, Thủ Thiêm bỗng trở mình dữ dội để đuổi theo đà phát triển của Sài Gòn. Cầu Thủ Thiêm sừng sững đã được bắc ngang sông Sài Gòn, nối liền quận Bình Thạnh và Quận 2. Rồi công trình đại lộ Đông Tây với đường hầm Thủ Thiêm len sâu dưới đáy sông Sài Gòn được khánh thành khiến Thủ Thiêm giờ đây nối liền một mạch với Sài Gòn. Công trình đường hầm hiện đại nhất Việt Nam này đang vực Thủ Thiêm dậy một cách mãnh liệt chưa từng có. Rồi biết bao công trình hiện đại khác cũng sẽ mọc lên trên nền đất Thủ Thiêm vốn đầy năn lác, đung, bàng, cỏ dại và dừa nước. Biết bao cảnh đời cũng theo đó mà



đổi thay. Từ một đồn canh của chúa Nguyễn, phố  
Đông Thủ Thiêm mọc lên sẽ biến Sài Gòn thành  
một Thượng Hải của Việt Nam.

Con đò Thủ Thiêm chắc sẽ vĩnh viễn biến mất  
để thay bằng ca-nô và tàu cánh ngầm hiện đại. Cô  
lái đò và cô nàng đươn đệm của Thủ Thiêm đã đâu  
thai bao kiếp, bắt gặp cảnh tượng đó có tránh khỏi  
chút lòng lưu luyến chăng?

# Luật sư Sài Gòn trước năm 1975

Trương Thị Hòa

**L**uật sư là một nghề tương đối mới. Nói “mới” là so sánh với các ngành, nghề truyền thống lâu đời khác, như “ngư, tiểu, canh, mục”, “sĩ, nông, công, thương”; chứ còn tính theo thực tế từ lúc nó mới xuất hiện ở nước ta cho tới ngày nay thì ngắn



ngghét cũng đã hơn một thế kỷ. Nơi đầu tiên xuất hiện nghề này là Sài Gòn và nói thật chính xác cũng đã 148 năm.

## **Ngày xưa ở nước ta không có luật sư**

Dưới chế độ quân chủ phong kiến phương Đông, nước ta cũng như các nước lân bang (Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên...) đều không có luật sư, vì lúc đó những người hiểu biết luật lệ, có khả năng chỉ vẽ cho dân chúng cách thức thưa kiện đều bị liệt vào hạng “xui nguyên giục bị”, cũng giống như bọn người “xướng ca vô loài”, đều bị coi là kẻ xấu, bị phân biệt đối xử, mà trước mắt là bị cấm đi thi. Cấm đi thi thì coi như tàn đời, không còn hy vọng nào cất lên để làm quan, tham gia việc nước. Theo học giả Đào Duy Anh viết trong *Việt Nam văn hóa sử cương*: “Nhà lập pháp (xưa) dụng tâm làm cho dân bớt kiện tụng, như gia tội những người chống án không căn cứ, cấm nghề thầy kiện, thầy cung”<sup>(1)</sup>. Nhà học giả nói vậy vì theo ông, dân Nam ta “rất hiếu tụng” (thích thưa kiện), ai giúp dân chúng kiện thưa cũng là góp phần làm cho xã hội thêm rối ren, lộn xộn.

Có lần giao lưu cùng độc giả tại Nhà xuất bản Tổng hợp (năm 2014), nghe tôi nói vậy có bạn

1 Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014, tr.137.



đọc đã đặt câu hỏi: “Nói thời xưa, nhà nước phong kiến cấm làm thấy kiện thì tại sao trong tác phẩm văn học Việt Nam cổ (Truyện Trê Cóc)<sup>(1)</sup> có nhân vật “thấy kiện trứ danh” là Nhái Bén mách giúp vợ chồng Cóc tranh kiện thắng Cá Trê?”

Nhân đây, xin bàn lại câu chuyện ngụ ngôn này: Bữa nọ, Cóc cái đẻ trứng dưới ao, trứng nở ra bầy nòng nọc. Trê thấy nòng nọc hình dáng giống mình bèn bắt đem về nuôi. Cóc đem vụ “bắt cóc trẻ em” ấy trình thưa đến quan Tri Huyện sở tại. Trên đường tranh tụng, Trê được Lý Ngạnh (cũng là một loài cá) mách bảo phải có tiền quà cáp cho quan thì mới được quan bênh. Quả thật, sau khi nhận quà biếu, quan Huyện ra mặt bênh vực Trê và ra lệnh tống giam Cóc vào ngục. Vợ Cóc bèn hỏi thăm đến nhà Nhái Bén vốn là một “tay thấy kiện trứ danh” nhờ giúp đỡ. Nhái Bén tư vấn cho vợ Cóc: “Đừng kiện chi, chờ cho nòng nọc đến kỳ rụng đuôi thành Cóc nhảy lên bờ thì với chúng cứ rành rành đó, Trê phải thua thôi, khỏi cần “chạy”!”. Nhờ có thấy kiện Nhái Bén chỉ dẫn thế mà sau đó nguyên đơn vợ chồng Cóc thắng kiện. Chuyện đến đây là hết.

Đọc xong truyện thơ này, ai cũng thấy sờ dĩ vợ chồng Cóc thắng kiện là nhờ họ có chứng cứ rõ

---

1 Tác phẩm này được suy đoán ra đời trước thế kỷ XIX (tuy đến nay vẫn không biết tác giả là ai, ra đời lúc nào) song đã được nhà phê bình văn học Bùi Huy Bích (1744-1818) nghiên cứu ghi lại trong cổ văn học sử Việt Nam.

ràng, không thể tranh cãi được. Chuyện này cũng ngụ ý phơi bày một thực tế là thời xưa, mặc dù nhà cầm quyền không cho phép làm nghề thầy kiện “xui nguyên giục bị”, nhưng vì thực tế nhiều người có nhu cầu nên trong xã hội thời xưa cũng đã phát sinh một lớp người hành nghề “chui”. Thời ấy cũng đã có hai loại thầy kiện: một loại “thầy dùi” (như Lý Ngạnh) chuyên bày vẽ chuyện mảnh mung, làm môi giới hối lộ, chỉ biết dựa vào thủ đoạn không trong sáng để giải quyết thắng thua. Đó là loại “thầy” không tốt. Bên cạnh cũng có loại “thầy” đàng hoàng, có sao nói vậy, loại thầy kiện chân chính này (như Nhái Bén) không cần dùng tới thủ đoạn lừa gạt ai, chạy chọt cho ai mà vẫn làm được việc cho thân chủ nhờ mình.

Thực tế xã hội xưa nay đều có hai loại thầy kiện ấy: tốt và xấu. Đó là cái quy luật tất yếu ở đời, thời nào cũng có.

## **Luật sư Tây bảo vệ dân ta**

Ngay sau khi chiếm được một phần đất “Nam Kỳ lục tỉnh” nước ta (1859 - 1862), Pháp liền bắt tay vào việc tổ chức nền tư pháp ở xứ Nam Kỳ (Cochinchine) bằng Sắc lệnh ngày 25/7/1864 của Hoàng đế Pháp Napoléon đệ tam. Trong đó, Điều 27 nêu chủ trương: “Có thể thiết lập do nghị định của quan Thống đốc (Gouverneur) những người bào chữa đảm trách việc biện hộ và làm rõ cho



việc thẩm xét những vụ kiện dân sự và thương mại (...), biện hộ cho những bị cáo và bị can trước Tòa đại hình và Tòa tiểu hình". Thực hiện chủ trương này, ngày 26/11/1867, viên Thống đốc Nam Kỳ là De la Grandière ban hành Nghị định về việc bào chữa trước các Tòa án Pháp, thành lập Tổ chức Bào chữa viên Sài Gòn (Corps des défenseurs de Saigon), đầu tiên chỉ có 5 người bào chữa viên, 12 năm sau tăng lên 7 (năm 1879), rồi 14 (năm 1894), 16 (năm 1904), 25 (năm 1909). Danh hiệu "Bào chữa viên" (Défenseurs) sau đổi thành "Luật sư - Bào chữa viên" (Avocat - Défenseur), rồi "Luật sư" (Avocat). Tất cả luật sư đều phải là người Pháp.

Tuy là người Pháp nhưng do truyền thống nghề nghiệp, khi bào chữa, các trạng sư<sup>(1)</sup> thường có phong cách trung thực, dũng cảm trước tòa án thực dân. Như khi cãi cho bị cáo Nguyễn An Ninh trong vụ án chính trị "Hội kín Nguyễn An Ninh" ngày 17/7/1929, Trạng sư Gallet đã vào đấu bài bào chữa của mình bằng cách đả kích thẳng thừng nhà nước Đại Pháp: "Lễ 14 Juillet<sup>(2)</sup> vừa qua, nào là lính pháo thủ, súng đồng, xe thiết giáp đi diễu hành rần rần ngoài đường. Công chúng vỗ tay như pháo nổ. Ai cũng thấy cái oai võ của Chính phủ Pháp ngày hôm đó. Rồi bây giờ đến đây nhìn tận mặt những kẻ mà người ta nói là "lập hội kín" để khuynh đảo Chính phủ thì chắc ai cũng phải buồn

1 Thời này, dân ta quen gọi luật sư là "trạng sư".

2 Ngày 14/7 là ngày Quốc khánh của nước Pháp.



tủ. Trong hồ sơ vụ án này tưởng như nó có cái mùi hơi then thuồng quái gở quá! Quý ngài hãy nhìn lại mà coi. Có phải một đám “ăn mày làm giặc” không? Một nhóm như thế, người thì quê mùa, dốt nát, đứa thì trộm cắp, gian dối. Vậy mà nói Nguyễn An Ninh tụ tập họ lại để khuynh đảo Chính phủ thì thật là một việc đáng mắc cỡ, hổ thẹn cho cái Chính phủ này! Không, Nguyễn An Ninh là người đáng được tin tưởng mà bốn phen của chúng ta phải nghĩ lại<sup>(1)</sup>.

Còn trong vụ án tranh chấp đất đai dẫn đến cái chết của một ông Cò Tây, về tội “chống người thi hành công vụ”, ở Tòa đại hình Cần Thơ, ngày 17/8/1928, Trạng sư Tricon đã bào chữa cho bị cáo Biện Toại bằng cách lên án thẳng thừng chính sách đất đai của thực dân Pháp ở Việt Nam lúc bấy giờ: “Chính sách trưng khẩn ruộng đất thời đảng cựu (dưới thời quân chủ nhà Nguyễn) thật là công bằng và thích hợp với thực tế; trong khi đó, những luật lệ về trưng khẩn đất đai của chính quyền Pháp đặt ra chưa thực sự hoàn hảo mà có thể gây ra nhiều rắc rối khi áp dụng vào thực tế. Thủ tục thời gian quá kéo dài từ khi đương sự được tạm cấp đất đến khi họ được cấp giấy tờ vĩnh viễn. Vì vậy mà có thể xảy ra hiện tượng gian giảo, cưỡng đoạt...”. Rồi ông kết luận: “Chúng ta, những người Pháp nên xây dựng ở xứ này một chế độ độc tài – không phải độc tài bằng sức mạnh của súng đạn mà là độc tài của tình

1 Phan Đăng Thanh – Trương Thị Hòa, *Truyền thống luật sư Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2014, tr. 281.

cảm tốt đẹp (Non pas de la dictature de la force du mousqueton, mais de la dictature du cœur)<sup>(1)</sup>.

Thời Pháp thuộc, luật sư người Việt rất hiếm, vì “chức” này là ân huệ chỉ dành cho người Việt đã nhập tịch Pháp (đã vô dân Tây). Trước năm 1930, Luật sư đoàn Sài Gòn có vài chục người, đa số là người Pháp. Hai người Việt có chân trong Luật sư đoàn Tòa Thượng thẩm Sài Gòn đầu tiên là Luật sư Phan Văn Trường (1876 - 1933) và Luật sư Trịnh Đình Thảo (1901 - 1986). Cả hai ông đều học luật ở Pháp, đỗ bằng Tiến sĩ Luật ở Trường Đại học Paris (Phan Văn Trường) và Trường Đại học Marseille (Trịnh Đình Thảo). Cả hai ông đều từng là thành viên của các Đoàn luật sư bên Pháp. Khi về Sài Gòn, Phan Văn Trường mở Văn phòng luật sư tư vấn (Cabinet d’avocat consultant) tại số 119 đường Mac Mahon (nay là đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa). Văn phòng luật sư tranh tụng của Trịnh Đình Thảo cũng đặt ở đường Mac Mahon, cách trụ sở Tòa án Sài Gòn chừng vài trăm mét. Cả hai ông đều là những nhà trí thức yêu nước lớn, đối lập với chính quyền đương thời, đã nhiều lần vào tù ra khám... cho nên mới có câu rằng:

*“Quốc tịch mang danh dân Phú Lãng*

*Thâm tâm vẫn máu họ Hùng Vương”<sup>(2)</sup>.*

1 *Truyền thống luật sư Việt Nam*, tr. 298. Trong các phiên tòa dưới thời Pháp thuộc, quan tòa, chương lý, luật sư đều nói tiếng Pháp, có thông ngôn phiên dịch ra tiếng Việt.

2 Phú Lãng là nói trại từ “Phú Lang Sa” (người Pháp).



Ở đây, cũng nhắc lại nhà yêu nước lớn Nguyễn An Ninh (1900 - 1943) - một “trạng sư chui” thời này. Nguyễn An Ninh là một sinh viên luật xuất sắc ở Pháp, sắp trình luận án Tiến sĩ thì ông bỏ về nước hoạt động cách mạng chống Tây (1923). Biết ông là người tài ba lỗi lạc, Thống đốc Nam Kỳ Cognacq dụ dỗ, cất nhắc ông làm quan tòa, làm luật sư, nhưng ông đều từ chối. Thế mà chín năm sau, sau khi bị bắt, ở tù lần thứ hai (3 năm) được trả tự do, do yêu cầu cách mạng, Nguyễn An Ninh đã tự mở một Văn phòng “Trạng sư cố vấn Nguyễn An Ninh” tại số 95 bis đường Lagrandière (tức đường Lý Tự Trọng ngày nay) làm địa điểm ngụy trang cho anh em đồng chí đến liên lạc không bị để ý. Không dè bà con truyền miệng nhau rất nhanh, mới mấy ngày mà bà con lũ lượt đến chật nhà, toàn là những vụ thua kiện quan quyền hà hiếp, bị bắt oan ức. Nguyễn An Ninh làm “trạng sư cố vấn” như vậy chỉ có một tháng thì cảnh sát đến kiểm tra giấy phép hành nghề. Vì không có chân trong Đoàn luật sư nên bị buộc gỡ bảng xuống và bị lập biên bản đưa ra Tòa tiểu hình xử phạt 16 quan tiền<sup>(1)</sup>. Về sau, trong lịch sử vẫn quen gọi Nguyễn An Ninh là “trạng sư”, mặc dù thực sự ông không có tên trong danh biểu Đoàn luật sư Sài Gòn ngày nào!

Sau cuộc cải cách năm 1930 cho phép người Đông Dương cũng được làm luật sư, thì số lượng luật sư người Việt tăng lên đáng kể, dần dần chiếm

1 Báo Phụ nữ tân văn số 212 ngày 17/8/1933.



đa số trong Luật sư đoàn Tòa Thượng thẩm Sài Gòn. Các luật sư du học ở Pháp về nước, cùng với một số lượng đông đảo những người được đào tạo ngành luật tại Trường Đại học Đông Dương Hà Nội. Tuy thuộc Luật sư đoàn Sài Gòn, một số mở văn phòng và hành nghề thường xuyên ở các tỉnh như Luật sư Nguyễn Hữu Thọ tập sự tại Văn phòng luật sư Duquesnay tại Mỹ Tho và sau đó mở Văn phòng luật sư tại Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ. Luật sư Phạm Văn Bạch hành nghề ở Cần Thơ; Luật sư Trần Văn Chương hành nghề ở Bạc Liêu... Các luật sư có tên tuổi nổi tiếng ở Sài Gòn thời kỳ này có thể kể đến là: Trần Văn Chương (1898 - 1986)<sup>(1)</sup>, Trịnh Đình Thảo (1901 - 1986), Nguyễn Hữu Thọ (1910 - 1996), Phạm Văn Bạch (1910 - 1986), Phạm Ngọc Thuần (1914 - 2002), Bùi Thị Cẩm (1912 - ?)<sup>(2)</sup>, Vương Quang Nhường (1902 - ?), Nguyễn Văn Huyền (1913 - 1995), Trần Công Tường (1915 - 1991), Nguyễn Thành Vinh (1904 - 1995), Trương Đình Dzu (1917 - 1991)...

Sau khi Nhật đảo chính Pháp, ngày 17/4/1945, Nội các "Dân vi quý" của Thủ tướng Trần Trọng Kim ra đời gồm những nhà trí thức nổi tiếng lúc

---

1 Ông là một trong hai người Việt (người kia là Phan Văn Trường) đầu tiên đỗ bằng Tiến sĩ Luật ở Pháp (năm 1922). Ông là anh của Ngoại trưởng Trần Văn Đỗ và là cha của bà Trần Lệ Xuân - vợ của Cố vấn Ngô Đình Nhu (Việt Nam Cộng hòa).

2 Bà Bùi Thị Cẩm là Tiến sĩ Luật khoa ở Pháp năm 1941 và là nữ luật sư đầu tiên của Việt Nam thuộc Luật sư đoàn Tòa Thượng thẩm Sài Gòn. Luật sư Bùi Thị Cẩm là vợ của Luật sư Phạm Ngọc Thuần.

bảy giờ. Trong đó có Luật sư Trần Văn Chương giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao; Luật sư Vũ Văn Hiến làm Bộ trưởng Tài chính; Luật sư Phan Anh - Bộ trưởng Thanh niên và, Luật sư Trịnh Đình Thảo - Bộ trưởng Tư pháp.

Trên đường từ Sài Gòn ra Huế nhậm chức, Trịnh Đình Thảo ghé thăm các tỉnh dọc đường; ông ra lệnh tha hàng loạt các nhà yêu nước tù chính trị. Viên quan Nhật thấy vậy tỏ ý can ngăn. Trịnh Đình Thảo ung dung nói: "Tôi làm Bộ trưởng Tư pháp, tôi có quyền"...

## **Luật sư Sài Gòn tham gia kháng chiến chống Pháp trở lại**

Hơn một tháng sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 10/10/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 46/SL tổ chức đoàn thể luật sư. Theo đó, các tổ chức luật sư cũ được duy trì với một số điểm sửa đổi cho phù hợp với tình hình mới. Do điều kiện lúc bấy giờ, số lượng luật sư ở nước ta, cả trong Nam ngoài Bắc, đều rất ít.

Ngay sau khi giành chính quyền ở Sài Gòn, giới tư pháp Sài Gòn họp bầu Chánh án Tòa Sài Gòn, Luật sư Nguyễn Thành Vĩnh<sup>(1)</sup> được bầu làm Chánh án. "Trong cuộc họp này, có cuộc tranh luận giữa hai

---

1 Luật sư Nguyễn Thành Vĩnh (1905 - 1995) mở Văn phòng luật sư tại tư gia, số 35 đường Pierre (nay là đường Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).



nhân vật luật sư một già một trẻ. Người già là “ông tòa áo đỏ” Trần Văn Tỷ tuyên bố: “Không thể bỏ Pháp được vì mới sinh ra ta đã bú sữa Tây”. Người trẻ là Gaston<sup>(1)</sup> bật đứng lên ngắt lời: “Lâu nay tôi trọng ông như chủ bác, nhưng nay ông nói như vậy thì coi như không còn tình nghĩa gì với nhau nữa!”<sup>(2)</sup>.

Thực tế ở Sài Gòn lúc đó, Việt Minh giành được chính quyền chỉ có 28 ngày thì phải tiến hành cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp trở lại tái chiếm Đông Dương. Trong lực lượng bộ đội kháng chiến ngay ban đầu đã có một số trí thức “bỏ áo luật sư khoác chiến bào” trực tiếp cầm súng chiến đấu: Thái Văn Lung (1916 - 1946), Lê Đình Chi (1912 - 1949). Chỉ huy trấn thủ mặt trận Thủ Đức, Thái Văn Lung bị Pháp bắt tra tấn dã man, ông một lòng không khai báo nên bị giặc đánh chết. Luật sư Thái Văn Lung dũng cảm hy sinh ở tuổi 30 trong những ngày kháng chiến đầu tiên... Lê Đình Chi là luật sư Tòa áo đỏ (Tòa đại hình) Sài Gòn. Theo kháng chiến, ông được phân công giữ chức Giám đốc Nha Quân pháp Nam Bộ. Ngày 2/6/1949, sau một trận càn của giặc ở Đồng Tháp Mười, ông bị trúng đạn máy bay oanh tạc, hy sinh ở tuổi 37, để lại cho kháng chiến nhiều tài liệu huấn luyện pháp lý giá trị do ông tổ chức biên soạn: *Quân luật Việt Nam*,

1 Gaston là tên Tây của Luật sư Phạm Ngọc Thuần (1914 - 2002), trí thức công giáo, anh của các nhà yêu nước Phạm Ngọc Thảo...

2 Nguyễn Hùng, *Nam Bộ: Những nhân vật một thời vang bóng*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2003, tr.163.

*Hình luật sơ lược, Luật Hiến pháp sơ giảng, Hình luật tố tụng...*

Một số trí thức đang hành nghề luật sư ở Sài Gòn và các tỉnh Nam Kỳ, từ đấu tranh yêu nước đã trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương<sup>(1)</sup> đồng hành cùng lịch sử tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang và chính trị kéo dài suốt 9 năm (1945 - 1954). Trong hàng ngũ kháng chiến, các luật sư đã được bố trí sử dụng vào những chức vụ quan trọng của cách mạng như: Luật sư Phạm Văn Bạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Nam Bộ, Ủy ban Kháng chiến hành chánh Nam Bộ; Luật sư Phạm Ngọc Thuần, Phó Chủ tịch có thời kỳ giữ Quyền Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ, kiêm nhiệm chính trị viên Nam Bộ phụ trách 3 quân khu 7, 8 và 9; Luật sư Trương Tấn Phát, Giám đốc Sở Tư pháp; Luật sư Nguyễn Thành Vinh, Giám đốc Sở Tài chánh.

Trong hàng ngũ các luật sư hoạt động công khai ở thành, thời kỳ này có Luật sư Hoàng Quốc Tân<sup>(2)</sup> là một Tiến sĩ Luật khoa, đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương, lãnh công tác trí vận tại đô thành Sài Gòn, với cương vị một thành ủy viên.

1 Luật sư Phạm Ngọc Thuần và vợ là Luật sư Bùi Thị Cẩm, Luật sư Phạm Văn Bạch, Luật sư Nguyễn Thành Vinh... đều được kết nạp vào Đảng trong thời kỳ Nam Bộ kháng chiến.

2 Hoàng Quốc Tân là cháu nội của Hoàng Cao Khải, Thượng thư Bộ Hình của Triều đình Huế.



Tháng 5 năm 1948, Luật sư Hoàng Quốc Tân thay mặt Đảng kết nạp Nhà giáo Bùi Thị Nga<sup>(1)</sup> vào tổ chức Đảng Cộng sản. Công tác Đảng ngày càng phát triển mạnh, chi bộ Đảng hoạt động trong giới trí thức Sài Gòn - Chợ Lớn do Dược sĩ Phạm Thị Yên làm Bí thư kết nạp được nhiều đảng viên mới. Chi bộ đã có hơn 10 đồng chí: Dược sĩ Hồ Thu, Giáo sư Lê Văn Huấn, Giáo sư Cổ Tấn Luông, Nhà văn Tam Ích, Nhà giáo Bùi Thị Nga, Luật sư Hồ Tri Châu, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Kỹ sư Nguyễn Văn An, Nhà giáo Huỳnh Ngọc Anh<sup>(2)</sup>...

Luật sư Hồ Tri Châu là Thủ lĩnh Luật sư đoàn Tòa Thượng thẩm Sài Gòn hai nhiệm kỳ 1966 - 1967 và 1967 - 1968. Trước đó gần 20 năm ông cũng đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Luật sư Nguyễn Hữu Thọ bắt đầu hành nghề luật sư vào những năm trước Cách mạng tháng Tám 1945 khi ông vừa hơn 20 tuổi (1930). Từ một luật sư của phong trào nội thành, Nguyễn Hữu Thọ đã được giải thoát ra vùng kháng chiến (1961) rồi trở thành một trong những lãnh tụ của cả dân tộc Việt Nam, đấu tranh hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước (1975)...

1 Bà Tám Chí, vợ Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát.

2 Hồ Hữu Nhựt, *Trí thức Sài Gòn - Gia Định 1945 - 1975*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.172.

## Luật sư dưới chính quyền Sài Gòn

Trong giai đoạn thực hiện “giải pháp Bảo Đại”, Chính phủ Quốc gia ban hành quy chế mới về tổ chức luật sư thông qua Dự số 25 ngày 5/12/1952; sửa đổi, bổ sung bởi Dự số 41 ngày 15/11/1954 của Quốc trưởng Bảo Đại.

Trong giai đoạn này, Luật sư Vương Quang Nhường, sinh năm 1902 tại Yên Luông Đông (Gò Công), tốt nghiệp Tiến sĩ Luật khoa ở Pháp là một khuôn mặt trí thức lớn của Nam Kỳ, các giới thượng lưu Việt - Pháp đều kính nể. Trong Chính phủ Quốc gia Việt Nam cuối cùng với Thủ tướng Ngô Đình Diệm (từ tháng 7/1954 đến 26/10/1955), có các luật sư sau đây tham gia: Luật sư Trần Văn Chương giữ chức vụ Quốc vụ khanh; Luật sư Trần Chánh Thành, Bộ trưởng tại Phủ Thủ tướng; Luật sư Lê Ngọc Chấn, Bộ trưởng Quốc phòng...

Sau Hiệp định Genève năm 1954, đất nước tạm phân chia thành hai miền Nam - Bắc. Trong giai đoạn này, có hai quy chế luật sư lần lượt được ban hành ở miền Nam: Quy chế theo Luật số 1/62 ngày 8/1/1962 thời Ngô Đình Diệm và quy chế theo Sắc luật số 025/66 ngày 7/7/1966 thời Nguyễn Văn Thiệu.

Trước ngày 30/4/1975, dù Đại học Luật khoa Sài Gòn (cũng như Đại học Văn khoa) tổ chức theo chế độ mở (vào học không phải qua cuộc thi tuyển),



tổng số sinh viên các ban, các cấp thường xuyên ghi danh theo học có đến hàng mấy ngàn người, nhưng do chế độ đào tạo nghiêm túc nên số sinh viên tốt nghiệp Cử nhân (đủ khả năng vào nghề luật sư) không quá 100. Do đó, việc gia nhập Luật sư đoàn Sài Gòn (cũng theo chế độ mở) cũng không đông. Theo Danh biểu luật sư của Luật sư đoàn Tòa Thượng thẩm Sài Gòn niên khóa 1974 - 1975, Luật sư đoàn Sài Gòn có tất cả 390 Luật sư thiết thọ và 490 Luật sư tập sự; Thủ lĩnh Luật sư đoàn là Luật sư *Trần Văn Tốt* (Thủ lĩnh Luật sư đoàn Sài Gòn cuối cùng trước ngày 30/4/1975 là Luật sư Trần Văn Tuyên). Cố vấn đoàn (gồm các cựu Thủ lĩnh) có 6 luật sư: Phan Kiến Khuong, Nguyễn Văn Huyền, Lữ Văn Vi, Nguyễn Ngọc San, Hồ Tri Châu, Bùi Tường Chiếu. Luật sư danh dự là Luật sư Lê Thăng.

Nhìn chung, lúc mới ban đầu (thời thuộc Pháp) cho tới thời Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam trước năm 1975, Luật sư đoàn Tòa Thượng thẩm Sài Gòn là tổ chức duy nhất có phạm vi hoạt động khắp các tỉnh Nam phần. Nghề luật sư là nghề tự do, gồm các trí thức ngành luật, với số lượng tuy không đông, nhưng có uy tín lớn trong xã hội. Nhờ đó, họ đã đóng góp vai trò quan trọng với những thành quả lớn lao trong công cuộc đấu tranh cứu nước, vận động cách mạng ở Việt Nam.

# Nhà vuông tín ngưỡng dân gian ở đô thị Sài Gòn

Nguyễn Võ Cường

**N**hà vuông là nhà mặt bằng hình vuông, ngôi nhà chỉ có bộ giàn chò, mái che, không có vách nên có nơi gọi là nhà Võ (Võ ca) - chữ Vũ tức là chữ Võ trong chữ Hán có nghĩa là ngôi nhà trống trải.

Thời Nguyễn quy định ở đất Gia Định, có ba loại làng, làng lớn gọi là xã, làng vừa gọi là thôn và làng nhỏ gọi là ấp. Theo tục lệ, việc quan trọng khi thành lập làng là phải xây dựng ngôi đình và



chỉ có làng và thôn mới được xây dựng đình và ấp thì xây dựng Nhà vuông hay Võ ca không bắt buộc phải xây đình.

*Minh điều Hương* ước ban hành năm Tự Đức thứ năm (1852) nhắc đến “Kỳ hầu” là thiết chế của một ấp hoặc một lân (hiện nay là một ấp ở xã hay một khu phố ở phường, thị trấn) cũng như Đình là thiết chế của một xã hoặc một thôn. “Kỳ hầu” trong chữ Hán có nghĩa là cái ụ đất, cái đồn nhỏ, tức là cái điểm canh hay là cái Nhà vuông hiện nay.

Trong lịch sử, Nhà vuông thường có mặt bằng 3m x 3m, trước kia Nhà vuông thường làm bằng gỗ, lợp ngói, Nhà vuông có chức năng giống như ngôi đình:

- Nơi thờ Tiên sư
- Trạm thông tin
- Nơi họp dân và là điểm canh của ấp. Trường hợp đặc biệt, Nhà vuông còn là nơi tránh nắng, dụt mưa của những người chờ đón xe, hoặc nơi trú chân của những người “ăn quán, ngủ đình”, hay là nơi chứa đồ âm công, tức là các loại dây, đòn phục vụ tang lễ.

Theo hình dáng ban đầu, Nhà vuông không bài trí hoành phi, câu đối hoặc những tác phẩm chạm khắc như đình, miếu. Tuy nhiên qua thời gian hoặc

sự tàn phá của chiến tranh, các Nhà vuông hiện nay không còn giữ được hình dáng ban đầu, những đợt trùng tu tái thiết đã đem lại hình dáng khác cho các Nhà vuông<sup>(1)</sup>.

Việc thờ phụng tại Nhà vuông mang tính thống nhất, đơn giản: ở giữa Ban thờ đặt bài vị thờ Tiên sư, bài vị đa phần được làm bằng gỗ và viết chữ Hán (có nhà viết trên kính). Tuy nhiên các Nhà vuông hiện nay do ảnh hưởng của cách thờ tự ở đình, miếu và của các bộ phận dân cư khác nên ngoài thờ Tiên sư, ở các Nhà vuông còn từng tự thêm:

*Tả Ban liệt vị, Hữu Ban liệt vị<sup>(2)</sup>, Tiên Hiền, Hậu Hiền, Ngũ phương ngũ thổ long thần<sup>(3)</sup>, Quan Thánh*

- 1 Trước hết về diện tích, các Nhà vuông đều lớn hơn quy ước, cá biệt có Nhà vuông có diện tích và quy mô gần như cái đình với mặt bằng diện tích hơn 100 m<sup>2</sup>, còn lại các Nhà vuông đều có diện tích trên 30 m<sup>2</sup>, có các hoành phi và câu đối.
- 2 Là những vị thần cận vệ của Tiên sư. Bài vị cũng được viết bằng chữ Hán, được đặt cùng ban thờ với Tiên sư.
- 3 Là năm vị thần Long mạch, tức là thần Đất đai. Năm vị thần đó là Thổ Công (Long Thần cai quản khu vực nền nhà, đặc biệt người Nam Bộ không có quan niệm Thổ Công là Táo Quân như nhân dân ở miền Bắc), Thổ Địa (Long Thần cai quản khu vực cửa cái. Người Hoa thường thờ Thổ Địa ngay cửa cái. Người Việt cũng xem Thổ Địa là Thần tiếp dẫn, nhiệm vụ đưa đón, do vậy trước kia chỉ có chùa và miếu thờ Thổ Địa nhưng gần đây, Thổ Địa được thờ ở nhà và phối tự ở Nhà vuông, đình...), Thổ Chủ hoặc Thổ Thần (là Long Thần cai quản khu gia cư, vườn tược), Thổ Phủ (là Thần Long Mạch cai quản khu vực chợ búa, thường được phối tự ở các đình, nhất là ở những nơi có chợ) và Thổ Kỳ (là Thần cai quản toàn cõi đất, Thổ Kỳ được thờ trước sân nhà ở ban thờ Thông Thiên hay còn gọi là bàn Thiên). Các vị thần này có nguồn gốc từ Trung Quốc.



*Đế quân*<sup>(1)</sup>, *Thần Hồ*<sup>(2)</sup>, *Khổng Tử*, bài vị được phối tự cùng với Tiên sư.

Sinh hoạt tín ngưỡng ở các Nhà vương mang tính thống nhất và đơn giản. Mỗi năm Nhà vương chỉ có một lễ cúng chính gọi là lễ “cúng Nhà vương” mà dân gian thường gọi là lễ cúng Tiên sư hoặc Vía Nhà vương. Lễ này tổ chức long trọng, có đông đảo bà con trong xóm, còn các lễ khác như lễ Ra mắt, lễ Khai sơn hoặc lễ đón Giao thừa chỉ mang tính chất nội bộ nên chỉ có một hai người trong ban quản lý đảm nhiệm.

*Lễ cúng Nhà vương* mang ý nghĩa là ngày “Kỳ yên” của khu phố (ấp là tên gọi chung của ấp, khu phố...). Ngày này, nhân dân trong khu phố, không phân biệt giàu nghèo cùng nhau đến Nhà vương cầu cho nhân dân khu phố được an cư lạc nghiệp, mọi việc thuận hòa.

Lễ vật cúng Nhà vương tùy theo khả năng có khi là một con heo, một cái thủ vĩ hoặc cặp vịt, đại

---

1 Quan Thánh Đế Quân tức là Quan Công (một hệ thống thần linh gồm Quan Vân Trường, Quan Bình, Châu Xương và ngựa Xích Thố) được xem là thần phù hộ xóm ấp, hội đoàn. Tín ngưỡng này được những người trong Thiên địa hội tôn phù và sau đó lan rộng ra xã hội.

2 Thần tượng trưng cho Thần Đất hoặc Thần bảo vệ mùa màng, đây là dạng tín ngưỡng sơ đẳng thời khai hoang. Huyền thoại và tập tục thờ cúng Thần Hồ là biện pháp trấn an tinh thần của người đi khai hoang.

khái là không có nguyên tắc như cúng các vị thần khác. Chương trình lễ cúng Tiên sư mô phỏng theo chương trình cúng đình nhưng rất ngắn, gọn. Tối trước ngày tổ chức lễ, những người trong ban quản lý làm lễ cáo yết bằng trầu và rượu. Sáng hôm sau, ban quản lý đánh ba hồi mõ mời nhân dân (hiện nay hình thức này chỉ còn mang tính chất tượng trưng vì một là nhân dân nhớ ngày cùng đến tổ chức lễ, hai là ban quản lý có thông báo trước cho nhân dân về chương trình lễ), nhận tiền đóng góp của nhân dân và phân công người chuẩn bị lễ. Sau khi đi chợ, nấu nướng, mâm cúng được dọn lên trang thờ, người đứng đầu ban quản lý dâng hương và khấn, sau đó đến thứ tự từ lớn đến nhỏ, mọi người lần lượt vào làm lễ. Cuối cùng mâm cúng được dọn ra các bàn chuẩn bị sẵn để mọi người cùng ăn uống vui vẻ.

Có thể nói nghi thức cúng Nhà vương hoàn toàn mang tính dân dã, chỉ dùng mõ và trống nhưng hiện nay một vài Nhà vương đã dùng nghi thức tế lễ, tức là dùng giàn nhạc và có đội lễ sinh dâng lễ vật.

Riêng lễ *Khai sơn*, theo dân gian, vào các ngày Nguyên đán, sợ các thần chảnh mắng nên lúc giao thừa phải dựng cây nêu trấn yểm ma quỷ, theo ý nghĩa ban đầu, lễ Khai sơn là lễ động thổ để bắt đầu làm việc sau mấy ngày nghỉ tết, khi



cử hành lễ Khai sơn đồng thời hạ cây nêu nên lễ này có nơi còn gọi là lễ hạ nêu ở Nhà vuông. Đồng thời với lễ Khai sơn, *lễ Ra mắt* vào ngày mùng ba tháng Giêng âm lịch, nhà thì ra mắt thần Hành binh Hành khiển (tức là thần chủ quản việc chiến tranh, dịch bệnh, tai họa...), người làm thợ thì ra mắt Tổ sư nghề mình, học trò ra mắt thầy... riêng ở các Nhà vuông, Ban quản lý thay mặt nhân dân khu phố ra mắt Tiên sư.

Lễ vật cúng lễ Ra mắt và lễ Khai sơn chỉ có nhang, đèn, trầu, rượu và một miếng thịt (Thịt cắt vuông và luộc sơ).

Có thể nói, Nhà vuông gắn liền với lịch sử của một làng, một ấp (nay là các khu phố), do vậy tục thờ cúng Tiên sư là một yếu tố không thể thiếu trong đời sống tinh thần của nhân dân, nhất là những gia đình cổ cựu đã sống bao đời nay tại địa phương. Trong tâm linh, Tiên sư là tổ tiên bao đời nay của họ. Tín ngưỡng thờ cúng Tiên sư là tín ngưỡng dân gian thuộc ý thức hệ Nho giáo nên các hoạt động mê tín dị đoan như xin xăm, bói toán không thể thâm nhập được, có thể nói cốt lõi của tín ngưỡng này là quan niệm “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt.

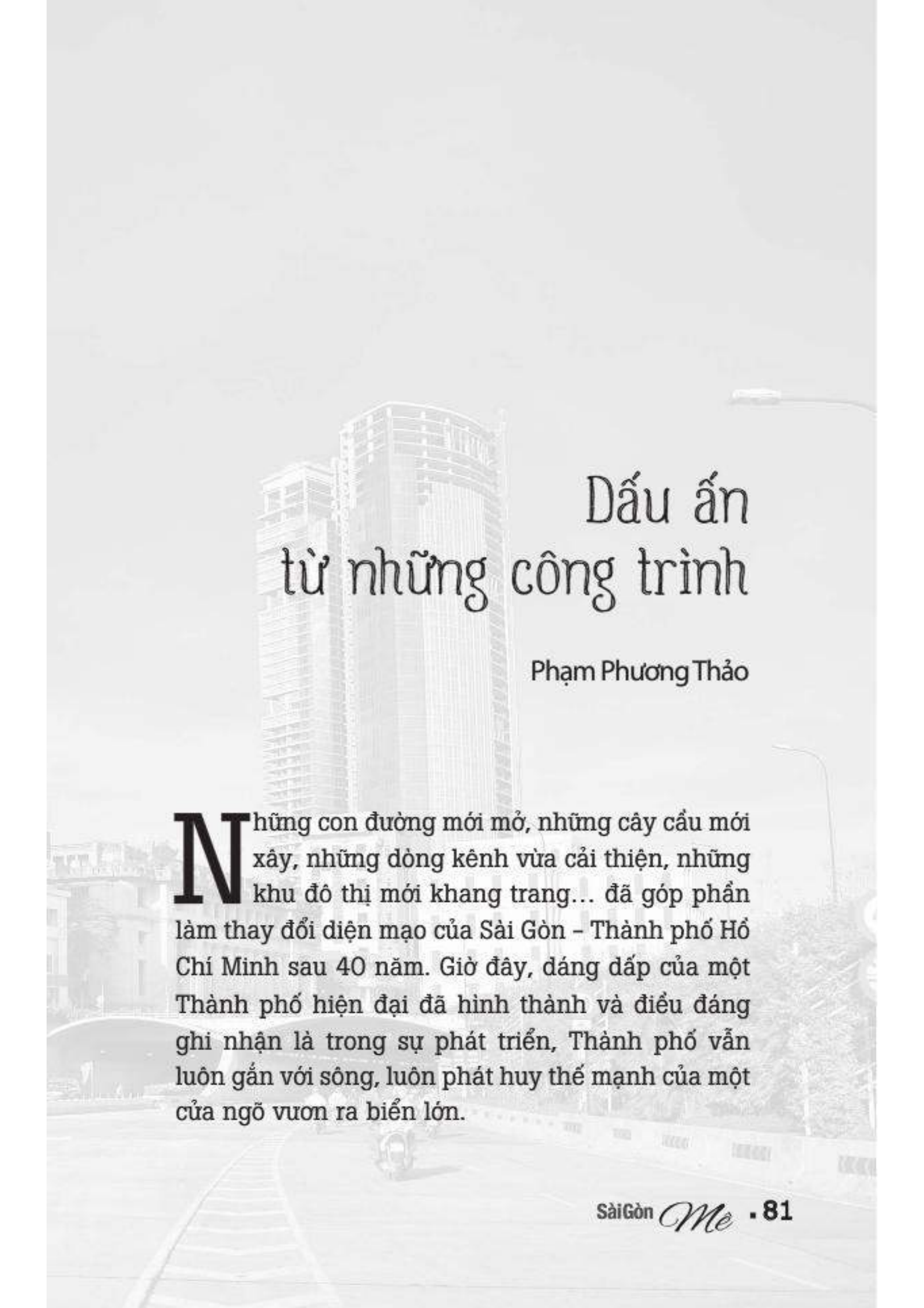
Tín ngưỡng dân gian là một hình thức văn hóa tâm linh và cũng là một mặt của lối sống con người và cộng đồng người dưới các mức độ khác

nhau, có truyền thống lâu đời, không chỉ ở nông thôn mà còn thấm thấu khắp các đô thị.

Tín ngưỡng dân gian bản thân thể hiện mặt tích cực chính là sự thỏa mãn nhu cầu tâm thức siêu nhiên của đa số nhân dân, dù hình thức khác nhau song hầu như người dân nào cũng có nhu cầu tín ngưỡng, tuy tín ngưỡng tôn giáo thì chỉ có ở một bộ phận nào đó của dân cư. Sự thực hiện nhu cầu tín ngưỡng, thực hiện sự giải tỏa tâm lý, thấy an tâm hơn trong cuộc sống, thấy cuộc sống được mở rộng cả biên độ với những *"miền thần thánh"* linh thiêng, qua những hình thức thờ cúng và lễ hội, con người xích lại gần nhau, thông cảm với nhau dù trong cuộc sống sinh tồn cạnh tranh có khi quay lưng lại với nhau ở đâu đó. Qua tín ngưỡng dân gian, những sinh hoạt lễ hội, từ trong tâm thức linh thiêng mà đoàn kết anh em, xóm giềng, hòa hợp dân tộc cũng dễ dàng thực hiện, *"sự cầu đồng tôn dị"*, *"đồng quy thù dị"*. Tinh nhân văn trong cuộc sống tâm linh dân gian ấy có điều không thể phủ nhận, hơn nữa trong cuộc sống hiện đại có phần thiên về vật chất lại cần có nhịp sống tâm linh để cân bằng. Thực ra, nhờ có văn hóa tín ngưỡng dân gian mà bảo tồn nhiều giá trị văn hóa của dân tộc, những nét giá trị mang tính riêng biệt đặc trưng của từng dân tộc, từng vùng miền đã tạo ra sức thu hút khách thập phương đến nơi núi cao, vực sâu.



Tập tục thờ cúng Tiên sư là một dạng tín ngưỡng tồn tại và phát triển ở Thành phố Hồ Chí Minh và một vài địa phương khác ở các tỉnh miền Tây. Hiện nay, dạng tín ngưỡng này lại không có sức hút mạnh như các dạng tôn giáo và tín ngưỡng khác; bên cạnh đó, do sự tác động của đô thị hóa nên không gian cho thờ cúng bị thu hẹp dần, tuy nhiên đặc thù của dạng tín ngưỡng này gắn với ý thức cội nguồn tổ tiên nên ý thức tín ngưỡng thờ Tiên sư sẽ âm thầm chảy và là mạch nguồn lành mạnh trong cộng đồng nhân dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.



# Dấu ấn từ những công trình

Phạm Phương Thảo

**N**hững con đường mới mở, những cây cầu mới xây, những dòng kênh vừa cải thiện, những khu đô thị mới khang trang... đã góp phần làm thay đổi diện mạo của Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh sau 40 năm. Giờ đây, dáng dấp của một Thành phố hiện đại đã hình thành và điều đáng ghi nhận là trong sự phát triển, Thành phố vẫn luôn gắn với sông, luôn phát huy thế mạnh của một cửa ngõ vươn ra biển lớn.



Các dự án, các công trình mang đậm dấu ấn, có tính khai phá được nhắc nhiều, có lẽ là những công trình phát triển Thành phố về hướng Nam, tiến ra biển Đông ngay từ đầu những năm 1990.

## **Khu chế xuất Tân Thuận**

Là Khu chế xuất đầu tiên của Thành phố và cả nước, có vị trí thuận lợi, nằm ngay cạnh cảng Bến Nghé, cảng Sài Gòn nổi dài, rộng 300 ha, như một bán đảo bao bọc bởi sông Sài Gòn. Thời chưa xây dựng khu chế xuất, nơi đây là vùng đất phèn, bị nhiễm mặn, dân cư còn thưa thớt, cuộc sống chật vật với cây lúa độc canh một vụ, năng suất thấp. Trong quá trình tìm địa điểm làm khu chế xuất, những người có công khai phá cho rằng: như một sự mạch bảo của tiềm thức, đây chính là điểm khởi phát, mà cũng chính là sự tiếp nối hành trình ra biển của cha ông. Sự phát triển của Thành phố tất yếu gắn với sự phát triển giao thông, trong đó có giao thông đường thủy trong nước và quốc tế, với hệ thống cảng biển, cảng sông...

Vượt qua bao gian khó của bước đi đầu tiên, giờ thì Khu chế xuất Tân Thuận có 122 xí nghiệp đang hoạt động với 68.000 công nhân lao động, có số vốn đầu tư 1,6 tỷ USD và xuất khẩu hàng hóa có giá trị 2 tỷ USD/năm. Giờ thì, khu đất mà ngay từ đầu,

đã để dành 40 ha để làm công nghệ cao trong khu chế xuất vẫn còn một phần và hiện đã thu hút 22 doanh nghiệp có kỹ thuật công nghệ cao, tự động hóa. Trong ý đồ xây dựng, Khu chế xuất Tân Thuận không chỉ có sản xuất, chế tạo, mà còn là một khu thương mại dịch vụ đa năng, cầu nối với thị trường thế giới.

Khu chế xuất Tân Thuận được đánh giá không những là một sản phẩm đầu tư có hiệu quả mà còn góp sức quan trọng trong việc hình thành một khung pháp lý và môi trường thu hút đầu tư nước ngoài của Thành phố trong thời kỳ đổi mới. Từ khu chế xuất này, Thành phố đã nhân lên thành 15 khu công nghiệp - khu chế xuất, cùng với việc hình thành và áp dụng cách quản lý theo mô hình "một cửa, một dấu, tại chỗ"...

Đây cũng là Khu chế xuất xanh - sạch, có nhiều cây xanh, có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn, có hệ thống ngăn triều, chống ngập... Các dịch vụ xã hội ngày càng hoàn thiện như: nhà ở cho công nhân (có 7 block nhà với 7.000 chỗ ở); có trung tâm văn hóa, y tế; có dịch vụ ăn uống, mua bán hàng hóa... rất tiện ích.

Việc liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài trong xây dựng Khu chế xuất Tân Thuận đã trở thành một mô hình theo phương thức biến giá trị



sử dụng đất thành vốn đầu tư cho phía Việt Nam. Đây cũng là loại hình kinh tế mở và vận hành theo cơ chế thị trường. Các hoạt động xuất nhập khẩu, cơ cấu đầu tư, sản xuất, dịch vụ, cơ cấu lao động do thị trường quyết định và tuân thủ luật pháp, không có thủ tục phiền hà, không theo kiểu cơ chế “xin – cho”... Khu chế xuất Tân Thuận đã vẽ nên bức tranh công nghiệp tập trung, hiện đại, và đang chuyển mình để trở thành Khu chế xuất công nghệ cao, công nghệ sạch của Thành phố.

## **Đường Nguyễn Văn Linh**

Tuyến đường có chiều dài 17,8 km, từ Khu chế xuất Tân Thuận đến huyện Bình Chánh, nối liền với Quốc lộ 1, có lộ giới 120 mét, với 10 làn xe. Tuyến đường này giúp cho việc giải tỏa hàng hóa xuất nhập khẩu của cảng Sài Gòn không phải đi vào nội thành. Đây là tuyến đường giao thông huyết mạch có ý nghĩa quan trọng trong việc trung chuyển hàng hóa từ Thành phố Hồ Chí Minh đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, mở ra những điều kiện thuận lợi trong việc phát triển Thành phố theo quy hoạch và cũng là đòn bẩy thúc đẩy đô thị hóa. Khi chưa có con đường này, tất cả đều trông cậy vào cái thể độc đạo của cầu Tân Thuận và tuyến đường Huỳnh Tấn Phát, hạ tầng kỹ thuật của khu vực còn khá thô sơ và thấp kém. Hiện nay, đường Nguyễn

Văn Linh nối với Quận 2 qua cầu Phú Mỹ, nối miền Đông và miền Tây Nam Bộ.

Đường Nguyễn Văn Linh là mô hình đầu tiên được Thành phố cho phép dùng quỹ đất đổi lấy các công trình cơ sở hạ tầng (cầu, đường, khu đô thị...). Dự án được thực hiện thông qua hợp đồng liên doanh giữa Công ty Phát triển Công nghiệp Tân Thuận (IPC - Việt Nam) với Tập đoàn Central Trading & Development (CT & D - Đài Loan) với số vốn 100 triệu USD, trong đó Công ty IPC, đại diện cho Thành phố Hồ Chí Minh, góp 30% vốn qua quyền sử dụng đất và nguồn nhân lực. Đổi lại, Thành phố giao cho công ty 600 ha "đất sạch" xây dựng thành Khu đô thị Phú Mỹ Hưng (dưới hình thức thuê đất trong vòng 50 năm).

Chất lượng công trình đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế và các yêu cầu nghiêm ngặt theo quy hoạch phát triển bền vững. Trong thực tế, từ khi thông xe kỹ thuật đến nay chưa bị lún, nứt, bị bóc mặt đường dù lưu lượng xe vận chuyển ngày càng tăng lên. Đường Nguyễn Văn Linh còn là con đường đẹp về mỹ quan, và có nhiều cây xanh.

## **Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng**

Là khu đô thị được xem là đẹp nhất của Thành phố và cả nước, có thể sánh với các khu đô thị



tiên tiến trên thế giới. Nơi đây có môi trường xanh, sạch, đẹp, được cung cấp các dịch vụ tiện ích, văn minh, được quản lý theo cung cách hiện đại. Sự thành công của Khu đô thị Phú Mỹ Hưng được ghi nhận ở bình diện quy hoạch – kiến trúc đô thị và cả trong quản lý kinh doanh.

Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng nằm trong quy hoạch khu đô thị mới Nam Sài Gòn với 2.600 ha, dọc theo tuyến đường Nguyễn Văn Linh. Khu đô thị được cấp phép đầu tư năm 1993, thực hiện thông qua Công ty Liên doanh Phú Mỹ Hưng với Tập đoàn CT & D của Đài Loan. Công ty này vừa làm con đường Nguyễn Văn Linh, đồng thời xây dựng cơ sở hạ tầng cho 750 ha đất (gồm 600 ha đất liên doanh và 150 ha đất công cộng của Thành phố). Phía Việt Nam góp 30% vốn pháp định bằng quyền sử dụng 600 ha đất trống và Tập đoàn CT & D góp 70%. Tổng vốn đầu tư là 242 triệu USD và thời hạn hoạt động 50 năm.

Từ một vùng đất đầm lầy thành khu đô thị hiện đại, hấp dẫn, giải quyết chỗ ở cho một bộ phận dân cư có thu nhập và một bộ phận chuyên gia, doanh nhân nước ngoài, có không gian đô thị và chất lượng sống tốt, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên, môi trường. Đây là khu đô thị có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khá đồng bộ,

hiện đại. Chính vì thế mà Khu đô thị Phú Mỹ Hưng đã được trao “Giải vàng” của Hội Kiến trúc sư Việt Nam, “Khu đô thị kiểu mẫu” của Bộ Xây dựng và một số giải thưởng kiến trúc quốc tế.

Hiện nay, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng đã có gần 100 dự án nhà ở được triển khai xây dựng trên 120 ha đất với quy mô dân số có thể ở được khoảng 100.000 người. Các khu chức năng như: Trung tâm tài chính, ngân hàng, Trung tâm hội chợ triển lãm, siêu thị, trường học, bệnh viện, các dịch vụ giải trí... được xây dựng khá đồng bộ theo quy hoạch. Thành công của Khu đô thị Phú Mỹ Hưng không chỉ là hiệu quả kinh tế, hiệu quả của hợp tác đầu tư, đóng góp đáng kể vào ngân sách Thành phố, có sức tác động phát triển của khu vực Nam Sài Gòn và Thành phố nói chung mà còn là những bài học trong quản lý nhà nước, giám sát, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ doanh nghiệp, mô hình quản lý doanh nghiệp... Thành công của Khu đô thị Phú Mỹ Hưng cho thấy sự nhất quán từ ý tưởng, định hướng, quy hoạch đến tổ chức thực hiện có sự chỉ huy thống nhất, tập trung cao. Vai trò nhà nước thể hiện tập trung ở công tác quy hoạch. Một khi quy hoạch có tầm nhìn, có độ chính xác và công khai minh bạch thì sẽ đi vào cuộc sống, hạn chế rủi ro và tiêu cực.



Cùng với Khu chế xuất Tân Thuận, đường Nguyễn Văn Linh, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, các dự án hướng ra biển Đông đã được triển khai như Nhà máy nhiệt điện Hiệp Phước có công suất 375 MW, Khu công nghiệp Hiệp Phước 2.000 ha, Cảng nước sâu Hiệp Phước... Cảng nước sâu tổng hợp Hiệp Phước với diện tích rộng 600 ha nằm dọc theo sông Soài Rạp đã và đang được triển khai xây dựng. Bước đầu đã đón những con tàu có trọng tải 30.000 - 50.000 tấn. Nhìn về tương lai, đây sẽ là cảng lớn, thuận lợi, có thể gắn vận tải đường biển với vận tải đường sông trong lưu vực đồng bằng sông Cửu Long. Và việc tiếp tục nạo vét sông Soài Rạp, tạo luồng tàu có trọng tải lên đến 100.000 tấn có thể vào được, sẽ càng làm tăng thế mạnh và sức cạnh tranh của cảng biển Việt Nam, của một Thành phố ven biển nằm trên bao lon bờ Tây Thái Bình Dương.

Để có được sự thành công của các dự án mang dấu ấn, có tính mở đường chính là vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Với trách nhiệm, tầm nhìn và quyết tâm của lãnh đạo Thành phố, với sự quan tâm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (sau này là Bộ Kế hoạch và Đầu tư), cùng các bộ ngành chức năng đã giúp Thành phố từ khâu xây dựng dự án, dự thảo khung pháp lý, cơ chế chính sách, tháo gỡ

các khó khăn về thủ tục hành chính để dự án sớm được phê duyệt và thực thi. Chính phủ đã có Nghị định riêng để dự án được triển khai thuận lợi.

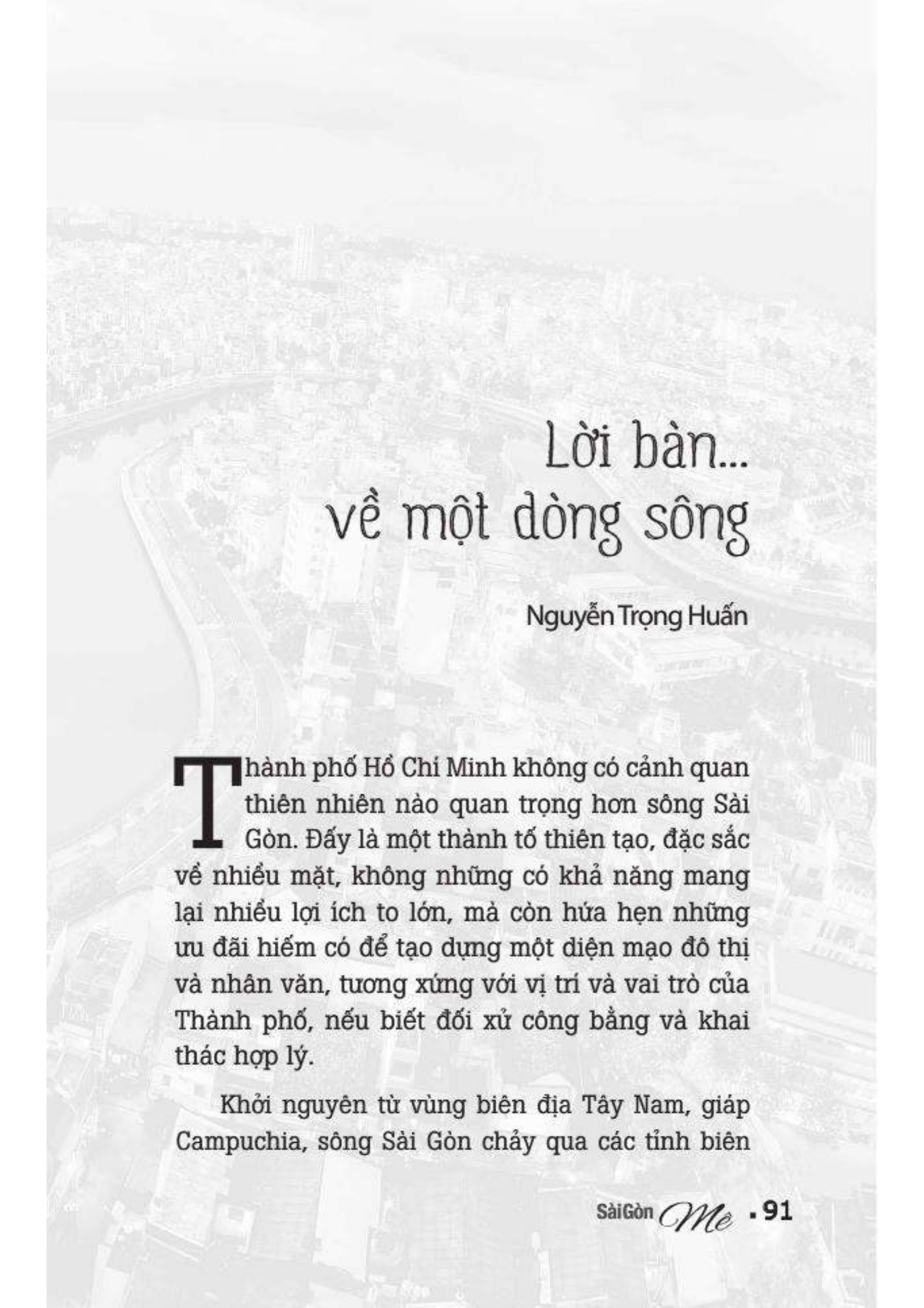
Thành công của các dự án chính là sự gặp gỡ giữa lãnh đạo và nhà đầu tư, giữa nhà đầu tư và nhà khoa học, cùng sự đồng thuận của người dân. Có thể nói, lãnh đạo Thành phố đã huy động được lực lượng trí thức, không phân biệt nguồn gốc đào tạo, có năng lực và tâm huyết, lắng nghe họ, dám giao việc cho họ, từ đó những ý tưởng, chương trình táo bạo, tưởng như lãng mạn và phiêu lưu trở thành dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài. Việc chọn nhà đầu tư cũng là việc có ý nghĩa quan trọng. Đó không chỉ là nhà đầu tư có tiềm lực tài chính, có kinh nghiệm triển khai các dự án hạ tầng mà còn có tấm lòng yêu quý Việt Nam. Trong thực tế, họ đã vượt qua những khó khăn tưởng chừng như không thể để triển khai các dự án theo quy hoạch, quy chuẩn hiện đại, phù hợp với định hướng phát triển của Thành phố. Và đáng quý hơn, họ xin nhận nơi này làm quê hương, xem nơi này là quê hương thứ hai.

Trong quá trình phát triển, mô hình tổ chức bộ máy doanh nghiệp đã không ngừng đổi mới để phù hợp với quy mô, tính chất, sở hữu trong huy động các tổ chức và cá nhân đầu tư vào các dự



án. Mô hình đó chính là Công ty mẹ - Công ty con đã và đang phát huy tác dụng. Trong quá trình phát triển, còn nhiều việc phải tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện, nhiều dự án còn tiếp tục triển khai, khó khăn cũng sẽ không ít nhưng những gì đã có được là vô cùng quý giá.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ còn đang là những mục tiêu hướng đến, đòi hỏi sự bứt phá đi lên của Thành phố năng động, sáng tạo vào bậc nhất này. Và những công trình đầu tiên, với những bài học mang ý nghĩa và tầm vóc lớn vẫn còn hết sức mới mẻ, tươi nguyên. Xin cảm ơn các tác giả của những công trình mang dấu ấn vượt thời gian, những người đã làm nên những chuyển động của một vùng đất, mở ra những triển vọng và niềm tin hướng về tương lai trên con đường phát triển và vươn ra biển lớn. M



# Lời bàn... về một dòng sông

Nguyễn Trọng Huân

**T**hành phố Hồ Chí Minh không có cảnh quan thiên nhiên nào quan trọng hơn sông Sài Gòn. Đây là một thành tố thiên tạo, đặc sắc về nhiều mặt, không những có khả năng mang lại nhiều lợi ích to lớn, mà còn hứa hẹn những ưu đãi hiếm có để tạo dựng một diện mạo đô thị và nhân văn, tương xứng với vị trí và vai trò của Thành phố, nếu biết đối xử công bằng và khai thác hợp lý.

Khởi nguyên từ vùng biên địa Tây Nam, giáp Campuchia, sông Sài Gòn chảy qua các tỉnh biên



giới, qua Thành phố Hồ Chí Minh, đổ vào sông Đồng Nai ở Mũi Đèn Đỏ. Cũng như hai dòng sông Vàm Cỏ chị em, sông Sài Gòn thể hiện đậm nét đặc trưng của những “lạch triều” định hình trên nền đất yếu, càng về hạ lưu uốn khúc càng mạnh.

Từ thượng nguồn, nương theo những đứt gãy địa chất, dòng chảy cơ bản theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, sông Sài Gòn khi ra khỏi tỉnh Bình Dương, đổ vào địa phận Thành phố, dò dẫm trên một địa hình châu thổ bằng và thấp, vẽ những đường cong liên tục chuyển hướng, hình thành trên đường đi một chuỗi bán đảo liên hoàn kế tiếp trên hai bờ, trước khi đổ vào dòng chủ lưu đang đón đợi.

Sông chuyển dòng, uốn khúc mạnh, trong khoảng cách 15 km chim bay, từ bán đảo An Phú Đông, huyện Hóc Môn đến Mũi Đèn Đỏ, huyện Nhà Bè, sông dàn trải một dòng chảy quanh co dài bằng 2,5 lần khoảng cách, ước tính trên 37 km, tạo hơn 70 km bờ. Riêng bán đảo Thanh Đa, sông vẽ một đường tròn gần kín với chu vi khoảng 12 km, đường kính từ 2,5 đến 3 km, rộng chừng 500 ha, dính với đất liền bằng một dải đất mỏng, chỗ hẹp nhất gần 200 m.

Trong thực tế, kinh Thanh Đa (rộng từ 60 đến 80 m, dài 1.350 m) đã cắt rời bán đảo Thanh Đa với “đất liền” thành một “đảo lớn” tròn, đẹp, là một hiện tượng kỳ thú của riêng sông Sài Gòn mà ngay

cả hai chị em Vàm Cỏ song sinh cũng không có được. Truyền rằng, chính trên bán đảo này, bước chân thế hệ những người mở đất đã vượt sông tại bến đò Bình Quới để vào định cư, nơi mà về sau được gọi là trấn thành Gia Định.

Về xong Thanh Đa, sông đào chiều liên tục theo hướng ngược lại, về nên một bán đảo khác, bán đảo Thủ Thiêm, như để đối xứng với vòng cung trước đó, tạo một vùng đất còn rộng rãi hơn, kéo mãi về Cát Lái tiếp cận sông Đồng Nai đang ào ạt đổ ra biển Đông.

Với chiều rộng lòng sông biến động từ 200 m đến 350 m, uốn lượn quanh co giữa lòng Thành phố, sông Sài Gòn thực sự là một cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, hiếm có, như một người tình kiên nhẫn mãi đợi thành phố tương lai của lòng mình.

Khác với nhiều dòng sông phía Bắc bị khẹp chặt giữa hai bờ đê cao, những dòng sông miền Trung chảy xiết qua nhiều ghềnh thác và những dải đồng bằng mỏng, hẹp, hối hả về với biển, sông Sài Gòn là một dòng sông Nam Bộ, chậm rãi, uốn lượn thênh thang giữa một vùng châu thổ mênh mông, xanh biếc màu xanh cỏ cây nhiệt đới. Thảm thực vật hai bờ đổi thay rõ nét từ thượng nguồn đến hạ du, phản ánh quy luật sinh tồn của tự nhiên trong môi trường thổ nhưỡng, thủy văn biến thiên linh hoạt, tạo nên sinh cảnh đa dạng, phong phú



của một vùng đất ngọt chỉ chờ rụng hạt để kết trái, đơm hoa. Cho đến bây giờ, nhiều quãng sông ven đô, trôi giữa hai bờ cây đại um tùm vẫn còn sức gợi về một không gian xa xưa, thời các thế hệ lưu dân đầu tiên vào Nam mở cõi. Vẫn còn đấy trình nguyên một thiên nhiên mỡ màng, khao khát giọt mồ hôi khai phá.

Cùng với sông Sài Gòn, một hệ thống kinh rạch tỏa rộng trên địa bàn, mà đáng ra, nếu không bị con người tác động, khai thác một cách tùy tiện trong nhọc nhằn mưu sinh nhiều thế kỷ qua, mảnh đất này còn hứa hẹn nhiều điều kỳ thú cho quá trình xây dựng một diện mạo đô thị độc đáo, đặc sắc.

\* \* \*

Chúng ta giữ lại không được bao nhiêu dấu vết đô thành xưa cũ của cha ông. Thư tịch cổ chỉ còn ghi:

*"... Thành Gia Định xưa xây trên gò cao Tân Khai... khởi công vào năm Canh Tuất (1790). Thành xây theo hình bát quái, tượng như hoa sen, chia làm tám cửa: Phía Nam có cửa Càn Nguyên, Ly Minh. Phía Bắc: cửa Khôn Hậu, Khảm Hiểm. Phía Đông: Chấn Hanh, Cấn Chỉ. Phía Tây: Tốn Thuận, Đoài Duyệt. Ngang dọc có tám đường, từ Đông qua Tây và từ Nam sang Bắc. Mỗi đường dài 130 trượng 2 thước".*

"... Năm Gia Long thứ 12 (Quý Dậu - 1813), nhà vua xuống chỉ cho Tổng trấn Nguyễn Văn Nhân, hiệp Tổng trấn Trịnh Hoài Đức cất vọng cung ở giữa sân trong thành. Hai bên cửa dựng lầu bát giác để chuông trống, phía sau làm công thự tổng trấn. Ở ba cửa Càn Nguyên, Ly Minh, Tốn Thuận xây cất trại quân, lợp ngói, sơn đỏ có vẽ tráng lệ, nghiêm chỉnh. Vọng lầu ở bốn cửa Càn, Ly, Chấn, Tốn thì xây lại bằng đá ong..."

"... Đồi Minh Mạng truyền tu bổ lại, thêm vẽ tráng quan... Thành to, hình vuông, mỗi cạnh hai cửa, gọi là thành bát quái, còn có tên "Quy thành", chung quanh có hào sâu, vách kiên cố. Trong thành bố trí kho thóc lúa, kho khí giới, thuốc súng, dinh tổng trấn, hành cung mỗi khi vua ngự. Bên ngoài, có xưởng chu sư tập trung chiến thuyền, chuồng voi, ngựa chiến v.v... ngày đầu Xuân, theo lệ, thao diễn thủy binh..."

"... Dọc theo bên sông ghe buôn lớn nhỏ đậu nối liền... Phố chợ trù mật, nhà cửa san sát... người Hoa, người Việt ở lẫn lộn, nhà phố dài chừng ba dậm... trên đất cao, nhiều ngôi chùa Việt dựng lên, nổi danh nhất là chùa Giác Lâm trên gò Cẩm Đệm (1774), chùa Giác Viên, chùa Cây Mai, chùa Gò v.v..." (Theo Gia Định Thành thông chí, Trịnh Hoài Đức).

\* \* \*



Cho dù là “Bát quái thành” thời các chúa Nguyễn hay “Quy thành” , “Phụng thành” thời các vua Nguyễn sau này, thì cũng chỉ là những tòa thành nhỏ: “... Ngang dọc có tám đường, từ Đông qua Tây và từ Nam sang Bắc. Mỗi đường dài 130 trượng 2 thước...” phục vụ công cuộc trấn thủ đất phương Nam. Đặc biệt, sau cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi, vua Minh Mạng phân chia Nam Bộ thành lục tỉnh và hạn chế quy mô thành Gia Định, để phòng bất trắc. Vì vậy, kể cả quang cảnh trên bến dưới thuyền: “... ghe buôn lớn nhỏ đậu nối liền... Phố chợ trù mật, nhà cửa san sát... người Hoa người Việt ở lẫn lộn...” thì “... nhà phố cũng chỉ dài chừng ba dặm...”. Quy mô, kích thước còn lưu dấu của một vài ngôi chùa sót lại cho thấy vóc dáng thành Gia Định xưa cũng chỉ là một thành, một thị khiêm nhường nằm bên sông Bến Nghé và những dòng kênh nay đã không còn nữa.

Dù rằng hệ thống sông rạch thời mở đất dư sức đảm đương hoạt động của các đoàn thương thuyền đi ra bốn bể năm châu thì trấn thành Gia Định cũng chưa đủ sức khai thác, sử dụng sông Sài Gòn vào công cuộc xây dựng một địa bàn cư trú kiểu đô thị lớn.

Tuy nhiên, những quần cư cùng những công trình thổ mộc được tạo tác đã sinh thành trên mảnh đất Gia Định ngày ấy, đều do người Việt dựng đặt. Mà trong “khoa học xây dựng” của ông

cha ta xưa không thể không “kết hợp một cách hài hòa” với môi trường, cảnh quan thiên nhiên. Khởi đi từ những tư duy của Dịch lý, “tiền án, hậu chẩm, tả phù, hữu bật” v.v... là những quy ước bất dịch trong xây dựng công trình từ lớn đến nhỏ. Mỗi tương quan giữa kiến trúc và cảnh quan từ lâu đã đi vào tiềm thức và thấm đẫm trong tư duy xây dựng của người Việt xưa. Kinh đô Phú Xuân có thể được xem là mẫu mực.

\* \* \*

Sau khi định xong nền đô hộ, thực dân Pháp mở đầu công cuộc xây dựng thành phố Sài Gòn trên đất này, triệt hạ thành cũ, san lấp một số các dòng kênh mà người Việt đã từng sử dụng. Những đại lộ Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Hàm Nghi làm nên bộ mặt trung tâm hiện nay gần như trùng hợp với dấu tích những dòng kênh trên bến dưới thuyền một thời sầm uất. Nhưng sau hơn sáu mươi năm chiếm đóng (1883 - 1945), Pháp cũng chỉ đủ sức xây dựng thành phố ở một mức độ vừa phải. Dù có là “Hòn ngọc Viễn Đông” thì Sài Gòn cũng là một thành phố thuộc địa, phục vụ cho bộ máy cai trị thuộc địa, kích cỡ đô thị giới hạn trong một phạm vi nhất định.

Ngoài việc xây dựng một nhà máy sửa chữa tàu thuyền của thủy quân, một bến cảng lớn phục vụ giao thương, kinh tế tại vị trí hiện nay,



với một đô thị vài trăm ngàn dân, người Pháp chỉ cần và cũng chỉ có khả năng khai thác, sử dụng một khúc sông Sài Gòn khoảng trong ngoài 1 km, không dài hơn khúc sông của “Quy thành” mà người Việt xây dựng năm 1790 là mấy.

Hiện tượng bùng nổ dân số trước năm 1975, thực chất là hệ quả của hai cuộc chiến tranh, đặc biệt trong chiến tranh chống Mỹ. Những người Bắc di cư năm 1954, những người dân miền Trung, miền Tây tràn vào Thành phố làm gia tăng đột biến một cách tự phát lao động nhập cư, sản sinh ra những khu cư trú mới ở vùng ven, dần kiên cố hóa và trở thành nội đô. Đường Trần Hưng Đạo nối Sài Gòn, Chợ Lớn, hun hút gần như không có điểm nghỉ, điểm dừng. Đường Lê Văn Duyệt nay là đường Cách Mạng Tháng Tám dài thăm thẳm. Khu lao động Bảy Hiền và nhiều khu nhập cư khác nữa, là những tế bào di căn, hệ quả của một thành phố mà hội chứng phình đại do chiến tranh đã phá vỡ mọi ý đồ quy hoạch.

Động thái dịch chuyển dân số đặc biệt tăng cao sau khi đất nước đã hoàn toàn thống nhất. Những đoàn xe lửa “một chiều”, đưa bà con ta về quê mỗi lần Tết đến nói lên điều đó. Như đứa trẻ vụt lớn, Thành phố cứ nở mãi ra, phình mãi lên, và chiếc áo cũ trở thành quá chật. Sông Sài Gòn nằm ở đường biên dần lọt vào giữa trung tâm

cũng đặt ra những vấn đề không thể không suy nghĩ một cách khoa học và nghiêm túc.

\* \* \*

Theo chân đoàn quân chiến thắng tiến vào Sài Gòn một chiều tháng Tư năm 1975, nhiều người không khỏi ngỡ ngàng trước bề thế và dáng dấp “hiện đại”, “tân kỳ” của Thành phố mới được giải phóng này. Cảm giác dễ làm người phương xa, trong đó có cả những chiến sĩ quân Giải phóng đội mũ tai bèo, một thời nhìn về Sài Gòn trong quảng sáng đô thành ở cuối chân trời, không khỏi ngỡ ngàng trước những công trình kiến trúc to lớn, những đại lộ rộng, dài, người, xe tấp nập. Sông Sài Gòn gần như không để lại ấn tượng gì.

Người ta biết đến sông Sài Gòn vì ở đây có một thương cảng lớn, và nơi dòng sông ấy có một bến tàu mà “từ Thành phố này, Người đã ra đi”. Ngoài khúc sông từ cột cờ Thủ Ngữ đến công trường Mê Linh, nơi đặt Đài Tưởng niệm người anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo, không mấy ai được biết, kể cả người Sài Gòn, rằng Thành phố mình có một dòng sông đẹp.

Một nguyên nhân đơn giản: tất cả các trục giao thông trọng yếu đều cắt ngang, thẳng góc với dòng chảy và những dãy nhà lợp xúp khuất lấp bên dòng sông. Một tập quán cư trú truyền



đời từ thời những thế hệ lưu dân đi mở đất của hầu hết các Thành phố Nam Bộ là quay lưng ra sông. Có vẻ như ở Nam Bộ, chức năng giao thông vận tải có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với các dòng sông đô thị, sau đó là những nhu cầu thiết yếu thường nhật khác trong cuộc mưu sinh. Vai trò và ý nghĩa của một cảnh quan thiên nhiên, giúp cho sắc màu cuộc sống thêm phong phú, sinh động, hình như chưa được quan tâm đúng mức. Sài Gòn đầu là một thành phố lớn xem ra cũng không nằm ngoài cung cách đó.

Không biết có phải vì vậy không mà cho đến tận những năm gần đây, dòng sông này, vốn đặc biệt thuận lợi cho hoạt động vận tải, qua hệ thống sông Đồng Nai, sông Lòng Tàu, vịnh Ghềnh Rái, tiếp cận đại dương, được tận dụng khai thác chủ yếu như một tuyến chuyên chở hàng hóa đến và đi từ mọi miền trong và ngoài đất nước. Còn sử dụng nó như một giải pháp phục vụ dân sinh, phục vụ nhu cầu giải trí, nghỉ ngơi, xa hơn và cao hơn, như một không gian kiến trúc, một không gian nghệ thuật, thể hiện tinh cách, diện mạo trí tuệ, sắc thái văn hóa của đô thị, của cộng đồng, xem ra còn mới mẻ, chưa được quan tâm và đối xử như nó cần và đáng được như vậy.

Tuy nhiên, thực ra vấn đề này cũng không phải là mới. Những đồ án quy hoạch tổng mặt bằng được cơ quan quy hoạch nghiên cứu và

trình duyệt từ những năm 90 của thế kỷ trước, đã nhiều lần khẳng định: "*Lấy sông Sài Gòn làm trục cảnh quan trung tâm*". Nhưng, vẫn như thường lệ, từ ý tưởng đến hiện thực bao giờ cũng là một khoảng cách. Và khoảng cách đó có thể ngày càng rộng nếu còn chậm trễ trong chủ trương nhằm cụ thể hóa ý tưởng bằng một công trình nghiên cứu nghiêm túc, một cách tổng hợp, toàn diện, có giá trị khoa học, và đủ độ tin cậy về chính dòng sông này.

Thử làm một phán đoán nhỏ: nếu như Thành phố có thể khai thác được khoảng từ một phần ba đến một nửa trữ lượng đất xây dựng dọc hai bờ một cách hợp lý, nếu toàn tuyến sông Sài Gòn được tổ chức lại một cách thỏa đáng phục vụ cho hoạt động du lịch, thu nhập về du lịch lũy tiến theo đà tăng trưởng trong tương lai là một con số rất đáng quan tâm. Đã không còn là lúc phải bàn cãi về "ngành công nghiệp không khói" này. Còn Thành phố Hồ Chí Minh có không gian nào để tổ chức, khai thác du lịch, kinh tế và hấp dẫn hơn dòng sông đang chậm rãi trôi giữa lòng Thành phố?

Một hệ thống công trình văn hóa, du lịch nếu được nghiên cứu, thiết kế và xây dựng một cách nghiêm túc trên hai bờ, sông Sài Gòn sẽ có một diện mạo khác hẳn. Diện mạo ấy có thể chính là diện mạo của một Thành phố Hồ Chí



Minh, không những là một trung tâm kinh tế lớn nhất nước, mà còn là một thành phố đẹp, hấp dẫn, có sức quyến rũ, vẫy gọi bốn phương, một thành phố sang trọng, giàu có trong tương lai vào năm 2020, điểm hẹn mà Đảng và Nhà nước chúng ta đã giao ước cùng toàn dân xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp hiện đại, sánh vai cùng bạn bè trên thế giới.

Sẽ không có gì là bịa đặt khi hình dung về những đại lộ thênh thang, men theo sông Sài Gòn uốn lượn với hai bờ lát đá, có hàng lan can thoáng rộng. Du khách tản bộ trên đường mặc sức thả hồn dưới bóng rợp của những hàng cây ngát hương, để cho cảm giác đổi thay nơi những vòng cung khi sông Sài Gòn chuyển hướng. Và người dân Thành phố, chiếu chiếu ra hóng mát, đứng bên bờ sông lồng gió, ngắm những con tàu du lịch trắng muốt đang rẽ sóng về bến Thanh Đa, và bờ bên kia, trên đất Thủ Thiêm, một thành phố mới đang hiện dần với những kiến trúc nguy nga, duyên dáng soi mình trong lòng con nước.

Vả chăng, điều ấy cũng chính là mục tiêu mà nhân dân Thành phố này đổ những giọt mồ hôi để thực hiện theo lời dạy của Bác Hồ kính yêu: *"Ngày thắng lợi, chúng ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn !"*. Và còn vì một lý do không thể chối bỏ nữa:

*"Thành phố này được vinh dự mang tên Người!"*.

Các phương tiện thông tin đại chúng gần đây đã liên tiếp loan những tin vui. Nhà máy Ba Son, và hệ thống cảng sẽ được di dời. Xí nghiệp giết mổ gia súc Vissan chuyển về khu công nghiệp Tân Tạo. Nhà máy xi măng Hà Tiên đang tìm địa điểm. Hai tuyến tàu điện ngầm đã ký kết và đang được khởi công. Đại lộ Đông - Tây (đại lộ Võ Văn Kiệt) đã khánh thành đi vào hoạt động. Một hầm chui quy mô xuyên đáy sông, nối trung tâm lịch sử hiện nay với trung tâm hiện đại tương lai trên bờ tả ngạn đã hỗn thành và phát huy hiệu quả tốt. Giấc mơ ba trăm năm vượt sông Sài Gòn đã trở thành hiện thực.

Vậy thì có quá sớm, hoặc quá trễ không, khi bàn về sông Sài Gòn lúc nó vẫn còn là một dòng sông trong trẻo?

Dù sao, vẫn một lần nữa, xin được thưa rằng: "Ở Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài sông Sài Gòn, không có cảnh quan thiên nhiên nào quan trọng hơn".



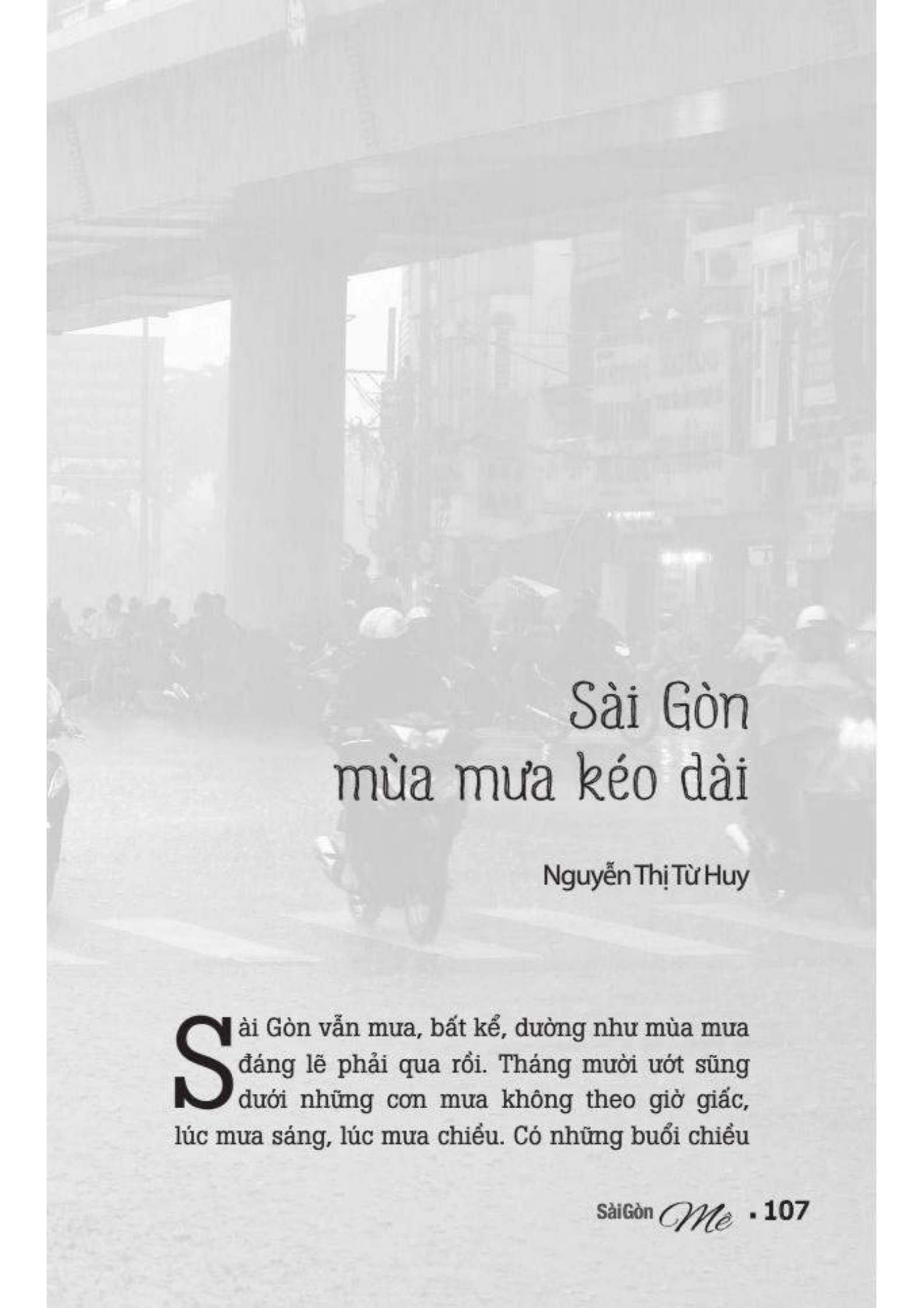




... đến những  
mảnh ghép văn hóa







# Sài Gòn mùa mưa kéo dài

Nguyễn Thị Từ Huy

**S**ài Gòn vẫn mưa, bất kể, dường như mùa mưa đáng lẽ phải qua rồi. Tháng mười ướt sũng dưới những cơn mưa không theo giờ giấc, lúc mưa sáng, lúc mưa chiều. Có những buổi chiều



lượn sóng dưới ba bốn cơn mưa cách quãng. Một chốc lại mưa, một lát lại mưa. Những buổi trưa ẩm và xám, gió lượn những tiếng rít qua khe cửa, mưa hơi nồng mùi sơn của công trường bên cạnh.

Tháng mười một vẫn còn mưa rải rác, điểm xuyết những cơn mưa từ tuần này qua tuần khác. Tháng mười hai tiếp tục níu kéo mưa. Thi thoảng tan tẩm, mưa ban cho những con người sống ở nơi đây cảm giác lạnh mà họ rất thiếu. Ở ngoại ô còn có thể nghe tiếng mưa, có thể nghe nhạc mưa. Mưa đi những điệu nhịp nhàng, đôi khi nhanh, gió đuổi theo không kịp, đôi khi chậm hầu như không có cường độ.

Mưa vào ban đêm kèm gió lớn có thể gây sợ hãi. Tiếng rít bên ngoài va vào cửa kính tạo ra một tiếng kêu rộn người. Mưa ở ngoại ô còn “hoành tráng” hơn, đặc biệt ở những nơi còn khoảng trống, hoặc ở trên mặt sông.

Còn mưa ở các quán cà phê bên đường mới thật là tội nghiệp.

Chiều nay trú mưa trong một quán cà phê vườn trên đường Lương Định Của. Trong mưa mà muốn nghe tiếng mưa cũng không thể nghe được. Tiếng động cơ ô tô, xe máy gào rú liên hồi, không ngừng nghỉ. Tiếng hát karaoke rú rít từ nhà bên cạnh. Bản thân tiếng nhạc trong quán cà phê còn không cạnh tranh nổi hướng hồ là tiếng mưa. Tôi ngồi ngay

bên hàng hiên, dưới hàng cây, ngay bên cạnh dòng nước nhỏ xuống từ mái quán, ngay bên cạnh những giọt nước mưa đang nhỏ xuống mà không nghe thấy tiếng chúng. Những giọt nước mưa buồn thảm, kiên trì chơi khúc nhạc lãng mạn bị nghiền nát bởi tiếng ầm đường phố và tiếng ồn karaoke. Lãng mạn mưa chìm lỉm giữa đủ thứ tiếng động.

Rồi hình như trời nổi giận vì cái xứ sở vô cảm trước sự lãng mạn của thiên nhiên mà khiến mưa ngày một to lên. Con giận dữ trút một lượng nước đáng kể, thổi theo những luồng gió mạnh, mang theo cả sấm sét. Nhưng sấm sét của trời không địch lại tiếng karaoke vẫn tiếp tục tăng tốc. Mưa có làm ầm tiếng karaoke và làm nó nhỏ lại nhưng không dập tắt được nó.

Trời đất cố gắng một lúc rồi bất lực, buông xuôi, mưa yếu dần, lại từ từ rơi, hầu như mất tiếng giữa ầm ầm xe cộ và ào ào karaoke.

Vậy mà mưa đã từng là nguồn cảm hứng cho bao ca khúc, thơ tứ và nhạc tứ về Sài Gòn. Mưa đã là một trong những nét đẹp của Sài thành cả trong nghệ thuật lẫn trong đời sống thực. Phải rồi, ở một nơi mà mỗi năm có mưa đến sáu tháng liền thì mưa hẳn phải trở thành một thứ bản thể, một thứ căn cước của không gian địa văn hóa này.

Mưa ngày nay vẫn như mưa ngày xưa thôi. Nước vẫn rơi theo kiểu nước, gió vẫn thổi theo kiểu gió.



Lúc nhanh lúc chậm, lúc mạnh lúc yếu, lúc khoan thai lúc dàu dặt, lúc dịu dàng lúc giận dữ. Đủ các trạng thái cố hữu. Thiên nhiên tái lập theo những chu kỳ tưởng chừng như bất biến. Nhưng có cái gì đã mất mát trong mưa. Không, nói đúng hơn, mưa đã đánh mất nỗi u hoài và nét lãng mạn của nó trong tiếng ồn ào và sự đông đúc, chật chội, chen chúc quá mức của phố xá. Có những phố người ta chỉ nhìn thấy xe và xe, chẳng thấy mặt đường ở đâu nữa.

Dòng xe cộ bất tận đuổi theo những lo toan cũng bất tận của con người. Con người nơi đây dường như bị săn đuổi bởi mọi nỗi lo toan thường nhật, đến mức chẳng còn quan tâm đến cái gì khác hơn là những nhu cầu trước mắt và thiết thân của họ. Mưa là mưa. Thế thôi. Ướt át, ngập lụt và tắc nghẽn. Mưa dường như chỉ còn rơi trên đường phố, không rơi nổi vào nội tâm con người.

Có phải vì tìm kiếm một chỗ trong nội tâm người mà mưa vẫn còn rơi mãi, lấn sang cả mùa khô? Mưa mãi cho tới tận cuối tháng mười hai, để nhắc nhở về sự hiện diện của nó, có phải vậy không?

# Những chiều sách Sài Gòn

Nguyễn Hữu Hồng Minh

**C**ó những chiều Sài Gòn phố nhưng cũng có những chiều Sài Gòn sách. Nhân du để “đóng hộp” trong một nhà sách và thỏa trí tưởng tượng với thế giới muôn màu đa sắc của nó. Ừ, thì cũng là một thú chơi.

Những nhà sách tôi vẫn thường hay đến là Nguyễn Huệ, Xuân Thu, nhà sách Sài Gòn, Thăng Long, Khai Trí, Nhà sách Tổng hợp 1... Nhiều, nhiều lắm không thể kể hết. Ngoài các nhà sách của hệ



thống Fahasa, các công ty cổ phần như Phương Nam, là các nhà sách tư nhân làm sách đáng kể trên thị trường như: Quang Minh, Trẻ, Văn Lang, Trí Việt... Họ dám đầu tư lớn vào những bộ sách của Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Đăng Thục, sách triết học với những cái tên nặng ký như: *Lịch sử triết học phương Đông, Lịch sử tư tưởng Việt Nam, Thiên luận, Xã hội học đại cương, Những tư tưởng lớn từ những tác phẩm vĩ đại, Kinh văn của các trường phái triết học Ấn Độ, Những điều trọng yếu trong tâm lý học*... Thành thử tiện đâu đi đấy. Như xem chim hót, ngắm cây thế, xem cá kiểng. Thi thoảng tiện đường Gò Vấp thì tạt vào Nguyễn Thái Sơn, Thiên Vương; đi Bình Thạnh thì Nguyễn Văn Cừ, An Thái... Cũng khá thú vị là chuyện sách ở Ngã Năm Chuồng Chó. Cách không xa nhà sách Lạc Xuân bao nhiêu là nhà truyền thống thư viện Gò Vấp. Ở đó có quán cà phê cóc mà người khách thường trực mỗi ngày là ông già Sơn Nam. Sau một chầu đối ẩm với ông, "bắn" qua nhà sách bể thế bên cạnh, đối mặt với một dãy toàn những tác phẩm "khai khẩn đàng trong" của một nhà văn do Nhà xuất bản Trẻ thực hiện sau khi mua "trọn gói" bản quyền, mới thấy người càng lúc càng già, chỉ có sách mỗi ngày mỗi trẻ. Cũng ở chốn này, tôi từng diện kiến Vương Hồng Sển và Bùi Giáng. Vương thì ngồi như bất động trong tĩnh đường của mình và Bùi thì tung gậy múa máy quay cuồng vì một kỳ thú nào đó đang nhập thế vang

vọng trong tâm trí. Rồi họ theo thời gian đi xa mãi. Chỉ còn những cuốn sách như những con mắt tình nhân ngóng xuống từ trên cao.

Sách thì vẫn chỉ là... sách thôi nhưng không gian cho nó mỗi nơi mỗi khác. Đó cũng là cái thú cho người "du sách". Du là nhàn, là đi chơi, là ngắm ngưỡng. Nhiều khi chẳng để tìm kiếm hay cần phải mua một cuốn nào. Ở nhà sách Nguyễn Huệ dài các và sang trọng, người chơi như được "sang" lên với sách vì rành rành là đang đứng ở khu trung tâm. Ở Xuân Thu lại có khu sách ngoại văn giảm giá. Nhiều cô cậu sinh viên đang chụm lại bàn bạc nên chọn cuốn nào giữa *Vendredi ou Les Limbes du Pacifique* của Michel Tournier hay *Tropic of Capricorn* của Henry Miller. Ở nhà sách Sài Gòn thì cách xếp đặt bố cục, giới thiệu tác phẩm mới có vẻ bắt mắt. Có riêng một giá trưng bày những cuốn sách nổi tiếng trong giới "trường văn trận bút" vừa xuất hay tái bản. Nhà sách Tổng hợp 1 trên đường Nguyễn Thị Minh Khai đối diện Lãnh sự quán Pháp, tuy ra đời muộn cách đây vài năm nhưng đã thu hút khá nhiều đối tượng tìm đến vì không gian rộng rãi của nó. Khi bắt gặp một cuốn sách lạ, lật thử vài trang thấy cuốn hút, có thể đứng dựa hẳn vào tường đọc luôn một vài đoạn nào đó mà không bị ai quấy rầy. Kể cũng lạ vì nhà sách có nhiều "đầu" mới nhất và cập nhật nhất với tôi lại là Nguyễn Văn Cừ, nhưng không phải ở Quận 5 bên



hông trường Đại học Khoa học tự nhiên mà ở cuối giao đường Xô Viết Nghệ Tĩnh theo hướng đi ra Bến xe Miền Đông. Ở đây gần như xuất hiện đầy đủ các cuốn sách mới vừa được giới thiệu quảng bá rầm rộ trên báo chí. Nhất là các đầu sách in ở phía Bắc. Ví dụ như: *Chỉ tại con chích chòe* của Dương Tường, *Đi tìm nhân vật* của Tạ Duy Anh, *Cơ hội của Chúa* của Nguyễn Việt Hà hay *Cõi người rung chuông tận thế* của Hồ Anh Thái, *Báu vật của đời* của Mạc Ngôn hay *Linh Sơn* của Cao Hành Kiện, *Cây không gió* của Lý Nhuệ...

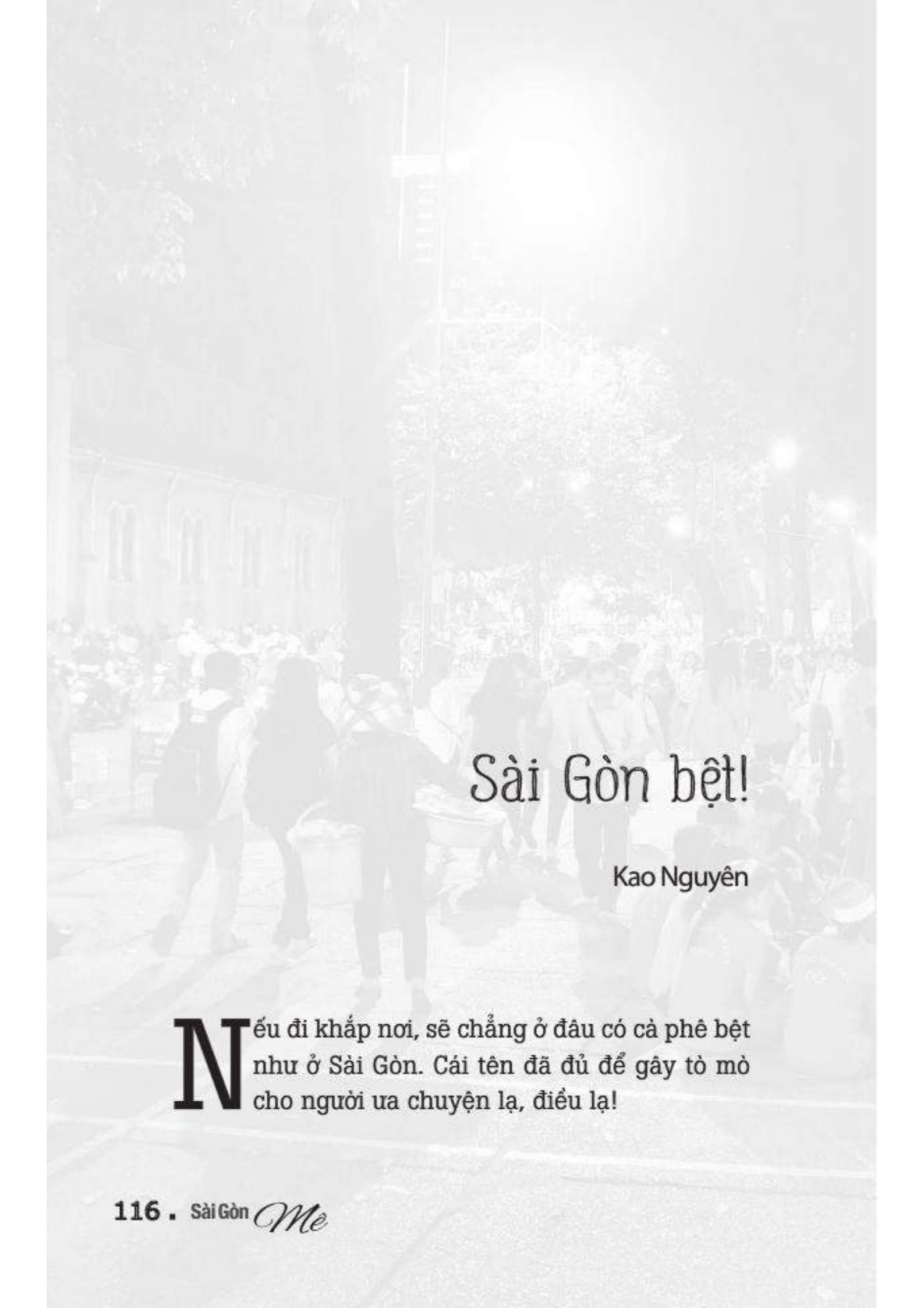
Năm 1992, nhà văn kiêm nhà phê bình Robert Coover, "cha đỡ đầu" của siêu tiểu thuyết tiên đoán trên tờ *New York Time Book Review* một "ngày tận thế của sách" với sự ra đời của sách điện tử. Cáo chung năm kỷ nguyên của sách in đồng thời khai tử cho cách viết và cách đọc truyền thống sẵn sàng bước qua thời kỳ "hậu Gutenberg". Nếu ngày ấy trở thành hiện thực thì sao nhỉ? Còn đâu những chiều nhàn du sách Sài Gòn? Nhưng thôi, cứ hy vọng ngày ấy mãi sẽ là "mơ về xa lắm"!

Bởi cái thi vị ở sách in không hẳn ở chỗ chất lượng, nội dung một tác phẩm mà còn chính là màu sắc, là một nhu cầu văn hóa. Chưa bao giờ sách in đẹp và nhiều như hiện nay. Nhìn sách uy nghi bày lớp lang trên giá trong những nhà sách khác gì những hoa văn trang trí trên trần cung điện tâm hồn lộng lẫy. Sách như những pháo đài

ngôn ngữ mà qua mỗi chiếc bìa oai phong như một chiến hạm.

Tôi có một người bạn là họa sĩ trình bày nổi tiếng, đã mất. Thỉnh thoảng, đến nhà sách ngắm những chiếc bìa do anh thiết kế tôi lại nhớ. Thử hình dung những e-books, hyper-fiction, hypertext... sẽ được trưng bày hay có những chiếc bìa ra sao nhỉ? Liệu có phải là những màn hình to đùng, chữ nhoay nhoáy, màu sắc phóng tràn loạn xạ? Số phận con người và thời gian càng mỏng manh bao nhiêu nếu như chỉ đặt dưới một phím enter hay một nút backspace. Khi không còn hình thức, nó sẽ dễ dàng bị lãng quên hay ngập lụt trong vô vàn sự kiện. Không còn những bước chậm cho những chiều nhàn du sách...





# Sài Gòn bệt!

Kao Nguyên

**N**ếu đi khắp nơi, sẽ chẳng ở đâu có cà phê bệt như ở Sài Gòn. Cái tên đã đủ để gây tò mò cho người ưa chuyện lạ, điều lạ!

Bệt, có nghĩa là ngồi bệt xuống đất. Như ngày xưa, thừa thiếu thời chúng ta cũng đã rất nhiều lần ngồi bệt để chơi trò gì đấy!

Cà phê bệt là ngồi bệt xuống đất và thưởng thức cà phê. Có thể ở đâu đó, hoặc tất thấy mọi người đều đã từng ngồi bệt để uống cà phê, nhưng chỉ là rất ít và không mang tính thường xuyên cũng như chẳng bao giờ gặp được cái dịch vụ cà phê bệt như ở Sài Gòn.

Vì thế Sài Gòn mới là nơi duy nhất có cà phê bệt và trở thành một nét văn hóa riêng tư rất mới, rất sáng tạo, độc đáo và thú vị vô cùng.

Gần 10 năm trước, manh nha từ những quán cà phê vỉa hè ngay sát cổng các trường Đại học Kiến trúc và Kinh tế Sài Gòn, rồi phát triển trở thành thương hiệu khi được một ông chủ quán cóc gần nhà thờ Đức Bà quyết định kinh doanh mô hình này. Nguyên do từ chỗ bị mất nơi kinh doanh mà ông chủ nọ, rất thông minh, năng động đã đưa tên tuổi cà phê bệt Sài Gòn trở thành một thương hiệu, một địa chỉ du lịch văn hóa. Công viên 30-4 đã trở thành quán cà phê thiên nhiên, công viên cà phê bệt. Năng động nhanh chóng mà thuận tiện cho cả hai bên, chủ quán lẫn khách hàng. Chỉ với một tờ báo là xong. Tờ báo đã trở thành ghế ngồi cơ động. Không bàn ghế, không nhạc nhẽo, không điều hòa nhiệt độ, không wc, không wifi, không báo đọc,



không phức tạp về chuyện gửi xe cộ, không mái che nắng che mưa, dang dở ly cà phê bởi thời tiết, không tất cả tiện nghi tiện lợi như bất cứ cà phê quán nào, nhưng cà phê bệt vẫn thu hút khách đông nuốm nượp.

Tại sao lại có chuyện ngược đời như vậy? Nghe vô lý nghịch nhĩ vô cùng mà vẫn phải chấp nhận như một điều hiển nhiên, là như thế đấy, tồn tại trên dưới 10 năm rồi người ơi!

Bởi vì, quận Nhất là trung tâm của Hòn ngọc Viễn Đông, mà tại đây, nơi cà phê bệt lại là trung tâm của quận Nhất. Không ở đâu trên đất Sài Gòn này không gian đẹp, lãng mạn, đại diện đặc trưng cho Sài Gòn như ở đây! Ngồi cà phê bệt, người ta được nhân mãn với những gì tinh túy nhất nhì Sài Gòn, của xưa và nay song hành tồn tại cùng một lúc. Nhà thờ Đức Bà, Hội trường Thống Nhất, Bưu điện Sài Gòn, phố cổ, xe đẹp, tài tử giai nhân, ngựa xe như nước áo quần như nêm... Ngồi cả ngày không chán mắt, bởi cái sự luân phiên chuyển động không ngừng của cuộc sống luôn tuôn chảy dạt dào ngay xung quanh, hay cận kề với khách hàng, những người khám phá say mê Sài Gòn theo cái cách của riêng mình. Cà phê bệt Sài Gòn cũng có nghĩa là bạn đang được thưởng thức cà phê trên bãi cỏ, dưới tán lá xanh rợp của những hàng cây cổ thụ. Bạn như đang chơi trong một khu vườn cổ tích, gần gũi với thiên nhiên. Cảm giác thư thái, được

quên rất nhiều những điều không muốn nhớ và được nhớ rất nhiều những điều bạn không thể nào quên. Mọi cái, từ không gian ngồi đến cửa sổ tâm hồn được mở toang, không đóng khung cố định như uống cà phê trong quán. Âm nhạc của cà phê bột là tiếng gió, tiếng nắng, tiếng của những thanh âm đời thường ủa vào vây quanh bạn. Không đến mức ồn ào khiến bạn phải nhúc nhủ căng thẳng, vừa phải thôi, vui có buồn có, lên bổng xuống trầm có, sống động vô cùng, sinh động vô cùng. Khi vui bạn ra cà phê bột bạn sẽ vui hơn. Khi buồn bạn sẽ vui bớt đi được nhiều lắm! Chẳng thấy ai tâm trạng nặng nề với cà phê bột này cả. Chính bởi cái không gian mở, thoáng đãng đã xua đi cái cảm giác tiêu cực u ám của bạn. Sự đầy đủ của những quán cà phê sang trọng, suy cho cùng, về một mặt nào đó, cũng chẳng thể so bì với cà phê bột được. Mỗi cây mỗi hoa. Cà phê quán là cà phê của không gian chết, đóng khung cố định, dù có thế nào đi chăng nữa vẫn là bất biến, là giới hạn không thể nào rộng hơn, sâu hơn so với không gian thật của cà phê bột. Nó giống như bối cảnh của một sân khấu. Gọi lên một cảm giác xa lạ, giả lả! Không gian của cà phê bột là không gian đời thường, gần gũi thiên nhiên, gần gũi với cuộc sống thường ngày và bạn, không những thưởng thức hương vị cà phê mà còn được giao thoa bằng cách này hay cách khác với những gì xung quanh. Cà phê như thế, có lẽ sẽ không



giống với cà phê nơi khác, địa điểm khác? Thức uống, trong đó có cà phê đã không còn là điều quan trọng nhất, chủ đạo nhất nữa. Phong cảnh, thiên nhiên, cuộc sống đời thường đã vô tình trở thành cái thứ hương vị độc đáo pha trộn vào với ly cà phê của bạn! Tưởng như thiếu thốn tất cả mà lại có nhiều hơn tất cả những gì bạn muốn. Hơn cả sự mong đợi vì luôn có yếu tố bất ngờ. Bất ngờ với thời tiết, với những chi tiết tình huống biến động đổi thay liên tục ngay trước mắt bạn, trong một khoảng thời gian chớp nhoáng. Cà phê quán là cà phê của tĩnh, cà phê bột là cà phê của động. Cà phê quán mang tính phân biệt giai tầng, cà phê bột mang tính hòa đồng không phân biệt. Cà phê bột, cà phê của thiên nhiên, của rộng mở, của giao lưu, của cộng đồng tập thể, của tự do nói cười đi lại, mà vẫn không hề mất đi sự riêng tư, cái tôi của bạn!

Điều đặc biệt, khách của cà phê bột đa số là của nghệ sĩ, lớp trẻ. Nơi đây họ có thể tha hồ đàn hát, sinh nhật, reo hò, ăn to nói lớn mà không sợ bị phải làm phiền ai. Cà phê bột, cà phê trẻ, cà phê của năng động phóng khoáng tự do. Giá của một ly cà phê bột chỉ với 10.000 đồng. Không thể chối cãi được, cà phê bột là cà phê của bình dân dân dã, nhưng bạn vẫn được phục vụ rất ân cần chu đáo.

Đôi khi cà phê bột, bởi không gian quá rộng và tự do của nó, nên nhiều khi như một phiên chợ quê với đủ các loại hàng hóa chen lẫn vào giữa cà phê

bệt. Cũng chẳng sao, điều đó lại càng tạo nên sự phong phú cho cà phê bệt!

Sinh viên Sài Gòn thế hệ 7x trở lại đây, hầu như ai cũng có một vài điều để nói, một vài kỷ niệm sâu sắc ở những quán cà phê bệt. Cà phê bệt, cà phê của sinh viên, của một thời, của đôi lứa, của hẹn hò, của một khung trời đầy kỷ niệm ngọt ngào và lãng mạn. Và về một mặt nào đó, cà phê bệt là cà phê của tình yêu sinh viên. Bao nhiêu kỷ niệm vui buồn của một thời áo trắng đã gửi lại nơi này. Người ra đi, mang theo Sài Gòn thì cũng mang theo một phần không thể thiếu của Sài Gòn, của lòng mình đó là cà phê bệt.

Sài Gòn không có nhiều nơi có cà phê bệt như: cổng trường Đại học Kinh tế và Đại học Kiến trúc, đường Phan Đình Phùng, tiền sảnh khách sạn Caravelle..., nhưng cà phê bệt ở nhà thờ Đức Bà vẫn là cà phê đáng kể nhất và đáng nhớ nhất của cà phê bệt Sài Gòn. Riêng cà phê bệt Caravelle gần như mở trắng đêm, còn những quán khác, 10 giờ là không phục vụ khách.

Cà phê bệt như là hình thức đối kháng đối lập với cà phê quán sang trọng. Giống như bao hình thức tồn tại mưu sinh đối lập, cạnh tranh nhau ở Sài Gòn.

Chỉ có ở Sài Gòn mới có cà phê bệt. Những nơi khác đã thử áp dụng mô hình này nhưng đều thất



bại, bởi tâm lý và văn hóa thưởng thức vùng miền mỗi nơi mỗi khác.

Có bao nhiêu câu chuyện thú vị, có bao nhiêu điều lạ để kể ra từ cả phê bệt Sài Gòn. Và nó đã trở thành một nét văn hóa rất độc riêng tư độc đáo của Sài Gòn.

Có một Sài Gòn lúc nào cũng như vừa sống vừa đi vừa chạy, vừa đứng, như một dàn nhạc Rocks khổng lồ, với nhịp điệu nhanh đến quay cuồng chóng mặt, thì cũng có một Sài Gòn ngồi bệt xuống đất nghỉ ngơi thư giãn với cả phê bệt Sài Gòn.

Văn hóa Sài Gòn vốn phong phú, đa dạng, nay cả phê bệt lại góp thêm cho cái phần rộng mở mệnh mang ấy!

Du khách từ nơi xa đến với Sài Gòn không ghé qua những cà phê bệt Sài Gòn, hẳn sẽ là một thiếu sót và không biết đến cái chi tiết vô cùng lạ lùng này.

Nếu đến rồi ra đi trở về nơi đã xuất phát, hẳn trong trái tim người xứ lạ, sẽ có một góc nhỏ, một phần ưu ái cho cả phê bệt Sài Gòn.

Chẳng ai biết ngày sau, số phận cả phê bệt Sài Gòn ra sao nữa, nhưng nó đã và đang tồn tại, như một điều độc đáo, thú vị lạ lùng của Sài Gòn!

# Hẻm Sài Gòn

Đoàn Đại Trí

**T**ôi mới đến sinh sống ở Sài Gòn được một thời gian chưa lâu; do đó, chắc chắn tôi chưa thể nào cảm được hết cái không khí Sài Gòn. Tuy nhiên, giữa cái náo nhiệt vốn có của phố phường nơi đây, điều khiến một kẻ lãng mạn như tôi cảm thấy thanh thản, nhẹ nhàng lại chính là những con hẻm Sài Gòn. Có lẽ phải ngồi nhâm nhi một ly cà phê đá mát lạnh trong một góc hẻm nào đó của phố phường Sài Gòn, người ta mới cảm nhận được cái không khí mà con hẻm mang lại. Nó như một thế giới khác, tách bạch với những đua chen ồn ào vốn dĩ của nơi từng được ví như viên ngọc vùng Viễn Đông. Nơi những con hẻm nhỏ bé ấy, một thế giới rộng lớn và mệnh mang với bao điều thú vị cuốn hút lấy mình. Đó là một phần, là mạch máu của Thành phố rộng lớn nổi tiếng khắp thế giới này.



Có lẽ người ta không thể nào khám phá hết Thành phố này mà không đi vào những con hẻm. Có những hẻm lớn, hẻm nhỏ, hẻm nọ thông hẻm kia hoặc đơn giản chỉ là con hẻm cụt chẳng dẫn tới đâu. Quanh co, ngoằn ngoèo và hẹp chùng dăm ba mét nhưng lại đưa ta đến hết bất ngờ này tới bất ngờ khác. Tôi hay muông tượng những con hẻm này như mạch máu trên lòng bàn tay số phận. Ở đó, chúng chính là huyết mạch, là đơn vị nhỏ nhất của đường phố để người dân đi lại, sinh hoạt. Đó chính là mạch sống của phố phường. Có một điều thú vị là, hình như những con hẻm ở Sài Gòn khác rất nhiều những con hẻm của các thành phố khác mà tôi từng đến. Không sâu và tối như hẻm Hà Nội, không buồn và tĩnh như hẻm cố đô Huế, không rộng và thoáng như hẻm thành phố trẻ Đà Nẵng và càng không ngán như hẻm phố biển Nha Trang... Có một chút gì đó vừa đủ để nhận ra một khoảng yên bình đến nao lòng trong những con hẻm khiến ta thấy bình an quá đổi.

Một người anh gọi điện hẹn đi uống cà phê. Tôi bảo, anh cứ tới quán trước đi, nhắn cho địa chỉ rồi lát sau em tìm đến. Anh cười trong máy, *Uống cà phê hẻm cậu à. Đây là quán cà phê quen thuộc của tôi, ngày nào tôi cũng phải ngồi ở đây một lần. Quán không có địa chỉ. Tôi phải dẫn cậu đến mới được.* Vậy là tôi phải gặp anh để được anh dẫn đi. Quán ở sâu trong một con hẻm yên tĩnh gần

như tuyệt đối. Chợt nhận ra rằng, không riêng gì người anh ấy mà có rất nhiều người khác cũng thích những quán cà phê trong hẻm ở Sài Gòn. Chẳng hiểu có phải chỉ có Sài Gòn mới có những quán cà phê trong hẻm hay không? Những quán chỉ phục vụ cho một lượng khách nhất định, có gu thẩm mỹ riêng. Bỗng nhận ra rằng, phải cảm ơn biết bao những con hẻm đã cho mình cái không gian riêng, yên bình rất đáng quý và đáng trân trọng này, nhất là ở một nơi hầu như lúc nào cũng chỉ thấy tiếng còi xe ầm ầm trên bất cứ con phố nào, suốt đêm ngày.

Nhớ con hẻm nhỏ trên đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, nơi dẫn vào nhà một người bà con của tôi. Chỉ có hơn 10 mét đi bộ là đã bước vào một thế giới hoàn toàn khác. Ngoài kia, với vô vàn những tiếng còi xe náo động và dòng người ùn ùn ngược ngược xuôi xuôi giờ tan tầm thì trong con hẻm này, đập vào mắt tôi là mấy chậu khế cảnh nhà ai đó trồng. Vài nhành hoa tím mỏng manh sao mà thân thương và nhẹ nhõm đến bất ngờ. Không hiểu sao, không khí ở đây trong lành và mát dịu đến thế. Tôi không thể nào hiểu được chỉ cách nhau có mấy mét không gian mà đã hình thành hai thế giới đối lập nhau như thế. Phải chăng, đó chính là điều diệu kỳ của những con hẻm Sài Gòn. Những con hẻm mà chỉ ai hiểu nó mới thấy thân thương, gắn gũi.



Tôi hay có thói quen ngồi uống cà phê mỗi sáng ở ngay con hẻm nơi mình ở trọ. Chủ quán là một bà cụ đã nhiều năm sinh sống ở đất Sài Gòn. Con cái của cụ đều đã thành đạt và có nhà ở riêng. Phần vì cái tính hay lam hay làm, phần nữa vì chẳng hợp với người con nào nên hai ông bà vẫn hàng ngày bán cà phê ở đầu hẻm, như mấy chục năm về trước. Chỉ có hai cái bàn, sáu chiếc ghế nhựa, nép ngay nơi ngã ba đường lớn mà mấy chục năm nay, hai ông bà cứ tất bật bán bán mua mua. Vậy mà cũng nuôi đủ năm người con, cả trai lẫn gái nên người. Mỗi buổi sáng, mọi người trong hẻm ra đó ngồi uống ly cà phê, râm ran bàn tán mấy chuyện trong hẻm, chuyện con gái nhà thím Năm lấy chồng, chuyện cháu ông Bảy thi đậu đại học hay chuyện đánh nhau bằng tên lửa tận châu Mỹ, châu Phi... Đã thành thói quen, quán nhỏ như một phần của con hẻm rồi, bỏ cũng không được. Đó là nơi để nhiều người gặp nhau, tâm sự, trao đổi, chia sẻ tin tức.

Một lần khác, men theo xa lộ Hà Nội, tôi vào một con hẻm ở bên Quận 2 khi trời đã nhá nhem tối. Con hẻm dài và nhỏ. Hai bên là nhà dân san sát với ánh điện nê-ông hắt ra đường. Qua khe cửa kính, tôi tò mò nhìn những gia đình quây quần bên mâm cơm, nhìn những em bé vô tư xem phim hoạt

hình *Tom và Jerry* trong khi bố mẹ chúng ngồi bên  
vừa nựng con vừa dỗ dành cho chúng ăn một cách  
âu yếm. Khung cảnh gia đình ấm áp không khác gì  
ở những miền quê nhỏ bé khác mà tôi từng đi qua.  
Nó mộc mạc và thân thương quá đỗi.

Nó gần gũi như chính thị trấn nhỏ bé của tuổi  
thơ tôi. Chợt nhận ra rằng, hình như những con  
hẻm nhỏ bé ấy chính là cầu nối giữa nông thôn và  
thành thị. Nơi mà khoảng cách gần như được rút  
ngắn đến không ngờ. Tình người, tình quê trong  
những con hẻm Sài Gòn tuy đơn sơ bình dị mà  
thấm thiết đến tận đáy lòng.

Tôi đã mất rất nhiều thời gian để lang thang  
khám phá những con hẻm Sài Gòn. Chẳng để làm  
gì mà chỉ để thỏa mãn trí tò mò cũng như giết thời  
gian trong những ngày đầu vào đây sống mà thôi.  
Chợt nhớ câu nói của người bạn, Sài Gòn là nơi  
hỗn độn, là nổi lẩu thập cẩm, là bon chen và vô số  
những vòng xoáy bất tận của cuộc sống cuốn người  
ta đi nhanh đến chóng mặt. Tôi cười, có lẽ bạn tôi  
nói đúng nhưng chưa đủ, bởi Thành phố này còn  
có một thế giới khác, rất đổi yên bình, thế giới của  
những con hẻm Sài Gòn.



# Sài Sào có... phố Kumon

Trần Nhã Thụy

**T**oán học đôi khi cũng giúp ta khám phá ra một khu phố. Tôi nói điều này có thể bạn không tin, nhưng với tôi nó hoàn toàn có thật. Chuyện là thế này. Vào năm 2009, khi cậu con trai đầu lòng của tôi vào lớp một thì chúng tôi phát hiện ra rằng cậu học... dốt toán, hay nói đúng hơn là không thích toán. Thấy trước một... nguy cơ lãng đãng, nên chúng tôi bàn cách cho cậu cải thiện tình yêu toán học bằng việc đăng ký ở trung tâm Kumon.

Theo quảng cáo thì Kumon là phương pháp toán học của người cha dành cho người con. Kumon là tên của một ông người Nhật - Toru Kumon, vì có cậu con học dốt toán mà tự lập ra một giáo trình để dạy cho con mình. Đại khái là vậy. Đăng ký từ lớp một, nhưng phải đến năm lớp hai, cậu con tôi mới gặp được ông Toru Kumon trong một cái hẻm

ở đường Nguyễn Thị Minh Khai. Mà, nói cho cụ thể rõ ràng là được vào học ở trung tâm Kumon tại hẻm 18A Nguyễn Thị Minh Khai.

Còn tôi, từ việc đưa đón cậu con đi học môn toán mà phần nào khám phá được con hẻm dễ thương này. Cho nên nói toán học đôi khi cũng giúp ta khám phá ra một khu phố là vậy.

Thực ra thì chừng mười mấy năm về trước, tôi cũng từng dạo bước ở con hẻm này, vào những buổi tối, sau khi ghé tiệm phở nằm cạnh nhà thờ Mạc Ty Nho. Đây là quán phở vỉa hè chỉ bán từ xế chiều đến khuya, nhưng lúc nào cũng đông nghịt khách. Cũng giống như tiệm phở Cao Vân có từ rất lâu đời nằm trên đường Mạc Đĩnh Chi, ở đây bánh phở đẹp như sợi hủ tiếu, một kiểu phở của miền Nam? Tôi không sành phở, nhưng ăn thấy ngon, ăn nhiều lần không ngán. Sau hơn nửa đời người thì có thể tạm đúc kết: tô phở ngon là ăn hết rồi mà thấy nước lèo vẫn còn nóng; ăn phở ngon hơn nếu đi với người mình yêu; và ăn phở thấy bổ ích là sau một trận ốm hay sau một bữa nhậu say túy lúy.

Thì ra cái hẻm Kumon cách nhà thờ Mạc Ty Nho chỉ vài phút đi bộ. Trong hẻm này bây giờ cũng có mấy tiệm ăn nổi tiếng, như tiệm cơm Cua Đồng chuyên các món Bắc; hay tiệm bún bò Bà Ba, ngày xưa ở hẻm trên, giờ cũng chuyển về đây. Bún bò Bà Ba cũng ngon lắm. Nhưng phải nói là sau này ít để ý đến chuyện ăn, vả lại những buổi chiều đưa



đón con cũng chỉ mong có chai nước suối ướp lạnh với cái chỗ ngồi để có thể dựa thẳng cái lưng, duỗi thẳng cái chân.

Hẻm Kumon vì cách trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn chừng vài trăm mét, nên có rất nhiều sinh viên, nghiên cứu sinh từ các nước đến trọ học. Không rõ vì hẻm này có ông Turo Kumon đến xí chỗ trước hay sao mà sinh viên người Nhật đến ở rất nhiều, sau đó là Mỹ, Anh, Pháp... Nữ sinh viên Nhật rất đẹp, cô nào cô nấy nhìn như diễn viên. Nam sinh viên Nhật thì không đẹp mấy, nhưng anh nào anh nấy trông cũng rất ngầu, chiều chiều ra quán thường bật lon bia, phì phèo thuốc lá, chém gió bằng tiếng Nhật nghe khua khoắng rào rào. Thực ra thì nữ sinh viên Nhật cũng tay kẹp điếu thuốc rất sành điệu, cũng bật lon bia, nhưng hình như phần lớn là hộp Coca. Người Nhật ăn uống có vẻ thoải mái, nhưng ít thấy có người nào mập phệ. Cũng hơi lạ.

Tôi thường ngồi quán anh Đức. Mỗi khi ngồi quán này thấy vui vui. Anh Đức bán quán đã lâu nhưng không hề bồi dưỡng chút vốn liếng ngoại ngữ của bất kỳ quốc gia nào. Gặp Nhật, Anh, Pháp, Mỹ gì, anh cũng nói... bằng tiếng Việt, âm điệu rất Sài Gòn. Anh cho các sinh viên nước ngoài thuê xe máy, nên mỗi khi họ đi về anh thu chìa khóa lại rồi hỏi: "Xe chạy ngon không? Nếu thấy không ưng thì nói tao biết nhen. Tao đổi cái xe này cho thằng Pháp kia nó đi. Còn tao đưa cho mày con Novo mới

cầu. Được chưa?”. Tôi thấy cậu người Nhật nghe cũng gật gù, chả biết có hiểu gì không. Tất nhiên là cũng có sinh viên khoa Tiếng Việt, nhưng nói như kiểu anh Đức, tôi nghĩ khó lòng mà theo kịp. Bữa thấy có cậu người Mỹ hay Bồ Đào Nha gì đó chạy xe về mà không giao chìa khóa, vẫn còn cắm trên xe. Anh Đức từ sau đi tới vỗ vai nói: “Ờ, Sài Gòn nhen mày, để chìa khóa trên xe mà cắm mặt chơi game là nó bùng đó”. Nói rồi anh Đức rút chìa khóa, dắt xe vô nhà. Cậu người Mỹ hay Bồ Đào Nha gì đó nhìn theo anh Đức, cười cười. Tôi chắc là cậu ta không biết anh Đức nói chuyện gì. Rồi anh Đức trở ra, gán lên môi điệu thuốc, châm lửa, rít một hơi, làm như cũng chẳng có chuyện gì.

Giờ thì nhà anh Đức đang xây sáu tấm. Anh thuê tạm chỗ gần đó và vẫn mở tiệm giải khát, vẫn phục vụ những sinh viên ngoại quốc, vẫn nói chuyện “tay đôi” bằng tiếng Việt như hai người Sài Gòn với nhau, một cách thoải mái và giản dị.

Mỗi tuần hai buổi chiều, tôi vẫn đến ngồi quán anh Đức, vẫn chai nước suối ướp lạnh và một chỗ ngồi thẳng lưng.

Nhưng đôi khi cái lưng già nua vì nghề viết của tôi cũng bật rời khỏi ghế vì thấy trước mắt một cô gái trẻ người nước ngoài quá chừng quyến rũ.



# Lang thang quán cóc Sài Gòn

Đắc Tĩnh

**S**ài Gòn sau cơn mưa, mát mẻ và dễ chịu biết bao. Đứa bạn kéo tay “La cà quán xá không, lâu lắm rồi chưa đi”. Tâm trạng đang vui và thoải mái sau một cơn mưa dài như trút bỏ hết mọi phiền lo, tôi gật đầu cái rụp “Ừ thì đi”.

La cà quán cóc vỉa hè, tìm những quán vừa đông khách lại rẻ tiền là sở thích của những đứa sinh viên tỉnh lẻ như chúng tôi. Hôm nay đứa nào tìm được một quán hay thể nào cuối tuần cả nhóm cũng kéo ra quán ấy.

Khi mới đặt chân đến Sài Gòn tôi cứ tưởng ở các nơi phồn hoa này chỉ có những ngôi nhà chọc trời, những nhà hàng sang trọng chứ không có những quán hàng nhỏ bé, với đôi ba ghế ngồi, cái bàn nhỏ trưng mấy thứ hàng như ở quê tôi.

Khác với những gì tôi nghĩ, Sài Gòn lại có rất nhiều hàng quán dành cho tầng lớp bình dân, cho những sinh viên nghèo tụ tập. Tôi cũng phát hiện ra, bên cạnh một Sài Gòn lúc nào cũng náo nhiệt còn có một Sài Gòn bình yên của những con người rất nhỏ bé, họ chẳng bon chen, chẳng vội vã như dòng xe tấp nập ngược xuôi ngoài đường. Họ bình thản với cuộc sống vốn có của mình, tuy cuộc sống lúc nào cũng khó khăn nhưng họ luôn cười, thân thiện với khách. Khách hàng chỉ là những người bình dân, những sinh viên nghèo, những công nhân nhưng đó như những vị khách quý của những người bán hàng. Bất cứ lúc nào dù bán hết hàng hay bán ế, vẫn thấy họ cười.

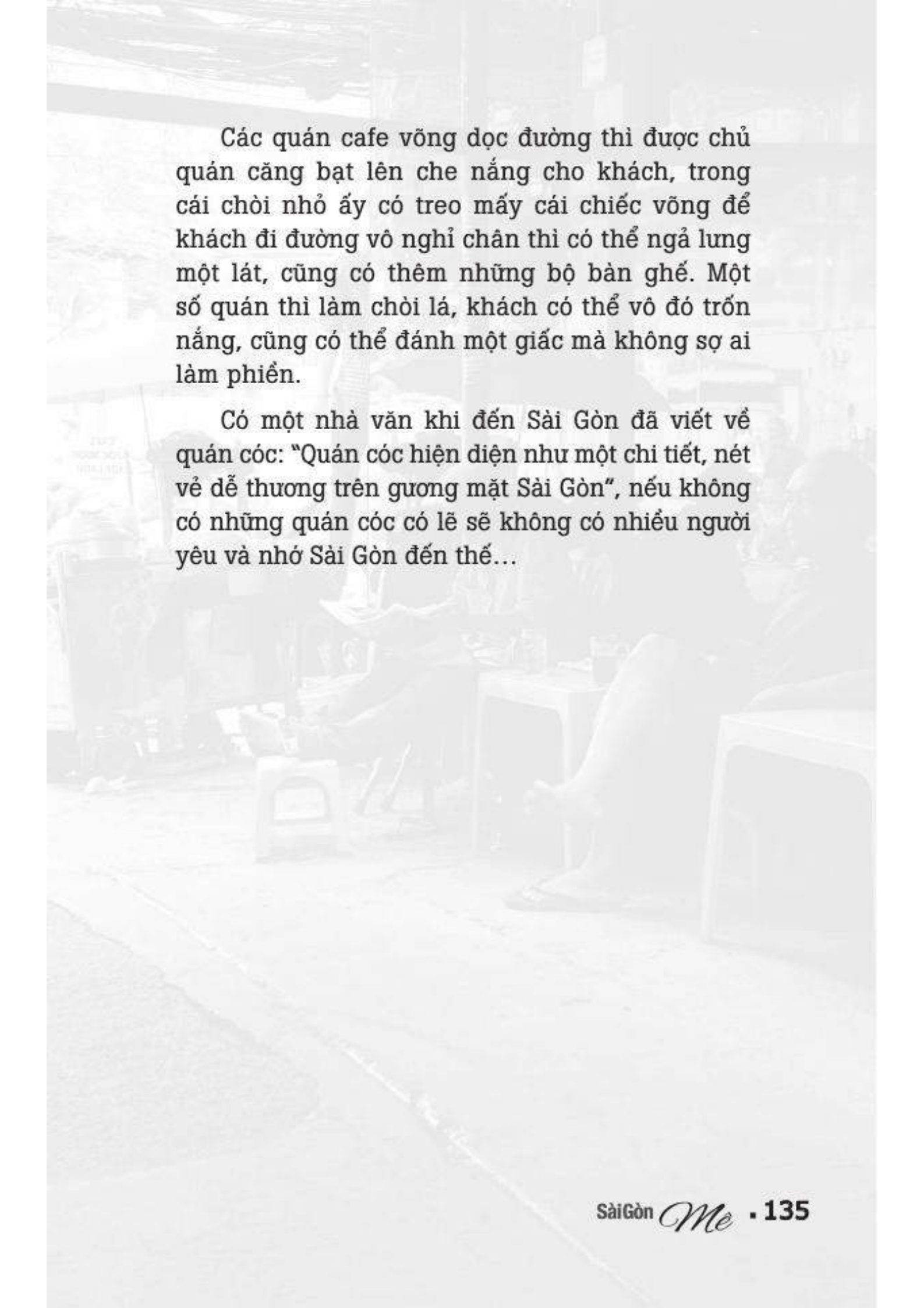
Có lẽ vì thế tôi thích đến những hàng quán này hơn là những quán café bên kia đường, tuy sang trọng thật đấy nhưng khi vào trong ấy thấy lạnh lẽo, cô đơn. Có một tác giả đã từng nói "Chúng tôi, dù trúng nhiều tấm vé số độc đắc, cũng không thích tới những quán cà phê như vậy, vì, nói chung, nó lạnh lùng, phù phiếm, nhạt nhẽo, kiểu cách, trưởng giả (học làm sang)...".

Vào những buổi chiều muộn hay những ngày cuối tuần, tôi thường cùng bạn bè la cà những



quán cóc trong thành phố, hôm nào rảnh thì chạy ra những quận ngoại thành như Thủ Đức, Quận 7, Bình Chánh... ra ngoại thành quán cóc nhiều hơn mà giá thành cũng rẻ hơn. Ở nơi đây tập trung nhiều trường Đại học, đông sinh viên nên mấy đứa tôi rất thích, lại thấy hào hức và rộn ràng hơn. Có hôm mấy đứa đang ngồi ăn lẩu trong làng Đại học, nghe thấy mấy người nói giọng miền Trung, một anh bàn bên cạnh chạy qua làm quen rồi nhận đồng hương, thế là chúng tôi lại có thêm những người bạn. Tự nhiên lại thêm yêu những quán cóc ở Sài Gòn, nhờ những điều bình dị ấy chúng tôi tìm thấy những tình bạn, những tình thương dành cho nhau giữa những con người xa lạ. Điều này thật khó có được khi mà ta cứ cố bon chen ngoài cái xã hội đang không ngừng phát triển kia.

Quán cóc ở Sài Gòn có rất nhiều dạng, có quán chỉ là một gánh hàng với hai ba cái ghế nhỏ như cô bán bắp, khoai nướng, chị bán bánh tráng hay đậu hũ. Có hàng lại có mái che nằm trên một vỉa hè, ban ngày cái vỉa hè ấy là nơi kinh doanh của một tiệm tạp hóa, ban đêm được cô bán hủ tiếu thuê căng mái che cùng mấy bộ bàn ghế làm chỗ ngồi cho khách. Có quán lại có mặt bằng riêng, như một nhà hàng nhỏ là các quán lẩu, các quán nhậu bình dân, quán ốc... những quán này thường rất đông khách hơn vì có thể đi theo nhóm bạn, có không gian rộng hơn.



Các quán cafe vòng dọc đường thì được chủ quán căng bạt lên che nắng cho khách, trong cái chòi nhỏ ấy có treo mấy cái chiếc võng để khách đi đường vô nghỉ chân thì có thể ngả lưng một lát, cũng có thêm những bộ bàn ghế. Một số quán thì làm chòi lá, khách có thể vô đó trốn nắng, cũng có thể đánh một giấc mà không sợ ai làm phiền.

Có một nhà văn khi đến Sài Gòn đã viết về quán cóc: “Quán cóc hiện diện như một chi tiết, nét vẽ dễ thương trên gương mặt Sài Gòn”, nếu không có những quán cóc có lẽ sẽ không có nhiều người yêu và nhớ Sài Gòn đến thế...



# “Chợ quê”

## Hoàng Hoa Thám

Võ Hồng Như

Tôi lớn lên từ miền Tây sông nước, từ những buổi theo phụ mẹ buôn bán ngoài chợ, nên ngôi chợ đã trở thành một cái gì đó có ý nghĩa, gắn bó với tuổi thơ của tôi. Chợ quê tôi giản dị và thân thương như những con người ở đây. Khi kết thúc mùa vụ, người dân quê đi chợ, mang những thứ có sẵn ở vườn nhà như mớ rau, mớ cá mới câu ở dưới ao,... Có những cụ bà, cụ ông lớn tuổi đến chợ cũng chỉ bán dăm ba mớ tôm, con tép hay vài lá trầu, mớ rau mới hái lúc sáng sớm, để cho đỡ nhớ chợ, nhớ hơi người... Mọi người ở chợ đều quen biết nhau nên chẳng có cảnh bon chen, giành giật, đôi khi tôi còn được mấy cô, mấy bà ở chợ cho dùng thử đồ ăn, thức uống miễn phí...Người dân quê đi

chợ không để mua sắm thì để ngắm, để chia sẻ niềm vui nỗi buồn trong cuộc sống. Họ sống chất phác, chân tình đến nỗi có thể sẵn lòng cho khách thiếu tiền, khi nào có thì mang trả, hay đôi khi họ sẵn sàng vừa bán vừa cho mớ rau, mớ cá,...

Chợ là nơi đã giúp mẹ tôi buôn bán nuôi sống cả gia đình, cho chúng tôi được ăn học đến nơi đến chốn. Tôi rời quê lên thành phố học mang theo hình ảnh thân thương của chợ quê mình. Khi tôi ra trường, có gia đình riêng thì hình ảnh chợ quê chỉ còn trong ký ức, hình ảnh chợ không gắn bó với cuộc sống của tôi như lúc nhỏ nữa. Có thể chợ ở thành phố khác chợ quê, hay cuộc sống thành phố hối hả đã kéo chân tôi đến những siêu thị tiện lợi mua thức ăn, đồ uống để chuẩn bị bữa cơm chiều cho cả nhà được nhanh chóng.

Nếu đứa con trai út của tôi không đột nhiên muốn ăn thịt heo luộc cuốn bánh tráng rau rừng, thì tôi không nghĩ là đã lâu lắm rồi tôi chưa đi chợ. Chợ theo ý của tôi là giống như chợ quê chứ không phải là chợ trong siêu thị.

Gia đình tôi sống ở Tân Bình, nên đôi khi tôi cũng ghé ra chợ Hoàng Hoa Thám để mua ít đồ, để giảm stress và để tìm không khí chợ quê. Chợ Hoàng Hoa Thám theo cách hiểu ngầm của chị em nội trợ chúng tôi bao gồm cả khu chợ nhà nghèo và khu chợ nhà giàu.



Khu “chợ nhà giàu” nằm ngay hai bên cổng khi ta bước vào chợ với các sạp thịt, cá, rau củ quả... bày biện rất bắt mắt người mua. Thịt thì cắt miếng to gọn gàng xếp ngay ngắn từng loại trên sạp. Cá tươi sống thì cho vào những thau to có máy lọc ôxy. Những loại cá đắt tiền như cá thu, cá bớp,... được cắt khúc bày ra nhìn rất tươi ngon.

Cách đây khoảng 10 năm, chợ Hoàng Hoa Thám bán độc quyền loại rau rừng để ăn món bánh tráng phơi sương cuốn thịt hai da. Rau rừng gồm nhiều loại lá như đinh lăng, lựu, sá xị, cóc,... Tôi còn nhớ thời gian đó tôi thường dậy sớm hơn vào sáng thứ sáu, ra chợ mua giùm mấy chị trong cơ quan ít rau rừng để các chị đãi cả nhà món thịt luộc cuốn bánh tráng đặc biệt này.

Đi sâu vào cuối chợ là khu vực “chợ nhà nghèo”. Nơi đây cũng có đầy đủ các loại cá thịt, rau củ... nhưng được bày bán trên các sạp thấp hoặc trên những tấm trải. Điều thú vị là các mặt hàng đều có bảng giá hẳn hoi. Vào khu “chợ nhà nghèo” tôi thấy phảng phất ở đâu đó hình ảnh chợ quê mình, vì ở đây có người vẫn bán theo “mớ”: mớ rau, mớ tôm, mớ cá,... và có những loại rau củ mà chỉ có chợ nghèo mới bán như rau sam, cỏ nhọ nổi,... Khu vực này luôn tấp nập từ sáng đến chiều.

Chợ Hoàng Hoa Thám còn nổi tiếng với thương hiệu hàng “sida” bán sỉ, lẻ lớn nhất khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, nhất là các mặt hàng quần áo, thu hút rất nhiều người. Các sạp bán hàng “sida” nằm ở cuối chợ và dọc bên hông trái cửa chợ luôn tấp nập, nhộn nhịp vào những ngày thứ bảy và chủ nhật. Người mua kẻ bán chật kín cả lối đi. Họ thỏa sức lựa chọn những món đồ thời trang có giá rất “bèo”, chỉ từ vài ngàn đến vài chục ngàn đồng đã có trong tay một mớ đồ sành điệu mà không “thua chị kém em” một chút nào. Cho dù các mặt hàng đã qua sử dụng, nhưng người bán biết cách cập nhật những xu hướng thời trang khá nhanh nhạy nên thu hút rất nhiều bà nội trợ, em sinh viên, chị công nhân,... đến mua sắm.

Tôi nhớ lúc trước cứ đến ngày thứ ba thì mọi người ở khu chung cư tôi lại đi chợ sớm hơn bình thường vì sẽ mua được quần áo giá rẻ mà chúng tôi hay gọi vui là “ngày thứ ba giá rẻ”, giá bán từ 5.000 đồng là thấp nhất cho một món hàng. Có lúc cũng vì tò mò và có hơi dư dả chút thời gian, tôi ghé vào lựa ít quần áo. Quần áo “sida” sau khi mang về được người bán phân loại ra, đồ nào đẹp và mới thì sẽ được treo lên bán với giá khác, còn lại thì đổ đống để mọi người lựa chọn. Nhưng xem ra tôi không đủ kiên nhẫn để lựa những thứ mình ưng ý trong những đống quần áo đổ đống này... Mấy chị đi cùng nói tôi nếu muốn lựa chọn thì phải



đi vào lúc sớm vì lúc đó hàng mới về nên chưa có nhiều người lựa và phải ăn thật no mới có sức để lựa đồ. Đi mua quần áo, giày dép hàng “sida” ngoài nhu cầu mặc đẹp thì việc chọn lựa còn là một cách để giảm stress...

Cũng thuộc dãy cuối chợ có thêm các gian hàng bán cá, gà, tôm, cua... nhưng ở đây có một cách bán khá đặc biệt và dường như bạn chẳng thể gặp lại người bán lần thứ hai trong tuần. Vì hôm nay bạn gặp người này bán nhưng hôm sau cũng tại chỗ ấy sẽ thấy một người bán khác... vì họ là người ở các nơi khác như Bến Tre, Vũng Tàu, Long An đến bán. Khuya thì họ bắt xe khách đi suốt đêm cho kịp trời sáng để ra chợ bán, khi bán xong họ lại bắt xe về cho kịp chuyến... Các loại thực phẩm khu vực này rất ngon, rẻ và đôi khi tôi lại tìm thấy được những món ăn ngày còn nhỏ tôi đã từng ăn. Có lúc tôi vẫn bắt chuyện với những người bán ở Bến Tre, chỉ là để hỏi thăm dăm ba điều, buôn bán có lời lỗ không, ở quê mình dạo này ra sao...cho đỡ nhớ quê và người bán cũng được quan tâm phần nào vì cùng là dân xa quê hương...

Dù nhà ở gần chợ nhưng phải mất 10 năm tôi mới biết khu vực này bởi công việc bận rộn nên chẳng có khi nào đi hết từ đầu đến cuối chợ. Nếu mẹ tôi không ở quê lên thăm thì chẳng biết khi nào tôi mới khám phá được những điều thú vị ở chợ Hoàng Hoa Thám. Mẹ tôi không thích đi chợ trong

siêu thị, bà chỉ thích đi chợ ngoài, vì bà đã quen cái không khí buôn bán ở chợ. Bà dẫn tôi đi chợ, hướng dẫn cho tôi cách mua ở chợ như thế nào để mua được đồ tươi ngon, rẻ... Tôi chợt thấy như đâu đó hình ảnh của tôi, của mẹ ngày xưa khi tôi lẻo đẻo theo chân mẹ ra chợ. Từ đó, tôi dành thời gian nhiều hơn một chút để đi hết chợ mua đồ ăn. Và mỗi lần đến đây, tôi lại có cảm giác như được đi chợ ở quê mình vậy, những mạch sống của thôn quê lại tiếp tục tuôn chảy nơi thị thành.







# Thức ăn Việt Nam nét đặc trưng tạo nên bản sắc!

Triệu Thị Chơi

**T**rong lĩnh vực ăn uống, Việt Nam có nhiều nét đặc thù. Do sự giao lưu văn hóa giữa các nước, các dân tộc ngày càng được mở rộng và phát triển nên việc chế biến thức ăn theo khẩu vị cũng được cải tiến cho phù hợp với trào lưu chung của thế giới phát triển nhưng cũng không kém phần độc đáo, thể hiện nét riêng của từng đất nước, dân tộc, theo từng vùng, miền...



Nước Việt Nam trải dài từ Bắc chí Nam, theo vị trí địa lý, từng vùng, miền có những thuận lợi về tài nguyên thiên nhiên nên nguồn nguyên liệu thực phẩm cũng không kém phần đa dạng và phong phú, từ đó nảy sinh nhiều hình thức chế biến tạo nét độc đáo riêng cho phù hợp khẩu vị của người dân địa phương. Chính vì thế, Việt Nam có những món ăn đặc sản của từng vùng, miền và của cả quốc gia nữa.

Ví dụ như món chả giò của miền Nam Việt Nam, nay đã thành món ăn đặc sản của Việt Nam đối với các nước bè bạn năm châu; món phở Bắc đã trở thành món ăn quốc hồn quốc túy của Việt Nam trên thế giới...

Có những món ăn luôn gắn chặt với quê hương, cho dù ở tận nơi đâu cũng không thể nào quên được và cũng không có gì thay thế được: Com hến (Huế) - Bánh khoai (Huế) - Lẩu mắm (Sài Gòn) - Canh chua cá kho tộ (miền Tây) - Bún chả (Hà Nội) - Chả cá Lã Vọng (Hà Nội) - Bánh tôm Hồ Tây (Hà Nội) - Bánh canh Trảng Bàng (Tây Ninh) - Hủ tiếu Mỹ Tho - Bánh hời thịt quay (Nam Bộ)...

Còn rất nhiều những món ăn để dễ dàng gợi nhớ cho người dân Việt Nam mỗi khi xa quê hương...

Chính những món ăn đặc sản Việt Nam đã tạo nên nét đặc trưng trong văn hóa ẩm thực nước nhà, nét đặc trưng thường thể hiện qua cách pha chế,

nêm nếm gia vị để tạo nên hương vị độc đáo của món ăn và cách trình bày, sử dụng món ăn để tạo nên nét đẹp trong văn hóa ăn uống.

Vùng nông thôn, văn hóa ẩm thực tiêu biểu cho nét đơn sơ, mộc mạc và bình dị của người dân quanh năm gắn với ruộng vườn, nương rẫy.

Vùng thành thị, văn hóa ẩm thực tiêu biểu cho sự rộn ràng, năng động của lối sống công nghiệp với bao bận bịu lo toan...

Khu vực kinh thành, thủ đô, văn hóa ẩm thực tiêu biểu cho nề nếp, phong thái cổ xưa, mang dáng dấp của thời đại phong kiến pha lẫn sự tươi vui, lịch lãm của nền văn minh hiện đại.

Riêng ở Thành phố Hồ Chí Minh, một thành phố lớn, một trung tâm văn hóa, khoa học kỹ thuật, một khu vực công nghiệp đang phát triển, là đầu mối giao lưu của cả nước nên nền văn hóa ẩm thực tập trung đa dạng mang sắc thái cổ kim, Đông Tây... hòa hợp, tạo tiền đề cho bước phát triển mạnh của ngành ẩm thực trong thời đại ngày nay.

Nhu cầu ăn uống của người dân Thành phố nói riêng và Việt Nam nói chung ngày càng trở nên nhanh gọn và đa dạng theo xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa... để có thể thích nghi với thời đại mới.

Điểm nổi bật trong chế biến món ăn Việt Nam là việc sử dụng rau củ, gia vị bên cạnh những nguyên



liệu phụ gia khác. Chính gia vị đã làm cho món ăn trở nên độc đáo. Nhờ vào nguồn gia vị phong phú đã tạo cho các món ăn có nét khác biệt nhau, không món nào giống món nào và cũng không dễ dàng bị thay thế, trùng lặp hay đồng hóa.

Trong những bữa ăn hàng ngày, rau củ gia vị đóng vai trò hết sức quan trọng, vừa để làm tăng thêm sự ngon miệng, vừa góp phần tạo nên hương vị độc đáo, đặc trưng của món ăn.

Nhiều khi chỉ cần ngửi thấy mùi gia vị đã gọi cho ta cảm giác thèm ăn một món gì đó, ngon ngon, quen quen đã từng được ăn ngày nào... Như ngửi mùi lá chanh, lại nhớ đến miếng thịt gà vừa luộc chín thơm ngon mỡ màng... Gặp mùi thìa là, lại nghĩ đến bát canh riêu cá chép; nhắc đến rau răm lại nhớ đến những quả trứng lộn vừa được lấy từ nồi, nóng bỏng, rát tay... Ngửi vị chua cay mặn mặn của nước mắm gừng, nghĩ ngay đến những miếng thịt luộc béo béo, thơm thơm...

Bên cạnh việc tạo thêm màu sắc, hương vị cho món ăn, trong rau củ, gia vị còn có các vị thuốc trị bệnh và các loại vitamin bổ dưỡng nữa. Rau gia vị phần lớn có chất kháng sinh thực vật, có tác dụng kìm hãm vi khuẩn phát triển, cho nên, khi ăn những món "ngại bụng", cần có rau gia vị đi kèm sẽ an tâm hơn: lòng heo, tiết canh đã có rau thơm, rau húng; riêu cua, riêu cá đã có kinh giới, thìa là...

Như vậy, mỗi món đặc sản Việt Nam lại có kèm theo một liều thuốc kháng sinh quý hiếm, vừa để kích thích tiêu hóa, tạo sự ngon miệng, vừa tạo cảm giác an tâm cho người sử dụng món ăn.

Nước ta có rất nhiều loại rau gia vị khác nhau ở khắp mọi miền và là kho tàng quý giá cho chúng ta trong lĩnh vực ẩm thực.

Trong thời hội nhập, xã hội đang trên đà phát triển giao lưu các nước đang đẩy mạnh, du lịch Việt Nam có điều kiện phát huy vai trò trách nhiệm, trong đó, ẩm thực là một tiềm năng cần được quan tâm đầu tư và phát triển một cách hiệu quả nhất để hỗ trợ cho việc xúc tiến du lịch vươn tới đỉnh cao và lan tỏa tầm xa.

Đối với du lịch, ẩm thực vừa làm nhiệm vụ quảng bá, vừa làm thỏa mãn nhu cầu của thực khách, chính giới ẩm thực đã giới thiệu đến mọi người một góc cạnh văn hóa của đất nước.

Khi tham quan du lịch, du khách rất muốn tìm hiểu về đất nước, con người và văn hóa ẩm thực của nơi họ đặt chân đến.

Trong vấn đề này, người ta thường nghĩ nhiều đến món ăn và cách ăn.

Món ăn nào được gọi là món ăn ngon, được chế biến và sử dụng gia vị như thế nào để tạo nét độc đáo, hợp khẩu vị, đảm bảo an toàn cho người sử dụng.



Cách sử dụng món ăn phải được quan tâm thể hiện như thế nào cho phù hợp với nền văn hóa đặc trưng của dân tộc đó.

Chính vì thế, việc quan tâm đầu tư cho lĩnh vực này hết sức quan trọng và cần thiết, không chỉ đối với cá nhân hoặc tập thể tự phát mà còn mang tính chất quy mô tầm cỡ quốc gia nữa.

Thiết nghĩ, trong kế hoạch đầu tư phát triển du lịch cần có chương trình hành động cho lĩnh vực này một cách rõ ràng, cụ thể, thiết thực và có hiệu quả.

Việc xây dựng và phát triển văn hóa ẩm thực Việt Nam thành thương hiệu gây ấn tượng hấp dẫn với du lịch thế giới là điều hết sức quan trọng.

Việt Nam hiện tại đã thừa kế và tiếp thu những tinh hoa của các nền ẩm thực Âu - Á cũng như những đặc thù ẩm thực của các nước trên thế giới để tạo thành món ăn Việt Nam có khẩu vị dung hòa, đáp ứng yêu cầu ẩm thực của mọi người trong và ngoài nước, nhất là các món đồ nguội, các món xát, thịt dứt lò, quay, nướng, các món nấu, các món ăn kèm đồ xốt dùng với mì, bánh mì...

Việt Nam hiện tại cũng đang phối hợp nguồn nguyên liệu thực phẩm, gia vị trong và ngoài nước để chế biến các món ăn mới thích nghi với yêu cầu của thời đại mới, tạo sự đa dạng trong ăn uống nhưng vẫn luôn giữ vững bản sắc của dân tộc Việt Nam, trên cơ sở nền văn hóa lúa nước, vẫn luôn duy trì các bữa

com gia đình với ba món chính: canh, món mặn, rau củ xào hoặc để tươi kèm theo nước chấm.

Để có một thực đơn ngon lành, bổ dưỡng, tốt cho sức khỏe, cần lưu ý: trong thực đơn có sự quân bình giữa chất và lượng, có món nước (canh hoặc hầm), món khô (ram, xào, rang, rau tươi... kèm nước chấm hoặc nước sốt trộn); món mặn (kho, nấu...).

Như vậy thực đơn sẽ có sự cân bằng dinh dưỡng, cân bằng âm dương (chua, ngọt, mặn...) và điều hòa hàn nhiệt (khắc phục những món ăn dễ sinh lạnh bụng, khó tiêu như các món thịt trắng, thủy hải sản (gà, vịt, trứng lộn, tôm, cua, sò, ốc, mực... phải kèm rau củ gia vị sinh nhiệt như rau răm, gừng, tỏi, ớt...).

Khẩu vị hiện tại của người Việt Nam thường sử dụng là khẩu vị dung hòa để tạo sự đồng cảm sâu sắc với các dân tộc văn minh tiến bộ trên thế giới.

Nguồn nguyên liệu phổ biến là những nguyên liệu tươi nguyên được thu hoạch hàng ngày trên cơ sở đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

Những thực phẩm trái mùa sẽ được cất giữ, bảo quản bằng hình thức sấy khô, đông lạnh hoặc lên men tự nhiên và chỉ đem ra sử dụng khi có nhu cầu.

Hiện nay, việc dung hòa thức ăn và khẩu vị ăn uống đang được mọi người dân xem như là nét ẩm thực của Việt Nam (bánh mì thịt nguội, bánh bao, mì vịt tiềm, heo sữa quay, vịt quay, com chiên, mì xào...).



Tuy nhiên, bản sắc vẫn là bản sắc, dân Việt Nam không bỏ qua các bữa cơm hàng ngày, những mâm cỗ ngày giỗ, ngày tết... những món ăn đặc sản phục vụ du khách đến thăm Việt Nam.

Tóm lại, ẩm thực là một phạm trù văn hóa làm nên bản sắc dân tộc, mỗi quốc gia có những món ăn riêng giữ vai trò “đại sứ” đại diện tiêu biểu cho nền ẩm thực của họ, đó là cái gốc phải giữ, ngành công nghiệp thực phẩm đi vào đời sống không phải khiến cái gốc ấy mất đi mà để phục vụ nhu cầu con người tốt hơn. Cái hay ở văn hóa ẩm thực của các quốc gia phát triển là ẩm thực hiện đại luôn song hành cùng giá trị truyền thống.

Việc được tiếp xúc với nền công nghiệp thực phẩm hiện đại ở nhiều quốc gia cũng cho chúng ta cái nhìn tích cực hơn về thực phẩm ăn liền. Chúng ta không phải là người bảo thủ với món ăn, càng không phải là người bảo thủ với xu hướng tiêu dùng của giới trẻ. Xu hướng sử dụng các loại thực phẩm ăn liền hiện nay rất phổ biến ở các nước phát triển vì tính tiện dụng và đa dạng của nó. Người nội trợ thông minh phải là người nội trợ biết cập nhật và nắm bắt các xu hướng cũng như phương pháp ẩm thực hiện đại để bữa ăn gia đình vẫn thơm ngon nhưng lại tốn ít thời gian quanh quẩn trong bếp hơn.

# Bánh mì Sài Gòn đi vào văn chương

Trần Hoàng Nhân

**N**ăm 2012, chuyên trang du lịch của báo *The Guardian* (Anh) đã bình chọn bánh mì Sài Gòn là một trong 10 món ăn đường phố ngon và hấp dẫn du khách nhất thế giới. Quả thực, bánh mì Sài Gòn đã “hợp hốn” nhiều quốc gia từ Âu sang Mỹ.





Nếu như phở Hà Nội vào văn chương khá phổ biến qua những tác phẩm của Nguyễn Tuân, Vũ Bằng hay thơ của Tú Mỡ, thì món ăn phổ biến nhất Sài Gòn là bánh mì có số phận khá... “hầm hiu” khi ít được giới văn nhân thi sĩ đưa vào tác phẩm. Thế hệ học trò sinh sau năm 1975 hẳn nhiều người thuộc lòng các câu thơ của Phan Thị Vàng Anh trong sách giáo khoa tiểu học: “Hôm nay trời nắng chang chang/ Mèo con đi học chẳng mang thứ gì/ Chỉ mang một chiếc bút chì/ Và mang một mẩu bánh mì con con”. Có lẽ, với lứa tuổi học trò, bài *Mèo con đi học* của Phan Thị Vàng Anh là tác phẩm văn chương duy nhất mà món bánh mì được xuất hiện, dù đi học ở tuổi nào - nhất là ở Sài Gòn và các đô thị miền Nam - cũng ít nhất một lần gặm bánh mì.

Sinh ra và lớn lên ở Sài Gòn, nhà văn Lê Văn Nghĩa mê bánh mì Sài Gòn đến độ ông đưa món ăn này vào khá nhiều cuốn sách của mình: *Hạt bụi bên nhau; Chú chiếu bóng, nhà ảo thuật, tay đánh bài, và tụi con nít xóm nhỏ Sài Gòn năm ấy* và bánh mì xuất hiện nhiều nhất trong truyện dài *Mùa Hè năm Petrus*. Bánh mì Sài Gòn trong các tác phẩm của Lê Văn Nghĩa không đơn giản chỉ là món ăn mà còn thể hiện nét văn hóa đặc trưng của người dân đô thị nơi đây.

Theo Lê Văn Nghĩa, bánh mì có rất nhiều cách ăn và tên gọi từng loại bánh mì phụ thuộc vào

nhân đi kèm. Ví dụ: bánh mì thịt nguội, bánh mì bò kho, bánh mì pate, bánh mì bì, bánh mì xíu mại, bánh mì chả cá, bánh mì phá lấu, bánh mì thịt nướng, bánh mì heo quay..., thậm chí là bánh mì kẹp kem mát lạnh làm nhân bên trong, bánh mì chan nước tương, bánh mì chấm cà phê hoặc sữa... Tùy túi tiền của từng người mà có cách ăn bánh mì khác nhau. Học trò nghèo ở tỉnh nhiều khi chỉ ăn bánh mì với nước tương lót dạ đến trường hoặc hai đứa chia nhau một ổ bánh mua ở lề đường. Con nhà khá giả thì vào tiệm ăn bánh mì bò kho, thịt nguội... bày trên tô, đĩa vàng hoàng.

Nếu so với các nhãn hiệu thức ăn nhanh đang mọc lên như nấm tại Sài Gòn, thì bánh mì kẹp thịt có lẽ là món ăn siêu nhanh. Để dùng thức ăn nhanh của Mỹ, Hàn, người ta phải gửi xe vào tiệm; còn ăn bánh mì kẹp thịt chỉ cần tấp vào lề đường mua một vài ổ bỏ bịch mang đi. Rất dễ nhận ra hình ảnh cha mẹ chở con đi học trên xe máy, cô/cậu nhóc ngồi yên sau gặm bánh mì; hay các công chức buổi sáng cà phê quán cóc với ổ bánh mì. Tinh nhanh, gọn, cơ động của bánh mì Sài Gòn khó mà nhãn hiệu thức ăn nhanh nào khác trên thế giới bì kịp.

Nét riêng của bánh mì Sài Gòn chính là đồ chua kẹp chung với các loại nhân, thường là thịt. Trong *Mùa Hè năm Petrus*, Lê Văn Nghĩa miêu tả: “Nó không hiểu bà Tư nói vậy là khen hay chê, tuy



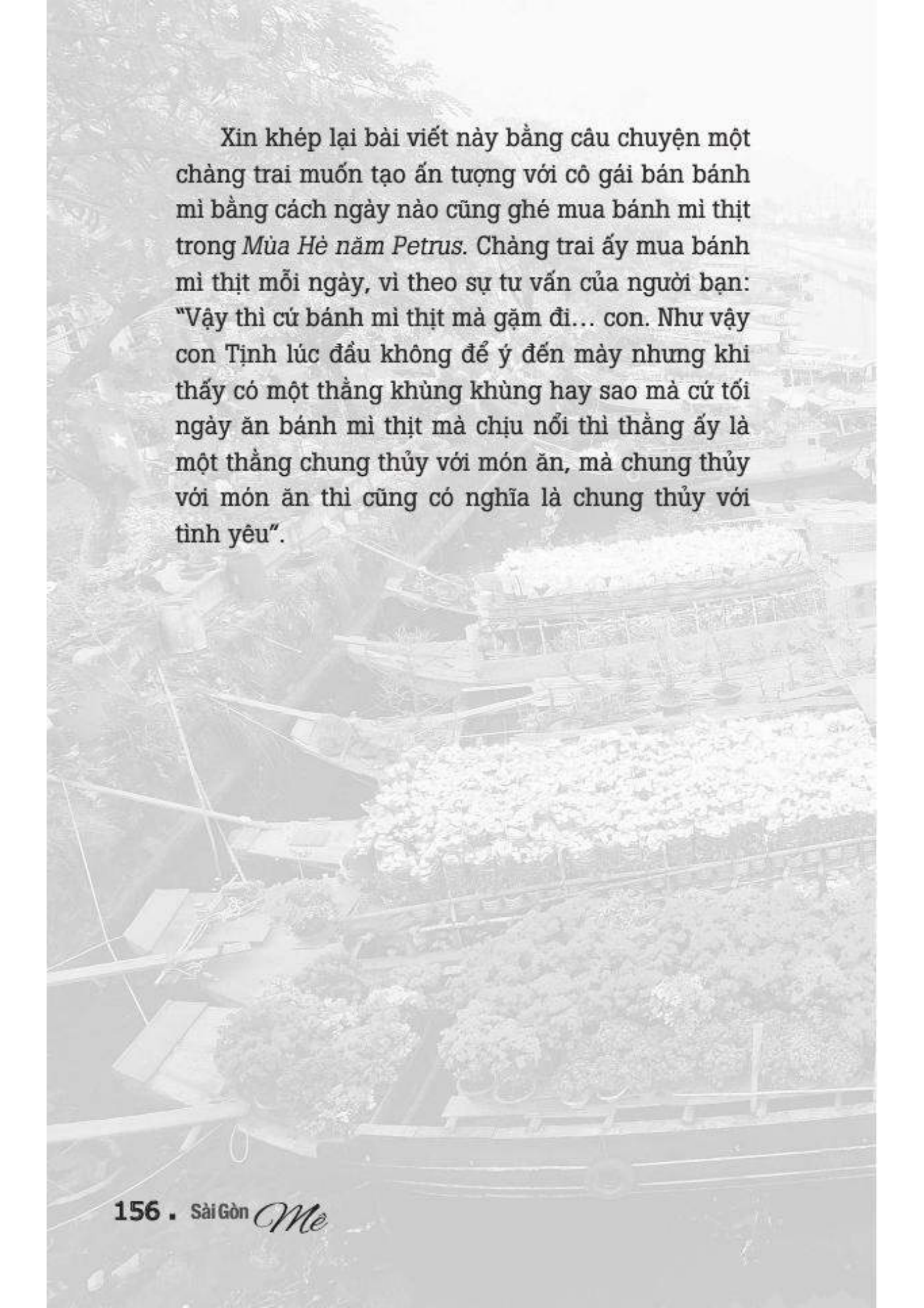
nhiên nó cũng chẳng cần vì nó đang cầm khúc bánh mì nóng hôi hổi. Nó cầm ổ bánh mì đưa lên mũi ngửi để tận hưởng mùi thơm đặc trưng của bánh mì. Mùi bánh mì này chỉ có những lò bánh mì than mới có chứ mấy lò bánh mì điện thì làm sao có được. Không chịu nổi cái mùi thơm lừng làm bụng nó réo sôi sùng sục, nước miếng nó bắt đầu ứa ra, nó đưa ổ bánh mì giòn tan lên miệng nhai ngốn ngấu. Đồ chua và vị mặn của tàu vị yếu làm cho vị ngọt của ổ bánh mì thêm đậm đà. Chẳng mấy chốc, nó liếm mép để tìm xem còn vụn bánh mì nào dính trên khóe miệng hay không”.

*Mùa Hè năm Petrus như một hồi ký viết về thời học trò của Lê Văn Nghĩa ở Sài Gòn những năm 1960. Khi đó, Lê Văn Nghĩa học trường mang tên nhà bác học Petrus Trương Vĩnh Ký (nay là trường chuyên Lê Hồng Phong). Nhà văn nhớ lại: “Tại góc đường Pasteur – Lê Lợi có một quầy bán bánh mì với phá lấu lòng heo. Vừa thoát nhìn những khoanh ruột non, thớ linh khoanh tròn, những miếng gan, bao tử “khìa” nằm trên một cái khay nhôm, được che bằng một tấm ny-long trắng, dày, thẳng Mai đã muốn chảy nước miếng. Thằng Dũng nói với “bà xẩm” bán hàng: “Bà cho hai khúc, mỗi khúc năm đồng. Nhớ cho nhiều đồ chua nhe... Ở... bà cho thêm tương đen, với tương ớt...”. Mỗi thằng cầm một ổ bánh mì nóng, thơm lừng mùi bánh mì mới ra lò, đi lại xe nước mía Viễn Đông gần đó. Thằng*

Dùng gọi một cách sành sỏi: “Cho hai ly nước mía, bỏ ít đá thôi nha chị”. Nó quay sang thằng Mai: “Bánh mì phá lấu với nước mía Viễn Đông ngon có tiếng. Hai món này cũng góp phần làm nên danh tiếng của Sài Gòn đó mày”. Câu này nó nghe một ông nhà văn, nhà báo nào nói bây giờ nó đem ra hù thằng Mai” - (trang 127).

Bánh mì trong truyện ngắn, truyện dài của Lê Văn Nghĩa không còn là món ăn, mà đã trở thành câu chuyện hay đúng hơn là thành nhân vật. Trong truyện *Bánh mì bì* (tập truyện *Hạt bụi bên nhau*), Lê Văn Nghĩa kể về một chàng trai công chức ngày nào cũng mua bánh mì bì để đem cho đồng nghiệp, khiến một cô gái lầm tưởng là anh ta tán mình. Đến một ngày anh ta không cho bánh mì bì nữa khiến cô gái hoảng hốt, nhưng kết thúc bất ngờ là bà cụ chuyên bán bánh mì bì đã qua đời. Hỏi Lê Văn Nghĩa, ông cho biết: “Xe bánh mì bì trong truyện này có mấy chục năm, ở góc đường Điện Biên Phủ - Mai Thị Lựu, bà cụ gắn cả đời mình với xe bánh mì. Bánh mì bì ở đây ngon nhờ chan nước mắm pha với tỏi ớt. Giờ con cháu bà vẫn còn bán ở góc đường này”. Thế đấy, đâu chỉ có các món ăn khác như phở, bún bò... là có tính “gia truyền”; bánh mì Sài Gòn cũng gia truyền như nhiều món ăn khác, bởi bánh mì đã trở thành một phần không thể thiếu của người Sài Gòn.





Xin khép lại bài viết này bằng câu chuyện một chàng trai muốn tạo ấn tượng với cô gái bán bánh mì bằng cách ngày nào cũng ghé mua bánh mì thịt trong *Mùa Hè năm Petrus*. Chàng trai ấy mua bánh mì thịt mỗi ngày, vì theo sự tư vấn của người bạn: "Vậy thì cứ bánh mì thịt mà gặm đi... con. Như vậy con Tịnh lúc đầu không để ý đến mày nhưng khi thấy có một thằng khùng khùng hay sao mà cứ tới ngày ăn bánh mì thịt mà chịu nổi thì thằng ấy là một thằng chung thủy với món ăn, mà chung thủy với món ăn thì cũng có nghĩa là chung thủy với tình yêu".

# Bến xuân

Đỗ Ngọc

**K**hoảng 20 tháng Chạp, khi các nhà vườn ngoại thành tất bật chuẩn bị, đưa hoa kiểng vào Thành phố; các hội, chợ hoa xuân nao nức chờ ra mắt hàng trăm loài kỳ hoa dị thảo, thì ở một số bến sông, thuyền ghe cũng tấp nập vào ra, chuyển lên bờ hàng trăm loại hoa kiểng,... nhìn từ xa, bến sông như một chiếc khăn lụa rực rỡ sắc xuân.

Từ 20 Tết, đường Trần Xuân Soạn dọc theo Kênh Tẻ (Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh) bắt đầu có nhiều ghe xuồng từ miền Tây theo nhau tấp bến. Hàng chục loại hoa kiểng Tết, đủ loại trái cây và sản vật miệt vườn được chuyển lên bờ. Hoa chất kín ghe, nhiều nhất vẫn là hoa giấy, hoa mai, cúc vàng, vạn thọ, hải đường, hướng dương... đứng



trên cầu Tân Thuận và cầu Kênh Tẻ nhìn xuống, bờ sông đầy màu sắc uốn lượn, thật đẹp.

Cảnh mua bán trên bến dưới thuyền đông vui, tấp nập nhất là đoạn bờ sông từ cầu Rạch Ông đến cầu Kênh Tẻ. “Chợ hoa xuân” tự phát, bắt đầu từ một số ghe tàu của dân miền Tây lên bán trái cây, khu vực bờ sông này dần hình thành chợ, được nhiều người tiêu dùng biết đến. Và mỗi dịp Tết đến xuân về, nơi đây lại có chợ hoa xuân độc đáo, điểm dạo chơi, mua sắm, đáp ứng nhu cầu sửa soạn Tết của người dân Thành phố.

Hoa giấy trồng trong chậu, chiết cành, kiểng uốn tạo hình lâu năm, lai ghép giống cho ra loại hoa nhiều màu khác nhau... luôn là thứ hút khách nhất. Tùy theo cây lớn nhỏ, dáng thế, lâu năm... giá bán mỗi cành, chậu bông giấy có giá từ 200.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Hoa cúc, đồng tiền, vạn thọ, đỗ quyên... giá từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng/một giỏ.

Trái cây thì vô cùng phong phú, ngoài bưởi, dưa hấu, mận, ổi, xoài, măng cầu, thơm, còn có nhiều loại trái ngon, đặc biệt dành chung dịp Tết như: xoài cát Hòa Lộc, quýt hồng Lai Vung, bưởi da xanh nặng từ 1,8 kg đến 2,2 kg/trái, giá bán từ 70.000 đồng đến 100.000 đồng một trái. Dừa sáp, dừa dứa, dừa dàu, dừa lửa, dừa xiêm gian hàng

nào cũng có. Nhiều sạp hàng bày sẵn bộ trái cây cúng gồm măng cầu, dừa, đu đủ, xoài, thể hiện ước nguyện năm mới “cầu vừa đủ xài”. Ở bến xuân này, có thể mua được những mứt măng tươi vừa cắt từ vườn nhà sáng sớm, chuẩn bị cho nổi măng tươi hầm chân giò ăn ba ngày Tết. Khoai lang ba bốn loại, ruột màu sắc khác nhau, khóm kiếng màu cam thắm, gà vườn, gà kiếng hiếm... “Độc” nhất và bán chạy nhất là các loại rau nhà lá vườn như: lá cóc non, đọt xoài, đinh lăng, rau húng nước... nguyên liệu tươi ngon cho món cuốn tôm thịt, bánh xèo. Ngoài ra còn có bông bí, rau tập tàng, đọt nhãn lồng, lá xoài non, bông so đũa, rau choại – loại rau đặc biệt, có nhiều nhất ở miền Tây mùa nước nổi... Nhiều gia đình theo ghe xuống lên Thành phố bán hàng, hoa kiếng Tết. Người bán hàng, người chuyển hoa kiếng từ ghe lên bờ, người buộc hàng lên xe cho khách chở về. Một số gia đình bán buôn trên sông có “thâm niên”, số khác chỉ buôn bán dịp Tết. Với những gia đình khác, Tết cũng là dịp cả nhà từ miệt vườn lên Thành phố chơi, nhân tiện đem về chợ ít trái cây, hoa kiếng bán để kiếm chút tiền mua sắm cho con cái những bộ quần áo mới.

Khung cảnh trên bến dưới thuyền, kẻ bán người mua bên phố đông tấp nập người xe, tiếng trả giá, hỏi cách nấu món Tết ngon, chúc nhau năm mới sức khỏe, an lành... tạo nên những mảng màu



và âm thanh sinh động của đời sống, của cái tình người bán người mua trao nhau cái đẹp, sự may mắn ở năm mới.

Nếu chợ hoa xuân bến sông Kênh Tẻ có tính chất tự phát, thì chợ hoa xuân bến Bình Đông (Quận 8) lại là chợ có quy mô lớn, với khoảng 400 đến 500 gian hàng bày bán hoa kiểng kéo dài gần 3 km dọc theo kênh Tàu Hủ. Chợ thường nhóm họp khoảng ba tuần trước Tết. Hàng trăm chiếc ghe, tàu lớn chở hoa đậu kín bờ kênh. Hoa trên bờ, hoa dưới sông, rộn ràng người mua kẻ bán. Nhiều người dạo chơi, chụp ảnh, thưởng lãm hoa trong nắng xuân. Số đông dạo chợ tìm mua hoa kiểng về nhà chưng Tết. Cả đoạn đường dài chật kín hoa, người xe đi lại. Nhiều thương lái xuống ghe chọn hàng, thỏa thuận giá cả rồi hoa kiểng được chuyển lên xe tải đưa về nhiều chợ hoa trong Thành phố.

Hoa kiểng về Bến Bình Đông đa dạng, nhiều nhất là hoa mai, bonsai, tắc kiểng, cúc, vạn thọ, trúc kiểng... Ghe ít thì chở khoảng 100 chậu hoa kiểng, nhiều thì vài trăm. Chợ hoa bến Bình Đông đông vui, tấp nập nhất là vào thời điểm một tuần trước Tết. Lúc này, bờ kênh Tàu Hủ vàng rực màu mai Tết. Giá bán hoa kiểng ở đây cũng khá mềm so với nhiều chợ hoa khác trong Thành phố. Càng cận Tết, lượng hoa bán ra càng tăng và giá cũng bắt đầu giảm dần. Đến sáng 30, các chủ ghe thường

bán “tháo khoán” hoa kiểng còn tồn với giá rẻ, có khi mua một tặng hai để kịp trở về nhà dự bữa cơm sum họp với gia đình ngày cuối năm.

Đi dạo chợ hoa xuân trên bến dưới thuyền, dường như ai cũng có cảm giác thanh thoi, yên bình. Không chỉ là đi mua hoa, ngắm hoa, lưu ảnh cùng hoa... không chỉ phục vụ nhu cầu mua sắm mà chợ hoa bến sông Kênh Tẻ và bến Bình Đông còn đáp ứng nhu cầu thưởng thức vẻ đẹp văn hóa trong đời sống của người dân, những giá trị tinh thần làm nên bản sắc riêng độc đáo của một thành phố, một vùng đất.





# Tản mạn Tết Sài Gòn

Diễm Trang

**C**ó ai đó đã nói Sài Gòn như một người mẹ nuôi hào phóng, sẵn sàng đón nhận những đứa con từ bất kì nơi đâu đến. Để rồi, người mẹ nuôi ấy cứ tất bật suốt năm, chỉ rảnh rang đôi chút nhân lúc xuân về, khi những đứa con nuôi đang vui vầy bên mẹ đẻ.

Và cũng có ai đó đã nói Tết ở Sài Gòn chán lắm, không có gì đặc biệt, không vui như Tết quê. Rồi



thậm chí cả những người sống ở Sài Gòn cũng đi trốn Tết phương xa. Có lẽ, những gặp gỡ, tiệc tùng ngày càng thường xuyên và xa xỉ hơn khiến người ta không còn mặn mà với những điều mà “chỉ ngày Tết mới có” – như một thời đất nước khó khăn. Ngày Tết bây giờ đơn giản là khoảng thời gian tạm dừng các bận rộn thường nhật để tiêu pha, thụ hưởng. Có gì cứ phải sắm sửa, tất bật, tự mình làm khổ mình bằng các tục lệ, lễ nghĩa?

Tôi chưa bao giờ phủ nhận những nhận xét và khuynh hướng đó. Nhưng cũng chưa bao giờ thấy chán Tết Sài Gòn. Những chu trình lặp đi lặp lại ấy với tôi vẫn vẹn nguyên thích thú. Tôi cảm nhận có một mạch chảy âm thầm, vừa bảo tồn vừa thay đổi trong những cái Tết ở mảnh đất phương Nam hào phóng và ấm áp này. Tôi tin chắc rằng ai cũng cảm nhận được, có điều không nói ra hoặc ít để tâm mà thôi.

Ngày tôi còn bé, Tết được người Sài Gòn chuẩn bị trước gần hai tháng. Cứ thấy nhà nhà được sơn cống, quét vôi và máy di, máy cò trong xóm phơi củ cải, cà rốt, củ kiệu là biết sắp Tết rồi. Mẹ tôi hay dẫn mấy chị em đi mua áo quần, giày dép trước Tết hai, ba tháng với lý do “càng gần Tết thì giá càng cao và không còn mẫu đẹp”. Tết ngày đó với tôi là được thức dậy trong tiếng pháo lẫn mùi khói pháo nồng nồng, được “trả bài” chúc tụng rồi nhận cái xoa đầu

và phong bao lì xì, được ăn nhiều món ngon hơn ngày thường, được chơi đùa với mấy đứa trong xóm thỏa thích mà không bị dọa đánh đòn, được nhón tay vào hộp mứt bằng giấy xanh đỏ mà ai đó biếu, trên mặt có mứt dừa xếp hình hoa hồng, mứt bí, mứt khoai lang, mứt me, bên dưới là giấy độn đến quá nửa. Bây giờ thì ít ai ăn những loại mứt ấy nữa, đã có hạt hướng dương, hạt dẻ, hạt sen sấy và vô số bánh kẹo ngoại thay thế. Cả những bao lì xì, cả cách chọn và lưu trữ thực phẩm cũng thay đổi và tinh tế hơn theo thời gian. Ngày xưa, cỡ 27 tháng Chạp trở đi, mẹ tôi mua rất nhiều rau củ, thịt, cá... Bà đi chợ về, chiếc xe xích lô chất đầy đồ như thế người ta mua chống lụt. Phân loại, sơ chế, sắp xếp... mất cả buổi. Rồi hết mừng tôi miễn vẫn không sao tiêu thụ hết. Bây giờ, các bà nội trợ đã biết tiết chế mua sắm hơn, không chỉ vì vật giá leo thang mà còn vì thói quen ăn uống của mọi người đã thay đổi. Kiến thức dinh dưỡng, y khoa được phổ biến rộng rãi khiến người ta biết e dè với nhóm thực phẩm "có nguy cơ cao". Cuộc sống đủ đầy hơn cũng làm cho bao tử trở nên đông đánh, khảnh ăn. Dù vậy, tôi vẫn thấy mẹ duy trì thói quen đi chợ Tết, chỉ khác là không ngồi xích lô và không mua nhiều đến mức như chống lụt nữa. Mẹ tôi biết rõ siêu thị luôn có chính sách bình ổn giá, chất lượng hàng hóa bảo đảm hơn chợ. Nhưng bà cũng biết rằng siêu thị không thể ưu tiên



chỗ để đám lá dong lá chuối tràn trề xanh muốt, không có gió trời cho những phong bao lì xì, câu liên xoay tít. Siêu thị cũng không có cảnh những đàn gà bị túm cẳng chẳng hài lòng với nắm thóc và lon nước bé tí, cứ quang quác biểu tình từng chập xen lẫn với tiếng rao hàng của người bán... Và chắc chắn, siêu thị càng không có cảnh Ban Quản lý bắc loa hối thúc tiểu thương rời chợ vào trưa ngày cuối năm và không có những người bán dưa, bán hoa mặt mũi buồn xo khi sắp đến giờ giao thừa mà hàng hóa vẫn còn ngổn ngộn. Cuộc sống có tiến lên thế nào đi nữa thì chợ vẫn tồn tại, khi ử ễ khi sôi động. Đừng nói chi ngày Tết, ở xứ Việt Nam này, chỉ cần chợ ngừng hoạt động một ngày thì thế nào cũng có người lòng dạ sôi sục cả lên.

Với tôi, Tết đến thật gần là lúc tôi thấy bàn chân có nốt ruồi hay đi của mình bỗng dung chịu khó ở nhà, hết tỉ mẩn lau dọn cái này đến đặt để cái kia, nấu nướng cái nọ. Rồi cũng biết lo toan, sắp xếp thời gian, kế hoạch Tết mẹ, Tết thầy. Chẳng có đêm giao thừa nào mà tôi ngủ sớm. Ngôi chùa nổi tiếng ngay nơi tôi ở khiến khu phố năm nào cũng nhộn nhịp tiếng xe cộ đến 1, 2 giờ sáng mồng Một. Nhiều lần tôi bật cười vu vơ vì những người vừa mới hôn hờ đi chùa cầu an và kiêng cử đủ điều đã cãi nhau chan chát ngay thời khắc đầu năm vì xe bị trầy một tí. Và, tôi cũng từng không

hiếu sao ngày Tết nhà nào cũng nhiều đồ ăn, vậy mà người ta vẫn ngồi quán mì, tiệm cháo. Càng lớn, tôi càng nhận ra một điều là đối với một số gia đình, Tết chẳng khác gì ngày thường. Nhưng tôi tin rằng đó chỉ là một bộ phận nhỏ, vì tôi biết rằng có nhiều gia đình trên đất nước này đã xem Tết như một nghi lễ quan trọng nhất trong năm. Tôi cảm nhận được điều ấy qua những chi tiết rất nhỏ như ba tôi dặn con cái không được nói những từ “kiêng kị” trong ngày đầu năm, không được quét rác ra cửa chính và phải mặc quần áo mới trong suốt mấy ngày Tết. Một người bạn của tôi kể rằng nhà anh có tới 12 anh em, cứ sáng mồng Một Tết là 12 cặp vợ chồng cùng với hơn 20 đứa con ùn ùn kéo về tề tựu ở phòng khách nhà ông bà để chúc Tết. Chúc xong đã gần đến trưa. Ăn trưa xong đã xế chiều. Và rửa chén xong thì trời đã tối. Tôi nhớ có một năm, vào ngày mồng Ba, tôi đến nhà của người thầy mà tôi rất kính mến để chúc Tết. Đứng ngoài cổng nhìn vào, tôi thấy gia đình thầy đang ngồi quanh bàn ăn. Thấy tôi cầm chai vang trịnh trọng nói bao lời hay ý đẹp khiến tôi nín thở lắng nghe mà không dám gọi cửa, sợ phá vỡ không khí thiêng liêng ấy.

Và có một năm, tôi nghe lời rủ rê của người thân, thử ăn Tết ở trời Tây. Nghe đồn cái xứ Tây vào thời điểm Tết bên mình lạnh lắm. Tôi có chán

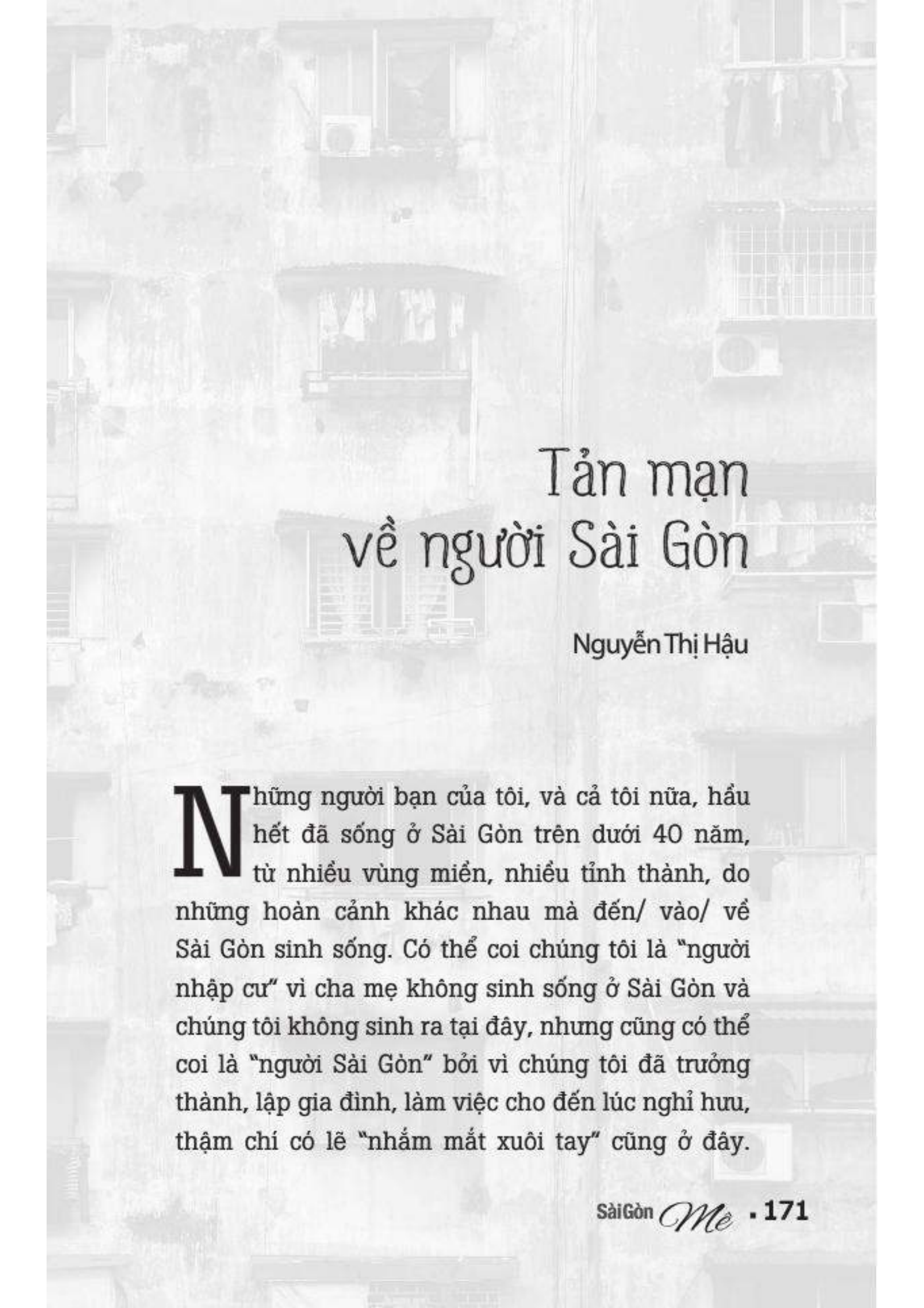


chừ đôi chút, phần vì sợ lạnh, phần vì không nỡ rời xa Tết quê nhà. Rồi tôi vẫn quyết định lên đường chỉ vì lời "đường mật": qua bên đó coi người Việt mình ăn Tết ra sao. Để rồi hơi thất vọng vì sang bên đó đã ba, bốn ngày mà chả thấy móng người Việt nào. Chiều 29 Tết, tôi vô cùng phấn khởi khi nghe nói sẽ được tới Quận 13 của Paris - nơi có nhiều người Việt sinh sống. Xe của chúng tôi tấp vào tiệm phở Mùi rồi vào một siêu thị mi-ni. Ban đầu, tôi hơi thất vọng vì đường phố ở đây chẳng khác gì ngày thường, ngoại trừ mấy tấm vải đỏ chói in toàn chữ Tàu dính trên những thân cây trụ lá. Nhưng sau đó, tôi vô cùng bất ngờ khi nhìn thấy những chậu tắc, bó đào, bó mai, bó lá thần tài chất dài trước siêu thị. Góc Tết Việt đây rồi! Khi làm văn, tôi rất sợ viết câu: "Lòng tôi dâng lên một cảm xúc khó tả". Vậy mà, đó là trạng thái của tôi khi ấy. Tôi chen vào dòng người đang lựa bánh chưng và hoa quả trong siêu thị. Một người đàn ông trung niên hỏi tôi: "Chị ở gần đây không?". "Dạ không, em ở xa lắm, từ quê mình mới sang". Bất giác, tôi thấy mắt anh đỏ lên sau cặp kính. Anh cho tôi biết đã mười một năm anh không về thăm nhà được. "Châu Âu hào nhoáng nhưng không hào phóng với người mình lắm đâu!"... Đúng sáu giờ chiều hôm đó, tôi gọi điện về nhà, méo máo: "Chúc mừng năm mới! Sau này, con chỉ ăn Tết ở Sài Gòn".

Có lúc, tôi tự hỏi: vậy thì đặc trưng của Tết Sài Gòn là gì? Phải chăng là những lo toan vé tàu khan, tiền thưởng kém, giá cả vọt trái dài trên các bản tin? Phải chăng là những buổi không phải gồng lên chen chúc giữa dòng xe cộ, cảm nhận sự thanh bình trên những nẻo đường mà nhà nhà cửa cửa đóng then cài? Phải chăng là đường hoa có con giáp của năm tú hụ đầu đường? Hay cũng giống như tất cả các vùng miền trên dải đất này, Tết thật sự là lúc mỗi người được ở nhà mình, an nhiên và vững chãi yêu thương!







# Tản mạn về người Sài Gòn

Nguyễn Thị Hậu

**N**hững người bạn của tôi, và cả tôi nữa, hầu hết đã sống ở Sài Gòn trên dưới 40 năm, từ nhiều vùng miền, nhiều tỉnh thành, do những hoàn cảnh khác nhau mà đến/ vào/ về Sài Gòn sinh sống. Có thể coi chúng tôi là “người nhập cư” vì cha mẹ không sinh sống ở Sài Gòn và chúng tôi không sinh ra tại đây, nhưng cũng có thể coi là “người Sài Gòn” bởi vì chúng tôi đã trưởng thành, lập gia đình, làm việc cho đến lúc nghỉ hưu, thậm chí có lẽ “nhắm mắt xuôi tay” cũng ở đây.



Nhưng thế hệ con cái chúng tôi được sinh ra và lớn lên tại Sài Gòn, mặc dù quê quán ghi trên Chứng minh nhân dân ở đâu thì chúng vẫn tự nhận là “người Sài Gòn chánh hiệu”. Tất nhiên, nếu coi hộ khẩu là điều kiện tiên quyết thì chúng tôi phải được coi là người Sài Gòn “xịn”.

Ở Sài Gòn, khái niệm “người nhập cư” thường được sử dụng trong cơ quan công quyền để phân biệt người có hộ khẩu và người không/ chưa có hộ khẩu ở Sài Gòn, nhằm mục đích “quản lý hành chính”. Giới nghiên cứu hay gán khái niệm này với loại hình “kinh tế phi chính thức” trong việc nghiên cứu hoạt động kinh tế của đô thị Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh. Còn trong đời sống hàng ngày, hầu như người Sài Gòn ít sử dụng cách nói “người nhập cư” hay “dân nhà quê”, “dân tỉnh” mặc dù ở miền Tây Nam Bộ hay gọi người Sài Gòn là “người Thành phố”, đi Sài Gòn là “lên Thành phố”. Vậy thì tôi, vừa với tư cách là “người nhập cư” vừa là “người Sài Gòn” có thể biết gì, hiểu gì về Người Sài Gòn? Có thể bắt đầu từ vài nhận biết có phần rời rạc sau đây chăng?

Đầu tiên, “người Sài Gòn” là sự hòa nhập về văn hóa (tính cách, lối sống, ngôn ngữ, tín ngưỡng, ẩm thực, trang phục...) của người Việt, người Hoa và những tộc người “bản địa”. Người ta cứ quen nói

rằng “Sài Gòn 300 năm” nhưng đó chỉ là nói về thời kỳ thiết lập nền hành chính của Chúa Nguyễn từ năm 1698 mà quên mất/ chưa biết Sài Gòn còn có quá khứ hơn 3.000 năm của văn minh Đồng Nai – Cửu Long. Văn minh ấy do những tộc người khác “Việt” dựng nên. Rồi từ thế kỷ XVI – XVII, người Việt, người Hoa đã dần bước vào vùng đất này, từ đó Sài Gòn, Nam Bộ có thêm lớp chủ nhân mới. Cùng với người Khmer, người Mạ, người Chăm... sự hòa nhập truyền thống, văn hóa của tất cả những chủ nhân đã tạo nên Sài Gòn và người Sài Gòn mới mẻ, năng động và chân tình.

Khi nói đến người Việt, người ta hay nói đến truyền thống lịch sử lâu đời và hào hùng, bốn ngàn năm văn hiến, văn minh sông Hồng, con rồng cháu tiên, những triều đại nổi tiếng chiến thắng ngoại xâm... Còn khi nói đến người Việt (ở) Nam Bộ thì đầu tiên là kể về điều kiện tự nhiên thuận lợi của đồng bằng sông Cửu Long: vùng đất được thiên nhiên ưu đãi, đất rộng người thưa, ít bị thiên tai như bão lụt hạn hán... Sau mới nói về nguồn gốc “lưu dân” và 300 năm hình thành. Nghiên cứu gia phả nhiều dòng họ, gia đình ở Nam Bộ phần lớn được ghi nhận “thời ông cố ông sơ” từ miền Trung đi ghe theo biển vô Nam, đầu tiên định cư trên những giồng đất vùng cửa sông...



rồi từ đó ngược các nhánh Cửu Long vào sâu vùng ngập trũng, khai phá đồng bằng và khai thác tự nhiên. Công cuộc khai phá này chẳng hề dễ dàng, thuận lợi chút nào! Do đó tính thực tiễn được đặt lên hàng đầu: tất cả hướng đến thực tế, không lý thuyết suông, không giáo điều, lấy hiệu quả lao động làm mục đích chính. Không hay than vãn, người Nam Bộ bình thản “làm chơi ăn thiệt”. Đây chỉ là một cách nói đơn giản hóa, “coi vậy mà hổng phải vậy”, coi khó khăn đã qua như một việc chơi chơi, còn kết quả thực sự mới là quan trọng, là đã “có ăn”.

Người Sài Gòn/ Nam Bộ di chuyển càng xa cái “gốc” đồng bằng sông Hồng thì sợi dây truyền thống càng dần ra. Những tính chất của không gian “nông thôn làng xã” khép kín biến đổi theo thời gian, bị/ được đứt gãy do phải thích ứng với không gian địa - xã hội khác. Thay vào đó là sự tự lập và tính linh hoạt ứng phó với hoàn cảnh điều kiện mới và từ đó tạo ra truyền thống mới, dám thay đổi cho phù hợp hoàn cảnh, thích nghi nhanh, chịu đổi mới “làm đại ngen? Ừa, làm đại đi” là phong cách làm ăn Sài Gòn/ Nam Bộ. Làm đi, có sai cũng không sao, làm lại/ sửa sai mấy hồi! Quan trọng là không mặc cảm sợ sai và sửa sai nhanh. Ở Sài Gòn/ Nam Bộ “đur luận xã hội” không nặng

nề khe khát với những điều khác lạ, cái mới. Là bởi người Việt trên bước đường lưu chuyển vào đây đã trải nghiệm qua những vùng đất toàn những điều mới lạ. Cùng với sự nhạt đi của tính chất phong kiến gia trưởng, việc tiếp xúc sớm với các giá trị dân chủ, bình đẳng của văn minh phương Tây làm cho người Sài Gòn khá cởi mở trong các mối quan hệ xã hội và trong gia đình. Tính chất dân chủ trong xã hội phát triển nhanh, biểu hiện ở chỗ cá nhân ít lệ thuộc, phụ thuộc vào cộng đồng, vì thế vai trò và trách nhiệm cá nhân cao “dám làm dám chịu”.

“Làm chơi ăn thiệt”, “làm đại”, “dám làm dám chịu”... sự liên kết gắn bó, hòa trộn ba đặc điểm trên tạo nên người Sài Gòn/ Nam Bộ. “3 trong 1” từ ứng xử đến làm ăn, trong sinh hoạt... không tách rời một đặc điểm nào, hình thành tính cách và làm nên hiệu quả của “công chuyện làm ăn” của người Sài Gòn.

Nói về Nam Bộ thì không có hay ít có sự phân biệt văn hóa và người Nam Bộ nói chung với văn hóa và người Sài Gòn nói riêng (có chăng có thể phân biệt chút ít giữa Đông và Tây Nam Bộ). Nếu không quá khát khe có thể coi người/ văn hóa Sài Gòn là đại diện cho người/ văn hóa Nam Bộ, từ giọng nói, ngôn ngữ, ẩm thực, tính cách, làm ăn...



Có lẽ vì vậy mà ở Sài Gòn khi cần thì hỏi nhau “quê đâu” mà không hề có ý phân biệt người “nhà quê” hay “thành phố”. Giai đoạn đương đại, quá trình dân cư của Sài Gòn cũng khác với nhiều đô thị khác: Thời kỳ chiến tranh, Sài Gòn là nơi mà nhiều người từ các tỉnh miền Trung đổ vào, từ miền Tây Nam Bộ lên, nhất là khi chiến sự ác liệt. Sau năm 1975, Sài Gòn cũng là nơi có tình trạng thay thế dân cư lớn nhất và kéo dài cho đến nay: Người (thị dân) Sài Gòn ra đi bằng nhiều con đường, lúc ồ ạt, khi chẳng mấy ồn ào; Người các tỉnh lại liên tục đổ vào Sài Gòn tới nay chưa hề giảm bớt. Còn Hà Nội trong chiến tranh, dân cư rời bỏ thành phố đi về (tản cư, sơ tán) nông thôn, sau chiến tranh mới trở lại thành phố. Tuy nhiên Hà Nội và Sài Gòn cũng có một số điểm giống nhau: *Một là*, sau khi chiến tranh chấm dứt, khá nhiều người Hà Nội “gốc” và Sài Gòn “xịn” đã rời thành phố đi nơi khác sinh sống, tạo ra khoảng trống trong cơ cấu dân cư là tầng lớp thị dân lâu đời; *hai là*, chính quyền thiết lập sau chiến tranh (Hà Nội 1954 và Sài Gòn 1975) đều do (hầu hết) những người (kháng chiến) ở nông thôn, rừng núi trở về lãnh đạo, tổ chức chính quyền chưa kịp thích nghi với những đô thị lớn nhất nước và *ba là*, hiện nay hai thành phố này có số lượng người nhập cư nhiều nhất. Những đặc điểm này để lại cho Hà Nội và Sài Gòn nhiều

khó khăn trong việc xây dựng đô thị văn minh, hiện đại.

Nhưng, ai đã vô Sài Gòn làm ăn sinh sống, chắc chắn trở thành “người Sài Gòn”, bởi Sài Gòn phóng khoáng và rộng rãi, mang lại cơ hội cho mọi người, bởi Sài Gòn không tự coi mình là đặc biệt khi đang sống bằng nguồn lực của chính mình và của những người đến từ mọi miền, đồng thời Sài Gòn cũng luôn chia sẻ, đóng góp những gì mình có cho cả nước.





## Người Quảng ở Sài Gòn

Nguyễn Thị Hoài Hương

**V**ì lao động, mưu sinh, học hành, lập nghiệp... nên nhiều người từ xứ Quảng di cư vào Nam để tạo lập cuộc sống mới. Theo *Gia Định thành thông chí*, một quyển địa chí viết về miền đất Gia Định bằng chữ Hán và chữ Nôm của Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825), thì người dân xứ Quảng có mặt ở Sài Gòn từ khi Chương cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh đặt ra sở lý huyện Tân Bình năm Mậu Dần (1698), đời chúa Nguyễn Phúc Chu (1675 - 1725).

Trải mấy trăm năm, đến nay, ở Thành phố Hồ Chí Minh đã hình thành nên 4 khu vực tập trung đông người Quảng. Đó là khu vực Bảy Hiền (quận Tân Bình), khu vực Xóm Củi (Quận 8); khu vực xã Tam Bình (quận Thủ Đức) và khu vực Phường 11 (quận Gò Vấp). Càng ngày, số lượng người Quảng ở Sài Gòn càng gia tăng, phân bố sinh sống xen kẽ trong các khu dân cư ở khắp các quận huyện trong Thành phố. Nhiều thế hệ hậu duệ của những người con xứ Quảng được sinh ra và lớn lên trên vùng đất mới và trở thành “dân Sài Gòn” chính hiệu. Một số người rời quê, thuê hoặc mua nhà ở hẳn, nhập hộ khẩu Thành phố hoặc kết hôn với dân tứ xứ tạo nên một lớp người mới và họ cũng là “dân Sài Gòn” hay “người ở Sài Gòn”.

Dù ở đâu, làm gì, hễ nơi nào có người nguyên quán xứ Quảng, thì chúng ta cũng có thể nhận ra họ không chỉ bởi những nét văn hóa đặc thù trong sinh hoạt hằng ngày qua các khu ẩm thực, nghi thức tín ngưỡng thờ cúng, mà phổ biến và thường nghe nhất là giọng nói mộc mạc, chân tình, thậm chí những lời cầu nhau, cãi cọ, gắt gỏng,... cũng rất Quảng Nam.

Giọng điệu ngôn ngữ “Quảng Nôm” (Quảng Nam) rất đặc biệt không giống với một giọng điệu của vùng nào. Đối với nhiều người lớn tuổi thuộc thế hệ 5X, 6X thì vẫn giữ được chất giọng rất “Quảng”,



nhưng đến thế hệ 7X trở đi thì nhiều người không còn giữ được chất giọng Quảng mà pha tạp nhiều ngôn ngữ khác bởi quá trình giao lưu, tiếp xúc với nhiều thứ ngôn ngữ ở các vùng miền khác nhau trong cả nước. Dù vậy, nhưng giọng Quảng rất khó phai trong ký ức mỗi người xa quê, mỗi khi bắt gặp ai đó trên đường, dùng những từ ngữ như “mô, tê”, “rì”, “rúa”, “ni, nó”, “mi, tau” với giọng nói thuộc về phương ngữ Nam, thì ắt hẳn đó là người Quảng (người Huế cũng dùng các từ “mô, tê”, “rì”, “rúa”, “ni, nó”, “mi, tau”... nhưng giọng nói của họ thuộc về phương ngữ Trung - BT). Những âm điệu thân yêu đó, cho dù đã nghe thân quen đến mức như cơm ăn, nước uống hàng ngày, cho dù đã đi sâu vào tâm thức mỗi người dân xứ Quảng, nhưng bỗng chợt nghe lại giọng nói đó, âm thanh đó ở một vùng đất cách xa ngàn cây số cũng khiến cho chúng ta chợt bàng hoàng và hoài niệm về vùng ký ức của quê hương. Mỗi lúc gặp ai đó, nghe giọng nói là nhận ra ngay “đồng hương”, lân la hỏi liền: “*Anh chị ở Quảng Nam phải không?*”. Nghe câu trả lời; “*Dạ, tôi ở Đại Lộc*” (hay Duy Xuyên, Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Đà Nẵng...), là thấy vui, gần gũi và thân thiết biết bao.

Cách phát âm của người Quảng nghe hơi lạ, dù không chuẩn như giọng Hà Nội, nhưng viết thì

chẳng mấy khi sai như lúc phát âm cả. Nhiều người bạn nước ngoài học tiếng Việt ngạc nhiên hỏi: *"Sao người Quảng nói thì khác mà hát thì phát âm chuẩn, nghe giống như giọng Hà Nội thế?"*. Nghe họ nói như: *"Mi đi mô rứa?"* (Mày đi đâu vậy?), *"Mi lóm chi kỳ lạ rứa?"* (Mày làm gì kỳ vậy?), *"Reng rứa hè?"* (Sao vậy?), *"Lóm ăn chẳng ra reng, tiền bạc bí rị"* (Làm ăn chẳng ra gì, tiền bạc khó khăn), *"Thằng nó chớ khó lắm, hén nũa mà hôm reng hén khít rịt"* (Thằng đó nó coi bộ khó lắm, nó nói mà hàm răng khít rịt), *"Ốn quá, mi lóm chi chi mô!"* (Ngán quá, mày làm gì gì đâu!), *"Đù đù"* (dốt quá)...

Phương ngữ và giọng Quảng thật dân dã, bình dị và rất gần gũi, với những người xa quê, gặp nhau giữa Sài Gòn hay Đà Nẵng, ngồi lại bên nhau và nói bằng chính giọng xứ Quảng mà sao lại cảm thấy buồn cười nhưng cũng vui tai quá đỗi! Chúng tôi thường hay chế giễu nhau bằng cái giọng pha tạp nửa quê, nửa phố do cách phát âm không chính xác như: *"cái chấn"* (cái chén), *"trái chuối"* (trái chổi), *"boa ngàn đồng"* (ba ngàn đồng)... hoặc nhại lại giọng quê mình mà nghe nặng trĩu, ngô nghê đến lạ!

Về ẩm thực xứ Quảng, ở Sài Gòn có khu chợ Bà Hoa (Tân Bình) bán đầy đủ các đặc sản đặc trưng xứ Quảng như: ớt khô, hành, tỏi, nén, bánh nổ, bánh



đậu xanh, bánh tổ, bánh in, bánh thuẫn, bánh trắng, mì quảng, bánh xèo, bánh rò, xôi đường, đặc biệt là các loại mắm ruốc, mắm cái... Hầu như dân Quảng ở Sài Gòn không ai không biết khu đặc sản xứ Quảng nằm ở khu Bàu Cát, Bảy Hiền mà hiện nay cũng không còn xa lạ với dân Sài Gòn nữa. Người Quảng dù ở Quận 8, Thủ Đức, Bình Tân, Tân Phú, Gò Vấp hay Quận 12, khi muốn ăn đặc sản xứ Quảng họ có thể chạy đến chợ Bà Hoa, khu Bảy Hiền để ăn hoặc mua mang về những món ăn mà hương vị không thể tìm thấy trong các món ăn xứ khác. Hiện nay, nhờ phương tiện giao thông thuận lợi, họ có thể nhờ người quen gửi xe tốc hành mang ở quê vào những món ăn ưa thích. Hoặc người thân ở quê vào, ở phố ra đều mang về những đặc sản quê hương làm quà, đôi khi đơn giản chỉ là ít rau sống Trà Quế, vài trái ớt xanh Hội An, những lạng củ nén, củ tỏi, những gói nghệ khô, ớt bột, lít dầu phụng... cũng cảm thấy quý, thấy ấm lòng những người con xa xứ.

Vào Sài Gòn đã lâu nhưng người Quảng vẫn giữ những tập tục, tín ngưỡng của mình. Vào tháng Giêng, từ sau mùng 10 đến 20 âm lịch, vào những buổi chiều tối ở dọc các con hẻm trong khu Bảy Hiền hay ở những khu dân cư có quê quán Quảng Nam, lễ cúng xóm (còn gọi lễ Kỳ yên) được tổ chức

long trọng. Tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng những ông chánh bái mặc áo dài khăn đóng đọc sớ ngân nga trọng vọng, quỳ lạy cúc cung với mong ước phong điều, vũ thuận, xóm giềng đoàn kết, bình an, làm ăn phát đạt. Dịp này, những chị em, con cháu trong xóm có dịp quây quần bên nhau lo việc bếp núc, bày biện bàn ăn... Sau lễ, bà con ngồi lại ăn uống, hỏi thăm sức khỏe, bàn việc làm ăn, kể chuyện quê hương hay hát hò, ngâm thơ. Đây là nét văn hóa đặc trưng của người Quảng giữa lòng Sài Gòn mà khó có cư dân vùng khác ở Sài Gòn có thể duy trì lâu dài được như thế.

Người Quảng vào Nam học tập và sinh sống tại Thành phố thường xem Sài Gòn là quê hương thứ hai của mình. Mặc dù đi nhiều, thời gian ở nơi chôn nhau cắt rốn còn ít hơn những năm sống ở Thành phố này, song vốn sống và cách ứng xử của người Quảng dường như ăn sâu trong tâm thức họ. Cuộc sống ở xứ Quảng lúc tuổi thơ làm giàu thêm vốn sống, chính xác hơn là hành trang cho tương lai là những đức tính quý báu của con người xứ Quảng: cần cù, chăm chỉ, thẳng thắn, bộc trực, ý chí tiến thủ, ham học hỏi, sống tiết kiệm... Tuy nhiên, vì thẳng thắn bộc trực nên chuyện “Quảng Nam hay cãi” cũng là điểm đặc biệt của người Quảng Nam, mà đôi khi cuộc sống giúp họ biết kiềm chế để



mỗi lần cãi thì cần phải cãi đúng, không cãi bừa, chuyện gì cũng có thể nổi nóng... Chính vì thế, những thứ gọi chung là "Quang Nam background" giúp cho công việc và cuộc sống nơi xứ người của họ rất nhiều. Nhất là công việc gắn bó với các vùng văn hóa nên giúp họ có nhiều kinh nghiệm phân biệt những nét đặc trưng ở từng nơi, nhận diện "chất bản địa" ở từng con người, từng cách ứng xử, lối sống và các biểu hiện văn hóa khác.

Tính cách người xứ Quảng là thẳng thắn bộc trực, cục mịch, dễ nổi nóng. Những con người đầy sĩ diện, tự hào về gia đình, dòng tộc, xem trọng học thức và luôn có ý chí tiến thủ. Sinh ra và lớn lên ở nơi miền Trung đầy nắng gió, bão lũ, chính vì thế họ luôn biết sống tiết kiệm, chắt chiu những món tiền, những thành quả đã đạt được trong công việc và cuộc sống. Họ chịu khó làm ăn, tích lũy, chịu được cực khổ và ham làm việc, thậm chí có một số người hơi quá, được cho là ky bo, thích "vơ vét" cho mình...

Cũng như các cư dân ở các vùng khác, đối với gia đình người Quảng, họ có sự gắn kết chặt chẽ, luôn hướng về cội nguồn, thôn xóm, tính cố kết cộng đồng, tương trợ lẫn nhau dù ở quê hay ở bất kỳ vùng đất mới nào. Những người đang sinh sống tại Sài Gòn, cuối năm họ đều mong muốn trở về quê thăm viếng họ hàng, mang hoặc gởi tiền về cho cha

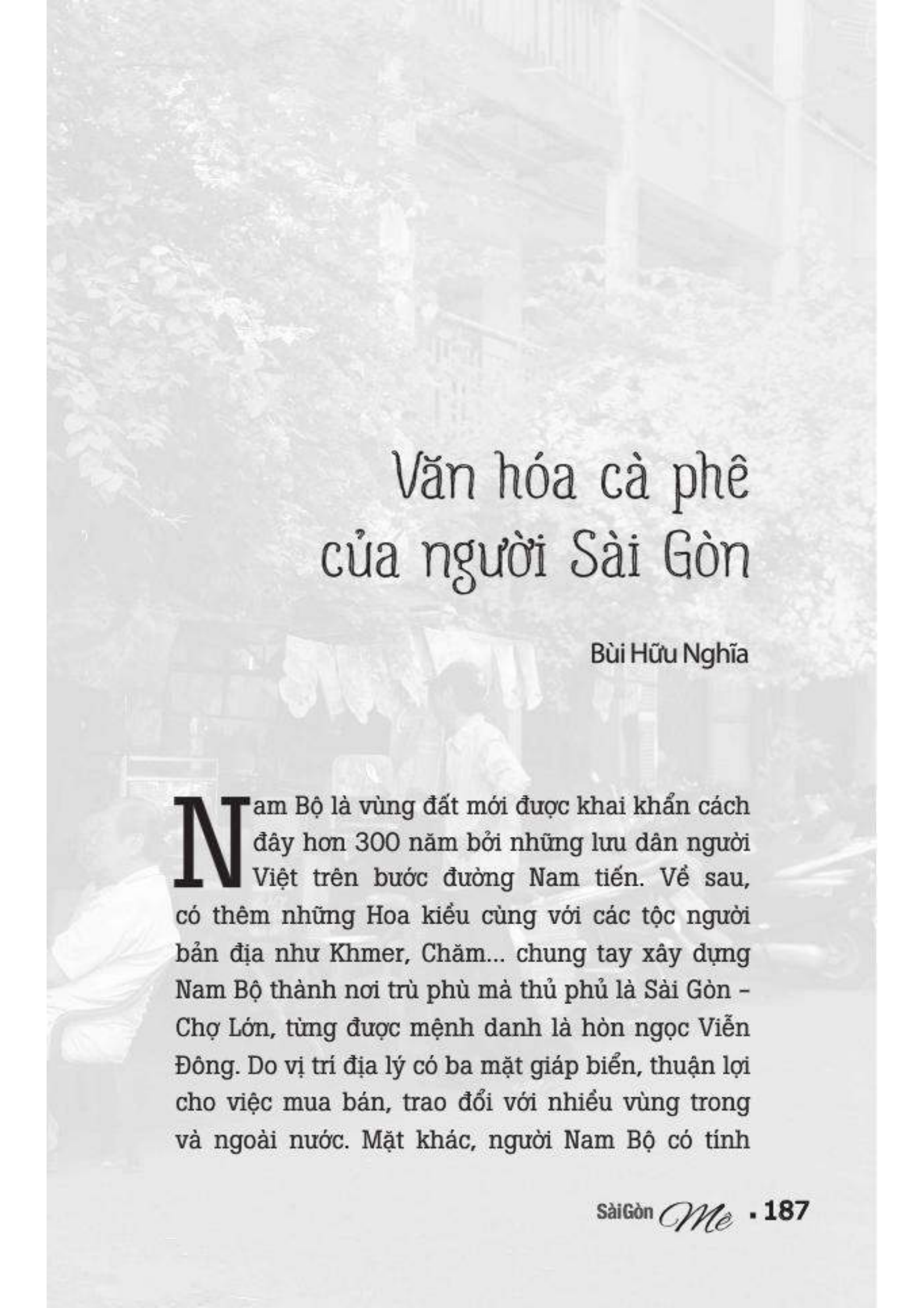
mẹ, họ hàng để xây dựng nhà thờ, xây dựng mồ mả, giúp người thân hoặc góp học bổng, cứu trợ... với mục đích giúp đỡ, thể hiện sự hiếu hỉ, thì sự hãnh diện, phô trương, khẳng định sự thành đạt cũng ít nhiều biểu hiện thông qua hình thức này.

Người Quảng luôn luôn mong muốn có một cuộc sống tốt hơn, cầu tiến... chính vì thế, ở một góc độ nào đó, họ có tính cạnh tranh rất cao. Vì thế, tính hơn thua cũng là một đặc trưng dễ nhìn thấy ở người Quảng.

Nhìn chung, người Quảng ở Sài Gòn có ít nhiều phaỉ nhạt những đặc trưng về tính cách so với người Quảng chính xứ. Họ cởi mở, dễ thích nghi và sống thoáng hơn nhờ điều kiện làm ăn, kinh tế thuận lợi và việc tiếp xúc với nhiều tầng lớp xã hội, nhiều vùng miền trong cả nước. Người Quảng ở Sài Gòn ngày càng hòa nhập vào cộng đồng đa tộc người, đa vùng miền ở Sài Gòn, làm nên đặc trưng riêng có của Thành phố năng động này.







# Văn hóa cà phê của người Sài Gòn

Bùi Hữu Nghĩa

**N**am Bộ là vùng đất mới được khai khẩn cách đây hơn 300 năm bởi những lưu dân người Việt trên bước đường Nam tiến. Về sau, có thêm những Hoa kiều cùng với các tộc người bản địa như Khmer, Chăm... chung tay xây dựng Nam Bộ thành nơi trù phú mà thủ phủ là Sài Gòn - Chợ Lớn, từng được mệnh danh là hòn ngọc Viễn Đông. Do vị trí địa lý có ba mặt giáp biển, thuận lợi cho việc mua bán, trao đổi với nhiều vùng trong và ngoài nước. Mặt khác, người Nam Bộ có tính



cởi mở, thoáng, dễ dàng tiếp thu cái mới. Vì vậy, đây là nơi hội tụ, giao thoa với nhiều dòng chảy văn hóa như: Trung Hoa, Ấn Độ, Pháp... Văn hóa của Pháp ảnh hưởng đến Nam Bộ rất nhiều thông qua những thương nhân, nhà truyền giáo và đội quân viễn chinh. Ở Sài Gòn, văn hóa Pháp hòa vào văn hóa Việt, có thể kể đến một số phương diện như: ngôn ngữ (các bộ phận của xe đạp ghi-đông, pê-đan), nghệ thuật (cải lương, kịch nói), món ăn (bánh mì, pate) và đặc biệt là thức uống cà phê. Cà phê từ một thức uống thông thường đã được nâng tầm thành văn hóa cà phê của người Sài Gòn. Từ "cà phê" mà chúng ta thường sử dụng bắt nguồn từ "café" trong tiếng Pháp. Về nguồn gốc, cây cà phê ở Việt Nam do người Pháp đem đến trồng. *"Cây cà phê du nhập vào Việt Nam khá sớm (từ năm 1857) thông qua một số linh mục thừa sai người Pháp. Đầu tiên là giống cà phê chè (coffee arbica) được trồng thử nghiệm tại các nhà thờ Thiên Chúa giáo ở một số tỉnh phía Bắc. Sau đó, mới phát triển dần vào Nam Tây Nguyên và Đông Nam Bộ"*<sup>1)</sup>.

Với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng thích hợp (đất đỏ bazan), cây cà phê đã nhanh chóng thích nghi và phát triển tốt. Lúc đầu, sản lượng cà phê còn thấp, chủ yếu được chế biến đem về chính quốc tiêu thụ và tạo hiệu ứng bất ngờ. Cây cà phê

1 [http://lehoicaphe.vn/index.php?option=com\\_content&view=article&id=80&Itemid=37&lang=vi](http://lehoicaphe.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=80&Itemid=37&lang=vi)

trống ở Việt Nam cho chất lượng sản phẩm tuyệt vời, ngoài sự mong đợi. Các nhà rang xay cà phê tại Pháp đánh giá hương vị cà phê Việt Nam hơn hẳn các loại cà phê nổi tiếng, bày bán khắp thị trường châu Âu lúc bấy giờ. Vì vậy, các nhà tư sản Pháp quyết định đầu tư mở đồn điền trồng cà phê ở Việt Nam. Do đó, diện tích trồng cà phê ngày càng được mở rộng, sản lượng tăng dần. Cà phê không chỉ dùng để xuất khẩu mà còn đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước. Từ đó, cà phê được mọi tầng lớp trong xã hội sử dụng rộng rãi. Ở Việt Nam, nơi chuyên canh cây cà phê lớn nhất là vùng Tây Nguyên. Cà phê Buôn Ma Thuột là thương hiệu nổi tiếng nhất với hương vị thơm ngon.

Cà phê được ưa chuộng và tiêu thụ nhiều nhất là ở Trung Bộ, Nam Bộ. Ở Bắc Bộ cũng có sử dụng nhưng văn hóa trà giữ vị trí độc tôn. Cà phê từ một thức uống mới được du nhập vào Việt Nam đã lan tỏa mạnh mẽ. Việc uống cà phê hàng ngày đã trở thành nếp sinh hoạt thường nhật, biểu hiện chiều sâu văn hóa của một cộng đồng cư dân. Khi nói đến văn hóa cà phê Nam Bộ thì phải kể đến Sài Gòn. Đây là đô thị lớn nhất, tiếp nhận và sử dụng cà phê nhiều nhất. Từ đó, hình thành nên văn hóa cà phê Sài Gòn với những điểm độc đáo như: cách thức chế biến, không gian thưởng thức... Trái cà phê sau khi đã thu hoạch được phơi khô, bóc vỏ rồi rang chung với một ít bơ. Tiếp theo là xay nhuyễn



hạt cà phê đã rang thành bột để dễ dàng sử dụng. Ở Sài Gòn, cà phê được pha chế theo hai cách: cà phê phin và cà phê vọt.

Cà phê phin được coi là biểu tượng của việc thưởng thức cà phê ngon, đúng điệu. Đối với du khách nước ngoài, cà phê phin được nhìn nhận là cà phê theo kiểu Việt Nam. Cà phê phin gồm một vật có hình chiếc cốc, đáy có nhiều lỗ nhỏ, dùng để lọc gọi là "phin" đặt trên miệng tách hoặc ly. Vành phin được thiết kế có thể đặt khớp với vành ly. Bên trong phin có một đồ lọc, nắp đồ lọc khớp với thân phin để nén chặt cà phê. Vặn rời đồ lọc ra khỏi phin, cho cà phê bột vào phin. Đậy chặt đồ lọc lên mặt cà phê trong phin, nén càng chặt càng tốt. Bởi vì nén chặt sẽ làm chậm quá trình nước đi qua cà phê bột, tạo thời gian để chiết xuất hết tất cả hương vị. Nước dùng để pha cà phê phải nấu thật sôi mới ngon. Đầu tiên, chế ít nước vào phin đợi một lát để cà phê trong phin nở ra. Sau đó, mới đổ đầy nước sôi vào phin cà phê, đậy nắp lại và chờ đợi. Việc thưởng thức cà phê phin đòi hỏi phải có tính kiên nhẫn. Từng giọt cà phê nhỏ từ từ xuống ly, phải mất một khoảng thời gian rất lâu mới hết nước trong phin. Cà phê phin không dành cho những người có tính tình nóng vội. Từ hình ảnh này giọt cà phê phin đã biến thành câu chúc rất phổ biến trong xã hội. Vào dịp Tết người ta thường chúc nhau *"Tiền vô như nước sông Đà."*

*Tiền ra nhỏ giọt như cà phê phin*". Ngày trước khi mà báo điện tử chưa phổ biến, người dân chỉ toàn đọc báo giấy. Vào mỗi buổi sáng tại các quán cà phê ở Sài Gòn, hình ảnh người đàn ông đọc báo và một bên là ly cà phê phin rất phổ biến. Trong lúc chờ cà phê nhỏ xuống thì tranh thủ đọc báo, để khỏi phí thời gian.

Cà phê vọt là cách pha chế cà phê độc đáo của người Sài Gòn, gắn liền với từng giai đoạn phát triển của Thành phố. Những quán cà phê vọt có tuổi đời vài chục năm ở đường Tân Phước Quận 11 hay quán nằm trong hẻm nhỏ đường Phan Đình Phùng quận Phú Nhuận là những "nhân chứng" tái hiện hình ảnh Sài Gòn năm xưa đầy sinh động và hoài cổ. Đây là những quán hoạt động theo kiểu cha truyền con nối, vẫn hiện diện trong nhịp sống Sài Gòn năng động và hối hả như hiện nay. Cà phê vọt được pha chế bằng cách cho cà phê bột vào những chiếc vọt rồi nhúng vào siêu nước sôi. Chiếc vọt may bằng vải, hình dạng như chiếc vớ của người đi giày boots, chiều dài chừng 25 cm, đường kính miệng 10 cm, xung quanh miệng có vòng dây thép để cầm. Đầu tiên, dùng nước đun thật sôi để trung sạch chiếc vọt. Sau đó, cho bột cà phê vào vọt, đặt trong chiếc siêu đất chứa nước đang sôi. Dùng đũa khuấy đều vài lần, đập nắp siêu lại, chờ trong khoảng từ 10 - 15 phút là có thể thưởng thức. Cà phê được giữ nóng trong siêu đất



sẽ có hương thơm khác lạ so với pha bằng phin kim loại. Điểm độc đáo của việc dùng siêu đất và vọt để pha chế cà phê là khi nhấp từng ngụm, người uống sẽ cảm nhận được mùi thơm, vị đậm đà tan chảy từ đầu lưỡi đến họng. Hiện nay, những quán cà phê vọt kiểu này ngày càng vắng bóng ở Sài Gòn, chỉ còn lại một vài quán. Những khách hàng của cà phê vọt đa phần là những vị trung niên và cao tuổi. Họ uống như là một thói quen hay nói cách khác là để nhớ lại kỉ niệm xưa. Đó là mùi khói bếp vào sáng sớm tinh mơ, mùi cà phê thơm sục nức, tiếng nói cười rộn rã. Tất cả quyện vào nhau tạo nên một khung cảnh hoài cổ, mang phong cách cà phê Sài thành mà ai đã từng một lần thưởng thức sẽ nhớ mãi không phai.

Cà phê sau khi pha chế là một chất lỏng màu đen, có thể thưởng thức ngay, gọi là cà phê đen (cà phê nguyên chất). Cà phê đen có vị đắng nên thường thêm một ít đường vào để tạo vị ngọt khi uống. Vào mỗi buổi sáng, được nhấm nháp ly cà phê đen thì rất thú vị. Mùi cà phê thơm lừng, vị đắng trên lưỡi, vị ngọt đọng lại ở cổ họng sau khi uống cho ta một cảm giác khoan khoái, lạ thường. Những người thưởng thức cà phê thường xuyên luôn chọn cà phê đen vì nó giữ được nguyên hương vị cà phê. Hơn nữa, lượng caffeine trong cà phê đen rất cao sẽ thỏa mãn cảm giác nghiện cà phê. Một cách thưởng thức khác là thêm một chút sữa vào

cà phê nguyên chất, gọi là bạc xỉu hay cà phê sữa. Món bạc xỉu nguyên thủy chính là cà phê pha theo kiểu người Hoa. *"Chữ bạc xỉu gọi tắt của cụm chữ "bạc tẩy xỉu phé".* *Mấy chữ đó là âm từ tiếng Quảng Đông, thứ tiếng Tàu khá phổ thông trong số những người Tàu sống ở Sài Gòn. Bạc là màu trắng, Tẩy là cái ly không, Xỉu là một chút, và Phé là cà phê. Rõ nghĩa hơn, đó là một thức uống theo ý khách hàng: sữa nóng thêm một chút cà phê. Sữa đặc pha với nước sôi thường có mùi hơi khó uống, nên chút cà phê thêm vào sẽ làm cái mùi ấy mất đi<sup>(1)</sup>.* Do sống cộng cư trong thời gian dài nên văn hóa người Hoa và người Việt có sự giao lưu, tiếp biến. Những món ăn của người Hoa được người Việt ưa thích và thuộc lòng tên gọi. Dần dà, người ta sử dụng luôn tên tiếng Hoa để gọi thức ăn trong đó có món bạc xỉu. Bạc xỉu là một nét đặc trưng của văn hóa cà phê Sài Gòn, sau đó lan truyền đi khắp mọi nơi. Mặt khác, do sinh sống ở vùng khí hậu nóng nên người Sài Gòn thường uống cà phê đá hơn so với cà phê nóng. Vì vậy, ngoài uống bạc xỉu nóng, người Việt còn uống bạc xỉu đá. Mặt khác, khi uống bạc xỉu người ta thường ăn kèm với giò chả quẩy hoặc bánh mì. Chấm quẩy vào cà phê sữa, bánh sẽ mềm, thơm phức quyến với vị béo, ngọt tạo ra vị ngon thật hoàn hảo. Bạc xỉu chấm với giò chả quẩy

1 <http://www.coiviet.com/khoa-hoc/kien-thuc-cho-ban/35-bac-xiu-la-gi>



đã trở thành món ăn đơn giản, rẻ tiền và phổ biến của người bình dân. Chỉ cần bấy nhiêu thôi, là có một bữa sáng ngon miệng và no rất lâu.

Cà phê từ một thức uống chỉ dành cho giới trung lưu đã nhanh chóng lan tỏa đến mọi tầng lớp xã hội. Ngày trước, chỉ có những quán cà phê sang trọng theo phong cách Pháp, chỉ dành cho quan chức và nhà giàu. Vào mỗi buổi sáng trước khi đến nơi làm việc, công chức thường xách cặp ghé quán uống cà phê, đọc báo rồi mới đi làm. Hay những quý bà sang trọng trong trang phục áo dài cùng nhau đến quán cà phê gặp mặt bạn bè. Về sau, xuất hiện rất nhiều quán cà phê phục vụ giới bình dân như: cà phê vỉa hè, cà phê hẻm. Đó là những quán cà phê đặc trưng, mang phong cách Sài Gòn. Hàng ngày, các bác đập xích lô, anh thợ hồ thường ghé vào quán bên vỉa hè uống một ly cà phê rồi mới đi kiếm sống. Cà phê thật sự trở thành chất men, tạo động lực, tinh thần sảng khoái để bắt đầu một ngày làm việc cực nhọc. Đến quán không chỉ để uống cà phê mà còn trò chuyện, trao đổi tin tức, tìm việc làm. Từ đó, tạo thành thói quen không thể bỏ được. Những khách hàng này thân thiết đến mức, chủ quán hiểu hết sở thích cà phê của từng người, không cần gọi cũng đem ra đúng ý khách. Chỗ ngồi cũng quen thuộc, vị trí của ai thì cứ vào, nếu ngồi khác chỗ thì uống cà phê không ngon. Trong quá khứ, các quán cà phê từng là một phần

không thể thiếu trong sinh hoạt thường nhật của người Sài Gòn.

Hiện nay, các quán cà phê vẫn chiếm ưu thế trong đời sống của người dân. Khái niệm “đi uống cà phê” không chỉ được hiểu đơn thuần là đến quán để uống cà phê mà còn để thưởng thức các thức uống khác. Cụm từ này được sử dụng rất phổ biến, từ người lớn tuổi đến người trẻ tuổi. Khi được lãnh thưởng, lãnh nhuận bút hoặc có chuyện vui gì thì đồng nghiệp sẽ đề nghị phải mời cà phê. Còn đối với sinh viên nếu thi đạt điểm cao hay nhờ làm giúp một việc gì đó thì sẽ phải khao bạn khác một “chầu” cà phê. Quán cà phê thật sự là tụ điểm để gặp gỡ bạn bè, giải tỏa căng thẳng sau thời gian làm việc mệt nhọc. Ngoài ra, những nơi này còn là không gian sinh hoạt văn hóa của các loại hình như Đờn ca Tài tử, hát cho nhau nghe. Bên cạnh đó, quán cà phê cũng là nơi để doanh nhân hẹn gặp gỡ đối tác bàn bạc hợp đồng, gặp gỡ khách hàng. Tại Sài Gòn, cũng có nhiều nhà nghiên cứu, nhà văn, nhà thơ nếu làm việc ở nhà hay văn phòng thì không làm được nhưng “la cà” ở quán cà phê sẽ có cảm hứng viết ngay. Điểm đặc biệt trong văn hóa cà phê ở Sài Gòn là nước trà mang ra trước, sau đó mới đem cà phê. Khách hàng sau khi uống cà phê có thể ngồi lại hàng giờ liền mà chủ quán không hề phiền hà, hết nước trà sẽ được cho thêm. Nhận thấy thị trường cà phê ở Sài Gòn đầy tiềm năng



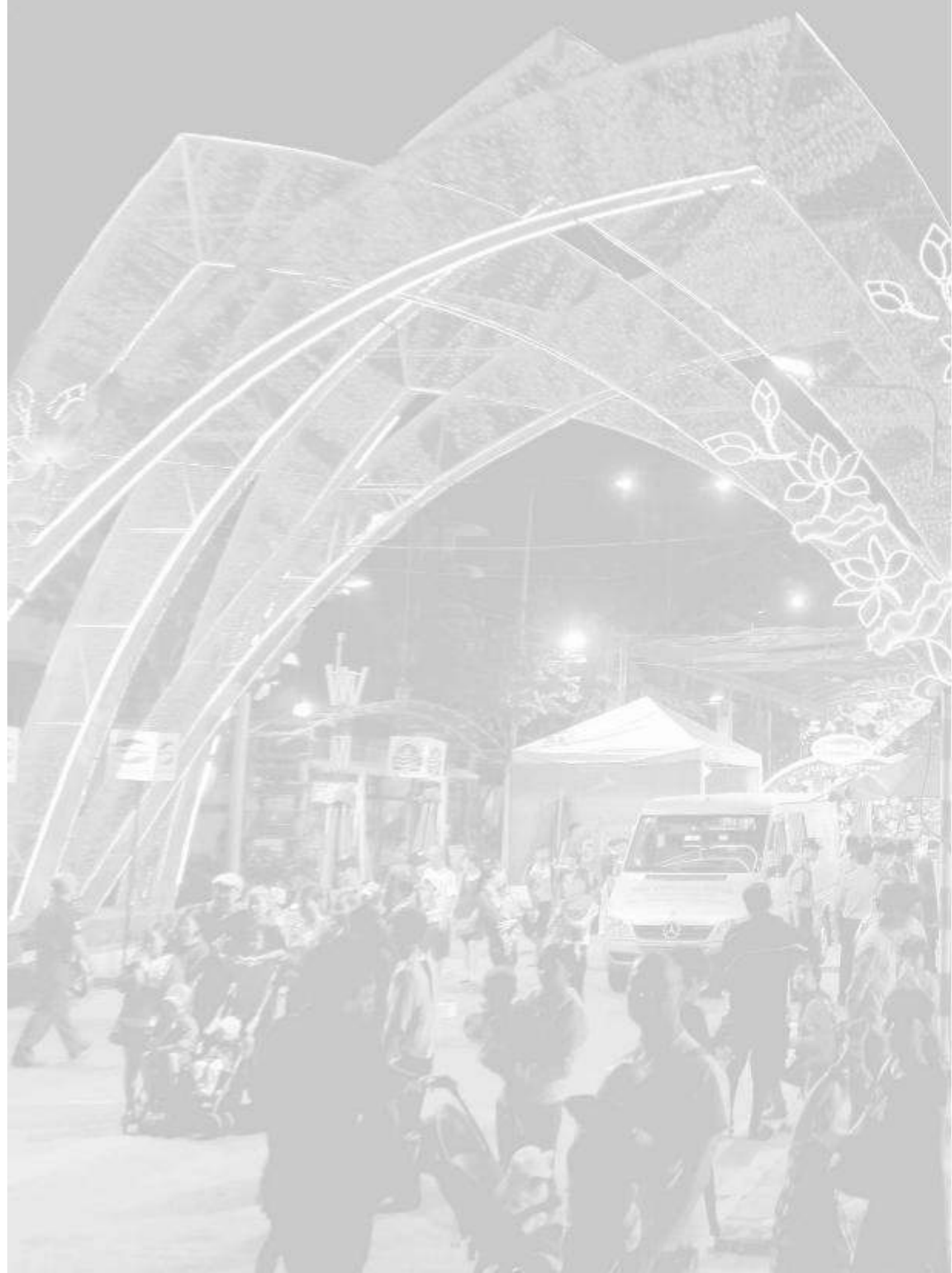
nên thương hiệu cà phê Starbucks đã mạnh dạn mở cửa hàng tại đây.

Ngày nay, để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân, các quán cà phê ở Sài Gòn theo chủ đề lần lượt ra đời. Các quán này hình thành dựa vào sở thích của một nhóm người, chẳng hạn như: cà phê nhạc Trịnh, cà phê sách, cà phê thú cưng, cà phê “phượt”, cà phê “xe máy”, cà phê “ô tô”, cà phê học thuật... Đây thực sự là nơi tụ họp và sinh hoạt lành mạnh của những người cùng sở thích. Đặc biệt, có một hình thức cà phê thu hút rất đông người tham gia, nhất là giới trẻ, đó là cà phê bệt. Người ta gọi là cà phê bệt vì nó không có bàn ngồi hoặc ghế tựa, người bán hàng sẽ phát cho bạn tờ báo trải ra ngồi dưới đất. Khi đã ổn định chỗ, bạn có thể gọi nước tùy thích với mức giá tương đối bình dân. Cà phê bệt đã góp phần tạo nên điểm nhấn trong phong cách cà phê Sài Gòn. Có thể kể đến một số khu vực bệt nổi tiếng như: Hàn Thuyên, Nhà thờ Đức Bà, Alexandre De Rhode, Hồ Con Rùa, Nhà hát Lớn. Mỗi khu vực bệt lại phù hợp cho mỗi đối tượng riêng. Ví dụ khu Alexandre De Rhode là khu vực dành riêng cho những cặp đôi hò hẹn, thích lãng mạn, riêng tư để tâm sự. Nơi đây cũng phù hợp cho những bạn trẻ không ưa vẻ ồn ào, chộn rộn như bệt Hàn Thuyên. Cà phê bệt ít tốn kém, ngồi bao lâu tùy thích, không ai đuổi. Cà phê bệt nói người nghệ sĩ không chuyên với thính giả

bất đắc dĩ hoặc thính giả vô tình. Người đàn ghita, người kéo violin rồi ai đó hát, cả không gian bệt ngồi nghe ké. Nhiều khi ai đó hát một bài rất hay, không biết tên, không biết tác giả, ca sĩ nào từng hát... để rồi tự nhớ rằng mình đã nghe ở cà phê bệt. Cà phê bệt không chỉ thu hút người trong nước mà còn thu hút du khách nước ngoài. Những điểm cà phê bệt là địa chỉ khám phá thú vị, thu hút du khách khám phá và trải nghiệm phong cách cà phê đường phố khi đến Sài Gòn.

Tóm lại, cà phê là một thức uống khá thông dụng, gắn với những sinh hoạt văn hóa của cộng đồng. Ở Sài Gòn, văn hóa cà phê đã thấm đẫm vào từng con đường, ngõ hẻm; ăn sâu vào tiềm thức của người dân từ xưa đến nay. Trong nhịp sống hối hả của thời hiện đại, văn hóa cà phê vẫn hiện diện và phát huy vai trò của mình. Qua đó, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa của Thành phố trẻ trên vùng đất phương Nam.





# Và khúc tâm tình của người phố thị









# Sài Gòn mê

Nhật Chiêu

**S**ẽ có hôm nào bạn chợt nhận ra mình có một Sài Gòn mê dù thật sự bạn chưa bao giờ mê Sài Gòn.

Cả những người thường nói ghét Sài Gòn vẫn có một chút gì đó của Sài Gòn mê - không hiểu nổi! - Vương trong điệu bộ và ngôn cách của mình.

Sài Gòn mê, đó là cái gì vậy ta!



Là nhiều. Là rất nhiều nồng nàn. Rất nhiều bao dung. Rất nhiều nghịch lý. Nhiều ra đi và trở về. Nhiều hoan lạc và ưu phiền. Nhiều trắc trở và thông dong. Hào phóng nắng và lênh láng mưa...

Vi dụ Nắng.

Nắng, đó là hào quang của Sài Gòn. Bạn không thể hình dung Sài Gòn mà không có nắng. Nắng nung người và nắng say người. Nắng rạng ngời và nắng trời oi. Nắng trên phố và nắng khuê phòng. Nắng bên ngoài và nắng bên trong.

Bạn có chất vấn nắng không?

Những hàng cây bên đường và trong công viên vẫn xanh ròn cho dù nắng cháy. Không có cây nào cóm nắng.

Những làn da rơm rớm mồ hôi của cô gái Sài Gòn vẫn mượt mà cho dù nắng dội. Không có cô nào cóm nắng.

Cho dù bạn là ai thì nắng không hề phân biệt. Nếu một tâm hồn cần nắng, Sài Gòn sẽ cho. Nếu một góc trời cần nắng, Sài Gòn sẽ cho.

Trong tiểu thuyết *Bay trên tổ chim cúc cu* của Ken Kesey, nhân vật Bromden ở bệnh viện tâm thần thường tưởng tượng một cỗ máy phun sương mù đang vận hành đâu đó. Mỗi lần lo âu hay sợ

hải, anh lại thấy mù sương lan tới che phủ anh, đó là cách anh lần trốn thực tại.

Còn Sài Gòn, bạn ơi, có một cỗ máy phun nắng đang vận hành đều đó. Và từ đó, nắng lan tràn, đẩy anh ra mọi thứ mù sương u ám, đẩy anh ra thực tại. Chỉ anh thôi ư? Không, cả chị nữa, cả em nữa. Thực tại đó có thể là vui hay buồn, hay huy hoàng hay đọa đày, bạn cần phải đối mặt. Ở Sài Gòn không phải là ở ẩn. Ở Sài Gòn là hiện hữu. Là Sài Gòn, là thế giới, là thực tại. Là nói "Có", là nói "Vâng" với cuộc đời, với nắng trần gian.

Hàng ngày, người và xe đổ vào trong nắng, nhập vào bụi trần mà đi. Đi đâu, về đâu là chuyện mỗi người. Đi tới đi, Sài Gòn nói. Sài Gòn không bận tâm giữ người ở lại. Nhưng giữ Sài Gòn cho mình, dường như ai cũng muốn.

Có một ví dụ khác về Sài Gòn mê. Đó là Mùa.

Nhiều người nói Sài Gòn không nắng thì mưa, làm gì có mùa. Cần "nhìn mùa" một cách tinh tế hơn, một cách bao dung theo kiểu Sài Gòn.

Sài Gòn có nhiều ngày kỳ diệu mà mỗi ngày khi ấy chứa đủ bốn mùa, một thứ nhân duyên thời tiết của một bán đảo tươi vui. Sáng sớm với một làn sương mát như chiếc áo lụa mỏng, Sài Gòn hiện ra trong ửng hồng xuân sắc. Từ từ nắng lên và lướt



vào một ngo thiên bùng bùng ánh hạ. Để rồi dịu xuống một hoàng hôn hiu hiu gió thoảng của hơi thu. Và đêm, những khi gió diu mưa tới, phả giá lạnh mùa đông vào từng căn phòng, gác trọ. Bốn mùa trong một ngày, những khi ấy ở đâu có thời tiết đáng ước mong hơn!

Một ngày bốn mùa như thế ở Sài Gòn tạo nên một niềm vui sống hài hòa. Thời tiết ấy không biết đến cực đoan, khắc nghiệt, bạo cuồng. Không nắng xích đạo, không băng giá, không động đất, không bão tố... Không có gì vượt quá hạn độ. Không có Nữ thần Trùng phạt nào bay trên đầu Sài Gòn.

Có một Sài Gòn đạo. Đó là Trung đạo. Đó là đạo của Khoan dung.

Như vậy là bạn có một Sài Gòn mê rồi đấy!

# Tản mạn về Sài Gòn

Nguyễn Võ Cường

**S**ài Gòn là một thành phố sinh sau đẻ muộn của đất nước. So với Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến, Sài Gòn quả là trẻ trung trai tráng.

Sài Gòn cùng với cả Nam Kỳ lục tỉnh, sứ mệnh lịch sử đã đặt Sài Gòn đứng đầu sóng ngọn gió, độ sức với đủ loại, đủ cỡ quân xâm lược: Xiêm La (Thái Lan), Phú Lang Sa (Pháp), Nhật, Mỹ... Ngoại trừ hai lần đánh tan giặc Xiêm ở Rạch Gầm và một lần vào tận sào huyệt Phnôm Pênh tiêu trừ bọn Pôn Pốt diệt chủng, cứ tính từ tháng 2 năm 1859 là ngày



thực dân Pháp nổ súng tấn công vào Cần Giờ cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, ngày mà Đại sứ Martin chui vội vô trục thẳng tháo chạy, Sài Gòn đã bỏ ra 116 năm trường đấu tranh không ngừng để giành lấy quyền làm người, quyền của một dân tộc yêu chuộng hòa bình, khát vọng độc lập tự do.

Tự hào thay, những ai có ông bà tổ tiên nhiều đời trụ bám đất Sài Gòn từ những ngày đầu tạo lập Thành phố và cả những ai mới là công dân Thành phố hôm qua và hôm nay, nối tiếp dựng xây Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh. Đất Sài Gòn vẫn xanh, tâm hồn Sài Gòn vẫn luôn sáng trong, tươi tắn, hào sảng, khảng khái, thủy chung và nồng nhiệt. Muốn hiểu Sài Gòn, ta thử một lần tìm đọc các áng thơ văn đã viết về cuộc sống luôn luôn sôi động của Sài Gòn:

*Phủ Gia Định! Phủ Gia Định! Nhà đủ người no  
chón chón,*

*Xứ Sài Gòn! Xứ Sài Gòn! Ở ăn vui thú nơi nơi.*

*(Phủ cổ Gia Định)*

Đọc *Gia Định Thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, chúng ta lại hình dung thấy cảnh sầm uất đông vui của chợ Bến Thành xưa: "(...) phố xá trù mật, chợ làm theo dọc bến sông. Đầu xuân vào ngày tế ma thì thao diễn thủy binh. Bến có đồ ngang đón khách buôn ngoài bến lên bờ. Đầu phía Bắc là rạch Sa Ngư có cầu ván bắc ngang hai bên cầu có phố

ngói, tụ tập cả trăm thứ hàng hóa. Dọc theo bờ sông, thuyền buôn lớn nhỏ đậu san sát...”.

Còn đây là cảnh chợ Sài Gòn xưa, nay là Chợ Lớn Bình Tây: “(...) cách phía Nam trấn 12 dặm, nằm hai bên quan lộ là đường lớn, ba đường xuyên thẳng giáp bến sông, một con đường chạy ngang giữa và một con đường dọc theo bờ sông. Các con đường ấy giao nhau như hình chữ điền. Phố xá liên tiếp sát mái nhau, người Hoa và người Việt ở chung lẫn dài chừng vài dặm. Hàng hóa bày bán có gấm đoạn, đồ sứ, giấy má, châu báu, sách vở, thuốc thang, trà bột... Những sản vật Nam, Bắc theo đường sông, đường biển chở tới không thiếu món nào (...). Hễ gặp tiết đẹp, đêm trăng, các ngày tam nguyên, sóc vọng thì treo đèn, đặt bàn, đua tranh kỹ xảo, trông như cây lửa cầu sao, thành gấm vóc hội quỳnh dao, trống kèn huyền ảo, trai gái dập dìu. Đó là một nơi phố thị lớn đô hội náo nhiệt”.

Xưa, đất nước ta đã có mấy vùng phồn thịnh “thứ nhất Kinh Kỳ, thứ nhì Phố Hiến”, sau đó thêm Phú Xuân sau nữa thêm đất Sài Gòn – Gia Định. Một vùng đầm lầy hoang rậm, trải qua nhiều năm có bàn tay của người Việt đã mau chóng trở thành một nơi trù phú, đô hội.

Đất Sài Gòn có nhiều điểm thắng cảnh nổi tiếng đã đi vào thi ca, chỉ riêng cảnh Gò Cây Mai đã có hàng chục bài thơ ca tụng:



*Chiều đến Gò Mai hừng gió đông  
Xa trông cảnh vắng mắt khôn cùng  
Xóm nhà gói suối mờ cây, khói  
Đồng cỏ vang ngân sáo mục đồng.*

*(Gò cây Mai chiều hôm nhớ nhà)*

Trong bài *Hạc ngủ ở Gò Mai* có một tứ thơ khá kỳ thú:

*"(Hạc) tự khoe tiết tháo cao nhã bằng sắc lông trong trắng như hoa mai.*

*Lại hẹn với hoa mai cùng giữ danh thơm toàn vẹn".*

Từ xưa, người Sài Gòn vốn yêu thích hoa mai. Hoa mai trở thành biểu tượng của những tâm hồn trong sạch, bất khuất. Yêu mai, đó là một nét đẹp của tâm hồn người Sài Gòn.

Sài Gòn đã yêu, yêu nồng nàn thủy chung, yêu táo bạo đắm say chẳng mấy vùng sánh kịp, vượt qua hàng rào lễ giáo phong kiến khát khe. Tình tình vốn bộc trực, đã gặp đã ưng là tỏ tình liền:

*Đôi mình mới gặp hôm nay,  
Cho hun một chút, em Hai đừng phiền!*

Em Hai cũng chẳng hề khách khí, chỉ yêu cầu người bạn khẩn trương và giữ bí mật:

*Có hun thì hun cho liền  
Đừng làm thối lộ láng giềng cười em.*

Hoặc những câu thể hiện tình yêu say đắm:

*Đứt tay một chút chẳng đau*

*Xa em một chút như dao cắt lòng.*

Thế nhưng, khi Tổ quốc lâm nguy, không một chút phân vân do dự, họ từ biệt người thương, ra đi giết giặc:

*Giặc Tây đánh tới Cần Giờ*

*Biểu em đừng đợi đừng chờ uống công.*

Họ quyết tâm lập chiến công cho đáng mặt làm trai:

*Giặc Sài Gòn đánh xuống*

*Binh ngoài Huế không vô*

*Anh biểu em đừng đợi đừng chờ*

*Để anh đi lấy đầu thằng mọi trắng mà về tế  
cờ nghĩa quân.*

Triều đình Huế không tổ chức đánh giặc, họ liền tự động gánh vác trách nhiệm và hăng hái ra trận. Họ xứng đáng với lời ca ngợi của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu:

*Vốn chẳng phải quân cơ, quân vệ theo vòng  
ở lính diễn binh*

*Chẳng qua là dân ấp, dân lân mến nghĩa làm  
quân chiêu mộ.*



Giặc đến là phải đánh. Đánh giặc trở thành một tiêu chuẩn đạo lý để phân biệt tốt xấu, đúng sai, phải quấy... từ hơn mấy ngàn năm nay, đối với người Việt Nam đánh giặc là một nhiệm vụ không bao giờ chối bỏ, không được phép chối bỏ. Chúng ta và kẻ thù của chúng ta đều chưa quên lời khẳng khái của người anh hùng Nguyễn Trung Trực:

*"Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây".*

Đó là hào khí Đông A, hào khí Đống Nai, hào khí Việt Nam! Người Việt đến sinh cơ lập nghiệp trên đất Sài Gòn - Gia Định đã sống không hổ thẹn với đức tổ Hùng Vương và các anh hùng liệt sĩ, nối tiếp trọn vẹn truyền thống vẻ vang của dân tộc.

Đặc biệt trong những thời kỳ đen tối nhất, người Sài Gòn - Gia Định vẫn giữ một ý chí, một niềm tin vào tiền đồ của dân tộc, của đất nước. Nếu không đủ ý chí kiên cường và tinh thần quật khởi, Sài Gòn sao có nổi cuộc kháng chiến lòng lầy của cha con Trương Định, Trương Quyền. Nhân dân Sài Gòn ý thức được trách nhiệm của mình với đất nước, đã bác bỏ "Thiên tử chiếu" và đứng ra làm lễ phong tướng cho lãnh tụ của mình "Bình Tây đại nguyên soái". Đó có lẽ là chuyện có một không hai trong lịch sử dân tộc!

Nếu không đủ dũng khí và niềm tin vào tương lai, Sài Gòn sao có nổi người thợ máy Ba Son Tôn

Đức Thắng dám kéo lá cờ đỏ trên chiến hạm Pháp ở biển Đen để chào mừng và bảo vệ nước Nga Xô Viết, vùng đất hy vọng của nhân loại cần lao giữa những ngày cách mạng vô sản còn trong trứng nước.

Nếu không đủ sức nhạy cảm và tinh thần giác ngộ cách mạng, Sài Gòn sao có được những phong trào đấu tranh rất sớm của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Tự hào thay! Lịch sử báo chí cách mạng nước ta còn mãi mãi ghi công cho tờ *Chuông Rè (La Cloche Fêlée)* do nhà cách mạng Nguyễn An Ninh sáng lập. Tờ *Chuông Rè* ngân lên vang dội tiếng nói của hai lãnh tụ vô sản quốc tế. Lần đầu tiên ở nước ta, báo của Nguyễn An Ninh đã in trọn nguyên văn bản *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* của K.Marx và F.Engels, khiến quân thù kinh hoàng. Sài Gòn cũng không bao giờ quên những ngày sôi động thời kỳ dựng Đảng (1930), thời kỳ hoạt động công khai (1936 - 1939) và nhất là cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ 1940...

Đất Sài Gòn, Người Sài Gòn cũng không thể nào quên ngày toàn dân vùng lên giành chính quyền:

*Lời Đảng gọi, một ngày sấm nổ*  
*Biển người dâng ngập phố ngập đồng*  
*Mùa Thu cách mạng thành công*  
*Mùa Thu đây, hỡi cờ hồng vàng sao!*



Kể sao cho hết những sự kiện mang tầm vóc lịch sử đã diễn ra trên đất Sài Gòn!

“Chín năm kháng chiến thánh thần, gây tầm vông đánh tan quân bạo tàn...”. Pháp bại, đế quốc Mỹ nhảy vào Việt Nam. Sài Gòn và sau lưng là toàn thể dân tộc Việt Nam phải đối đầu với thế lực hiếu chiến hùng mạnh nhất thế giới.

Trong khó khăn, tinh thần quật khởi và sự tin tưởng vào thắng lợi của chân lý của nhân dân Sài Gòn càng được phát huy cao độ:

*“... Miền Nam đi trước về sau  
Bước đường cách mạng dài lâu đã từng  
Được đã mọc thành rừng gỗ cứng  
Gió càng lay càng dựng Thành Đồng...”.*

Lịch sử của Sài Gòn đã chứng kiến biết bao sự kiện oanh liệt mang đầy máu và nước mắt của thời kỳ kháng chiến chống Mỹ xâm lược. Có lẽ mọi người không thể nào quên Phong trào Hòa bình, phong trào Sinh viên học sinh của đất Sài Gòn và người có lương tri không thể nào quên được “trái tim Bồ tát Quảng Đức” rực sáng trong phong trào Phật giáo... và tiếng hô vang của chiến sĩ biệt động Nguyễn Văn Trỗi trên pháp trường còn vang vọng mãi:

*“Hãy nhớ lấy lời tôi! Đả đảo đế quốc Mỹ!  
...Việt Nam muôn năm!”.*

Mùa Xuân năm 1975, khi lá cờ Đại thắng của dân tộc Việt Nam cắm trên tòa nhà quyền lực của bọn đế quốc và tay sai thì hầu như những người có lương tri trên hành tinh này đều hân hoan reo mừng.

Luồng gió từ Thành phố của ta, từ tâm hồn dân tộc ta đã thổi mát tâm hồn bè bạn, mang lại cho bạn bè ta niềm vui và điều quan trọng hơn đó là mang lại hy vọng và niềm tin vào cuộc sống và chân lý.

Lại nhớ đến một giấc chiêm bao của người xưa:

*Miền Nam ngọn lửa bốc lên,  
Thieu tan lấu giặc lẫn thuyền của Tây.*

...

*Khắp nơi hưởng ứng diệt thù,  
Giáo gươm không có cày bừa vùng cao,  
Đồng Nai, Bến Nghé nhôn nhao,  
An Hà thế giặc lâm vào rối ren.  
Ngân hà muôn dặm tách thiên,  
Rửa tan mọi nỗi nhục phiền non sông.*

*(Miên Thẩm)*

Và chỉ trong chiêm bao, ông đã sung sướng thấy cảnh thanh bình:

*Cửa Cẩn triều giỡn, trăng trong,  
Cá kinh lặng sóng lượng ngấm thâu đêm.*

Hơi "loạn ngôn" một chút trong giấc mơ chiến thắng của Miên Thẩm chắc có lẽ vị hoàng tộc

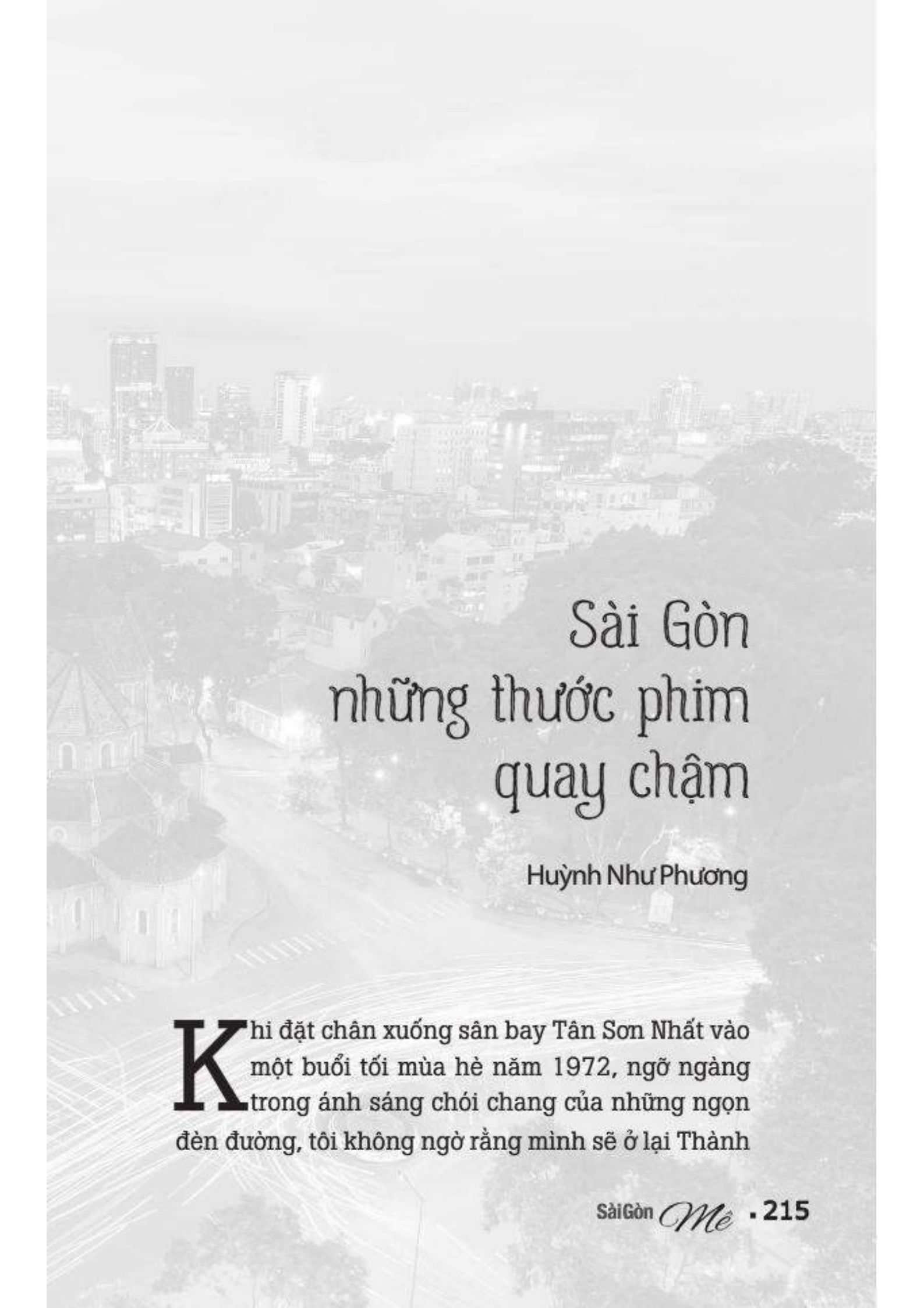


nhà Nguyễn cũng không thể ngờ rằng hậu nhân không chỉ cầm gậy tầm vông và mã tấu mà còn đường hoàng cưỡi xe tăng, lái máy bay rầm rập tiến vào trung tâm Bến Nghé trước sự hoảng loạn của quân thù.

Nếu biết thêm rằng, sau ngày chiến thắng không bao lâu, cháu con đã khoan biển và đốt sáng lên giữa biển Đông một ngọn lửa mới. Nếu biết thêm rằng mọi người dân ta đã “có đủ cơm ăn, áo mặc và được học hành”, đó là cuộc đổi đời vô cùng thú vị.

Những con người anh hùng, những địa phương anh hùng và nhân dân anh hùng đã làm nên những sự kiện anh hùng. Sài Gòn xứng đáng là Thành phố Anh hùng, xứng đáng được mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Với niềm tin yêu và tự hào, chúng ta tiếp tục xây dựng một cuộc sống mới, thấy được tinh thần trách nhiệm của người công dân trong giai đoạn hiện nay là đóng góp cao nhất trí tuệ, sức lực của mình góp phần xây dựng, bảo vệ và phát triển Thành phố thân yêu, mãi mãi xứng đáng với Thành phố Anh hùng, xứng đáng với các bậc tiên liệt đã dày công vun đắp cho cuộc sống chúng ta ngày hôm nay.



# Sài Gòn những thước phim quay chậm

Huỳnh Như Phương

**K**hi đặt chân xuống sân bay Tân Sơn Nhất vào một buổi tối mùa hè năm 1972, ngỡ ngàng trong ánh sáng chói chang của những ngọn đèn đường, tôi không ngờ rằng mình sẽ ở lại Thành



phố này suốt bốn thập niên. Thật ra, trước đó, từ hồi học cấp 2, tôi đã được vô thăm Thành phố hai chuyến vào dịp hè, nhưng chỉ là để nhìn ngắm như nhìn thế giới của những món đồ chơi lạ lẫm hơn là khám phá và tìm hiểu. Lần này tôi biết mình phải tìm cách thích ứng với nó và cố gắng để không là kẻ lạc lõng giữa đô thị.

Những ngày tháng đầu tiên đó tôi vẫn còn nhớ rõ. Trước khi mua được chiếc xe Mobylette, tôi đi theo những chuyến xe lam để tìm hiểu Sài Gòn. Tôi tìm đến tòa soạn báo *Tuổi hoa* và *Trình bày*, nơi đăng hai bài báo đầu tay của mình, nhưng chỉ đứng bên ngoài mà không dám bước chân vào. Chiều cuối tuần, tôi lang thang trên vỉa hè lát đá từ nhà thờ Đức Bà, theo đường Tự Do, xuôi về bến Bạch Đằng. Nhiều lần tôi đứng một mình ngay góc phố chỉ để nhìn xe cộ ngược xuôi và cảm nhận rằng mình đang hòa vào nhịp đập của Thành phố, từng bước được Thành phố đón nhận như một tế bào của nó.

Càng ở lâu Sài Gòn, tôi càng hiểu vì sao những người nghệ sĩ, từ mọi miền đất nước, đều muốn tiếng nói nghệ thuật của mình cất lên giữa Thành phố xô bồ và náo nhiệt này. Bởi lẽ không gian Sài Gòn là nơi tiếp âm thuận lợi nhất cho những giọng điệu. Và tôi hình dung ra niềm hạnh phúc của Từ

Công Phụng khi lần đầu tiên ra mắt khán giả trong khuôn viên trường Đại học Văn khoa; niềm vui của Phạm Văn Hạng trong triển lãm đầu tiên ở Pháp văn Đồng minh hội; cũng như những dự phóng của Lê Cát Trọng Lý tượng hình khi cô cất lên tiếng hát của mình trong một quán cà-phê bé nhỏ trên đường Ngô Thời Nhiệm...

Dù sao, 40 năm làm cư dân Thành phố vẫn chưa đủ để nói rằng tôi hiểu được Sài Gòn. Thú thật, Sài Gòn bây giờ cũng như Sài Gòn ngày trước vẫn gợi ra cho tôi nhiều câu hỏi. Thời sinh viên, để có tiền chi tiêu, một kỳ hè anh Phạm Khiết (sau này là phóng viên báo *Người Lao động*, đã mất) rủ tôi nhận trồng cây, chăm sóc vườn hoa và hòn non bộ trong mấy biệt thự trên đường Tú Xương. Lần khác, tôi lại theo làm kế toán cho một tổp thợ xây một cái nhà kho ở bến Phạm Thế Hiển, Quận 8, buổi trưa cơm bụi và cà-phê đá ngoài quán cơm bình dân. Sài Gòn hôm qua và Sài Gòn hôm nay cứ như những thước phim quay chậm đan cài lẫn nhau. Nhiều lần tôi muốn viết một điều gì đó về "Sài Gòn bề mặt, Sài Gòn bề sâu" (chữ của Lý Chánh Trung) mà ý tưởng mông lung vẫn không thể định hình.

Hôm ra mắt cuốn *Sài Gòn tạp văn* ở công viên Văn Thánh, nhà văn Nguyễn Nhật Ánh có một



nhận xét rất hay: Khán giả Đà Nẵng, Hải Phòng hay Nam Định xem bóng đá ngồi trên sân Chi Lăng, Lạch Tray hay Thiên Trường mà không ủng hộ đội nhà lại đi cổ vũ cho đối thủ, thì hãy liệu hồn, coi chừng chạy mất dép. Còn nếu họ ngồi trên sân Thống Nhất mà muốn reo hò cổ vũ cho đội bóng quê hương đang đá trên sân khách thì cứ vô tư đi! Điều đó không chỉ thể hiện lòng cởi mở, sự biết điều của con người một vùng đất, mà còn là một quan niệm sống. Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh không phải là một địa phương mà là một tập hợp, một trung tâm có sức thu hút và dung hòa những đối cực. Sài Gòn mà khép kín, hẹp hòi, thủ cựu thì đâu còn là Sài Gòn nữa.

Mai Quỳnh Nam, người bạn tôi quen 25 năm nay, hiện là Viện trưởng Viện Nghiên cứu con người, vốn là một trong những phóng viên chiến trường trẻ nhất đã đi cùng nhà văn Nguyễn Trọng Oánh vào Sài Gòn ngay từ chiều 30/4/1975. Từ ấy đến nay, vì công việc, anh đã vào ra Thành phố này hầu như hàng năm. Có lần anh nói, ấn tượng không thay đổi làm anh cảm động nhất là sự ân cần của người Sài Gòn. Về ân cần của những người sinh viên trong tình cảm thầy trò. Về ân cần của những người trí thức thường được gọi là "trí thức tại chỗ" mà anh có dịp tiếp xúc. Về ân cần của

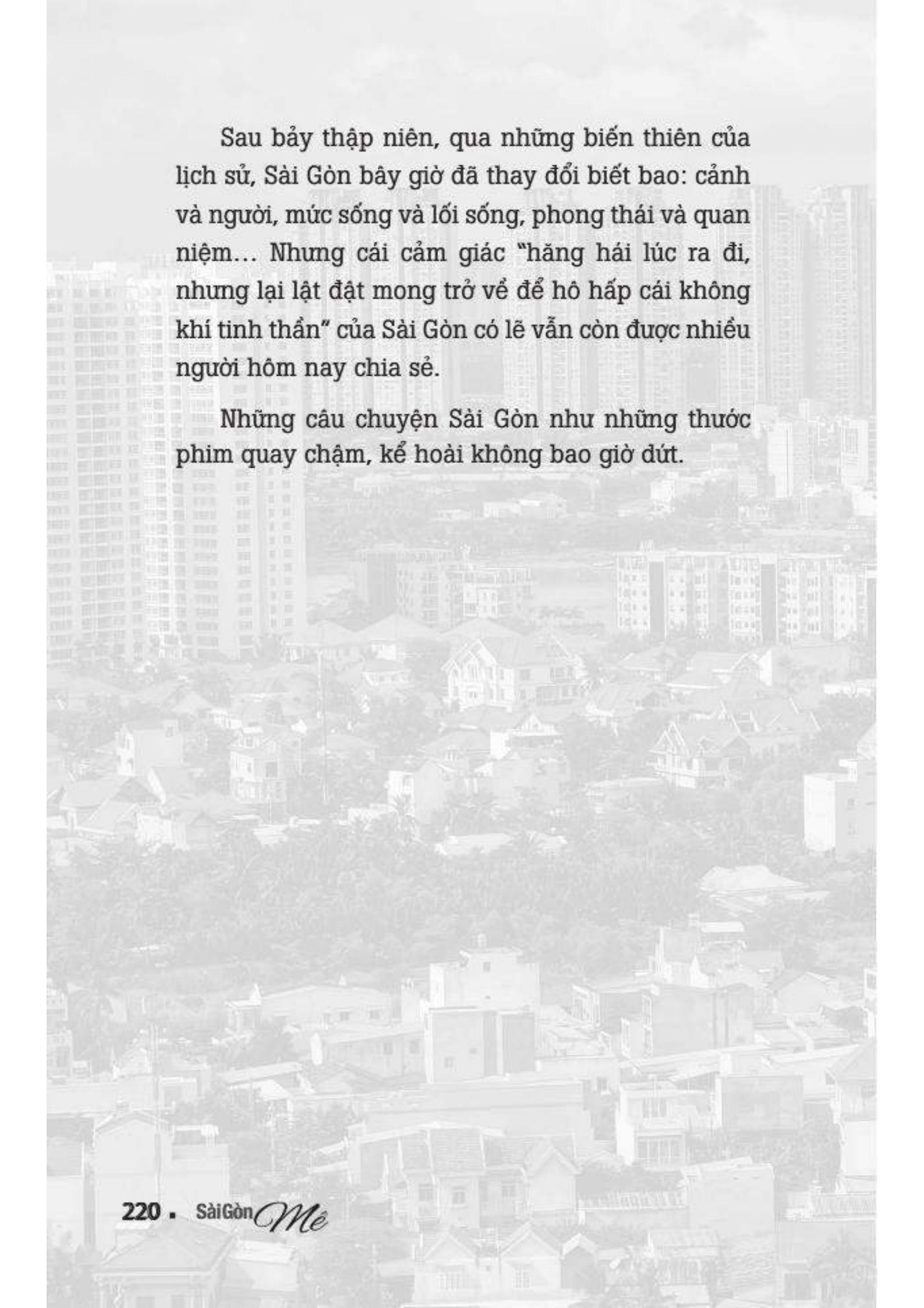
người lái xe ôm, người bán quán cóc mỗi khi anh hỏi đường. Tôi bảo anh, có thể là anh may mắn và chỉ ở đây những đợt ngắn ngày, nên có cái nhìn lạc quan chẳng. Dù sao, tôi vẫn thầm mong anh giữ mãi được ấn tượng đó.

Một lần, nhân viết lời giới thiệu cho một cuốn sách của Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ<sup>(1)</sup>, tôi tình cờ đọc được một bài báo của nhà văn Thiếu Sơn viết về Sài Gòn năm 1944: “Ở Sài Gòn, những bức tường ngăn cách hầu như không kiên cố là bao, vì ở đây thiên hạ đông đảo, cá nhân như cảm thấy bị hút ở trong một hoàn cảnh to lớn, như cảm thấy ở đời không phải “duy ngã độc tôn” và như muốn hòa đồng với xã hội... Chính nhờ những liên lạc về xã giao như thế mà Sài Gòn có được một hoàn cảnh tinh thần đủ đương đầu với cái hoàn cảnh vật chất xa hoa (...). Chúng ta đã thấy những tay ký giả Pháp cộng sự với những nhà viết báo người Nam. Chúng ta còn thấy trong làng văn kháng khí những anh em Trung - Nam - Bắc (...). Mỗi lần có dịp đi chơi xa, tôi thường hăng hái lúc ra đi, nhưng lại lật đật mong trở về để hô hấp cái không khí tinh thần của nơi thủ phủ miền Nam đất Việt” (*Nam Kỳ tuần báo*, số 77, tháng 3/1944).

---

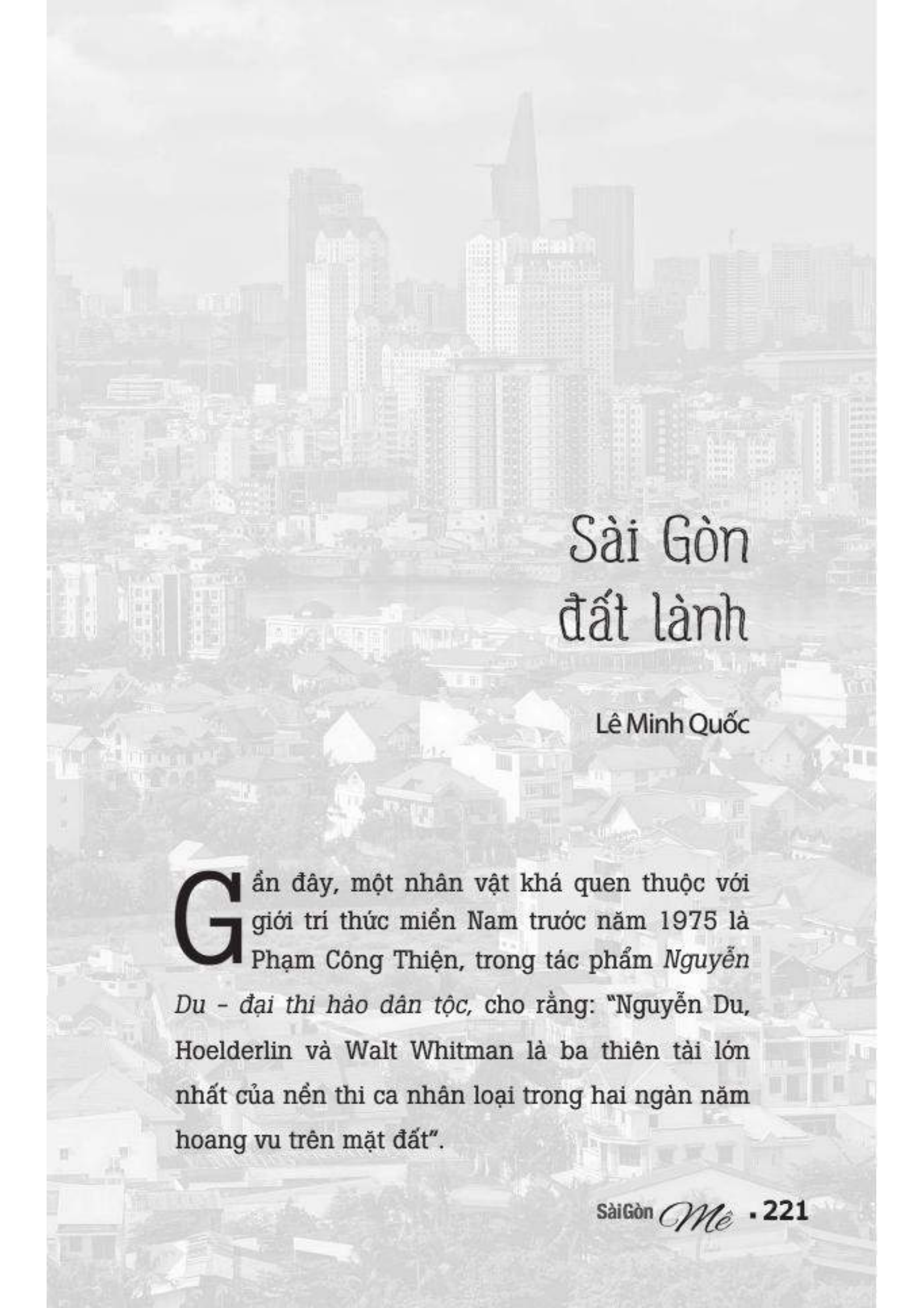
1 Nay là Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.





Sau bảy thập niên, qua những biến thiên của lịch sử, Sài Gòn bây giờ đã thay đổi biết bao: cảnh và người, mức sống và lối sống, phong thái và quan niệm... Nhưng cái cảm giác “hăng hái lúc ra đi, nhưng lại lật đật mong trở về để hít hấp cái không khí tinh thần” của Sài Gòn có lẽ vẫn còn được nhiều người hôm nay chia sẻ.

Những câu chuyện Sài Gòn như những thước phim quay chậm, kể hoài không bao giờ dứt.



# Sài Gòn đất lành

Lê Minh Quốc

**G**ần đây, một nhân vật khá quen thuộc với giới trí thức miền Nam trước năm 1975 là Phạm Công Thiện, trong tác phẩm *Nguyễn Du - đại thi hào dân tộc*, cho rằng: “Nguyễn Du, Hoelderlin và Walt Whitman là ba thiên tài lớn nhất của nền thi ca nhân loại trong hai ngàn năm hoang vu trên mặt đất”.



Đại thi hào Nguyễn Du - người đã để lại tác phẩm *Truyện Kiều* - một viên ngọc toàn bích, không tì vết trong thi ca nhân loại. Như ta biết Nguyễn Du làm Chánh sứ sang Trung Quốc năm 1813, lúc ấy tiên sinh đang giữ chức Cẩn chánh đại học sĩ. Trong chuyến đi này, tiên sinh đã viết được khoảng 130 bài thơ trong tập *Bắc hành tạp lục*. Nhắc qua đôi nét để thấy rằng, khi giới nghiên cứu văn hóa nước nhà tìm hiểu về chuyến đi này thì chắc chắn sẽ còn phát hiện ra nhiều điều thú vị về một danh nhân văn hóa đã được UNESCO công nhận.

Ở Ấn Độ, có thi hào Tagore - đã từng đoạt giải thưởng Nobel năm 1913 với tập *Thơ Dân* - ông đã từng đặt chân đến Sài Gòn trong một thời gian ngắn ngủi.

Câu chuyện lý thú như sau: Từ chiếc tàu Angers, ngày 21/4/1929 thi hào Tagore đặt chân lên Sài Gòn giữa tiếng reo hò nồng nhiệt của trí thức và quần chúng lao khổ. Bởi lẽ họ đã xem Tagore cũng là một chí sĩ chống đế quốc như Thánh Gandhi. Điều thú vị là Tagore rất thích quốc phục Việt Nam. Lập tức ban tổ chức đã đưa ông đến một hiệu may để may ngay một áo dài bằng gấm.

Hiện nay, trên một tạp chí văn hóa phát hành thời đó, chúng tôi có nhìn thấy bức chân dung

Tagore mặc quốc phục Việt Nam rất độc đáo. Mà tà áo dài cũng lạ, đủ sức hấp dẫn mọi người trên thế giới khi nhìn thấy nó và họ cũng đều mơ ước được một lần thử mặc xem sao. Tháng 7/1964, hoa hậu California lần đầu tiên đến Sài Gòn trình diễn thời trang đã đến nhà may số 50 Phạm Ngũ Lão và cô tuyên bố trên báo chí thời đó: “Những chiếc áo dài xinh xắn đó - áo dài nhà may SaiGon - chúng tôi sẽ luôn luôn giữ nó và mặc nó đi trình diễn khắp thế giới”.

Nhưng một trong những người đầu tiên đặt chân đến Sài Gòn phải kể đến John White. Từ ngày 25/9/1819, John White đã neo tàu tại Vũng Tàu và được phép đặt chân lên Sài Gòn vào ngày 7/10/1819. Trong thời gian này, ông đã đi nhiều nơi và có những ghi chép rất thú vị về Sài Gòn, rồi ngày 30/1/1920, tàu của John White nhổ neo.

Thật ra khó có thể “thống kê” được bao nhiêu nhân vật lừng danh trên thế giới đã đến Sài Gòn và Sài Gòn đã để lại trong tâm hồn họ những dấu ấn nào khó phai. Đó là công việc của những nhà nghiên cứu. Nhưng có một điều mà chúng ta biết một cách chắc chắn là vùng đất Sài Gòn rất hào hiệp khi đón những người bạn chí tình với mình, nhưng cũng sẵn sàng nổi sóng để đê bẹp mọi thái độ hiềm khích, thù hận.



Mà thật vậy, người Sài Gòn vốn hào khí và quý khách, nếu biết khách “chịu chơi” thì họ không hẹp hòi gì lòng thành. Còn nhớ lúc 14 giờ 45 phút, ngày 27/6/1962, danh ca Dalida cùng chàng họa sĩ Skieski đến Sài Gòn đã được giới trẻ đón tiếp nồng nhiệt. Trên báo *Kịch Ảnh* có in thông báo: “*Những bạn ái mộ Dalida muốn có lưu bút kỷ niệm của nàng trên đĩa hát hay hình ảnh có thể tới tiệm Alpha Radio 157 đường Tự Do Sài Gòn từ 16 giờ đến 18 giờ ngày 3/7/1962*”. Đặc biệt sau đó, tại nhà hàng Caravelle, các văn nghệ sĩ nổi danh tại Sài Gòn đã tổ chức gặp mặt thân mật cùng danh ca Dalida.

Thời đó, Sài Gòn đang sống trong không khí chiến tranh, chính cuộc chiến tranh chính nghĩa của dân tộc đã “cảm hóa” được cả người nước ngoài. Tiêu biểu như trường hợp “ông Tây” André Menras tự nhận mình thuộc... “bộ tộc Tà Ru” (tức tù ra) đã được những người tù chính trị trong khám Chí Hòa đặt cho cái tên Hồ Cương Quyết. Trong thập niên 1970 của thế kỷ XX, ông đã dũng cảm treo cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng trên tượng thủy quân lục chiến ở trụ sở Quốc hội Sài Gòn (nay là Nhà hát Thành phố). Sau khi ra tù, ông đã viết tác phẩm nổi tiếng *Ra khỏi nhà tù Sài Gòn, chúng tôi tố cáo* đã có mặt tại Hội nghị Paris năm 1973. Trước đó,

“chuyên gia đảo chính” là đại sứ Mỹ Henry Cabot Lodge thượng tuần tháng 8/1963 sang Sài Gòn thay thế cho Nolting không những chẳng “kèn trống” gì cả mà khi rút xéo còn bị những vấn thơ châm chọc rượt theo:

*Xưa đón ông rồi, nay tiễn ông  
Ông về bên ấy nhớ nhau không?  
Một tay sắp đặt bao trò rối  
Nửa miệng khen chê lắm chuyện rỗng  
Diễn xuất tài tình, nhiều mới lạ  
Xóa bày thiện nghệ, lắm kỳ công!  
Bỗng dung từ chức ông về nước  
Văng vẳng bên tai tiếng súng đồng.*

*(Thơ đen - Tú Kếu)*

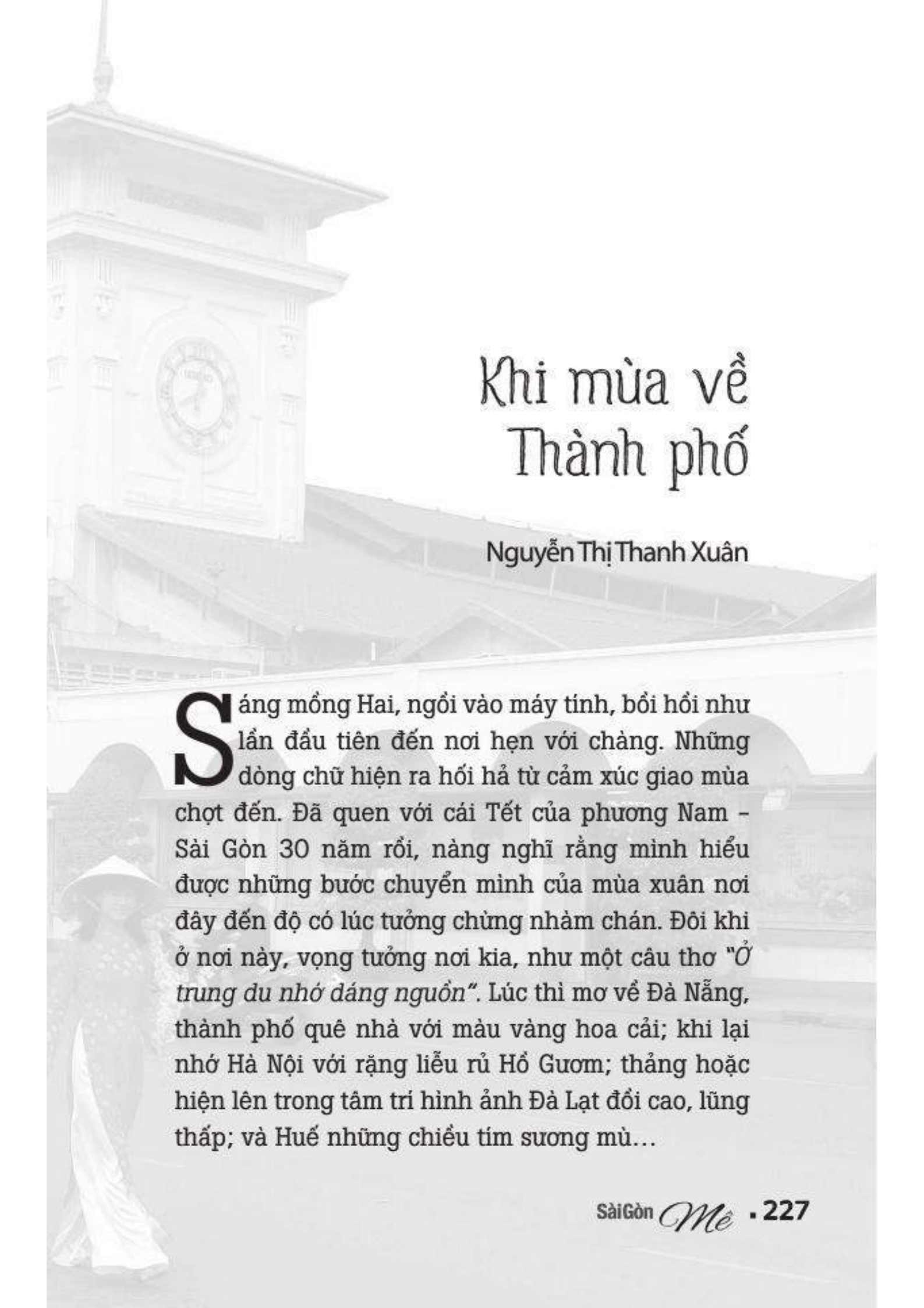
Tất nhiên, không hề có chuyện “*Bỗng dung từ chức ông về nước*”. Cuộc chiến đấu hào hùng của dân quân Sài Gòn đã đẩy chúng vào “đường hầm không lối thoát”.

Những chuyện xưa ấy, dù không quên, nhưng cũng chẳng cần phải nhắc lại. Hiện nay đến với Sài Gòn trong những năm đổi mới, nhiều người nước ngoài nhận xét là nơi an toàn nhất, họ có thể đi thong dong giữa phố xá mà cứ tưởng như đi an bình trên đất nước họ. Đó cũng là cảm tưởng



của Tổng thống François Mitterrand vài năm trước đây khi đến Sài Gòn, ông đã thả bộ đi trên đường Đồng Khởi mà không cần "tiền hô hậu ủng". Sau đó, ngày 16/11/2000, Tổng thống Hợp chủng quốc Hoa Kỳ W.J. Clinton thăm chính thức Việt Nam, khi đặt chân đến Sài Gòn, ông đã từng chọn món phở để thay đổi khẩu vị và đã khen ngon.

Thật khó có thể thống kê cho hết những nhân vật nổi tiếng đã đến Sài Gòn và chắc chắn có không ít các doanh nhân sang đây tìm thị trường mới...



# Khi mùa về Thành phố

Nguyễn Thị Thanh Xuân

**S**áng mồng Hai, ngồi vào máy tính, bồi hồi như lần đầu tiên đến nơi hẹn với chàng. Những dòng chữ hiện ra hồi hã từ cảm xúc giao mùa chợt đến. Đã quen với cái Tết của phương Nam - Sài Gòn 30 năm rồi, nàng nghĩ rằng mình hiểu được những bước chuyển mình của mùa xuân nơi đây đến độ có lúc tưởng chừng nhàm chán. Đôi khi ở nơi này, vọng tưởng nơi kia, như một câu thơ "*Ở trung du nhớ dáng nguồn*". Lúc thì mơ về Đà Nẵng, thành phố quê nhà với màu vàng hoa cải; khi lại nhớ Hà Nội với rặng liễu rủ Hồ Gươm; thăng hoặc hiện lên trong tâm trí hình ảnh Đà Lạt đồi cao, lưng thấp; và Huế những chiều tím sương mù...



Nhưng gần đây, nàng nhận ra trong mình nỗi khát khao cảm nhận Sài Gòn, không gian mà nàng đã và sẽ đi - về nhiều nhất, nơi chốn mà nàng đã và sẽ trú chân lâu nhất trên cõi đời. Ngắm nhìn và lắng nghe, nàng như muốn thấm mình vào nhịp đập của Thành phố này.

Người ta thường nói rằng, nơi đây chỉ có hai mùa: nắng và mưa. Kỳ thực đó là cách nhìn giản lược trên những đặc điểm mà ai cũng thấy từ thiên nhiên. Còn với nàng, mùa là kết quả từ sự tác thành đẹp đẽ của vũ trụ và con người. Mùa xuân ở nơi đây được chuẩn bị từ rất lâu, trong lòng người và trong sự sinh sôi của đất trời.

Cuối năm, len mình giữa những tháp dừa hấu, trái nào cũng xanh biếc, tròn căng; giữa những cội mai chi chít nụ xanh hoặc bùng nở vàng rực; giữa các chậu tắc kỳ công lấp cảnh, chen chúc quả... nàng ngỡ như nghe được tiếng rì rầm chuyển hóa âm thầm, bền bỉ của phù sa phương Nam vào cây lá, nàng mừng tượng đôi bàn tay chăm chút cẩn trọng và hào hứng của những người làm vườn.

Bắt đầu vào trung tuần tháng Chạp, đi trên đường phố, nàng hồi hộp ghé mắt nhìn qua các sạp báo. Sài Gòn ăn Tết bằng báo và hoa trái, khi lễ đốt pháo xuân không còn. Khi những chiếc ghe khảm lừ cây trái và hoa từ miền Tây về cập bến Bạch Đằng, thì những chuyến máy bay, xe đồ và cả xe

máy hơi hả mang những chồng báo xuân đi phát hành khắp nước. Ao ước nhưng chưa bao giờ có thể mua hết những tờ báo xuân, nàng thường dừng lại ven đường liếc qua, cảm giác như vào hội làng, gặp một đoàn thiếu nữ thanh tân, cô nào cũng tươi tắn phô bày hết những nét đẹp của riêng mình.

Những người làm vườn và những người làm báo đã gặp nhau trong ý tưởng làm nên khuôn mặt mùa xuân của Thành phố này. Họ đã gửi vào đó tâm hồn họ, những hy vọng và cả những nỗi băn khoăn, thắc thỏm. Khí hậu của thiên nhiên cũng như lòng người lắm khi thất thường.

Khoảnh khắc thư thả đầu năm, nàng nhẩn nha thả mình trong những trang báo xuân. Mắt thỏa thuê vì sắc màu và hình ảnh, nhưng trí vẫn còn khao khát. Có khuôn mặt quen thuộc xuất hiện hằng năm, nay gặp lại, mừng vì thấy sức bút vẫn bền. Lại rất vui vì được đọc bài của một người viết mới toanh, với những lời văn ngập ngừng hay táo bạo.

Cuối năm, trong dòng người tấp nập, nhìn thấy niềm vui hân hoan trên chiếc xe chạy ào ào, chở gốc mai cổ thụ sum suê, bên cạnh hạnh phúc khiêm nhường của đôi vợ chồng đèo nhau xe đạp, tay nâng niu một nhành mai bé nhỏ. Cuối năm, cùng chàng lang thang qua các ngã đường đêm Thành phố, mắt thú vị ngắm những nam thanh nữ tú sang trọng, mãn nguyện bước ra từ những cửa



hiệu thời trang cao cấp thơm tho, sáng loáng ánh đèn; và lòng lại vui vui ấm áp khi bắt gặp một đám đông lao xao xúm lại chọn hàng xôn trên vỉa hè đường phố. Vào hàng hoa, những chàng trai trẻ phong cách hiện đại và nhã nhặn mời chào, giới thiệu. Yêu biết bao những cành hoa cát tường phơn phớt tím hồng, mong manh như một nỗi niềm hư thực, nhưng rồi lại chọn lyly hồng và lan đỏ, vàng để có một bình hoa vừa ý cả nhà.

Giờ khắc giao thừa nơi đây lắng xuống trong tiếng còi tàu trăm vang vọng lại từ bến cảng. Trên màn hình truyền đi trực tiếp, nàng xúc động khi bắt gặp những khuôn mặt trẻ già ngược lên hân hoan mừng đón pháo hoa: những mùa xuân hòa bình đã có; để vượt qua đói nghèo, lạc hậu, con người Thành phố này đã không ngừng lao động và kiên trì hy vọng.

Ngày đầu năm, nắng vàng như mật ong, giục giã những nụ hoa mãn khai. Lòng nàng nao nao một điều rất lạ. Giản dị, chân thành và hào phóng, Thành phố này có lẽ còn rất nhiều bí ẩn mà nàng chưa hiểu hết. Nhưng thật hạnh phúc khi đầu xuân ra ngõ gặp một nụ cười rộng mở thật thà. Chính nơi đây, nàng được bảo bọc và đã trưởng thành. Chính nơi đây nàng nhận được tình yêu và sự yên bình.

# Thành phố Hồ Chí Minh và những mùa hoa xuân

Hoàng Phủ Ngọc Phan

*Sài Gòn là thành phố trẻ, nhất là từ ngày  
mang tên Thành phố Hồ Chí Minh.  
Một trong những nét trẻ đẹp của Thành phố Hồ Chí Minh  
là thảm hoa tươi cứ mỗi năm một thêm rực rỡ.*

**C**ó thể nói, trước năm 1975, Sài Gòn không có  
thể mạnh về hoa. Ngay cả trong ca khúc *Sài  
Gòn đẹp lắm* rất thịnh hành của nhạc sĩ Y Vân  
cũng chỉ ca ngợi cảnh “ngựa xe như nước, áo quần  
như nêm” chứ không hề có tên một loài hoa nào.





Muốn tìm cảm hứng cho những câu hát như: *Ai lên xứ hoa đào, Hoa lưu ly không về, Mimosa, từ đâu em tới...* thì các nhạc sĩ phải lên Đà Lạt.

Còn nếu muốn có chút cảm nhận về văn hóa hoa ở Sài Gòn thì chỉ có thể lắng nghe từ trong tâm thức tiếng vó ngựa và tiếng nhạc chuông vội vã của những chiếc xe thổ mộ chất đầy hoa vạn thọ từ ngoại ô hướng về chợ Bến Thành vào khoảng nửa đêm về sáng.

Mùa Xuân năm Bình Thịn 1976, Thành phố Hồ Chí Minh bỗng tràn ngập một loài hoa mới xuất hiện lần đầu. Đó là hoa mận đình hồng với các chủng màu trắng, vàng và đỏ thắm mọc kín từ dưới gốc dài đến tận ngọn, như những cánh tay vươn thẳng lên giữa trời xanh. Đây là một loại danh hoa của miền Bắc đến Thành phố Hồ Chí Minh nhanh chân nhất để vươn tay chào đón mùa Xuân đầu tiên của đất nước Việt Nam độc lập, hòa bình, thống nhất. Năm ấy hoa đào cũng đã đến nhưng với số lượng rất ít, chỉ dăm mươi cành thấp thoáng trong phòng khách của giới thượng lưu.

Phải thêm vài ba mùa Xuân nữa, hoa đào mới hội nhập được vào thế giới hoa Xuân của các tỉnh thành phía Nam. Nay thì loại danh hoa số một này của miền Bắc đã có mặt ở khắp các hội hoa Xuân và chiếm lĩnh mặt tiền của công viên Hoàng Văn Thụ. Tuy vậy đối với người Sài Gòn, hoa đào vẫn chỉ được



xem là một cô nàng đại sứ xinh đẹp của dòng hoa Xuân miền Bắc, không thể tranh giành được ngôi vị chủ nhà của cây mai vàng ở miền Nam.

Trước năm 1975, phần lớn các gia đình ở thành phố miền Nam chỉ có khả năng chơi mai vàng cắt cảnh vì nó gọn nhẹ và ít tốn tiền. Vào khoảng thập niên 1960 có giống mai Nhật, thường gọi là mai tứ quý vì nó có thể nở hoa cả bốn mùa. Đây là giống mai vàng có thể trồng trong chậu theo kiểu bonsai, thích hợp với không gian nhỏ hẹp của nhà cửa ở các thành phố lớn. Lúc đầu mai tứ quý rất quý hiếm nhưng vì nó rất dễ nhân giống, lại không đặc trưng cho mùa Xuân nên dần dần giảm giá trị. Mỗi năm một giảm, cho đến nay loài hoa này đã bị loại ra khỏi thị trường hoa Xuân.

Tuy cây mai tứ quý bị loại nhưng trường phái bonsai - tức là kỹ thuật trồng hoa kiểng lưu niên thu nhỏ trong chậu của người Nhật - lại được người trồng hoa Việt Nam tiếp thu và phát huy triệt để. Người ta trồng mai tứ quý của Nhật để lấy gốc ghép vào các giống mai của Việt Nam. Dần dần trong làng hoa mai nổi lên những nghệ nhân ghép mai có tên tuổi như: Huỳnh Tỷ, Hai Thọ, Năm Đông, Bảy Nèn, Ba Sơn, Huỳnh Văn Thới...

Năm 1980, Hội Hoa Xuân lần đầu tiên được tổ chức ở Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cơ hội vàng để các nghệ nhân giới thiệu những thành

quả lao động của mình như: mai vàng, mai trắng, mai xanh, mai giảo, mai Huỳnh Tỷ 24 cánh, mai cúc 100 cánh... Từ đó, nghệ thuật trồng hoa kiểng bonsai lên ngôi và phát triển thành một mũi nhọn kinh tế rất đáng kể.

Thành phố Hồ Chí Minh còn có thể mạnh về lan nhiệt đới. Hoa phong lan ở xứ lạnh như Đà Lạt chẳng hạn, đem về Thành phố Hồ Chí Minh sẽ rất khó phát triển. Theo nhà văn Sơn Nam, một trong những người đầu tiên đem các giống lan nhiệt đới từ Thái Lan về nuôi trồng thành công ở Việt Nam là ông Dương Văn Minh, vị Tổng thống cuối cùng của chế độ Sài Gòn. Ngôi nhà của ông nằm trên đường Hồng Thập Tự (nay là đường Nguyễn Thị Minh Khai) thường gọi là biệt thự Hoa Lan. Nhiều chính khách và thân hữu đã được ông Minh truyền thụ và phổ biến nghệ chơi này.

Năm 1978, Việt Nam tham gia khối SEV (Hội đồng tương trợ kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa) và có kế hoạch xuất khẩu hàng năm sang khối này một triệu cành hoa lan nhiệt đới. Một số công ty phong lan và nhiều cơ sở vệ tinh ra đời ở Thành phố Hồ Chí Minh để đáp ứng nhu cầu này. Thành phố Hồ Chí Minh còn có cơ sở sản xuất lan cấy mô để cung cấp cây giống cho người nuôi trồng. Công việc làm ăn đang thuận lợi cho đến năm 1991 khối Đông Âu tan rã và hợp đồng xuất khẩu bị phá sản. Nhưng ngành trồng lan không chết mà vẫn



tiếp tục phát triển bền vững để đáp ứng nhu cầu trong nước.

Có một giống lan rừng Việt Nam rất được những chiến binh giải phóng ưa thích đó là lan Ngọc Điểm. Lan này có mùi hương nhẹ nhẹ như son phấn và chỉ nở vào mùa Xuân nên còn có tên là Nghênh Xuân. Nếu lúc đầu loài hoa này chỉ nằm trong hoài niệm của những người kháng chiến thì nay lan Nghênh Xuân đã giành được ưu thế cạnh tranh bên cạnh các giống lan ngoại nhập như: Dendro, Cattleya, Phalaenopsis... Theo tin từ Hội Phong lan và Cây cảnh Thành phố Hồ Chí Minh thì mùa Xuân năm tới sẽ có một hội thi lan Ngọc Điểm toàn quốc với giải thưởng rất xứng đáng.

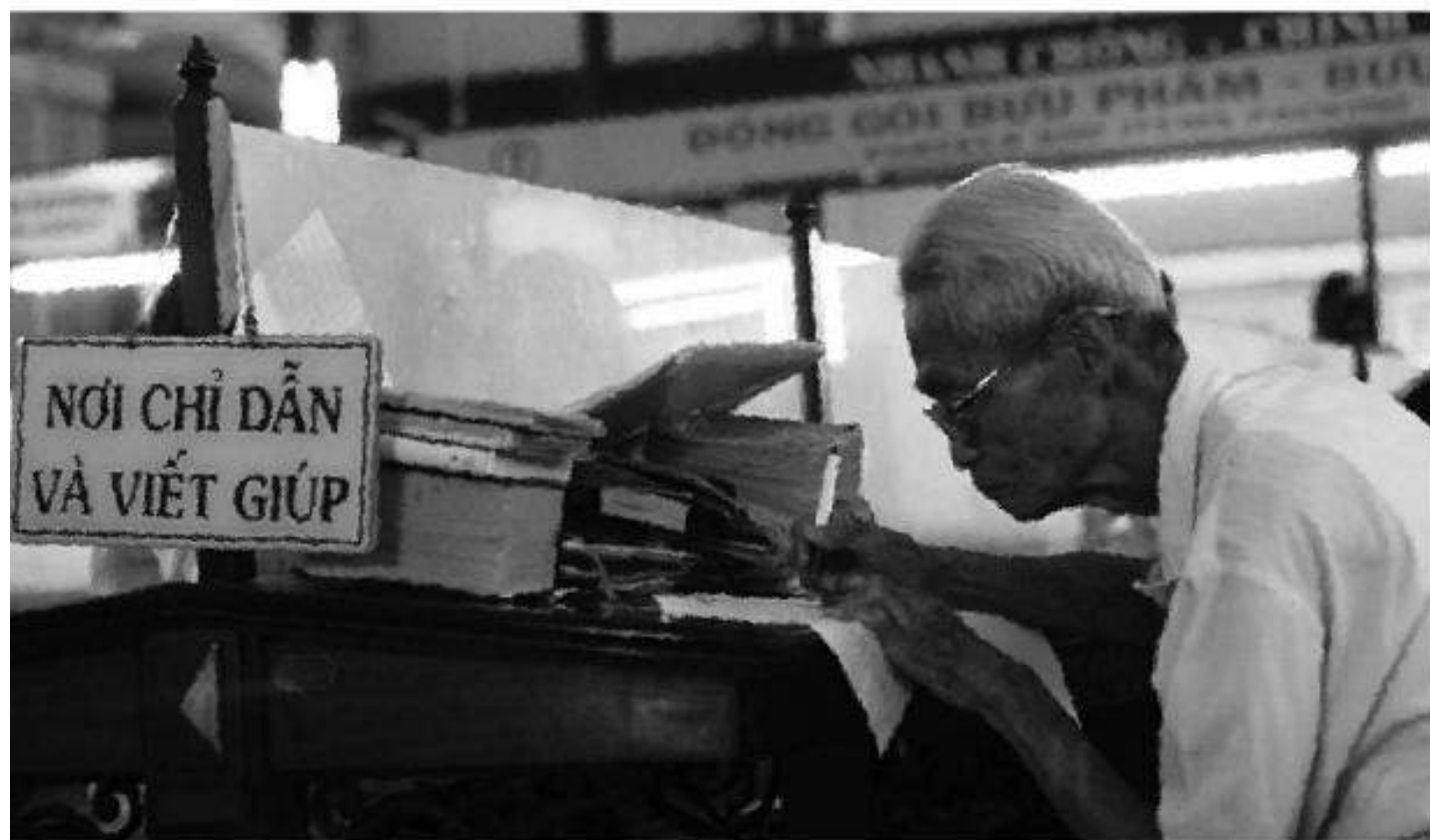
Nước ta và Trung Quốc vốn có chung một dòng văn hóa hoa. Nhưng những sóng gió trong quan hệ giữa hai nước đã ảnh hưởng tới cả số phận của cỏ cây hoa lá. Kể từ khi hai nước khôi phục lại quan hệ bình thường vào năm 1991, tại các hội hoa Xuân ở Công viên 23/9 xuất hiện nhiều hoa mới du nhập từ Vân Nam như: đỗ quyên, trà mi, hải đường, cẩm chương... đặc biệt có cả hoa thủy tiên châu Á với bộ rễ trắng xóa trắng trong bình thủy tinh. Nếu biết chăm sóc đúng cách, hoa có thể nở đúng vào khoảng giờ Tý đêm ba mươi Tết nên được xem là sứ giả của đêm giao thừa.

Năm 1994, Công ty Dalat Hasfarm, thành viên của Hiệp hội Hoa quốc tế Interflora, do một người Hà Lan là ông Thomas Hooft đến xứ sương mù mở trang trại trồng hoa. Ông đã gặt hái nhiều thành công trong việc di thực hầu hết các loài hoa xứ lạnh sang Việt Nam và cung cấp cho thị trường Thành phố Hồ Chí Minh những loài hoa mới như: tulip, thủy tiên trồng đất, cát tường, lyly, calimero, baby...

Hơn hai mươi năm qua, mỗi năm một lần Thành phố đều tổ chức Hội Hoa Xuân ở các công viên lớn và một hội thi giữa các nghệ nhân trồng hoa. Năm 2004, lần đầu tiên đại lộ Nguyễn Huệ ở trung tâm Thành phố được trang trí thành đường hoa rực rỡ mang nhiều chủ đề văn hóa, lịch sử và kinh tế. Ngoài ra còn 130 chợ hoa trên bến dưới thuyền ở các quận huyện nội ngoại thành.

Tết Ất Mùi, khu vực trung tâm Thành phố đang vướng công trình làm nhà ga metro nên đường hoa dời sang đường Hàm Nghi, chắc là có phần hạn chế. Nhưng có sao. Khi văn hóa hoa đã thành truyền thống thì tình yêu mà chúng ta dành cho Thành phố mang tên Bác Hồ vẫn là những mùa Xuân bất tận.





## Người viết thư thuê cuối cùng

Thuận Thiên

**C**ông việc của ông Dương Văn Ngộ gắn liền với Bưu điện Trung tâm Sài Gòn - Tòa kiến trúc cổ kính được xây dựng từ năm 1886 với nhiều đặc trưng của phong cách kiến trúc Á - Âu. Khách

du lịch nước ngoài tới đây không chỉ để ngắm một trong những bưu điện cổ và đẹp nhất châu Á mà còn để được tận mắt chứng kiến công việc viết thư thuê của một nhân viên bưu điện về hưu.

Cứ đúng 17 giờ mỗi ngày, ông Ngô mới xách túi rời khỏi Bưu điện Trung tâm Thành phố.

Ông Ngô giờ đây là người viết thư thuê độc nhất vô nhị của Thành phố Hồ Chí Minh. 20 năm có lẽ, ông Ngô đã chứng kiến nhiều tâm trạng buồn vui của người đời và từng chấp cánh cho không ít cuộc hôn nhân của người Việt và người nước ngoài...

## **Người Đức viết gì về ông?**

Vào năm 2007, tờ *Spiegel* nổi tiếng của Đức đã có bài viết về ông lão chuyên viết thư thuê tại Bưu điện Sài Gòn Dương Văn Ngô, ông được gọi là người - kết - nối - thế giới bằng cây bút mực. Ông nhận được tờ báo biểu vài tuần sau đó rồi trân trọng giữ nó cho đến tận bây giờ...

Nhà báo Đức đã viết rằng: "Vào khoảng 8 giờ sáng, tiết trời tháng 2 tại Sài Gòn khá oi bức. Dương Văn Ngô, người đàn ông với dáng người gầy gò, đồ xe đạp vào bóng râm của hàng cây sung dâu. Ông mỉm cười và vồn vã chào những người bán bưu thiếp rong, sắp xếp lại vị trí ngồi và bắt đầu một ngày làm việc. Chiếc bàn làm việc của ông Ngô



được kê bên dưới bức ảnh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ trong chiếc cặp đựng tài liệu, ông lôi ra hai quyển từ điển Anh, Pháp và một danh bạ mã thư tín Pháp. Ông cài một tấm băng đỏ lên tay áo trái để khách hàng có thể nhận ra ông ngay tức thì. Bên cạnh là một tấm biển: "Nơi chỉ dẫn và viết giúp".

Khách hàng đầu tiên của ông Ngô là một người đàn ông từ vùng sông Mê Kông. Anh mang theo một lá thư, địa chỉ người nhận là một thương gia từ châu Âu. Anh là tài xế lái xe đưa ông chủ tới các bữa tiệc làm ăn và gặp gỡ trong hơn một năm qua. Người đàn ông này muốn nhờ ông Ngô viết thư đề nghị thương gia châu Âu trả cho anh tiền phí bảo hiểm y tế và xin tạm ứng trước 200 USD. Nghe xong câu chuyện, người viết thư giả bắt đầu viết, những dòng chữ nắn nót bằng tiếng Anh.

Bức thư được hoàn thành với đúng văn phong Anh ngữ, mang giọng điệu nhã nhặn, lịch sự của một nhân viên gửi thư đề nghị lịch sự với cấp trên. Thỉnh thoảng khi bí từ, ông Ngô lại lật nhanh những trang từ điển tiếng Anh. Khách hàng thứ hai trong buổi sáng hôm ấy của người viết thư giả là một phụ nữ trẻ với đôi môi đỏ hồng, đeo đôi găng tay dài và đội mũ che cái nắng oi ả của tiết trời Sài Gòn.

Cô lôi ra từ trong túi chiếc máy điện thoại di động Nokia và chỉ cho ông một số tin nhắn. Chúng

được viết bằng tiếng Pháp và có vẻ rất lãng mạn. Ông Ngô dịch ngay lập tức: “Khi anh đến thăm em, em đã cho anh thấy đất nước, con người Việt Nam và dạy anh học tiếng Việt. Anh không thể đợi được”. Nghe xong, cô gái mỉm cười then thùng. Cô quen một người Pháp qua một trang web trên Internet. Ngày mai, cô sẽ trở lại và nhờ ông Ngô viết một bức thư.

Khi viết bất kỳ lá thư nào, ông đều chọn từ ngữ một cách cẩn thận, trình bày rõ ràng, chính xác và đúng theo văn phong của từng loại thư. Là người viết thư, ông hiểu từ ngữ quan trọng tới mức nào và đương nhiên cả sự tổn hại mà nó có thể gây ra. Ông Ngô không chỉ đơn thuần dịch thư mà còn làm cầu nối giữa con người với con người và đưa ra những lời khuyên, động viên cho khách hàng...”.

Không chỉ báo Đức, ông đã xuất hiện trên một tờ báo của Canada, Thụy Sĩ. Cách đây không lâu, đoàn làm phim của Hungary đến quay phim về ông, một trong những nét thú vị của Thành phố Hồ Chí Minh. Đoàn phim quay xong, người ta nhét vào tay ông phong bì tiền, ông trả lại và giải thích: “Tù bộ phim này sẽ có nhiều người biết về tôi, tôi có đông khách hàng, như vậy các bạn đã giúp tôi rồi”.

Ông là vậy, một người với lòng tự trọng đáng kính, không thích phụ thuộc con cái, ông vẫn tự



kiếm tiền nuôi mình, đây cũng là một lý do khiến ông gắn bó với “nghiep” viết thư thuê cho đến ngày hôm nay...

## **Người viết thư thuê lâu nhất Việt Nam**

Ông Ngô làm việc theo giờ hành chính, bưu điện mở cửa, ông đi thẳng đến chỗ ngồi của mình, đặt hai túi xách sát vô chân bàn, cố thu xếp thật gọn, trông bên ngoài, ông không khác khách hàng đến ngồi viết thư dán tem. Một chai nước suối. Một chiếc túi xách đựng các cuốn từ điển, các cuốn luật dân sự, sách địa lý, lịch sử... Chiếc thứ hai đựng bản photo các bức thư ông đã viết, xếp theo chủ đề, độ tuổi, gia cảnh người gửi, thư trong nước, thư gửi ra nước ngoài, thư thăm hỏi, thư tình, cái nào ra cái đó...

Ông cười móm mém rồi kể: “Nếu tui sinh ra chậm thêm 10 phút, có lẽ cuộc đời sẽ khác nhiều. Tui sinh vào 3 giờ 20 phút ngày 3/3/1930”. Ông Ngô trở thành nhân viên của Bưu điện Sài Gòn từ năm 17 tuổi. Ông cho biết, ông chưa bao giờ nghỉ một ngày làm việc, kể cả trong thời kỳ chiến tranh ác liệt. Ông nói tiếng Anh và Pháp khá thành thạo nhờ học tiếng Pháp trong Trường Pétrus Ký và tiếng Anh từ binh lính Mỹ.

Đến tuổi hưu, ông xin ở lại và làm công việc gọi là “tư vấn thủ tục gửi thư” cho khách, được bưu

điện bố trí cho ông một cái bàn để làm công việc này. Sau này, bàn làm việc của ông treo toong teng biển “Nơi chỉ dẫn và viết giúp”, trên chất đầy giấy, bút mực, từ điển Anh - Pháp - Việt cùng nhiều sách địa lý về các vùng miền Việt Nam và các nước trên thế giới...

Ông Ngô cũng đã từng trải qua những năm tháng khó khăn, phải cùng các con lặn lội ở chợ Cầu Muối, Bình Đông, cầu Tân Thuận bỏ mỗi hột vịt, bánh mỳ kiếm thêm tiền trang trải cuộc sống. Thế nhưng, ông tâm sự, nhờ con chữ và kiến thức nuôi dưỡng ý chí, cuối cùng, nghiệp của ông gắn liền với giấy, viết, tem và bưu điện trung tâm này. Ông chính thức “viết thư thuê” vào năm 1990.

Năm ấy, nghề viết thư thuê rất thịnh, chưa có Internet và những tiện ích 3G, có đến 5, 6 người tham gia viết thư thuê ngồi chung một dãy bàn nhỏ được bố trí dành riêng ở gian giữa bưu điện. Nhờ nghề “viết thư thuê”, nghỉ hưu, ông vẫn dành dụm đủ tiền nuôi vợ con. Vài năm trước, ông vẫn còn một số bạn cùng nghề, rồi người mất, người sức khỏe yếu nên đã nghỉ làm hết. Chỉ còn ông, mua cũng như nắng, ngày nào cũng tới góc quen thuộc của mình ở bưu điện, vì “ngồi nhà thấy nhớ việc, nhớ mọi người”.

Mỗi ngày trung bình ông viết thư cho 3 đến 5 người khách, đồng thời ông còn dịch sang tiếng



Viết các văn bản, tin nhắn, thư từ... Khách hàng nữ giới của ông Ngô thường gọi ông là người viết thư tình... xuyên biên giới.

Chiều ấy, một phụ nữ trên 40 tuổi rụt rè đến nhờ ông Ngô viết giúp một lá thư làm quen. “Đối tượng” là người nước ngoài, hay đến mua hàng nơi quầy của chị nằm trong một con hẻm ở đường Phạm Ngũ Lão. Biết nhau lâu rồi, “tình trong như đã”..., nhưng chị không biết cách mở lời, vì anh không biết tiếng Việt, còn tiếng Anh thì chị chỉ mới “bập bẹ”.

Ông nghe xong, thẳng thừng... từ chối: “VẬY thì cô phải tự viết. Vì chỉ cô mới biết hai người đã có những kỷ niệm gì để nhắc và người đó ra sao để lựa lời”... Thuyết phục một hồi, ông mới đồng ý: chị sẽ viết bằng tiếng Việt và ông dịch giùm sang tiếng Anh. Một lá thư tay ngắn, giản dị:

“Bạn thân mến. Tôi là... Chúng ta quen nhau đã lâu nhưng không biết phải nói với nhau cách nào, vậy từ nay chúng ta sẽ viết thư nhé.

Nếu bạn đồng ý, hãy trả lời bằng thư, tôi sẽ nhờ người dịch. Chờ hồi âm của bạn”.

Ông hỏi lại chị: “Dùng đúng chữ “bạn” chứ?”. Chị cười, gật đầu, lấy tiền ra trả. Ông lại lắc: “Thôi lần này chưa có gì đáng, cô cứ giữ đó. Lần sau nếu có gì đáng hơn tôi mới lấy tiền”. Nhưng chị không

chịu, nhất định nhét lại tờ bạc 10 ngàn dưới mớ giấy tờ của ông Ngộ trước khi đứng lên, chị giấu một ánh vui trong mắt...

Suốt 20 năm làm nghề viết thư thuê, ông đã chứng kiến nhiều cung bậc cảm xúc, có vui sướng, khổ đau, hy vọng của khách hàng, chính vì thế mà ông mãi không thể bỏ được cái nghề "viết thư thuê" đầy xúc cảm này...

Ông Ngộ đặc biệt tôn trọng những chi tiết riêng tư, cho nên không bao giờ nhận "bịa" thư tình. Tức là ai đó phải tự viết, bằng xúc cảm, tình cảm của mình, mang tới và ông chỉ là người dịch lại...

Ông Ngộ cho rằng, giao tiếp bằng thư, hình thức quan trọng lắm. Lời lẽ, câu cú, cách trình bày, thậm chí cách viết dòng địa chỉ cũng cho thấy văn hóa của người gửi. Vì thế, ông viết cẩn thận bản mẫu của khách để không chỉ chuyển tải đúng ý mà còn phát hiện ra những sai sót để kịp điều chỉnh.

Với nội dung thư viết thay, ông Ngộ cân nhắc từng từ. Cùng gặp ông với tôi là một phụ nữ không còn trẻ, bà trạc 50 tuổi. Bà kể cho ông nghe về một mối tình xuyên biên giới, rồi nhờ ông viết một lá thư, cùng lời mời người đàn ông ngoại quốc sang Việt Nam và về miền Tây thăm quê bà, ông Ngộ cẩn thận sửa lại từ "miền Tây" thành các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; ông bảo, người Việt nói là biết "miền Tây", người nước ngoài họ đâu biết đến



danh từ miền Tây, phải nói rõ như vậy, họ mới tưởng tượng được. Người phụ nữ nọ gật đầu và khẽ mỉm cười...

Có lần một cô gái ở miền Tây cất công lên Sài Gòn nhờ ông dịch lại bức thư tình của một chàng trai người Mỹ gửi về và nhờ ông viết thư phúc đáp. Chuyện tình đơm hoa kết trái, năm nào cô về Việt Nam ăn tết cũng dắt các con ghé thăm ông.

Tùy độ dài và mức độ khó hay dễ của những bức thư, ông Ngộ lấy công 5.000 - 10.000 đồng cho mỗi lần dịch, viết thư. Không ít người nhờ ông ghi địa chỉ chuyển phát nhanh sang Mỹ, thấy thư của khách mất phí hơn 600 nghìn đồng trong khi không cần gửi gấp, ông khuyên họ chỉ nên gửi thường. Họ tiết kiệm được đáng kể chi phí và thủ tục không cần thiết. Cũng có người lớn tiếng "ông làm như tôi nói, tôi trả tiền".

Gặp trường hợp như thế, ông lặng lẽ gấp tờ giấy, từ chối viết tiếp. Và không phải thư nào ông cũng viết. Nhiều trường hợp thích viết thư xin tiền hay chỉ giả vờ yêu thương để lợi dụng người "ở bên", ông từ chối thẳng thừng. Với những người thợ, buôn thúng bán bưng không biết chữ tới nhờ viết cái địa chỉ, lâu lâu mới dành dụm gửi được cho gia đình ở quê 300 - 400 nghìn đồng, ông viết giúp không lấy tiền...

Cuộc trò chuyện của tôi và ông luôn bị ngắt quãng, ngay khi nghe một cô hướng dẫn viên du lịch hướng bàn tay về ông giới thiệu, rất nhiều khách du lịch Nhật Bản đã tỏ ra thích thú với công việc của người viết thư thuê, họ đổ xô tới chụp hình ông. Cô hướng dẫn viên còn nói, nhờ những người như ông Ngô, tòa bưu điện cổ kính này như trở nên có hồn, lãng mạn và thú vị hơn nhiều...

20 năm có lẽ, những bức thư ông viết đã có mặt khắp nơi trên thế giới. Nhưng thỉnh thoảng, chính ông cũng nhận được những lá thư thú vị, lời cảm ơn từ khắp nơi trên thế giới gửi về địa chỉ người nhận: "Người viết thư thuê, Bưu điện Trung tâm Sài Gòn".

Như một ngày, ông Ngô được bưu điện đưa cho một lá thư từ nước Anh mà phần địa chỉ người nhận là... tấm hình của chính ông đang ngồi làm việc tại bưu điện, kèm theo mấy dòng: Letter writer/Translator. Central Post Office - Sài Gòn - Việt Nam (gửi người viết - dịch thư, Bưu điện Trung tâm Sài Gòn - Việt Nam).

Đó là thư của bà M. Admans, một y tá ở Oxford, nước Anh xa xôi. Sau khi được ông viết giúp một lá thư bằng tiếng Việt và nhất định không nhận tiền, dù không biết tên tuổi địa chỉ, bà đã cảm động viết thư cảm ơn, kể về bản thân, gia đình,



con cái mình, về cảm nhận tuyệt vời đã nhận được từ chuyến đi Việt Nam, từ con người Việt Nam mà ông là một đại diện, về cái nghề đặc biệt, và gửi... đại. Thế mà lá thư đã đến, mang cho ông một niềm vui nghề nghiệp.

Ông chưa bao giờ nhận e-mail. Ông cũng không thích máy tính và điện thoại di động, với ông "từ ngữ từ máy móc không có hồn".

Bấy nhiêu năm qua, ông Ngô có một nguyên tắc: "Quên ngay những nội dung vừa viết" nên càng được khách hàng tín nhiệm. "Mỗi lá thư là một bí mật riêng tư, họ tin mình thì mình đừng làm cho họ thất vọng" – ông tâm sự.



## Sài Gòn nhớ!

Nguyễn Thanh Lợi

**C**ó ai đó đã viết: “Ở Sài Gòn mà lòng vẫn nhớ Sài Gòn”. Điều đó nghe ra tưởng chừng phi lý, nhưng đối với tôi quả là không ngoa chút nào. Sinh ra và gắn bó gần nửa thế kỷ với vùng đất này, Sài Gòn đã để lại trong tôi nhiều dấu ấn khó



phai với những nỗi nhớ triền miên, dù không phải cứ đi xa.

Tuổi thơ hồn nhiên của tôi thời học cấp I, ngoài giờ học là những buổi rong chơi trên ruộng đồng. Bắt cá, câu cua, dòng cá kèo, đá banh... đủ món hết. Gia đình tôi về ở xã Phú Xuân Hội (quận Nhà Bè, tỉnh Gia Định) từ những năm 1960. Nghe đâu ngôi làng này được những người từ Huế vào lấy lại cái tên kinh đô Phú Xuân một thời, giờ vẫn còn lưu lại ngôi đình cổ Phú Xuân. Cây cầu bắc ngang sông nơi quê tôi cũng mang tên là cầu Phú Xuân. Sau này, có lúc để nhớ lại gốc gác nơi mình sinh ra và cũng khoái giai đoạn lịch sử này mà tôi lấy bút hiệu là Nguyễn Phú Xuân khi viết những bài khảo cứu về lịch sử trên tờ *Thế giới mới*.

Con đường dẫn vào hãng xăng Esso ngày ấy đúng là “thiên đường” của tụi tôi với những con rạch đổ ra sông Phú Xuân, mà cách đó không xa là sông Sài Gòn, với đồng ruộng vàng ươm mùa lúa chín. Chúng tôi rình rình ra chỗ xe ngựa đậu, bứt mấy cọng lông đuôi ngựa về, thắt thông lọng để dòng cá kèo. Đó là loại cá không thể câu, chúng chỉ ngóc đầu trên mặt nước ở tư thế nghiêng nghiêng, và thế là chỉ có cách “dòng” là hiệu nghiệm nhất. Cách thứ hai là thọc vô các ngách hang của nó để bắt, nhưng phải biết cách chặn để chúng không thoát. Tụi nhóc chúng tôi cũng được đi theo người

lớn để soi còng, soi nhái vào ban đêm. Bọn còng lửa từ trong hang đi ra từng bầy với những cái còng đỏ rực, cứ thế tha hồ mà lượm bỏ vào thùng, dù cho chúng chạy toán loạn dưới ánh đèn của những người đi soi. Đi soi cá vào ban đêm có thể dùng chĩa để đâm hoặc dùng dao phay “chặt” ngang mình cá, nhấn chúng xuống sinh. Những chú cá về đêm như bị “đứng hình” khi ánh đèn soi chiếu vào, không linh hoạt như ban ngày.

Đá banh trên đường phố cũng là thú vui của bọn trẻ chúng tôi. Cột gôn là những chiếc dép hoặc chiếc áo quần gọn lại, chặn lên trên là những cục đá, vậy mà cũng xông pha trận mạc ra trò. Ngay cả trời mưa vẫn đá, nên chuyện té ngã, u đầu, sứt trán là chuyện bình thường. Được đá banh trên đường nhựa xung quanh là những ruộng lúa vàng với khung cảnh thơ mộng thiệt là niềm hạnh phúc của bọn trẻ chúng tôi.

Tắm sông là thú vui nhất trong đời bọn trẻ chúng tôi. Nhớ làm sao những con rạch trong xanh, gió đông lồng lộng, tụi tôi tha hồ nhảy ùm xuống từ trên bờ, hoặc nhảy từ trên cây xuống sông, được bơi lội thỏa thích. Chưa biết bơi thì chặt mấy bè dừa nước, kết lại để làm phao. Có đứa trốn nhà đi tắm sông, nên phải vào mấy khu mả cõi trướng mà phơi quần áo cho khô trước khi về nhà để khỏi bị đòn.



Lớn lên một chút, khi những lần được sai vặt đi chợ mua tiêu hành tỏi ớt, hay nước mắm, nước tương, tôi luôn tranh thủ ghé “hiệu sách Nhân dân” ở đầu chợ, để ngắm nghía, sắm soi mấy cuốn sách mà mình yêu thích, rồi phải để lại, vì không có tiền mua, ra về mà lòng cứ buồn rười rượi. Chị bán sách cũng hiểu cho nỗi lòng ấy, vui lòng để dành cho tôi quyển sách, đến khi để dành đủ tiền thì ra lấy.

Nỗi đam mê sách ngày càng lớn khi tôi học cấp III. Tranh thủ lúc dành dụm được chút đỉnh từ tiền ăn vặt, tôi rủ bạn bè đạp xe lên Quận 1 để săn lùng sách. Nhà sách Lê Lợi (nhà sách Khai Trí trước năm 1975), nhà sách Thiếu nhi, nhà sách Khoa học kỹ thuật (đường Hàm Nghi), nhà sách Ngoại văn (đường Đồng Khởi) là những nơi chúng tôi miệt mài lui tới. Đi bộ từ nhà sách này sang nhà sách kia vài cây số đến rã rời cả chân mà dường như vẫn không biết mệt, chắc tại có động lực rồi. Ấn tượng nhất vẫn là phố sách Đặng Thị Nhu ở Quận 1, tên cũ của nó là đường Cá Hấp. Chỉ một đoạn đường ngắn với những quầy sách lộ thiên nhưng cơ man nào là sách, báo tạp chí, băng đĩa nhạc, tem thư, tiền xưa... Người đi mua với vẻ tao nhã của khách ham chữ nghĩa, đông nhất vẫn là công chức văn phòng, sinh viên, học sinh, lúc nào cũng đông đúc. Mỗi lần vào “chợ sách” này là tôi phải tới lui cả chục lượt, để ngắm, để mân mê, cầm lên, đặt xuống những cuốn sách mình ham thích với túi tiền eo hẹp. Đôi khi là những tiếng tặc lưỡi, tiếng thở dài

tiếc rẻ hùi hụi của mình vì những cuốn sách không có khả năng mua được, nhưng vẫn mê đắm với “lâu đài” tri thức trong đó!

Nhớ có lần cùng Luật, bạn học cùng lớp 10 đi mua sách nơi đây, tôi như nháy cẳng lên khi được cuốn *Atlas thế giới* to đùng bằng tiếng Nga, giá khá mềm, về nhà tìm mọi cách để đọc cho được các địa danh trong đó, nhất là bản đồ Việt Nam. Trong đó có những địa chỉ văn hóa này nay không còn nữa, là sự nỗi tiếc của nhiều thế hệ người dân Sài Gòn. Có những Việt kiều về nước tìm mua những cuốn sách cũ mà một thời họ đã gắn bó, không phải chỉ để đọc lại, mà còn để lưu lại những hồi ức, những kỷ niệm xưa về Sài Gòn. Một thành phố văn minh không thể không có những đường sách như vậy.

Không cần phải đi đâu xa, mỗi ngày đi qua những con phố, những hồi ức lại chọt ủa về trong tôi. Những tiệm chè trên đường Lý Chính Thắng, Nguyễn Công Trứ, Bùi Thị Xuân luôn đông khách, giờ còn đâu. Cái tiệm sách cũ Xuân Thu trong khu thương xá Eden nức tiếng một thời, du khách Tây ta đều biết, nay đã chuyển sang đường Trần Hưng Đạo. Bến xe đò Quận 1 – Phú Xuân nằm trên đường Phó Đức Chính, mỗi lần lên Sài Gòn đi ngang Bảo tàng Mỹ thuật trong tôi lại nhớ đến câu chuyện về “con ma nhà họ Hứa” một thời gây ớn ào trên màn bạc Sài Gòn.

Cứ thế, bộ mặt Sài Gòn thay đổi từng ngày và những nỗi nhớ của tôi cũng đông đầy theo năm tháng.



# Mục lục

|                     |   |
|---------------------|---|
| Lời Người Đọc Trước | 5 |
|---------------------|---|

## **TỪ NHỮNG DẤU XUA...**

|                                                                                    |    |
|------------------------------------------------------------------------------------|----|
| ◦ Lịch sử thành lập và phát triển<br>Gia Định - Sài Gòn -<br>Thành phố Hồ Chí Minh | 11 |
| ◦ Tản mạn về địa danh ở Sài Gòn                                                    | 30 |
| ◦ Sài Gòn đầu thế kỷ XX qua miêu tả<br>của Hồ Biểu Chánh                           | 39 |
| ◦ Thủ Thiêm bên dòng thời gian                                                     | 53 |
| ◦ Luật sư Sài Gòn trước năm 1975                                                   | 58 |
| ◦ Nhà vương - Tín ngưỡng dân gian<br>ở đô thị Sài Gòn                              | 73 |
| ◦ Dấu ấn từ những công trình                                                       | 81 |
| ◦ Lời bàn... về một dòng sông                                                      | 91 |

## **... ĐẾN NHỮNG MẢNH GHÉP VĂN HÓA**

|                            |     |
|----------------------------|-----|
| ◦ Sài Gòn mùa mưa kéo dài  | 107 |
| ◦ Những chiều sách Sài Gòn | 111 |
| ◦ Sài Gòn bệt!             | 116 |

|                                     |     |
|-------------------------------------|-----|
| ◦ Hẻm Sài Gòn                       | 123 |
| ◦ Sài Sào có... phố Kumon           | 128 |
| ◦ Lang thang quán cóc Sài Gòn       | 132 |
| ◦ “Chợ quê” Hoàng Hoa Thám          | 136 |
| ◦ Thức ăn Việt Nam                  |     |
| Nét đặc trưng tạo nên bản sắc!      | 143 |
| ◦ Bánh mì Sài Gòn đi vào văn chương | 151 |
| ◦ Bến xuân                          | 157 |
| ◦ Tản mạn Tết Sài Gòn               | 163 |
| ◦ Tản mạn về người Sài Gòn          | 171 |
| ◦ Người Quảng ở Sài Gòn             | 178 |
| ◦ Văn hóa cà phê của người Sài Gòn  | 187 |

### **VÀ KHÚC TÂM TÌNH CỦA NGƯỜI PHỐ THỊ**

|                                                  |     |
|--------------------------------------------------|-----|
| ◦ Sài Gòn mê                                     | 201 |
| ◦ Tản mạn về Sài Gòn                             | 205 |
| ◦ Sài Gòn - Những thước phim quay chậm           | 215 |
| ◦ Sài Gòn đất lành                               | 221 |
| ◦ Khi mùa về Thành phố                           | 227 |
| ◦ Thành phố Hồ Chí Minh<br>và những mùa hoa xuân | 231 |
| ◦ Người viết thư thuê cuối cùng                  | 238 |
| ◦ Sài Gòn nhớ!                                   | 249 |



# Sài Gòn Mê

NHIỀU TÁC GIẢ

Chịu trách nhiệm xuất bản

*Giám đốc - Tổng Biên tập*

**NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**

Biên tập:

**TRẦN BAN - HOÀNG THỊ HƯƠNG**

**LÊ THỊ HỒNG LAM - NGUYỄN THỊ HOÀI THANH**

Sửa bản in:

**HOÀNG HÀ - PHẠM KHẮC DANH - KIM HỒNG**

Ảnh : Trích nguồn Internet

Trình bày : **MỘNG LÀNH**

Bìa : **VÔ ANH THƠ**

**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 38 296 764 - 38 256 713 - 38 247 225

Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: **www.nxbhcm.com.vn**

Ebook: **www.sachweb.vn**

**NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1**

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh • ĐT: 38 256 804

**NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2**

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh • ĐT: 39 433 868

In số lượng 1.000 cuốn. Khổ 13 x 20,5 cm.

Tại: Xí nghiệp in FAHASA

774 Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

XNĐKXB số: 765-2015/CXBIPH/03-58/THTP HCM cấp ngày 6/4/2015

QĐXB số: 442/QĐ-THTP HCM-2015 ngày 17/4/2015

ISBN: 9 7 8 - 6 0 4 - 5 8 - 3 8 5 7 - 0

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2015.

...**"Sài Gòn mê lấy tên một tản văn, nhưng hàng chục tản văn khác cũng chung đường link đến lòng người đã từng, hoặc đang sống ở Thành phố lớn phương Nam của Tổ quốc. Đúng là "mỗi người mỗi vẻ" nhưng không phải để "mười phen vẹn mười"; nhà khoa học hay nhà văn, nữ sĩ hay ký giả, anh thanh niên hay ông cụ mỗi tác giả góp một tản mạn để chung vui, viết ngắn mà ý dài, lời nhẹ nhàng mà thấm thiết. Cứ hình dung bên vỉa hè sớm mai, ngồi một mình cũng tốt, với bạn càng hay, nhâm nhi ly cà phê cóc, cầm cuốn sách mong mỏng - trang chữ to to dễ đọc như **Sài Gòn mê** này, nhìn phố đông người qua... mới thấy cuộc sống thanh bình đáng yêu thế".**

PGS. TS. HÀ MINH HỒNG

Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử

Thành phố Hồ Chí Minh

